

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM**

Đoàn Thị Kim Dung

**NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM**

Ngành: Lý luận và lịch sử mỹ thuật

Mã ngành: 9210101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MỸ THUẬT

Hà Nội - 2025

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM**

Đoàn Thị Kim Dung

**NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM**

Ngành: Lý luận và lịch sử mỹ thuật

Mã ngành: 9210101

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MỸ THUẬT

Người hướng dẫn khoa học

PGS.TS Triệu Thế Hùng

TS Mai Thị Thùy Hương

Hà Nội - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận án tiến sĩ *Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam* là công trình do tôi nghiên cứu, thực hiện. Những vấn đề nghiên cứu trong luận án là trung thực, chưa công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Tôi xin chịu trách nhiệm về lời cam đoan này!

Tác giả luận án

Đoàn Thị Kim Dung

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG TRONG LUẬN ÁN.....	v
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.....	11
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	11
1.1.1. Nghiên cứu về thiết kế đồ họa.....	11
1.1.2. Nghiên cứu về trang thông tin điện tử.....	16
1.1.3. Nghiên cứu về thiết kế trang thông tin điện tử.....	19
1.1.4. Nghiên cứu về thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục....	24
1.1.5. Đánh giá tổng quan và vấn đề tiếp tục nghiên cứu.....	27
1.2. Cơ sở lý luận.....	29
1.2.1. Khái niệm liên quan đến đề tài.....	29
1.2.2. Lý thuyết áp dụng trong đề tài.....	38
1.2.3. Tiêu chí đánh giá tính nghệ thuật của thiết kế giao diện trang thông tin điện tử.....	44
1.3. Khái quát về thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam.....	46
1.3.1. Lịch sử ra đời và hình thành trang thông tin điện tử.....	46
1.3.2. Thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam hiện nay.....	49
Tiểu kết.....	58
Chương 2: NGÔN NGỮ TẠO HÌNH VÀ PHONG CÁCH THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM.....	61
2.1. Vai trò của ngôn ngữ tạo hình trong truyền đạt nội dung giáo dục.....	61
2.2. Ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế trang thông tin điện tử.....	64
2.2.1. Hình ảnh và biểu tượng.....	64
2.2.2. Bố cục.....	66
2.2.3. Màu sắc.....	69
2.2.4. Kiểu chữ.....	72
2.2.5. Giao diện.....	75
2.3. Phong cách thẩm mỹ đặc trưng trong thiết kế trang thông tin điện tử tại một số đại học tiêu biểu ở Việt Nam.....	77
2.3.1. Đại học Quốc gia Hà Nội.....	78
2.3.2. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.....	80

2.3.3. Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam.....	81
2.3.4. So sánh về phong cách thẩm mỹ đặc trưng.....	83
2.4. Đánh giá tính nghệ thuật của thiết kế trang thông tin điện tử các trường đại học..	88
2.4.1. Đại học Quốc gia Hà Nội.....	89
2.4.2. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.....	90
2.4.3. Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam.....	90
2.5. Trang thông tin điện tử tại đại học Việt Nam trong tương quan với đại học quốc tế (trường hợp Đại học RMIT và Đại học Fulbright).....	93
2.5.1. Hệ thống nhận diện thương hiệu.....	93
2.5.2. Bố cục.....	95
2.5.3. Trải nghiệm người dùng và điều hướng.....	96
2.5.4. Phong cách thiết kế.....	99
2.5.5. Tính khả dụng.....	99
Tiêu kết.....	100
Chương 3: ĐẶC TRƯNG, GIÁ TRỊ VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM.....	103
3.1. Đặc trưng của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học.....	103
3.1.1. Tính định hướng học tập.....	103
3.1.2. Tính thân thiện thị giác.....	105
3.1.3. Tính tương tác.....	107
3.1.4. Tính thẩm mỹ.....	110
3.1.5. Giá trị và thương hiệu giáo dục.....	111
3.2. Giá trị của nghệ thuật thiết kế website lĩnh vực giáo dục đại học.....	112
3.2.1. Giá trị thẩm mỹ.....	112
3.2.2. Giá trị giáo dục.....	115
3.2.3. Giá trị văn hóa.....	118
3.3. Xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học.....	121
3.3.1. Xu hướng tối giản.....	121
3.3.2. Xu hướng tiện dụng (usability).....	123
3.3.3. Xu hướng thiết kế tương tác cao.....	126
3.3.4. Xu hướng tích hợp đa phương tiện.....	128
3.3.5. Xu hướng cá nhân hóa (personalization).....	131
3.3.6. Xu hướng thiết kế lấy người học làm trung tâm và vì sự phát triển bền vững.....	133
Tiểu kết.....	136
KẾT LUẬN.....	139
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ.....	143
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	144
PHỤ LỤC.....	160

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
AI	Artificial Intelligence (trí tuệ nhân tạo)
CNTT	Công nghệ thông tin
ĐH	Đại học
ĐHMTVN	Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam
ĐHQGTPHCM	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
H	hình
NCS	Nghiên cứu sinh
Nxb	Nhà xuất bản
PL	Phụ lục
THPT	Trung học phổ thông
tr	trang
Website/TTTĐT	trang thông tin điện tử
UI	User Interface (giao diện người dùng)
UX	User Experience (trải nghiệm người dùng)

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG TRONG LUẬN ÁN

Sơ đồ 1.1: Phong cách thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục.....	54
Bảng 2.1. Điểm chung giữa các phong cách thiết kế trang thông tin điện tử Trường ĐHQGHN, ĐHQGTPHCM, ĐHMTVN.....	84
Bảng 2.2. So sánh về phong cách thiết kế giao diện trang thông tin điện tử Trường ĐHQGHN, ĐHQGTPHCM, ĐHMTVN.....	86
Bảng 2.3. So sánh tổng hợp các tiêu chí ở ĐHQGHN, ĐHQGTPHCM và Trường ĐHMTVN.....	91
Bảng 2.4. So sánh mức độ UX từ 5 trường hợp ĐHQGHN, ĐHQGTPHCM, ĐHMTVN, Đại học RMIT, Đại học Fullbright.....	98
Bảng 3.1. So sánh đặc trưng nghệ thuật thiết kế TTTĐT giáo dục đại học của 3 trường ĐHQGHN, ĐHQGHCM và Trường ĐHMTVN.....	112

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã bước vào giai đoạn chuyển đổi số mạnh mẽ, phù hợp với định hướng của Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Chính phủ ban hành. Giáo dục đại học được xác định là một trong tám lĩnh vực ưu tiên hàng đầu cần triển khai chuyển đổi số. Do vậy, các trường đại học không chỉ phải đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo xu hướng hiện đại mà còn phải hiện đại hóa công cụ truyền thông và quảng bá hình ảnh. Trong bối cảnh cạnh tranh tuyển sinh ngày càng gia tăng, cùng với nhu cầu hợp tác quốc tế và thu hút nhân tài, trang thông tin điện tử (TTTĐT) của các cơ sở giáo dục đại học đã trở thành công thông tin chính thức và không gian số quan trọng để thể hiện bản sắc và triết lý giáo dục riêng của từng trường. Trang thông tin điện tử không còn đơn thuần là kênh hành chính mà đã trở thành công cụ đắc lực trong chiến lược marketing và xây dựng thương hiệu học thuật. Chính vì vậy, nghiên cứu về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử đại học có ý nghĩa chiến lược, góp phần nâng cao giá trị hình ảnh, uy tín học thuật và năng lực hội nhập quốc tế của các trường đại học Việt Nam.

Hơn hai thập niên qua, thiết kế trang thông tin điện tử tại Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ cùng với sự bùng nổ của công nghệ số. Nhiều doanh nghiệp thiết kế chuyên nghiệp, các công ty công nghệ sáng tạo và các chương trình đào tạo về mỹ thuật đa phương tiện và truyền thông số đã được hình thành. Nhiều trang thông tin điện tử hiện đại được xây dựng trên nền tảng công nghệ tiên tiến (hệ thống quản trị nội dung CMS, giao diện tương thích đa thiết bị, tích hợp dữ liệu đa phương tiện). Tuy nhiên, phần lớn hoạt động thiết kế vẫn mang nặng tính kỹ thuật và công nghệ, trong khi yếu tố thẩm mỹ và bản sắc văn hóa Việt còn chưa được quan tâm đúng mức. Đa số các trang thông tin điện tử hiện nay, dù ở lĩnh vực thương mại, du lịch hay giáo dục, vẫn chịu ảnh hưởng

mạnh mẽ của các khuôn mẫu quốc tế và thiếu các nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ hình ảnh, bảng màu, bố cục và biểu tượng văn hóa phù hợp với tâm lý và thói quen người dùng Việt Nam. Do đó, nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử ở Việt Nam đang ở giai đoạn chuyển mình từ “thiết kế chức năng” sang “thiết kế trải nghiệm và nghệ thuật”, cần được nghiên cứu, hệ thống hóa và định hướng phát triển bền vững.

Trong lĩnh vực giáo dục đại học, khảo sát cho thấy hầu hết các trường tại Việt Nam đã chú trọng nâng cấp về công nghệ cho hệ thống trang thông tin điện tử (sử dụng hệ quản trị nội dung hiện đại, giao diện đáp ứng responsive, tích hợp cơ sở dữ liệu số), nhưng vẫn còn nhiều hạn chế ở khía cạnh nghệ thuật và trải nghiệm người dùng. Cụ thể, nhiều trang thông tin điện tử của các trường đại học tính thẩm mỹ còn chưa cao và thiếu sự đồng bộ trong nhận diện thương hiệu học thuật. Giao diện của các trang thông tin điện tử còn chưa nổi bật cá tính, bản sắc riêng, gây cảm giác gàn giống nhau và thiếu sự khác biệt rõ rệt, nổi bật giữa các trường. Trải nghiệm người dùng trên các trang thông tin điện tử đại học còn hạn chế do thiếu tính tương tác, chưa chú trọng đến yếu tố cảm xúc và tính nhân văn. Bên cạnh đó, quá trình xây dựng trang thông tin điện tử thường chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chuyên gia công nghệ, mỹ thuật và truyền thông. Những hạn chế nêu trên cho thấy cần phải tiếp cận trang thông tin điện tử đại học không chỉ như một sản phẩm công nghệ mà còn như một sản phẩm nghệ thuật thị giác gắn liền với giá trị văn hóa và truyền thông giáo dục.

Ở góc độ nghiên cứu lý luận, Việt Nam hiện còn thiếu vắng các công trình chuyên sâu về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong giáo dục đại học. Do đó, nhiều trường đại học chủ yếu định hình phong cách thiết kế trang thông tin điện tử dựa trên kinh nghiệm thực tiễn hoặc tham khảo các mẫu quốc tế mà thiếu cơ sở khoa học để phát triển phong cách thẩm mỹ đặc trưng, phù hợp với triết lý giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Trong khi đó, ở các nước phát

triển, nghệ thuật thiết kế TTTĐT đại học được xem là một phần quan trọng của chiến lược xây dựng thương hiệu học thuật, được đầu tư kỹ lưỡng về mặt mỹ thuật, triết lý thiết kế và trải nghiệm người dùng. Nhiều trường đại học hàng đầu trên thế giới như Harvard, Oxford, Tokyo hay NUS luôn chú trọng đến ngôn ngữ hình ảnh, bảng màu, bố cục, phong chữ và cách thể hiện văn hóa học thuật đặc trưng của mình. Sự thiếu hụt nghiên cứu chuyên sâu trong nước đặt ra nhu cầu cấp thiết phải xây dựng cơ sở lý luận về mỹ thuật cho thiết kế TTTĐT giáo dục và phát triển ứng dụng thực tiễn, nhằm định hướng ngôn ngữ thẩm mỹ và bản sắc số trong môi trường giáo dục đại học Việt Nam.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, đề tài *Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam* được lựa chọn bởi ý nghĩa sâu sắc cả về mặt khoa học và thực tiễn. Về mặt khoa học, nghiên cứu này góp phần xây dựng khung lý luận kết hợp giữa mỹ thuật ứng dụng, truyền thông số và triết lý giáo dục trong thiết kế trang thông tin điện tử cho các trường đại học Việt Nam, từ đó làm rõ bản chất nghệ thuật trong giao diện số của môi trường giáo dục. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở tham khảo cho các nhà thiết kế, chuyên viên truyền thông, giảng viên và cán bộ quản lý trong việc xây dựng trang thông tin điện tử mang tính nghệ thuật cao, đáp ứng yêu cầu truyền thông hiệu quả và gia tăng giá trị nhận diện thương hiệu học thuật. Nghiên cứu cũng góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của nghệ thuật và thẩm mỹ trong không gian số, khẳng định giá trị của giáo dục đại học Việt Nam trong tiến trình hội nhập văn hóa và tri thức toàn cầu. Lĩnh vực giáo dục đại học được lựa chọn vì tính đặc thù và tiềm năng phát triển đa dạng của nó; đây cũng là lĩnh vực còn nhiều hạn chế về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử. Chính vì vậy, đề tài này hướng tới nghiên cứu sâu hơn để khắc phục những tồn tại nêu trên và thúc đẩy quá trình phát triển trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục đại học theo hướng nâng cao giá trị văn hóa và mỹ thuật.

2. Mục đích nghiên cứu

Dựa vào kết quả tổng kết lý luận và nghiên cứu thực tế nghệ thuật thiết kế các trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay, đề tài nhận diện những yếu tố nghệ thuật trong thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học và chỉ ra xu hướng phát triển của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học nhằm đáp ứng yêu cầu nhận diện thương hiệu, phát triển và quảng bá giáo dục.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng hợp và phân tích các tài liệu về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử nói chung, trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học nói riêng.
- Nhận diện và khảo lược các yếu tố nghệ thuật trong thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay
- Xác định đặc trưng, xu hướng biến đổi và phát triển của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử nói chung, trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học nói riêng.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học, thể hiện qua ngôn ngữ tạo hình (bố cục, màu sắc, hình ảnh, chữ viết, tỷ lệ (giao diện), phong cách thiết kế, đặc trưng thiết kế.
- Phạm vi nghiên cứu: NCS lựa chọn 03 khách thể nghiên cứu có tính đại diện nhằm mục đích đảm bảo tính đối chiếu, phân tích và khái quát hóa. Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQGTPHCM), Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam (ĐHMTVN), là 3 cơ sở đào tạo bậc đại học nhưng khác biệt về mô hình tổ chức, triết lý giáo dục và đại diện cho ba định hướng thiết kế giao diện thông tin điện tử giáo dục hiện nay tại Việt Nam: tương tác công nghệ, thiết kế khai phóng và tổ chức hành chính mang tính truyền thống.

+ ĐHQGHN và ĐHQGTPHCM với vai trò là 2 đại học trọng điểm quốc gia, có cấu trúc tổ chức lớn, đa ngành, đa lĩnh vực. Đây có thể coi là hai trường đại học có quy mô, vị trí lớn nhất trong các trường đại học ở Việt Nam. Vì thế, trang thông tin điện tử của nhà trường không chỉ thể hiện thương hiệu của nhà trường, mà còn góp phần đại diện cho giáo dục Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế, mang giá trị văn hóa Việt đến với thế giới. Giao diện trang thông tin điện tử của 2 trường mang đặc trưng của phong cách thiết kế truyền thống. Giao diện tại đây tổ chức nội dung theo cấu trúc hành chính, phân chia theo đơn vị quản lý, sử dụng nhiều văn bản, menu nhiều cấp, tuy nhiên còn ít yếu tố tương tác hoặc cá nhân hóa.

+ ĐHMTVN là cơ sở đào tạo ngành mỹ thuật có truyền thống lâu đời nhất ở Việt Nam. Trường đào tạo chuyên sâu lĩnh vực mỹ thuật, có quy mô đào tạo không lớn, song lại là đơn vị có thế mạnh trong đào tạo thiết kế đồ họa. Vì vậy, có cơ sở để thực hiện thiết kế TTTĐT của đơn vị đảm bảo các yếu tố về mỹ thuật.

Việc lựa chọn 02 trường đại học quy mô cấp quốc gia, đa ngành, đa lĩnh vực ở 2 miền Bắc và Nam, cùng 01 trường đại học ngành mỹ thuật, về cơ bản đảm bảo tính đại diện cho hệ thống các trường đại học công lập ở Việt Nam. Đề tài cũng chỉ tập trung vào các trường đại học công lập, vì ở các trường công lập, việc xây dựng trang thông tin điện tử, về cơ bản mới mang tính chất hành chính, chưa chú trọng nhiều đến yếu tố nghệ thuật để xây dựng và quảng bá thương hiệu của nhà trường. Ba khách thể nghiên cứu được lựa chọn không chỉ khác biệt về loại hình, quy mô và vùng miền, mà còn tạo nên một phổ phân tích toàn diện về phong cách thiết kế giao diện trang thông tin điện tử giáo dục hiện nay. Việc khảo sát ba trường này giúp làm rõ sự đa dạng trong cách tổ chức thông tin học thuật, tư duy thiết kế và biểu hiện bản sắc giáo dục qua giao diện số. Đây cũng là cơ sở thực tiễn để luận án đề xuất các

mô hình tích hợp ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế trang thông tin điện tử giáo dục, từ đó góp phần xây dựng không gian học tập số vừa hiệu quả, vừa giàu tính biểu đạt và phản ánh đúng tinh thần của giáo dục đương đại.

5. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học được biểu hiện qua các yếu tố nào? Những tiêu chí nào đánh giá tính nghệ thuật của trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học?

Câu hỏi 2: Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học có những đặc trưng gì?

Câu hỏi 3: Xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học nhằm nâng cao tính nhận diện thương hiệu và quảng bá, phát triển giáo dục trong tương lai sẽ như thế nào?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học được biểu hiện qua ngôn ngữ tạo hình (hình ảnh, bố cục, màu sắc, chữ viết, tỷ lệ (giao diện) và phong cách thiết kế. Việc sử dụng các yếu tố mỹ thuật một cách hiệu quả song song với tiến bộ về công nghệ khiến cho việc thiết kế trang thông tin điện tử không chỉ là công việc kỹ thuật mà mang tính nghệ thuật đặc sắc, thể hiện được đặc trưng nhận diện thương hiệu của cơ sở đào tạo, góp phần quảng bá, phát triển hoạt động của cơ sở đào tạo. Những tiêu chí đánh giá tính nghệ thuật của trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học bao gồm mục tiêu thẩm mỹ, mức độ khả dụng, yếu tố sáng tạo, sự hiệu quả về nội dung thông tin.

Giả thuyết 2: Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học có những đặc trưng chung của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử, bên cạnh đó có những đặc trưng riêng của lĩnh vực giáo dục như

việc phải đảm bảo tính giáo dục, tính thẩm mỹ, tính phù hợp lứa tuổi, lấy người học làm trung tâm, khai phóng,..

Giả thuyết 3: Xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học phải phù hợp với xu thế phát triển chung về nghệ thuật thiết kế website như việc đảm bảo tính nghệ thuật, tính tương tác, tính tiện dụng... đồng thời phải đáp ứng xu thế phát triển của giáo dục trong kỷ nguyên mới, đề cao triết lý giáo dục, bản sắc giáo dục của mỗi thương hiệu giáo dục.

6. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tổng hợp, phân tích: NCS sử dụng phương pháp tổng hợp phân tích trong nghiên cứu mỹ thuật thiết kế để thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như sách vở, tạp chí, dự án tương tự đã thực hiện và dữ liệu thị trường nhằm xây dựng một cơ sở thông tin phong phú, cung cấp cái nhìn toàn diện về đề tài của luận án. Từ đó hiểu rõ hơn về ngữ cảnh cũng như thực trạng của đề tài thời điểm hiện tại. Việc này giúp định hình mục tiêu và phạm vi của đề tài một cách rõ ràng. Đồng thời, việc phân tích các phương pháp và kỹ thuật thiết kế đã được sử dụng trong các đề tài, tài liệu tương tự, liên quan cũng giúp xác định những luận điểm tốt nhất và áp dụng chúng vào đề tài hiện tại. Từ những thông tin tổng hợp được, NCS đưa ra những cái nhìn cụ thể về điểm mạnh và yếu của từng dẫn chứng.

Phương pháp phỏng vấn, điều tra, thu thập thông tin: Trên cơ sở xây dựng các tiêu chí đánh giá tính nghệ thuật trong thiết kế trang thông tin điện tử, NCS lập bảng hỏi, phiếu điều tra nhằm thu thập thông tin đánh giá về các TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay. Bảng hỏi được phát cho 68 chuyên gia trong lĩnh vực thiết kế trang thông tin điện tử để đánh giá. Từ câu trả lời của các chuyên gia trong bảng hỏi, NCS tổng hợp, phân tích nhằm lựa chọn các trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đáp ứng tiêu chuẩn về nghệ thuật thiết kế [Phụ lục 1, tr.162].

Bên cạnh đó, NCS tiến hành phỏng vấn các chuyên gia để làm rõ hơn các nội dung trong bảng hỏi. Đồng thời NCS tiến hành phỏng vấn người sử dụng để bổ sung các đánh giá về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục [Phụ lục 3, tr.200].

Phương pháp thống kê: Phương pháp thống kê là một công cụ quan trọng để phân tích và hiểu rõ hơn về các yếu tố và quy luật trong tác đối tượng của đề tài. Phương pháp này giúp NCS có cái nhìn sâu sắc hơn về các xu hướng, giao diện, và sự biến đổi của các yếu tố trong phạm vi đề tài. Phương pháp thống kê được sử dụng để phân tích tương quan và xác định mối liên hệ giữa các yếu tố như màu sắc, kỹ thuật, và cảm xúc được truyền đạt qua các ví dụ đồng thời chỉ rõ sự biến đổi trong dữ liệu nghệ thuật để thấy được mức độ đa dạng giữa các tác phẩm nghệ thuật, hoặc sự biến đổi trong quy mô và kích thước của chúng qua thời gian.

Phương pháp so sánh: phương pháp so sánh có thể được sử dụng để so sánh các yếu tố như màu sắc, kỹ thuật, ý tưởng, và cảm xúc được truyền đạt qua các dẫn chứng. Bằng cách này, NCS có thể phát hiện ra các xu hướng chung hoặc các điểm đặc biệt trong từng dẫn chứng và so sánh chúng với nhau. Phương pháp này cũng được NCS sử dụng để so sánh giữa các chuyên gia hoặc các quan điểm nghệ thuật nhằm chỉ ra sự khác biệt hay tương đồng trong phong cách, chủ đề, hoặc cách tiếp cận của từng dẫn chứng khác nhau để hiểu rõ hơn về sự đa dạng và ảnh hưởng của các yếu tố nghệ thuật trong đề tài. Nhờ đó cung cấp cơ sở cho việc xác định các xu hướng, đặc điểm chung, và độc đáo của đề tài.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

7.1. Về mặt khoa học

- Đề tài góp phần tổng hợp hệ thống cơ sở lý luận về thiết kế trang thông tin điện tử và phát triển lý thuyết và kiến thức nền tảng trong nhiều lĩnh vực, như: Tâm lý học người dùng, truyền thông thị giác, nhận diện thương hiệu

giáo dục....

- Nghiên cứu của đề tài góp phần hình thành khung lý luận về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, kết hợp giữa mỹ thuật ứng dụng, truyền thông số và triết lý giáo dục.

- Đề tài tổng hợp, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá tính nghệ thuật trong thiết kế trang thông tin điện tử nói chung và thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục nói riêng.

- Các kết quả nghiên cứu của đề tài bổ sung cho hệ thống nghiên cứu lý luận về mỹ thuật nói chung, nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử nói riêng.

7.2. Về mặt thực tiễn

- Đề tài chỉ ra xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục phải phù hợp với xu thế phát triển chung về nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử đồng thời phải đáp ứng xu thế phát triển của giáo dục trong kỷ nguyên mới, đề cao triết lý giáo dục, bản sắc giáo dục của mỗi thương hiệu giáo dục.

- Đề tài làm rõ những giá trị về nghệ thuật của thiết kế trang thông tin điện tử, từ đó xác định vai trò quan trọng của thiết kế trang thông tin điện tử đối với cơ sở giáo dục đào tạo cũng như tác động của nghệ thuật thiết kế đến các giá trị văn hóa, kinh tế,...

- Những phân tích, đánh giá của đề tài là cơ sở để các nhà thiết kế trang thông tin điện tử tham khảo, ứng dụng trong thực tiễn hoạt động thiết kế, góp phần nâng cao hiệu quả tương tác của các trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục, tăng cường mức độ nhận diện thương hiệu của các cơ sở đào tạo.

- Góp phần thúc đẩy nhận thức về vai trò của nghệ thuật và thẩm mỹ trong không gian số cũng như giá trị của giáo dục đại học Việt Nam trong tiến trình hội nhập xu hướng thẩm mỹ, văn hóa và tri thức toàn cầu.

8. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu (10 trang), Kết luận (03 trang), Tài liệu tham khảo (15 trang) và Phụ lục (35 trang), nội dung của luận án được kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay (50 trang)

Chương 2. Ngôn ngữ tạo hình và phong cách thiết kế giao diện trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục đại học (42 trang)

Chương 3. Đặc trưng, giá trị và xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam (36 trang)

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ LĨNH VỰC GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Nghiên cứu về thiết kế đồ họa

1.1.1.1. Nhóm tài liệu nước ngoài

Trong tiến trình phát triển của thiết kế hiện đại, đặc biệt là thiết kế đồ họa - lĩnh vực cốt lõi của mỹ thuật ứng dụng - nhiều công trình quốc tế đã góp phần định hình hệ hình thẩm mỹ, tư duy thị giác và lý thuyết thiết kế nền tảng. Những tài liệu này không chỉ có giá trị trong đào tạo thiết kế truyền thống mà còn tạo tiền đề lý luận và phương pháp cho các dạng thiết kế mới, trong đó có thiết kế giao diện trang thông tin điện tử giáo dục - đối tượng nghiên cứu chính của luận án.

Trước hết, có thể kể đến các tài liệu nhập môn thiết kế như *Basics of Design: Layout & Typography for Beginners* (Nhập môn tư duy thiết kế: Bố cục và Typography) của Lisa Graham [17]. Cuốn sách giới thiệu các nguyên lý thiết kế cơ bản như nguyên tắc Gestalt, mối quan hệ giữa hình và nền, cấu trúc bố cục, lý thuyết màu sắc và kiểu chữ. Những kiến thức này, tuy mang tính nền tảng, nhưng lại là công cụ tư duy thiết yếu cho quá trình xây dựng hệ thống giao diện trực quan (*interface layout*) trong thiết kế website giáo dục. Trong phạm vi luận án, tư tưởng thiết kế “gọn - rõ - định hướng thị giác” từ công trình này được vận dụng để phân tích bố cục website theo hướng sư phạm hóa và tối giản hóa nhằm phù hợp với tâm lý người học.

Ở chiều sâu cảm xúc, *Design for emotion* (Thiết kế cảm xúc) của Aaron Walter (A Book Apart, 2011) [32] là một công trình quan trọng đặt nền móng cho việc nghiên cứu trải nghiệm người dùng từ góc nhìn tâm lý học cảm xúc.

Cuốn sách gợi mở cách “thiết kế để gợi cảm xúc tích cực”, đặc biệt trong lần đầu người dùng tiếp xúc với một giao diện. Trong bối cảnh trang thông tin điện tử giáo dục không chỉ là nơi chứa thông tin mà còn là không gian khơi mở hứng thú học tập, thì việc tiếp cận thiết kế từ cảm xúc - thay vì chỉ từ tính năng - có ý nghĩa then chốt. Luận án kế thừa quan điểm này trong phân tích khả năng “gây thiện cảm thị giác” ở những thiết kế thành công trong lĩnh vực giáo dục, qua đó đề xuất những tiêu chí thẩm mỹ giàu tính nhân văn.

Về yếu tố chữ - một cấu phần thị giác đặc biệt trong thiết kế giao diện học tập - *Exploring Typography (Khám phá nghệ thuật chữ)* của Tova Rabinowitz [27] đi sâu phân tích vai trò của chữ như hình ảnh: khả năng dẫn dắt cảm xúc, điều hướng hành vi và tạo nên bản sắc. Các luận điểm trong sách được luận án vận dụng khi đánh giá các thiết kế trang thông tin điện tử học đường có sử dụng typography như một yếu tố sư phạm - ví dụ như lựa chọn font dễ đọc cho học sinh tiểu học, hay sử dụng kích cỡ chữ lớn để nhấn mạnh điểm chính của bài học, gắn liền với lý thuyết nhận thức theo lứa tuổi.

Trong phạm vi thiết kế đồ họa ứng dụng vào sản phẩm, đặc biệt là thiết kế bao bì - một lĩnh vực tương đồng với thiết kế giao diện ở khía cạnh xây dựng bản sắc thị giác và tổ chức thông tin - nhiều công trình chuyên khảo như *The package design book (Sách thiết kế bao bì)* (Pentawards & Taschen) [77], *Pakaging Makeovers: Graphic Redesign for Maket Change (Thay đổi bao bì: Thiết kế lại đồ họa để thay đổi thị trường)* [45], *Packaging Design: Successful Product Branding from Concept to Shelf (Thiết kế bao bì: Từ ý tưởng đến sản phẩm)* (Marianne Rosner Klimchuk & Sandra Krasovec, bản dịch Nxb Bách Khoa Hà Nội, 2019) [56], và *1000 package designs (Một nghìn thiết kế bao bì)* (Rockport Publishers) [82] cung cấp cơ sở lý luận phong phú về ngôn ngữ hình ảnh thương hiệu, thiết kế hướng hành vi tiêu dùng, và thẩm mỹ hóa chức năng. Những luận điểm từ các công trình này được luận án đối chiếu trong phân tích

thiết kế giao diện trang thông tin điện tử giáo dục như một “sản phẩm sư phạm đặc thù” - nơi người học là “người tiêu dùng tri thức” và giao diện đóng vai trò như “bao bì văn hóa - giáo dục”. Đây là sự chuyển hóa từ thẩm mỹ hàng hóa sang thẩm mỹ học tập - một hướng tiếp cận mới mẻ của mỹ thuật ứng dụng trong giáo dục.

Đặc biệt, *Graphic Design Theory: Readings from the Field (Lý thuyết Thiết kế Đồ họa: Tuyển tập các bài viết từ thực tiễn)* [49] là một công trình tổng hợp có chiều sâu, tập hợp các văn bản lý luận quan trọng của các trường phái thiết kế như Bauhaus, Chủ nghĩa Hiện đại, Hậu hiện đại, và các trào lưu đương đại, đồng thời phân tích vai trò của thiết kế đồ họa trong xã hội truyền thông. Luận án sử dụng nguồn tài liệu này như một trục lý luận xuyên suốt, để lý giải sự chuyển dịch của mỹ thuật thiết kế từ in ấn sang số hóa, từ chức năng sang trải nghiệm, từ thiết kế vật thể sang thiết kế không gian thị giác (như giao diện trang thông tin điện tử), đồng thời định vị thiết kế TTTĐT giáo dục trong bối cảnh rộng lớn của văn hóa thị giác đương đại.

Như vậy, các công trình quốc tế trên không chỉ cung cấp khung lý thuyết chuyên ngành cho luận án mà còn giúp xác lập phương pháp phân tích thẩm mỹ, hệ hình tiếp cận người dùng, và mối quan hệ giữa thiết kế - văn hóa - công nghệ giáo dục. Đây là những đóng góp nền tảng để luận án triển khai việc nghiên cứu thiết kế TTTĐT giáo dục từ góc độ lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng - một hướng tiếp cận chưa được khai thác đầy đủ trong nghiên cứu trong nước hiện nay.

1.1.1.2. Nhóm tài liệu trong nước

Tại Việt Nam, lĩnh vực thiết kế đồ họa bắt đầu phát triển mạnh mẽ từ cuối thế kỷ XX và thực sự bước vào thời kỳ chuyên nghiệp hóa từ đầu thế kỷ XXI, song song với tiến trình hội nhập và chuyển mình của ngành mỹ thuật ứng dụng. Tuy là một ngành mới so với các chuyên ngành truyền thống như

hội họa, điêu khắc hay mỹ thuật dân gian, nhưng thiết kế đồ họa đã nhanh chóng khẳng định vị trí trong đời sống thẩm mỹ thị giác hiện đại, đặc biệt trong các lĩnh vực quảng bá, truyền thông, bao bì, nhận diện thương hiệu và gần đây là không gian số, bao gồm thiết kế giao diện TTTĐT. Hệ thống tài liệu trong nước - bao gồm sách lý luận, công trình nghiên cứu chuyên ngành, luận văn, luận án - đã góp phần đặt nền móng ban đầu cho tư duy lý luận và phân tích thẩm mỹ của ngành thiết kế đồ họa tại Việt Nam, và có nhiều giá trị kế thừa trong định hướng nghiên cứu của luận án.

Một trong những tài liệu nhập môn đáng chú ý là bản dịch tác phẩm của Richard Moore (1995, Nxb Trẻ) [23], trong đó bàn sâu về mối quan hệ giữa thiết kế và marketing. Dù không được viết chuyên biệt cho thiết kế đồ họa, tác phẩm vẫn cung cấp những lý luận nền tảng giúp hiểu thiết kế như một công cụ chiến lược - nơi thẩm mỹ và chức năng giao nhau để tạo ra giá trị cảm xúc và tăng tính cạnh tranh sản phẩm. Tư duy này khi vận dụng vào lĩnh vực giáo dục giúp luận án tiếp cận thiết kế TTTĐT không chỉ như một môi trường học tập mà còn như một hình ảnh đại diện cho bản sắc học đường, nơi “thiết kế” tham gia trực tiếp vào việc xây dựng uy tín học thuật và truyền cảm hứng học tập.

Ở cấp độ lý thuyết căn bản, hai cuốn sách *Cơ sở phương pháp luận Design* của Lê Huy Văn [30] và *Nguyên lý Design thị giác* của Nguyễn Hồng Hưng [13] đã đóng vai trò hệ thống hóa nền tảng tư duy thiết kế tại Việt Nam. Các nguyên lý như cân bằng, nhịp điệu, đối xứng, tương phản, cũng như cách phối hợp màu sắc, tỷ lệ, đã được tác giả phân tích cụ thể và liên hệ với ngôn ngữ thị giác hiện đại. Đây là tài liệu quan trọng giúp luận án xác lập hệ khái niệm thẩm mỹ cơ bản trong không gian thiết kế số, đặc biệt là cách tổ chức bố cục, sắp xếp thông tin và điều phối hành vi nhìn trong giao diện TTTĐT giáo dục.

Bên cạnh hệ thống lý luận, các nghiên cứu chuyên sâu theo lĩnh vực thiết kế cụ thể cũng mang lại giá trị tham chiếu đáng kể. Trong đó, thiết kế bao bì là

một lĩnh vực phát triển sớm và có nhiều điểm tương đồng với thiết kế giao diện website ở khía cạnh tạo dựng nhận diện sản phẩm, định hướng cảm xúc thị giác và tổ chức thông tin trong không gian hữu hạn. Nguyễn Thị Hợp, với hai công trình tiêu biểu là *Bao bì - Hồn của sản phẩm* (2008) [9] và *Nghệ thuật đồ họa bao bì* (2016) [10], đã đưa ra những phân tích sâu sắc về mối quan hệ giữa chất liệu - hình ảnh - công năng trong thiết kế, đặc biệt nhấn mạnh yếu tố văn hóa thị giác Việt Nam trong tạo hình thương hiệu. Những phân tích này giúp luận án đặt ra mối liên hệ giữa thiết kế bao bì sản phẩm và thiết kế giao diện TTTĐT giáo dục, từ đó xây dựng luận điểm rằng TTTĐT giáo dục cũng là một “hình thức bao bì học thuật” - nơi thương hiệu học đường được hình thành qua các lựa chọn thị giác cụ thể.

Tiếp nối mạch nghiên cứu đó là các công trình của Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Cẩm Ly, và một số học viên cao học tại các cơ sở đào tạo mỹ thuật ứng dụng, tiếp tục phát triển các hướng tiếp cận thiết kế bao bì từ góc độ thẩm mỹ, dân tộc học, tâm lý học người dùng... Các tài liệu này tuy chưa chuyên sâu về thiết kế TTTĐT, nhưng đã góp phần làm phong phú thêm nền lý luận thiết kế thị giác trong môi trường văn hóa Việt.

Một hướng nghiên cứu nổi bật khác là thiết kế trong hệ thống nhận diện thương hiệu, nơi đồ họa giữ vai trò then chốt trong việc hình thành bản sắc tổ chức. Đáng chú ý là luận án tiến sĩ của Phạm Phương Linh *Nghệ thuật thiết kế nhận diện thương hiệu ở Việt Nam giai đoạn 2000-2020* [16], đã hệ thống hóa lịch sử phát triển của thiết kế thương hiệu tại Việt Nam và khẳng định vai trò của thiết kế như một hình thức thể hiện bản sắc và chiến lược truyền thông. Đây là luận điểm mà luận án kế thừa khi phân tích thiết kế website giáo dục như một kênh nhận diện học đường, nơi các yếu tố đồ họa - từ logo, màu sắc, font chữ đến bố cục - không chỉ mang chức năng thông tin mà còn là “tuyên ngôn thị giác” của triết lý giáo dục.

Trước đó, công trình của Ngô Anh Cơ - *Truyền thông thị giác từ góc nhìn thiết kế đồ họa Việt Nam hiện đại* [4] - là một nỗ lực sớm trong việc xây dựng hệ quy chiếu văn hóa cho thiết kế đồ họa trong nước. Dù mang tính khởi đầu, nhưng tác phẩm này đã đặt nền móng cho việc xem xét thiết kế như một hiện tượng văn hóa, không chỉ là kỹ thuật hình ảnh. Quan điểm này được tiếp nối và làm rõ trong các nghiên cứu của Nguyễn Hồng Ngọc, Hồ Trọng Minh, Đặng Thị Thanh Hoa,... thông qua các bài viết và đề tài chuyên môn về đồ họa nhận diện, truyền thông thị giác và thiết kế sản phẩm số.

Tổng thể, các công trình trong nước về thiết kế đồ họa tuy chưa trực tiếp tập trung vào thiết kế TTTĐT giáo dục, nhưng đã cung cấp một nền tảng lý luận quan trọng cho luận án ở ba phương diện: (1) lý thuyết cơ bản về ngôn ngữ hình ảnh trong thiết kế, (2) ứng dụng thiết kế trong sản phẩm thị giác có tính định danh và truyền thông, và (3) định vị thiết kế như một hình thức biểu đạt bản sắc văn hóa - thương hiệu trong bối cảnh xã hội Việt Nam. Đây là cơ sở học thuật để luận án triển khai khung phân tích toàn diện về thiết kế TTTĐT giáo dục như một hình thái mỹ thuật ứng dụng có chức năng nhận thức, giáo dục và văn hóa hóa hành vi học tập trong thời đại số.

1.1.2. Nghiên cứu về trang thông tin điện tử

1.1.2.1. Nhóm tài liệu nước ngoài

Trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, TTTĐT đã trở thành một nền tảng quan trọng không chỉ trong hoạt động kinh doanh, truyền thông mà còn trong lĩnh vực giáo dục và quản trị tri thức. Việc nghiên cứu về TTTĐT vì thế không còn giới hạn trong phạm vi công nghệ mà đã mở rộng sang nhiều góc độ: từ kinh tế, xã hội, văn hóa đến thẩm mỹ học và trải nghiệm người dùng. Hệ thống các công trình quốc tế và trong nước đã góp phần làm rõ vai trò của TTTĐT như một không gian trung gian giữa nội dung và người dùng, giữa giá trị thông tin và hình thức trình bày - đặt nền tảng cho việc

tiếp cận TTTĐT như một đối tượng thiết kế mang tính chất văn hóa - nghệ thuật đặc thù.

Một trong những công trình có giá trị khởi nguồn là *Webonomics: Nine Essential Principles for Growing Your Business on the World Wide Web* (*Webonomics: Chín nguyên lý cốt lõi để mở rộng doanh nghiệp của bạn trên Mạng Toàn cầu*) của Evan I. Schwartz (1997) [43]. Dù được xuất bản từ giai đoạn đầu của kỷ nguyên internet, cuốn sách đã đặt nền móng cho việc hiểu TTTĐT như một thực thể tạo ra giá trị kinh tế, đồng thời định hình nguyên tắc thiết kế web trong mối quan hệ với hành vi tiêu dùng, quản trị nội dung và nhận diện thương hiệu. Dù mang thiên hướng kinh doanh, nhưng những nguyên tắc như tính minh bạch, khả năng dẫn dắt hành vi, khả năng tạo lập lòng tin qua thiết kế... là những yếu tố vẫn còn nguyên giá trị khi áp dụng vào thiết kế TTTĐT trong giáo dục - nơi người học cũng là một "khách thể tiêu dùng tri thức" và phản ứng thị giác có vai trò kích thích động lực học tập.

Từ góc nhìn cấu trúc thông tin và trải nghiệm người dùng, *Information Architecture for the World Wide Web* (*Kiến trúc Thông tin cho Mạng Toàn cầu*) của Peter Morville và Louis Rosenfeld [78] là một tài liệu nền tảng. Cuốn sách trình bày hệ thống nguyên tắc tổ chức thông tin, định hướng điều hướng, phân loại nội dung và gắn nhãn dữ liệu - giúp người dùng định vị dễ dàng trong không gian mạng. Đây chính là tiền đề quan trọng để luận án tiếp cận giao diện TTTĐT giáo dục như một không gian mỹ thuật - tri thức: nơi việc tổ chức nội dung không chỉ là thao tác kỹ thuật mà còn là một lựa chọn thẩm mỹ, một chiến lược thị giác nhằm hỗ trợ nhận thức, tiếp thu và điều hướng hành vi học tập.

Ở góc độ văn hóa - kinh tế, tác phẩm *The Platform Economy: How Japan Transformed the Consumer Internet* (*Kinh tế nền tảng: Cách Nhật Bản làm thay đổi Internet tiêu dùng*) của Marc Steinberg [65] phân tích cách Nhật Bản phát triển nền kinh tế internet thông qua việc thiết kế nền tảng trực tuyến, trong đó

TTTĐT đóng vai trò cốt lõi như một “kết cấu hạ tầng văn hóa - tiêu dùng”. Tác giả chỉ ra rằng TTTĐT không đơn thuần là cổng thông tin mà còn là không gian tạo dựng giá trị cảm xúc, bản sắc văn hóa và thiết lập các cơ chế hành vi thị trường mới. Tư tưởng này khi chuyển sang lĩnh vực giáo dục mở ra cách tiếp cận rằng TTTĐT học đường cũng là một không gian “kinh tế tri thức”, nơi giá trị không chỉ nằm ở nội dung bài học mà còn ở cách tổ chức - truyền tải - tương tác - trải nghiệm của người học trong môi trường số.

Một công trình mang tính ứng dụng cao trong lĩnh vực giáo dục là báo cáo *Educause* (2005) [97], trình bày tổng quan về các hệ thống quản lý học tập (LMS) hiện đại. Báo cáo này liệt kê bảy điểm cốt lõi trong vận hành LMS - từ tổ chức nội dung, quản lý lớp học, đến hỗ trợ cá nhân hóa học tập. Mặc dù thiên về mặt kỹ thuật và quản trị, nhưng các tiêu chí mà báo cáo nêu ra về thiết kế hệ thống thân thiện, khả năng thích ứng và tích hợp nội dung - tương tác đã hỗ trợ mạnh mẽ cho luận án trong việc xây dựng khung đánh giá các yếu tố mỹ thuật - chức năng của một TTTĐT giáo dục hiệu quả. Điều đáng lưu ý là Educause không chỉ đề cập đến công năng hệ thống mà còn khẳng định vai trò của trải nghiệm người dùng (UX) và giao diện trực quan (UI) trong việc duy trì tương tác học tập và nâng cao hiệu quả tiếp thu - điều trùng khớp với quan điểm tiếp cận của luận án về vai trò thẩm mỹ học đường số.

1.1.2.2. Nhóm tài liệu ở Việt Nam

Ở Việt Nam, dù việc nghiên cứu TTTĐT vẫn chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghệ hoặc truyền thông thương hiệu, nhưng cũng đã xuất hiện những tài liệu mang tính phân tích kinh tế - xã hội sâu sắc. Tiêu biểu là Báo cáo Kinh tế số Việt Nam 2020 do Bộ Công thương công bố [3]. Báo cáo này cho thấy tầm quan trọng ngày càng tăng của TTTĐT như một hạ tầng số, không chỉ trong kinh doanh mà còn trong giáo dục và quản trị công. Sự phổ biến của TTTĐT trong các doanh nghiệp được phân tích như một yếu tố gia tăng hiệu suất hoạt

động, tăng khả năng tiếp cận khách hàng, mở rộng năng lực truyền thông. Từ đó, báo cáo cũng gián tiếp đặt ra yêu cầu rằng TTTĐT giáo dục không thể đứng ngoài hệ thống số hóa quốc gia, và cần được phát triển như một kênh tương tác hiệu quả, mang tính bản sắc và hướng tới người học.

Tổng hợp lại, các tài liệu trong và ngoài nước đã chứng minh rằng TTTĐT không chỉ là sản phẩm công nghệ mà còn là không gian văn hóa, không gian kinh tế và không gian thẩm mỹ. Đối với luận án này, việc nghiên cứu TTTĐT từ các góc độ tổ chức thông tin, tương tác người dùng, kiến trúc tri thức và giá trị biểu trưng sẽ là nền tảng quan trọng để xây dựng khung phân tích nghệ thuật thiết kế TTTĐT trong giáo dục - nơi thiết kế không chỉ phục vụ chức năng mà còn góp phần định hình tư duy học tập, không khí học đường và bản sắc văn hóa số trong thời đại mới.

1.1.3. Nghiên cứu về thiết kế trang thông tin điện tử

1.1.3.1. Nhóm tài liệu nước ngoài

Trong hơn hai thập niên qua, cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, lĩnh vực thiết kế TTTĐT đã trở thành một ngành độc lập với hệ thống lý luận, chuẩn mực và công cụ phân tích riêng biệt. Nhiều công trình quốc tế đã không chỉ dừng lại ở khía cạnh kỹ thuật mà còn mở rộng ra những vấn đề liên quan đến thẩm mỹ học, trải nghiệm người dùng, và đặc biệt là vai trò của văn hóa trong thiết kế TTTĐT. Các tài liệu này cung cấp nền tảng quan trọng để tiếp cận thiết kế TTTĐT như một không gian thẩm mỹ đặc thù - nơi kết nối giữa nội dung và người học không chỉ là chức năng điều hướng mà còn là biểu hiện của bản sắc văn hóa và tư tưởng giáo dục.

Một trong những luận điểm được nhấn mạnh trong nhiều công trình gần đây là việc tích hợp yếu tố văn hóa vào thiết kế giao diện có ảnh hưởng sâu sắc đến trải nghiệm người dùng và khả năng truyền tải giá trị bản địa ra toàn cầu. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, TTTĐT không chỉ là công cụ truyền thông số mà

còn là “đại sứ kỹ thuật số” của văn hóa dân tộc. Đối với Việt Nam - một quốc gia có bề dày di sản và đa dạng văn hóa - việc đưa họa tiết truyền thống, tinh thần nghệ thuật dân gian hay đặc trưng ngôn ngữ thị giác dân tộc vào thiết kế TTTĐT giáo dục không chỉ nâng cao tính thẩm mỹ mà còn góp phần bảo tồn và lan tỏa bản sắc văn hóa trong môi trường học đường số.

Một số tài liệu quốc tế đã xây dựng nền tảng học thuật vững chắc cho cách tiếp cận này. Trước hết phải kể đến tác phẩm kinh điển *Designing with Web Standards (Thiết kế Web tuân thủ các Tiêu chuẩn Web)* của Jeffrey Zeldman (2003, tái bản 2009 cùng Ethan Marcotte) [52]. Cuốn sách đặt ra yêu cầu thiết kế TTTĐT cần tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn HTML, CSS và JavaScript để đảm bảo tính tương thích, tính truy cập và tính nhất quán trên nhiều trình duyệt và thiết bị. Tuy mang tính kỹ thuật, nhưng thông điệp lớn hơn mà Zeldman đưa ra chính là việc thiết kế phải xuất phát từ tôn trọng quy chuẩn và người dùng - điều hoàn toàn tương thích với định hướng của thiết kế giáo dục hiện đại: lấy người học làm trung tâm, lấy sự tiếp nhận thị giác và hành vi tương tác làm mục tiêu tối ưu hóa.

Tiếp nối tinh thần đó, Ethan Marcotte, trong cuốn *Responsive Web Design (Thiết kế Web thích ứng)* (2011) [42], đã giới thiệu khái niệm thiết kế web phản hồi - tức giao diện tự động điều chỉnh để phù hợp với nhiều loại màn hình và thiết bị. Marcotte đề xuất ba nguyên lý then chốt: lưới linh hoạt (*fluid grids*), hình ảnh linh hoạt (*flexible images*) và truy vấn phương tiện (*media queries*). Đây không chỉ là một kỹ thuật mà là một tư tưởng thẩm mỹ mới trong thiết kế số - hướng đến tính thích ứng, thân thiện và bao trùm trong trải nghiệm người dùng. Với luận án này, các nguyên lý trên được tiếp cận không chỉ như giải pháp công nghệ, mà còn như cách tiếp cận nghệ thuật: xây dựng giao diện học đường có khả năng đồng hành với người học trong nhiều bối cảnh thiết bị, hoàn cảnh địa lý, và nhu cầu cá nhân hóa.

Các công trình kể trên dù không trực tiếp nghiên cứu văn hóa Việt Nam nhưng cung cấp hệ quy chiếu phương pháp để tiếp cận việc tích hợp yếu tố văn hóa vào giao diện số. Trong môi trường giáo dục Việt Nam, điều này có ý nghĩa đặc biệt, bởi TTTĐT giáo dục không chỉ truyền tải tri thức mà còn truyền tải tinh thần dân tộc, hệ giá trị và phương pháp giáo dục Việt. Từ hệ quy chiếu này, luận án sẽ triển khai khung phân tích riêng để đánh giá vai trò của thiết kế giao diện như một hình thức thể hiện văn hóa sư phạm, và từ đó đề xuất hướng nghệ thuật hóa thiết kế TTTĐT trong giáo dục theo định hướng bản địa hóa, nhân văn hóa và hiện đại hóa.

1.1.3.2. Nhóm tài liệu trong nước

So với bối cảnh quốc tế, các nghiên cứu về nghệ thuật thiết kế TTTĐT tại Việt Nam hình thành tương đối muộn, chủ yếu từ giai đoạn 2008-2010, và phát triển ở nhiều ngành liên quan như mỹ thuật ứng dụng, công nghệ thông tin, truyền thông - báo chí, kiến trúc và thiết kế sản phẩm. Mặc dù còn phân tán về hướng tiếp cận và mục tiêu nghiên cứu, nhưng hệ thống tài liệu trong nước đã bước đầu cung cấp những cơ sở lý luận, ví dụ thực tiễn và hướng tiếp cận có giá trị, hỗ trợ đáng kể cho việc luận giải sâu sắc hơn vai trò của thiết kế website như một hình thức nghệ thuật thị giác trong môi trường giáo dục.

Các nghiên cứu có thể được chia thành hai nhóm chính gồm: nghiên cứu về thiết kế giao diện đồ họa, nghiên cứu về thiết kế trải nghiệm người dùng (UX).

a) Nghiên cứu về thiết kế giao diện đồ họa: là nhóm công trình tập trung vào các yếu tố thị giác như màu sắc, hình ảnh, bố cục, họa tiết, chất liệu... trong thiết kế giao diện TTTĐT. Các đồ án và khóa luận ở Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Đại học FPT, Đại học Kiến trúc TP.HCM hay ĐHMTVN cho thấy rõ xu hướng kết hợp giữa mỹ thuật truyền thống và ngôn ngữ thị giác hiện đại trong không gian số. Đáng chú ý là một số công trình như:

Nguyễn Hồng Ngọc (2016), *Thiết kế đồ họa Việt Nam trong mối liên hệ với mỹ thuật truyền thống*, Luận án Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội [20], *Họa Sắc Việt - Dự án thiết kế ứng dụng họa tiết truyền thống tranh Hàng Trống* (S-River, 2021) [124], Xu hướng flat design (2016) [125]. Những công trình này, dù mang tính ứng dụng, nhưng có ý nghĩa lý luận quan trọng đối với luận án khi cho thấy nỗ lực nội địa hóa thiết kế TTTĐT - đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục - sao cho phù hợp với tâm lý học tập, thẩm mỹ văn hóa và môi trường tiếp nhận thị giác của người Việt. Các tư liệu này giúp luận án bổ sung luận điểm về bản sắc hóa giao diện giáo dục, đồng thời đối sánh với các xu hướng thiết kế quốc tế đang có mặt tại Việt Nam.

b) Nghiên cứu về thiết kế trải nghiệm người dùng (UX): là một hướng nghiên cứu quan trọng khác về vai trò của thiết kế trong việc tạo dựng trải nghiệm người học, vốn là yêu cầu cốt lõi trong thiết kế TTTĐT giáo dục hiện đại. Trong số đó, các công trình của Nguyễn Văn Dung (2009) [5] và Nguyễn Văn Thịnh (2014) [26] là hai tài liệu chuyên sâu có đóng góp lý thuyết đáng kể. Nguyễn Văn Dung (2009) tập trung vào vai trò của thiết kế như một công cụ chiến lược, giúp tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm và dịch vụ thông qua thiết kế lấy người dùng làm trung tâm. Quan điểm này, khi chuyển dịch vào lĩnh vực giáo dục, sẽ giúp luận án lý giải sâu sắc hơn cách thiết kế website học tập có thể tối ưu hóa hành trình học tập, gia tăng động lực và trải nghiệm cho người học. Nguyễn Văn Thịnh (2014) cung cấp hướng dẫn chi tiết từ thiết kế giao diện đến triển khai TTTĐT hoàn chỉnh, trong đó chú trọng tới nguyên lý thân thiện người dùng, cấu trúc thông tin và kỹ thuật lập trình web. Dù nghiêng về kỹ thuật, nhưng sách vẫn đề cập mối quan hệ giữa mỹ thuật - công nghệ - nhu cầu sử dụng, rất phù hợp để luận án phân tích tính đa ngành trong thiết kế TTTĐT giáo dục. Ngoài ra, Jay Greene [14] (2015, Nxb Trẻ) tuy không viết từ góc độ học thuật thuần túy, nhưng lại mang đến những luận điểm hữu ích về

thiết kế thương hiệu và bản sắc, đặc biệt qua phân tích các yếu tố như logo, màu sắc, kiểu chữ và hình ảnh trong truyền thông thương hiệu. Những phân tích này, khi vận dụng vào bối cảnh trường học và giáo dục, sẽ giúp luận án mở rộng luận điểm về thiết kế website như “giao diện bản sắc học đường” - nơi mà hình ảnh, màu sắc, cấu trúc không chỉ truyền tải thông tin mà còn phản ánh triết lý giáo dục và văn hóa tổ chức.

Từ năm 2016, các cơ sở như Đại học RMIT Việt Nam, Đại học FPT, Học viện Báo chí và Tuyên truyền cũng bắt đầu có nhiều đề án tốt nghiệp, khóa luận và dự án UX gắn với nhu cầu thiết kế giao diện học tập như: *Phân tích hành vi người dùng khi sử dụng giao diện thương mại điện tử Việt Nam (RMIT)*; *Thiết kế UX cho ứng dụng tuyển sinh trực tuyến (FPT)*. Những công trình này mang lại cơ sở thực tiễn để luận án tiếp cận tư duy thiết kế hướng hành vi người học - từ việc tổ chức thông tin học liệu đến khả năng phản hồi và hỗ trợ người học cá nhân hóa trải nghiệm.

Ngoài ra, có thể kể đến các nghiên cứu về Thiết kế trang thông tin điện tử trong các lĩnh vực văn hóa - xã hội đặc thù. Gần đây, nhiều tài liệu trong nước đã bắt đầu tập trung vào việc gắn thiết kế TTTĐT với việc lan tỏa văn hóa, di sản và bản sắc địa phương, như thiết kế TTTĐT về sản phẩm OCOP, TTTĐT làng nghề, di tích lịch sử hoặc không gian văn hóa địa phương. Các nghiên cứu này thường nhấn mạnh tính bản địa hóa, sự gắn kết giữa thiết kế giao diện và giá trị tinh thần - thẩm mỹ của cộng đồng. Đối với luận án, đây là nguồn tham khảo quý, vì thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục không chỉ là thiết kế công cụ học tập, mà còn là thiết kế môi trường văn hóa học đường số, nơi thẩm mỹ, bản sắc, truyền thống giáo dục được “mã hóa” thông qua bố cục, màu sắc, font chữ, hình ảnh, tương tác... Nhóm tài liệu này giúp luận án tiếp cận sâu hơn vai trò của thiết kế như một hình thức thể hiện văn hóa sư phạm và văn hóa quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tóm lại, nhóm tài liệu nghiên cứu trong nước tuy chưa nhiều nhưng đã bước đầu đặt nền móng cho việc nghiên cứu thiết kế TTTĐT từ các chiều cạnh mỹ thuật, kỹ thuật, truyền thông và văn hóa. Luận án kế thừa những đóng góp này, đồng thời phát triển thêm hệ khái niệm và khung phân tích mang tính liên ngành, từ góc nhìn lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng, để lý giải sâu hơn bản chất nghệ thuật - sư phạm - văn hóa của thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục hiện nay.

1.1.4. Nghiên cứu về thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục

Thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục là một hoạt động đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa tư duy mỹ thuật ứng dụng, công nghệ thông tin, lý thuyết sư phạm và tâm lý học đường. Đây là lĩnh vực đặc thù bởi sản phẩm thiết kế không chỉ là công cụ chức năng phục vụ tra cứu hay thao tác học tập, mà còn là không gian thị giác có vai trò nuôi dưỡng cảm xúc học tập, truyền cảm hứng và chuyển tải triết lý giáo dục qua hình thức thẩm mỹ. Vì thế, các nghiên cứu về thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục cũng đòi hỏi những cách tiếp cận liên ngành và đa ngành. Tại Việt Nam, tuy số lượng nghiên cứu còn hạn chế, nhưng đã bước đầu xuất hiện một số công trình có giá trị lý luận và thực tiễn, góp phần hình thành nền tảng học thuật cho các hướng tiếp cận mới, trong đó có luận án này.

Một trong những công trình tiêu biểu là luận văn thạc sĩ của Nguyễn Quang Huy (2020), thực hiện tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, với đề tài *Thiết kế giao diện website học trực tuyến cho sinh viên Việt Nam* [12]. Công trình này không chỉ phản ánh bối cảnh phát triển nhanh chóng của giáo dục trực tuyến tại Việt Nam sau đại dịch, mà còn đóng góp vào việc xây dựng bộ tiêu chí thiết kế UI/UX dựa trên khảo sát hành vi người dùng thực tiễn. Việc tác giả triển khai nguyên mẫu responsive UI có tính ứng dụng cao

giúp xác lập một hệ quy chiếu tương thích cho việc thiết kế giao diện học đường. Đây là cơ sở thiết thực để luận án kế thừa trong việc đề xuất hệ thống tiêu chí thiết kế website giáo dục phù hợp với thẩm mỹ học đường Việt Nam, đồng thời tích hợp tính thân thiện, dễ sử dụng và định hướng người học rõ ràng.

Góp phần mở rộng chiều sâu văn hóa trong thiết kế giáo dục, luận văn của Lê Thị Minh Anh (2021) tại Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp với đề tài *Ứng dụng mỹ thuật truyền thống trong thiết kế website giáo dục phổ thông* [2] mang đến một hướng tiếp cận giàu bản sắc. Tác giả đã ứng dụng các yếu tố dân gian như tranh Đông Hồ, Hàng Trống trong thiết kế giao diện mẫu cho website một trường tiểu học, từ đó góp phần hình thành hướng thiết kế bản địa hóa giao diện giáo dục. Đây là dữ liệu quan trọng để luận án triển khai lý thuyết “mỹ thuật học đường số” - tức tái hiện tinh thần giáo dục Việt qua không gian số hóa bằng hình ảnh, màu sắc, chất liệu đồ họa mang tính truyền thống.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu về trải nghiệm người dùng (UX) trong TTTĐT giáo dục cũng mang đến những khía cạnh mới mẻ. Bài báo “A study on satisfaction of users towards learning management system at International University - Vietnam National University HCMC” (Nghiên cứu về mức độ hài lòng của người dùng đối với hệ thống quản lý học tập tại Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) [126] mặc dù tập trung vào LMS, nghiên cứu vẫn khảo sát sâu về yếu tố tương tác, thông tin và giao diện trong hành vi tìm kiếm và sự hài lòng của người học. Mô hình này giúp mở rộng khung phân tích từ góc độ thị giác định hướng hành vi: giao diện không chỉ trình bày nội dung, mà còn *dẫn dắt* hành vi tìm kiếm và tăng động lực học thông qua việc tối ưu hóa cấu trúc và quy trình trực quan. Một nghiên cứu được trình bày tại hội thảo Pixel Education mang tên “Factors driving student satisfaction on e-learning platforms in Vietnam” (Các yếu tố thúc đẩy sự hài lòng của học sinh trên các nền tảng học tập trực tuyến tại Việt Nam) [127], phân tích dựa

trên các nền tảng phổ biến như OLM.vn và Hoc24.vn. Nghiên cứu sử dụng lý thuyết TAM, UTAUT và Community of Inquiry, thu thập dữ liệu từ hơn 11.000 học sinh K-12, áp dụng mô hình PLS-SEM. Kết quả cho thấy ba yếu tố then chốt - giao diện người dùng (UI/UX), chất lượng nội dung, và tương tác - có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng và khả năng tiếp cận của học sinh. Đây là minh chứng mạnh mẽ cho quan điểm rằng thiết kế bao trùm không chỉ là mỹ học, mà còn là yếu tố tạo ra hệ sinh thái tương tác - giúp học sinh khiếm khuyết nghe, thị giác, hoặc tự kỷ có thể tiếp cận nội dung một cách bình đẳng. Các yếu tố như biểu tượng lớn, hướng dẫn ký hiệu, video hỗ trợ, đều là các phương thức triển khai thực tiễn từ mô hình này.

Trong khi đó, một số nghiên cứu đi vào từng cấp học hoặc ngành học cụ thể cũng cung cấp cho luận án những ví dụ thực tiễn quý báu. Một ví dụ thực tiễn nổi bật là website *Học sử để bắt tử* (Nguyễn Đăng Tuyên, 2019) tại THPT FPT, sử dụng poster trực quan và bài tập đồ họa để “nối dài bài giảng”, giúp học sinh tương tác trực quan với nội dung môn Lịch sử [128]. Bên cạnh đó, luận văn của Nguyễn Thị Anh (2020) [1] nghiên cứu việc thiết kế và tổ chức dạy học theo chủ đề Lịch sử Việt Nam lớp 12 đã áp dụng phương pháp tích hợp đồ họa và chủ đề giảng dạy - tư liệu có thể chuyển hóa trực tiếp vào thiết kế giao diện TTTĐT giáo dục nhằm tối ưu hóa trải nghiệm và kiến thức cho học sinh. Dù không trực tiếp là TTTĐT, nhưng luận văn này tích hợp đồ họa, chủ đề và phương pháp dạy học tích cực phù hợp cho thiết kế TTTĐT giáo dục theo kiểu learning-by-doing, cung cấp phương pháp đồ họa hóa nội dung lịch sử.

Bên cạnh các luận văn và khóa luận, một số đề tài cấp bộ và bài báo học thuật đã tạo ra những khung lý thuyết và tiêu chuẩn nền tảng có thể kế thừa trong luận án. Đáng chú ý là đề tài cấp Bộ GD&ĐT do Lê Hữu Phước chủ trì tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long (2019-2021) [22], nghiên

cứu về xây dựng giao diện người dùng tối ưu cho hệ thống học tập trực tuyến, với kết quả là bộ tiêu chí thiết kế UI/UX theo chuẩn WCAG 2.1. Đây là nguồn tham khảo quan trọng để luận án tích hợp các yêu cầu về thiết kế tiếp cận, đặc biệt trong môi trường giáo dục đa đối tượng. Một công trình khác là bài viết của Tạ Thanh Trung, Lê Thị Thúy Quỳnh và Quản Minh Hòa (2022) [29] đăng trên Tạp chí *Khoa học Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh*, Khảo sát 467 học sinh THPT tại TP.HCM theo mô hình PLS-SEM, xác định các yếu tố như không gian học tập trực tuyến, cấu trúc nội dung, khả năng sử dụng công nghệ tác động tới hứng thú học tập. Thông tin như tổ chức bố cục, giao diện thân thiện, và công cụ tương tác trực quan được nhấn mạnh là có ảnh hưởng tích cực lên trải nghiệm người dùng (UX) - rất phù hợp để làm ví dụ cho giao diện “dẫn dắt hành vi học tập”. Đây là dữ liệu quý báu để luận án đề cập đến khía cạnh công bằng thị giác và điều kiện tiếp cận trong môi trường giáo dục Việt Nam, nhằm hướng đến một mô hình thiết kế nhân văn, thực tiễn và phổ quát hơn.

Tổng thể, các nghiên cứu trên tuy còn phân tán và phần lớn thiên về ứng dụng, nhưng đã đặt nền móng ban đầu cho việc nhận diện thiết kế website giáo dục như một lĩnh vực vừa mang tính chức năng, vừa đậm chất nghệ thuật. Luận án sẽ kế thừa có chọn lọc các công trình này để xây dựng khung lý thuyết và hệ tiêu chí đánh giá riêng, tập trung vào giá trị mỹ học, ngôn ngữ thiết kế và bản sắc học đường trong không gian giao diện giáo dục số, từ đó góp phần làm rõ vai trò của thiết kế website như một hình thức nghệ thuật ứng dụng đương đại phục vụ giáo dục trong bối cảnh mới.

1.1.5. Đánh giá tổng quan và vấn đề tiếp tục nghiên cứu

1.1.5.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu, tổng kết

- Nghệ thuật thiết kế đồ họa

Nghệ thuật thiết kế đồ họa là vấn đề đã được nghiên cứu ở cả trong nước và quốc tế. Trong những thập kỷ qua, nghệ thuật thiết kế đã trải qua nhiều biến đổi và phát triển dưới ảnh hưởng của các phong trào nghệ thuật, triết học, công

nghệ số và yêu cầu xã hội. Các nghiên cứu đã cho thấy, vai trò đặc biệt của ngôn ngữ mỹ thuật trong nghệ thuật thiết kế, bao gồm nhiều lĩnh vực sản phẩm khác nhau và ngày càng được bổ sung thêm các yếu tố của công nghệ liên quan đến thị giác như: giao diện, chuyển động...

- Trang thông tin điện tử trong sự phát triển toàn diện của thế giới

Từ cuối thế kỷ XX đến nay, trang thông tin điện tử đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống số của cá nhân và tổ chức. Các nghiên cứu về TTTĐT không chỉ giới hạn ở khía cạnh kỹ thuật (web development), mà còn mở rộng sang lĩnh vực thiết kế, trải nghiệm người dùng (UX/UI), giao tiếp trực tuyến, marketing kỹ thuật số, và tương tác xã hội. Các nghiên cứu về TTTĐT tập trung vào các hướng tiếp cận về mặt kỹ thuật của web, hướng nghiên cứu trải nghiệm của người dùng, hướng nghiên cứu về nội dung của TTTĐT và hướng nghiên cứu về khả năng tiếp cận và tương tác xã hội của TTTĐT.

Nghiên cứu về TTTĐT là lĩnh vực đa ngành, giao thoa giữa kỹ thuật, thiết kế, hành vi người dùng và truyền thông. Qua hơn hai thập kỷ, các hướng nghiên cứu đã mở rộng mạnh mẽ từ cấu trúc kỹ thuật sang trải nghiệm con người, từ khả năng truy cập đến cá nhân hóa sâu rộng. Tuy nhiên, để phát triển toàn diện, các nghiên cứu tương lai cần tăng cường tính liên ngành, tính bao trùm văn hóa và yếu tố đạo đức trong thiết kế TTTĐT.

1.1.5.2. Những vấn đề tiếp tục được nghiên cứu

Từ việc tổng hợp những nghiên cứu đi trước, NCS nhận thấy, việc nghiên cứu thiết kế TTTĐT như một sáng tạo nghệ thuật toàn diện chưa được đi sâu phân tích. Thiết kế TTTĐT cần được nghiên cứu kỹ lưỡng, sâu sắc hơn từ góc nhìn nghệ thuật, thông qua việc phân tích các yếu tố biểu hiện nghệ thuật như: màu sắc, hình ảnh, bố cục, chữ... hay các yếu tố đặc trưng riêng của web như giao diện, chuyển động... Từ việc phân tích các yếu tố biểu hiện nghệ thuật của thiết kế TTTĐT, NCS mong muốn đánh giá được vai trò của các yếu tố nghệ thuật trong việc thể hiện được các vai trò khác của TTTĐT như: cung cấp

thông tin, quảng bá hình ảnh, nhận diện thương hiệu, thể hiện bản sắc...

Đây là lĩnh vực mới, lượng TTTĐT đang vận hành ở Việt Nam cũng có số lượng rất lớn. Vì vậy, tác giả chỉ tập trung lựa chọn trang web thuộc lĩnh vực giáo dục đại học. Đây là lĩnh vực có đối tượng sử dụng tương đối đặc thù, bên cạnh những yếu tố chung của nghệ thuật thiết kế TTTĐT thì cũng có những đặc thù riêng khi thực hiện thiết kế. Nhiệm vụ của luận án là tiếp tục phải nghiên cứu, làm rõ các vấn đề:

- Biểu hiện của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục. Những tiêu chí nào đánh giá tính nghệ thuật của trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục.

- Đặc trưng của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục.

- Xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục nhằm nâng cao tính nhận diện thương hiệu và quảng bá, phát triển giáo dục trong tương lai.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Khái niệm liên quan đến đề tài

1.2.1.1. Trang thông tin điện tử

Căn cứ khoản 19 Điều 3 Nghị định 147/2024/NĐ-CP quy định như sau:

Trang thông tin điện tử (website) là trang thông tin hoặc một tập hợp trang thông tin, ứng dụng (application) trên Internet được trình bày dưới dạng ký hiệu, số, chữ viết, hình ảnh, âm thanh và các dạng thông tin khác phục vụ cho việc cung cấp, sử dụng nội dung, dịch vụ khác nhau trên Internet [21].

Các trang thông tin điện tử hiện không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày, cung cấp quyền truy cập vào thông tin, dịch vụ và sản phẩm. Các chuyên gia tham gia vào việc tạo và bảo trì trang thông tin điện tử, chẳng hạn như nhà thiết kế, đóng một vai trò quan trọng trong cách các nền tảng kỹ thuật số hoạt

động và trải nghiệm người dùng. Những nhà thiết kế này không chỉ chịu trách nhiệm về tính thẩm mỹ mà còn về khả năng sử dụng và khả năng truy cập của giao diện trang thông tin điện tử. Một TTTĐT được thiết kế tốt có thể nâng cao đáng kể trải nghiệm của người dùng, giúp việc điều hướng trở nên trực quan và nội dung dễ hiểu.

Một số TTTĐT nổi tiếng nhất đã tạo được dấu ấn không thể xóa nhòa trên kết cấu Internet bao gồm Google, trang web đã trở thành công cụ tìm kiếm và truy xuất thông tin; Amazon, công ty đã cách mạng hóa thương mại điện tử và mua sắm trực tuyến; Facebook, gã khổng lồ mạng xã hội đã định nghĩa lại cách chúng ta kết nối với người khác; và Wikipedia, một bộ bách khoa toàn thư hợp tác mở rộng minh họa cho sức mạnh của việc chia sẻ kiến thức tập thể. Mỗi TTTĐT này thể hiện các khía cạnh khác nhau của việc thiết kế và phát triển TTTĐT thành công. Giao diện tối giản của Google tạo điều kiện cho trải nghiệm tìm kiếm hiệu quả; Thiết kế lấy người dùng làm trung tâm của Amazon giúp đơn giản hóa các giao dịch thương mại điện tử phức tạp; Các tính năng xã hội trực quan của Facebook thúc đẩy việc xây dựng cộng đồng; và khả năng điều hướng đơn giản của Wikipedia cho phép người dùng khám phá lượng lớn dữ liệu một cách dễ dàng. Tóm lại, các TTTĐT đã phát triển từ các tài liệu quảng cáo kỹ thuật số đơn giản thành các nền tảng phức tạp phục vụ vô số chức năng trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Tiêu chuẩn chuyên môn của nhà thiết kế TTTĐT rất nghiêm ngặt và phải đảm bảo rằng giao diện TTTĐT đáp ứng các tiêu chuẩn cao mà người dùng thông minh trong xã hội hiện đại ngày nay yêu cầu. Khi công nghệ tiếp tục phát triển, các trang TTTĐT chắc chắn sẽ luôn đi đầu trong quá trình phát triển kỹ thuật số này, liên tục định hình lại cách chúng ta tương tác với thế giới xung quanh.

Theo Peter Morville và Louis Rosenfeld (2006), TTTĐT là “một tập hợp các trang được liên kết với nhau và thường được duy trì bởi một cá nhân, nhóm

hoặc tổ chức” [78, tr.18].

Theo Nguyễn Văn Thịnh (2014), TTTĐT là “một tập hợp các trang thông tin điện tử được tổ chức dưới dạng siêu văn bản, hoạt động trong môi trường Internet và được xác định bằng một địa chỉ truy cập riêng (tên miền)” [26, tr. 45].

Từ quan niệm của 2 tác giả trên, tác giả cho rằng: trang thông tin điện tử là tập hợp các trang thông tin điện tử có liên quan nằm dưới một tên miền duy nhất, thường do một thực thể duy nhất tạo ra và có sẵn công khai trên Internet.

- Trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục

Theo EDUCAUSE (2005), “Website giáo dục là thành phần của hệ thống quản lý học tập (LMS) hoặc hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS), cung cấp nền tảng phân phối nội dung, quản lý tiến trình học tập và hỗ trợ giao tiếp giữa người học và giảng viên” [39, tr.4].

UNESCO (2002) cho rằng: “Website giáo dục được xem là nền tảng trực tuyến cung cấp các tài nguyên học tập và giảng dạy, hỗ trợ việc học tập suốt đời và phát triển kỹ năng cho người học ở mọi lứa tuổi. Website giáo dục không chỉ đơn thuần là nơi chứa thông tin, mà còn là môi trường tương tác giúp nâng cao hiệu quả quá trình giáo dục” [86].

Tác giả luận án cũng thống nhất với cả 2 quan điểm này. Hiện nay hệ thống TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục cũng chia làm 2 loại như khái niệm trên, gồm: các TTTĐT quản lý học tập của các cơ sở đào tạo hoặc các cơ quan quản lý đào tạo và các TTTĐT học tập trực tuyến. Đồng thời, có những TTTĐT đã tích hợp được cả 2 loại hình hoạt động trên.

1.2.1.2. Nghệ thuật, nghệ thuật thiết kế

* Khái niệm Nghệ thuật

Theo Từ điển Bách khoa Britannica, Nghệ thuật (Art) được định nghĩa là một đối tượng hoặc trải nghiệm thị giác được tạo ra một cách có chủ ý thông qua việc thể hiện kỹ năng hoặc trí tưởng tượng... bằng cách sắp xếp các yếu tố

như hình thức, màu sắc, không gian và chất liệu để tạo ra những tác phẩm có giá trị thẩm mỹ [138].

Còn theo *Từ điển Oxford*, Nghệ thuật (Art) được mô tả là việc sử dụng trí tưởng tượng để thể hiện ý tưởng hoặc cảm xúc, đặc biệt trong hội họa, vẽ hoặc điêu khắc [137] hay theo *Từ điển Cambridg*, Nghệ thuật (Art): Sự sáng tạo và sản xuất các tác phẩm (bằng cách sử dụng kỹ thuật) mà mọi người thường muốn coi và đánh giá cao về vẻ đẹp hoặc tình cảm [129].

Từ điển Tiếng Việt định nghĩa Nghệ thuật (Art): là hình thức sáng tạo mang phẩm chất thẩm mỹ, phản ánh hiện thực, cảm xúc, tư tưởng của con người, thể hiện qua các phương tiện như hình ảnh, âm thanh hoặc lời nói [28, tr.462].

Mặc dù có sự khác biệt trong các định nghĩa, nhưng *nghệ thuật thường được mô tả là sự sáng tạo của con người thông qua việc tạo ra các tác phẩm có giá trị thẩm mỹ hoặc biểu hiện ý tưởng và cảm xúc*. Các định nghĩa này cũng thường nhấn mạnh vào việc sử dụng sự sắp xếp của các yếu tố như hình thức, màu sắc, và âm thanh.

** Khái niệm Thiết kế*

Theo *Từ điển tiếng Anh Oxford*, thiết kế được định nghĩa là “một kế hoạch hoặc bản vẽ được tạo ra để thể hiện hình dáng, chức năng hoặc hoạt động của một tòa nhà, quần áo hoặc các đồ vật khác trước khi nó được tạo ra” [130].

Về cơ bản, nó gói gọn ý tưởng khái niệm hóa và lên kế hoạch cho một tác phẩm hoặc hệ thống trước khi nó được tạo ra. Trong lĩnh vực chuyên môn, thiết kế không chỉ đơn thuần là tạo ra một kế hoạch hoặc một nguyên mẫu; nó trở thành một quá trình phức tạp bao gồm việc tìm hiểu nhu cầu và mong muốn của người dùng, bối cảnh sử dụng sản phẩm và tính thực tiễn của chức năng của nó. Thiết kế không chỉ nói về tính thẩm mỹ; đó là việc tạo ra các giải pháp hiệu quả và thường mang tính biến đổi. - Một số chuyên gia đã đưa ra những

hiểu biết sâu sắc của họ về những gì tạo nên thiết kế. Tim Brown, Giám đốc điều hành của công ty thiết kế nổi tiếng IDEO, đã nói rõ rằng tư duy thiết kế là một cách tiếp cận đổi mới lấy con người làm trung tâm, rút ra từ bộ công cụ của nhà thiết kế để tích hợp nhu cầu của con người, khả năng của công nghệ và yêu cầu để đạt được thành công trong kinh doanh. Ở góc độ này, thiết kế được coi là cầu nối giữa con người và công nghệ, đảm bảo rằng các sản phẩm và dịch vụ được điều chỉnh để cải thiện trải nghiệm của con người đồng thời vẫn tồn tại trên thị trường.

Dieter Rams, một nhân vật xuất sắc khác trong lĩnh vực thiết kế, đã đưa ra 10 nguyên tắc thiết kế tốt, được chấp nhận rộng rãi như những hướng dẫn về chất lượng trong phát triển sản phẩm. Một trong những nguyên tắc chính của ông nhấn mạnh rằng thiết kế tốt phải có tính đổi mới và làm cho sản phẩm trở nên hữu ích. Đối với Rams, khái niệm “thiết kế là gì” mở rộng đến việc tạo ra những sản phẩm dễ hiểu và kín đáo, nhấn mạnh cách tiếp cận trung thực trong thiết kế, nơi không có gì là tùy tiện hoặc tùy hứng.

Trong thiết kế đồ họa, tác giả Helen Armstrong cho rằng: “Thiết kế là hoạt động xã hội. Hiếm khi việc này được làm một mình hay mang tính cá nhân. Những nhà thiết kế đáp ứng khách hàng, những vị khán giả, nhà xuất bản, tổ chức và cộng tác viên. Trong khi công việc của nhà thiết kế rất dễ nhìn thấy, thì họ lại là những nghệ sĩ ẩn danh” [49].

Khi tổng hợp những quan điểm này, có thể thấy rõ rằng thiết kế là một lĩnh vực chuyên môn vượt qua những định nghĩa đơn giản. Nó đòi hỏi sự cân bằng giữa tính sáng tạo và logic, hình thức và chức năng, vẻ đẹp và khả năng sử dụng. Thiết kế không chỉ là tạo ra cái gì đó mới; đó là về việc cải thiện những gì đã tồn tại để tăng cường sự tương tác của con người với thế giới xung quanh chúng ta. Cho dù trong kiến trúc, thời trang, giao diện kỹ thuật số hay bất kỳ lĩnh vực nào khác mà thiết kế đóng vai trò then chốt, việc hiểu các nguyên tắc

cốt lõi của nó là nền tảng để tạo ra những sản phẩm và trải nghiệm có ý nghĩa.

Có thể nói, *nghệ thuật thiết kế là khái niệm chỉ quá trình họa sĩ sử dụng ngôn ngữ thiết kế đồ họa một cách sáng tạo để tạo ra sản phẩm mỹ thuật ứng dụng nhằm đạt mục tiêu thẩm mỹ, hướng đến cảm xúc của người tiếp nhận và các mục tiêu khác mà mỹ thuật có thể can thiệp*. Đề tài sẽ sử dụng khái niệm công cụ này để phân tích nghệ thuật thiết kế TTTĐT.

1.2.1.3. Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử

* *Thiết kế Trang thông tin điện tử*

Thuật ngữ “thiết kế trang thông tin điện tử” bao gồm một loạt các kỹ năng và nguyên tắc, tất cả đều hướng tới việc tạo và duy trì TTTĐT. Nó không chỉ đơn giản là về sự hấp dẫn về mặt thẩm mỹ; thiết kế TTTĐT liên quan đến việc hiểu trải nghiệm người dùng, tối ưu hóa công cụ tìm kiếm, tính dễ sử dụng và các chi tiết kỹ thuật - một lĩnh vực đa dạng và năng động không ngừng phát triển cùng với công nghệ.

- Jeffrey Zeldman - người tiên phong trong lĩnh vực thiết kế và tiêu chuẩn web, đã nhấn mạnh tầm quan trọng của nội dung và trải nghiệm người dùng so với tính thẩm mỹ hào nhoáng. Ông có câu nói nổi tiếng: “Nội dung đi trước thiết kế. Thiết kế mà không có nội dung thì không phải là thiết kế mà là sự trang trí” [52]. Quan điểm này nêu bật ý tưởng rằng một TTTĐT phải tập trung vào nội dung của nó và khả năng tương tác với nội dung đó của người dùng; Các yếu tố thiết kế phải nâng cao chứ không làm sao lãng thông điệp và chức năng cốt lõi.

- Một nhân vật hàng đầu khác trong lĩnh vực thiết kế TTTĐT, Aaron Walter, tác giả cuốn *Design for emotion (Thiết kế cảm xúc)* [32], ủng hộ những thiết kế gây được tiếng vang với người dùng ở mức độ cảm xúc. Ông nói: “Thiết kế cảm xúc biến người dùng bình thường thành người cuồng tín, sẵn sàng kể cho người khác về trải nghiệm tích cực của họ”. Cách tiếp cận của Walter nhấn

mạnh tiềm năng của một TTTĐT trong việc tạo ra sự kết nối với khán giả thông qua thiết kế gợi lên cảm xúc và tạo ra những trải nghiệm đáng nhớ. Các chuyên gia cũng chỉ ra rằng thiết kế TTTĐT không chỉ là giao diện mặt trước mà còn liên quan đến sự hiểu biết sâu sắc về chức năng mặt sau.

Một câu nói của Steve Jobs đã gói gọn quan điểm tổng thể này: “Thiết kế không chỉ là vẻ ngoài và cảm giác của nó. Thiết kế là cách nó hoạt động” [107]. Nguyên tắc này đóng vai trò như một lời nhắc nhở rằng một TTTĐT được thiết kế tốt phải trực quan và có chức năng, cung cấp trải nghiệm người dùng liền mạch từ đầu đến cuối.

Hơn nữa, trong thế giới lấy thiết bị di động làm trung tâm ngày nay, thiết kế đa phương tiện là điều cơ bản. Thiết kế TTTĐT đa phương tiện đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo các TTTĐT hoạt động trên nhiều thiết bị. Steve Jobs giải thích rằng thiết kế đáp ứng là “cung cấp trải nghiệm xem tối ưu - dễ đọc và điều hướng, tối ưu việc thay đổi kích thước, xoay và cuộn - qua một loạt các thiết bị”.

Bởi vậy, nhà thiết kế TTTĐT là một chuyên gia chuyên tạo bố cục, hình thức trực quan và giao diện người dùng tổng thể (hoặc “giao diện”) của một trang web. Thiết kế TTTĐT tốt đảm bảo rằng một TTTĐT không chỉ đẹp mắt mà còn dễ sử dụng, phản hồi nhanh trên nhiều thiết bị khác nhau, mọi người dùng đều có thể truy cập và có khả năng hoạt động tốt trên các công cụ tìm kiếm. Để đạt được điều này, các nhà thiết kế TTTĐT phải thành thạo thiết kế đồ họa, thiết kế giao diện người dùng, viết mã tiêu chuẩn và phân mềm độc quyền, thiết kế trải nghiệm người dùng và tối ưu hóa công cụ tìm kiếm. Nhiều nhà thiết kế TTTĐT đã tạo được dấu ấn trong ngành bằng cách tung ra các thiết kế sáng tạo đặt ra các tiêu chuẩn mới về trải nghiệm và chức năng của người dùng. Một số nhân vật đáng chú ý bao gồm Jeffrey Zeldman, người đứng sau A List Apart - một TTTĐT khám phá thiết kế, phát triển và ý nghĩa của nội

dung TTTĐT với trọng tâm đặc biệt là các tiêu chuẩn và phương pháp hay nhất.

Một nhân vật nổi bật khác là Ethan Marcotte, người đã đặt ra thuật ngữ “thiết kế web đáp ứng” (RWD) đã cách mạng hóa cách các nhà thiết kế tạo ra các TTTĐT mang lại trải nghiệm xem tối ưu trên nhiều loại thiết bị. Công việc của ông đã nhấn mạnh tầm quan trọng của bố cục, hình ảnh linh hoạt và cách sử dụng thông minh các truy vấn phương tiện CSS.

Lea Verou cũng đã có những đóng góp đáng kể cho lĩnh vực này nhờ chuyên môn về CSS. Các dự án và sách tương tác của cô đã hướng dẫn nhiều người cách tạo ra giao diện hấp dẫn và năng động hơn mà không ảnh hưởng đến hiệu suất hoặc khả năng tương thích. Ngoài ra, có những công ty thiết kế như Fantasy Interactive (Fi) nổi tiếng với việc tạo ra những trải nghiệm kỹ thuật số chất lượng cao cho các khách hàng từ Google đến National Geographic. Sự nhấn mạnh của họ vào sự đổi mới và vượt qua ranh giới của những gì có thể làm được trực tuyến đã mang lại cho họ nhiều giải thưởng.

Tóm lại, thiết kế TTTĐT là một lĩnh vực không ngừng phát triển, nằm ở giao điểm của công nghệ, nghệ thuật và truyền thông. Những đóng góp của nhà thiết kế có tác động lâu dài đến cách chúng ta tương tác với thế giới kỹ thuật số. Các phương pháp tiếp cận đổi mới của họ đối với giao diện đã mở đường cho các TTTĐT trực quan, hấp dẫn và toàn diện hơn nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khán giả. Khi công nghệ tiếp tục phát triển, những nhà thiết kế này và nhiều người khác chắc chắn sẽ tiếp tục định hình tương lai của thiết kế TTTĐT.

** Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử*

Nghệ thuật thiết kế TTTĐT là quá trình họa sĩ thiết kế sử dụng các yếu tố thị giác như hình ảnh, màu sắc, bố cục và kiểu chữ một cách sáng tạo để tạo ra môi trường kỹ thuật số hấp dẫn không chỉ thu hút người dùng mà còn tạo điều kiện điều hướng và tương tác trực quan với nội dung TTTĐT. Đây là quá trình cụ thể hóa mục tiêu thẩm mỹ, hướng đến cảm

xúc của người dùng và các mục tiêu khác mà mỹ thuật có thể hình thành thông qua ngôn ngữ thiết kế đồ họa.

- Hình ảnh trong nghệ thuật thiết kế TTTĐT là các tín hiệu thị giác như hình vẽ, ảnh chụp, mảng màu, biểu tượng, chữ nghệ thuật. Hình ảnh đóng một vai trò quan trọng trong thiết kế TTTĐT, được coi như một công cụ giao tiếp mạnh mẽ. Hình ảnh có thể truyền tải những ý tưởng phức tạp một cách nhanh chóng và gợi lên những phản ứng cảm xúc mà chỉ văn bản thôi sẽ không thể diễn đạt được. Hình ảnh phải được lựa chọn cẩn thận để có hiệu quả, chất lượng cao và được tối ưu hóa để đáp ứng mục tiêu thẩm mỹ và kỹ thuật.

- Màu sắc trong thiết kế TTTĐT là một thành phần thiết yếu xuất hiện song hành cùng các yếu tố tạo hình. Có các cách gọi như gam màu, tông màu, bảng màu, hòa sắc,... , các hiệu quả đậm nhạt, sắc thái, sắc loại của màu và các dạng thức phân biệt hệ màu (RGB, CMYK, Pantone; HSV, Lab,...). Cách phối màu của TTTĐT ảnh hưởng đến sự hấp dẫn của thông tin và cũng có thể ảnh hưởng đến hành vi của người dùng. Bảng màu tổng thể cho một TTTĐT cần được lựa chọn cẩn thận để đảm bảo rằng nó bổ sung cho các yếu tố thiết kế khác và phù hợp với bộ nhận diện thương hiệu. Màu sắc có sức mạnh gợi lên cảm xúc; ví dụ: màu xanh lam thường mang lại cảm giác tin cậy và chuyên nghiệp, đó là lý do tại sao nó là lựa chọn phổ biến cho các TTTĐT công ty. ĐHQGHN sử dụng màu xanh làm chủ đạo, như bộ nhận diện thương hiệu của nhà trường, bên cạnh đó là tông màu cam và đỏ cam đất nhằm làm nổi bật tin tức mới, quan trọng.

- Bố cục đề cập đến cách sắp xếp và trình bày cấu trúc thông tin, nội dung trên một TTTĐT. Bố cục được cân nhắc kỹ lưỡng đảm bảo rằng thông tin được sắp xếp hợp lý và người dùng có thể dễ dàng truy cập. Hệ thống lưới thường được sử dụng để tạo ra các thiết kế cân bằng hướng mắt người dùng qua trang. TTTĐT của ĐHQGHN, Đại học Quốc gia TP. HCM và

ĐHMTVN minh họa cách sử dụng tuyệt vời bố cục dạng lưới, với các phần được xác định rõ ràng cho các loại nội dung tin tức khác nhau, giúp người đọc dễ dàng tìm thấy những gì họ quan tâm.

- Kiểu chữ (phông chữ) là một khía cạnh quan trọng khác của thiết kế TTTĐT. Có nhiều kiểu chữ, trong đó mỗi kiểu chữ phù hợp với từng nội dung, mục tiêu khác nhau. Vì thế, việc lựa chọn phông chữ góp phần làm cho nội dung dễ đọc hơn, truyền tải thông điệp hiệu quả hơn cho TTTĐT. Phông chữ Sans-serif thường được ưa chuộng vì vẻ ngoài hiện đại và dễ đọc trên màn hình kỹ thuật số.

Trong nghệ thuật thiết kế TTTĐT, sự kết hợp hài hòa các yếu tố thị giác (hình ảnh, màu sắc, bố cục và kiểu chữ) có tính quyết định đến hiệu quả thẩm mỹ thị giác, giúp người dùng có trải nghiệm hấp dẫn đồng thời tuyên bố và duy trì tính nhất quán của thương hiệu. Bằng cách phân tích các ví dụ thực tế, luận án không muốn chỉ ra rằng, những yếu tố này không chỉ là một phần của quá trình thiết kế mà còn là công cụ xác định cách một TTTĐT giao tiếp với khán giả. Thông qua nghệ thuật thiết kế, xây dựng chiến lược, các TTTĐT không chỉ trở thành các tài liệu quảng cáo kỹ thuật số mà còn trở thành những nền tảng ứng dụng công nghệ phong phú phản ánh đặc tính của tổ chức và phục vụ người dùng một cách hiệu quả.

1.2.2. Lý thuyết áp dụng trong đề tài

1.2.2.1. Lý thuyết truyền thông thị giác

Truyền thông thị giác (visual communication) là lĩnh vực nghiên cứu cách con người sử dụng hình ảnh, màu sắc, ký hiệu và bố cục để truyền tải thông điệp, ý nghĩa và cảm xúc trong bối cảnh văn hóa - xã hội cụ thể. Không tồn tại một lý thuyết đơn nhất về truyền thông thị giác; thay vào đó, đây là một trường liên ngành, tiếp nhận và tích hợp lý thuyết từ mỹ thuật, nhận thức học, ký hiệu học, truyền thông đại chúng, tâm lý học, nhân học hình ảnh và công

nghệ số. Như Susan Barnes nhận định, không có một học thuyết thống nhất cho hình ảnh thị giác, mà thay vào đó là những khung phân tích dựa trên các bối cảnh lịch sử - văn hóa khác nhau [102]. Trong luận điểm của James Carey, truyền thông được hiểu như một “quá trình tượng trưng mà qua đó thực tại được tạo ra, duy trì, sửa chữa và biến đổi” [102], điều này đặc biệt đúng với hình ảnh, nơi thông tin không chỉ được chuyển tải mà còn được kiến tạo qua trải nghiệm thị giác và văn hóa thị giác của người tiếp nhận.

Từ những hình vẽ hang động thời tiền sử đến hệ thống ký hiệu cổ đại của các nền văn minh Lưỡng Hà, Ai Cập, và Trung Hoa, truyền thông thị giác đã khởi nguồn từ nhu cầu biểu đạt không lời nhưng giàu ngữ nghĩa. Các hình vẽ, ký hiệu và biểu tượng không chỉ ghi lại thông tin mà còn gắn kết cộng đồng, thể hiện tín ngưỡng, tri thức và cảm xúc. Dưới ánh sáng của các nghiên cứu gần đây, như của Miyagawa et al. (2018), tranh hang động còn được xem là hình thức “giao tiếp xuyên giác quan” [109], cho thấy sự phức tạp và chiều sâu sớm có trong truyền thông hình ảnh - điều tạo nền tảng cho sự ra đời của ký hiệu học hiện đại.

Tư tưởng ký hiệu học, bắt đầu từ F. de Saussure với khái niệm signifier/signified (ký hiệu và cái được ký hiệu) và Charles Peirce với mô hình biểu tượng - chỉ thị - biểu trưng, đã đặt nền móng lý luận cho phân tích hình ảnh. Sau đó, Roland Barthes, trong các công trình như *Mythologies* (1957) và *La Rhétorique de l'Image* (1964), đã mở rộng lý thuyết ký hiệu vào phân tích ảnh quảng cáo và hình ảnh văn hóa. Ông chỉ ra rằng hình ảnh không chỉ mang ý nghĩa biểu vật (denotation) mà còn chuyển tải hàm nghĩa (connotation), thậm chí có thể chứa đựng huyền thoại văn hóa. Khung phân tích này là tiền đề để luận án áp dụng khi giải mã ý nghĩa ngầm và hệ thống giá trị văn hóa - giáo dục được thể hiện trong thiết kế giao diện TTTĐT học đường. Một bố cục, một tông màu, hay lựa chọn hình ảnh minh họa trong giao diện đều có thể hàm chứa

một triết lý giáo dục, một biểu tượng về bản sắc học đường hoặc một thông điệp ngầm về cách nhìn nhận người học.

Trong thế kỷ XX, trường phái Gestalt tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu truyền thông thị giác, đặc biệt qua các nguyên lý như gần gũi, tương đồng, liên tục, hình nền và tính khép kín - tất cả đều chỉ ra cách con người có xu hướng tổ chức các yếu tố thị giác thành một chỉnh thể có ý nghĩa. Những nguyên lý này đã được ứng dụng sâu rộng trong thiết kế đồ họa, quảng cáo, và đặc biệt là trong thiết kế giao diện số. Đối với luận án này, tư duy Gestalt được sử dụng để lý giải cách tổ chức bố cục TTTĐT giáo dục theo hướng dễ tiếp nhận, trực quan và hỗ trợ hành vi học tập. Ví dụ, việc định vị menu, cấu trúc phân tầng nội dung, phân nhóm thông tin trên một trang chủ học tập đều chịu tác động bởi quy luật thị giác Gestalt.

Cùng với đó, các lý thuyết truyền thông đại chúng như mô hình Lasswell (Ai - Nói gì - Qua kênh nào - Với ai - Với hiệu quả gì) hay mô hình Shannon & Weaver (thông điệp - mã hóa - truyền tải - giải mã - phản hồi) tuy ban đầu thiết kế cho thông tin tuyến tính, nhưng cũng cho phép áp dụng vào môi trường TTTĐT. TTTĐT, đặc biệt là trong giáo dục, là một hình thức truyền thông tương tác, nơi người học không chỉ tiếp nhận mà còn phản hồi, lựa chọn và điều hướng hành trình học tập của mình. Luận án sẽ sử dụng các mô hình truyền thông này để phân tích dòng chảy thông tin, sự tham gia chủ động của người học và vai trò của thiết kế giao diện trong việc khơi gợi, kiểm soát hoặc mở rộng hành vi học tập.

Bước vào kỷ nguyên kỹ thuật số, lý thuyết truyền thông thị giác phải thích ứng với các nền tảng mới như mạng xã hội, TTTĐT, thực tế ảo, và môi trường di động. Lý thuyết remediation của Bolter và Grusin (1999) [36] cho thấy hình ảnh kỹ thuật số không đứng riêng lẻ, mà luôn “tái bào chữa” và định hình lại những phương tiện truyền thông truyền thống. Điều này phản ánh đúng

quá trình phát triển của website giáo dục hiện nay: các thiết kế không chỉ là sự số hóa tài liệu học mà còn là không gian tái tạo lại lớp học, tái hiện trực giác sự phạm và định hình lại vai trò của giáo viên - học sinh qua giao diện thị giác.

Đặc biệt quan trọng đối với luận án là lý thuyết học tập đa phương tiện của Mayer (2001) [68], nhấn mạnh rằng quá trình học hiệu quả xảy ra khi người học xây dựng mô hình tinh thần dựa trên cả văn bản và hình ảnh. Mayer phát triển hệ nguyên lý thiết kế như nguyên lý liên kết (contiguity), nguyên lý mô đun hóa (modality), nguyên lý tối giản hóa (coherence)..., tất cả đều cho thấy cách thiết kế giao diện giáo dục bằng hình ảnh có thể tác động đến nhận thức, trí nhớ và mức độ tiếp thu của người học. Các nguyên lý này chính là khung lý thuyết trọng tâm được luận án vận dụng để phân tích các yếu tố thị giác trong TTTĐT giáo dục như: hình minh họa, biểu đồ, sơ đồ khái niệm, video bài giảng, phân bố không gian chữ - ảnh...

Song song đó, lý thuyết thị giác dữ liệu (data visualization) - đại diện bởi các tác giả như Edward Tufte, Cleveland & McGill - cũng cung cấp nền tảng quan trọng để phân tích các yếu tố trực quan trong giao diện học liệu số. Các nguyên lý như “graphical excellence” của Tufte hay phân cấp nhận thức thị giác giúp luận án làm rõ cách thiết kế TTTĐT giáo dục có thể hỗ trợ người học phát hiện xu hướng, phân biệt nội dung, so sánh và đánh giá thông tin hiệu quả hơn nhờ tổ chức hợp lý các biểu đồ, infographics, và bảng dữ liệu học thuật.

Tổng kết lại, lịch sử và lý luận truyền thông thị giác - từ ký hiệu học cổ điển, Gestalt, đến truyền thông đại chúng, học tập đa phương tiện và thị giác dữ liệu - cung cấp cho luận án một khung lý thuyết tổng hợp để phân tích thiết kế TTTĐT giáo dục từ góc nhìn nghệ thuật và nhận thức học. Trong đó, giao diện không chỉ là lớp hình thức phục vụ nội dung mà chính là một thực thể thẩm mỹ đa tầng - nơi ngôn ngữ thiết kế hình ảnh trở thành công cụ trung tâm trong việc xây dựng trải nghiệm học tập, nhận diện học đường, và lan tỏa giá trị giáo dục nhân văn trong môi trường số.

1.2.2.2. Lý thuyết hình tượng học - Iconology.

Hình tượng học - còn gọi là biểu tượng học thị giác (Iconology) - là một lĩnh vực nghiên cứu lâu đời trong mỹ thuật, đặc biệt được hệ thống hóa và phát triển bởi nhóm học giả kinh điển như Aby Warburg, Erwin Panofsky và Fritz Saxl từ đầu thế kỷ XX. Khởi nguồn từ lịch sử nghệ thuật và nhân học hình ảnh, hình tượng học không chỉ dừng lại ở việc mô tả hình ảnh mà còn tập trung phân tích tầng sâu ý nghĩa, bối cảnh văn hóa - xã hội và diễn ngôn tư tưởng mà hình ảnh biểu đạt.

Theo Panofsky, mỗi hình ảnh nghệ thuật mang trong nó ba cấp độ ý nghĩa: (1) mức độ mô tả (*pre-iconographical*), (2) mức độ ký hiệu (*iconographical*) và (3) mức độ biểu hiện nội dung (*iconological*). Cách tiếp cận này cho phép không chỉ xem hình ảnh như một đơn vị thị giác độc lập, mà còn như một kết tinh biểu tượng của hệ tư tưởng, cảm xúc và cấu trúc văn hóa. Warburg thậm chí nhấn mạnh vai trò của “hình ảnh sống” như một kênh truyền dẫn ký ức tập thể và chuyển giao tri thức trong lịch sử nhân loại. Tư tưởng đó đã mở ra hướng phân tích hình ảnh không chỉ trong hội họa mà còn trong các loại hình truyền thông mới, đặc biệt là trong môi trường số.

Trong thiết kế đồ họa hiện đại - bao gồm thiết kế giao diện số - biểu tượng học vẫn giữ vai trò trung tâm, đặc biệt là khi nhà thiết kế cần truyền tải ý nghĩa phức hợp thông qua hình ảnh đơn giản. Các biểu tượng như hình trái tim, dấu kiểm, biểu tượng thư mục hay kính lúp không đơn thuần là dấu hiệu chỉ dẫn, mà còn là sản phẩm văn hóa với những tầng ý nghĩa đã được xã hội hóa qua thời gian. Tính phổ quát và tính đặc thù văn hóa của biểu tượng vì thế trở thành một yếu tố quyết định hiệu quả truyền thông thị giác.

Trong phạm vi thiết kế TTTĐT giáo dục, lý thuyết hình tượng học không chỉ hỗ trợ nhà nghiên cứu phân tích cấu trúc thị giác của giao diện, mà còn giải mã cách hình ảnh mang tải tri thức sư phạm, bản sắc học đường và triết lý giáo

dục. Mỗi biểu tượng trong giao diện - từ biểu tượng thư viện, sổ tay học tập, lịch học, đến các minh họa trong bài giảng số - đều là kết quả của lựa chọn mang tính biểu đạt. Việc sử dụng biểu tượng không phù hợp về văn hóa, không nhất quán về hệ quy chiếu thị giác, hoặc mơ hồ về ý nghĩa sẽ dẫn đến gián đoạn hành vi học tập và ảnh hưởng đến nhận thức của người học.

Ngược lại, nếu biểu tượng được lựa chọn đúng, dựa trên hiểu biết về biểu tượng học và tâm lý học nhận thức, sẽ nâng cao đáng kể khả năng tiếp nhận, điều hướng và ghi nhớ thông tin học tập. Chẳng hạn, biểu tượng chiếc bút chì thường được hiểu là “soạn thảo” hoặc “ghi chú”; biểu tượng cây thước là đại diện cho “công cụ đo lường”; biểu tượng chiếc đồng hồ biểu thị “thời gian học” hay “lịch học”. Tất cả những hình ảnh này, nếu được đặt trong hệ thống thị giác nhất quán, sẽ giúp người học định vị nhanh chóng chức năng, giảm tải nhận thức và nâng cao hiệu quả trải nghiệm giáo dục số.

Quan trọng hơn, các biểu tượng mang giá trị văn hóa hoặc bản sắc học đường - chẳng hạn như hoa sen, ngọn đèn, trống đồng, màu áo đồng phục, kiến trúc học đường - nếu được chuyển hóa tinh tế vào giao diện số, sẽ góp phần xây dựng nhận diện học đường trong môi trường kỹ thuật số, giúp TTTĐT không chỉ là nền tảng học liệu, mà còn là không gian thẩm mỹ mang đậm dấu ấn triết lý giáo dục Việt Nam.

Một khía cạnh khác cần nhấn mạnh là tính nhất quán thị giác trong hệ thống biểu tượng của TTTĐT. Lý thuyết hình tượng học cung cấp cơ sở để thiết kế một hệ thống biểu tượng thống nhất - nơi ngôn ngữ thị giác không bị rời rạc mà hình thành một “diễn ngôn thị giác liền mạch”. Điều này đặc biệt cần thiết trong môi trường học đường, nơi người học - nhất là học sinh phổ thông - thường dựa vào ghi nhớ trực quan để điều hướng thao tác và hiểu chức năng. Khi hệ thống biểu tượng được thiết kế nhất quán và mang tính biểu trưng cao, trải nghiệm học tập trở nên trực quan, thân thiện và dễ tiếp cận hơn.

Ngoài ra, biểu tượng còn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nhịp điệu

và cấu trúc thị giác cho toàn bộ giao diện, giúp định hình các “vùng chức năng” và hướng ánh nhìn. Điều này liên hệ mật thiết đến nguyên lý của Panofsky về “hình ảnh như cấu trúc ý nghĩa” - nơi việc sắp xếp biểu tượng không chỉ theo logic công năng mà còn phản ánh cấu trúc tư duy, thứ bậc khái niệm và quy trình nhận thức.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng: lý thuyết hình tượng học không chỉ là công cụ để phân tích hình ảnh trong mỹ thuật truyền thống, mà còn là khung lý luận linh hoạt và sâu sắc để tiếp cận thiết kế giao diện website giáo dục như một loại hình mỹ thuật ứng dụng có chức năng sư phạm, biểu đạt văn hóa và điều hướng hành vi học tập. Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay, việc vận dụng biểu tượng học vào thiết kế TTTĐT không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tương tác và nhận thức, mà còn là một bước tiến quan trọng trong việc kiến tạo không gian học đường số đậm chất nghệ thuật và nhân văn

1.2.3. Tiêu chí đánh giá tính nghệ thuật của thiết kế giao diện trang thông tin điện tử

Tiêu chí đánh giá tính nghệ thuật của một giao diện trang thông tin điện tử được xác định dựa trên hiệu quả về nghệ thuật mà nhà thiết kế đồ họa tạo ra. Nó có thể bao gồm những tiêu chí cơ bản như: tính thẩm mỹ, tính khả dụng, tính sáng tạo, hiệu quả thông tin.

1.2.3.1. Tính thẩm mỹ

- Mức độ hiệu quả của việc áp dụng các yếu tố nghệ thuật: màu sắc, logo, phong chữ, hình ảnh bổ trợ, hình ảnh về nhận diện thương hiệu doanh nghiệp trong thiết kế giao diện TTTĐT.

- Sự đồng bộ, tuân thủ quy ước của bộ nhận diện thương hiệu cho tất cả các yếu tố hình thành giao diện TTTĐT.

- Sử dụng, phát triển yếu tố nhận diện thương hiệu trong thiết kế TTTĐT một cách tối ưu, sáng tạo.

1.2.3.2. Tính khả dụng / Usability

Theo ISO 9241-11, Khả dụng/ Usability là mức độ mà một sản phẩm được sử dụng bởi những người dùng nhất định để đạt được những mục tiêu nhất định với hiệu quả, hiệu suất và sự hài lòng trong một bối cảnh sử dụng nhất định. Tính khả dụng ở đây được xét dưới góc độ hiệu quả của quá trình thiết kế đồ họa bao gồm tín hiệu biểu tượng dễ nhận biết, vị trí ưu tiên, tỷ lệ lớn nhỏ, điểm nhấn màu sắc, gây chú ý bằng biểu tượng,...

- Độ dễ học của TTTĐT (Learnability): nhờ nghệ thuật sử dụng yếu tố thị giác giúp người dùng có thể nhanh chóng và dễ dàng tìm hiểu cách sử dụng website để thực hiện các nhiệm vụ mong muốn.

- Độ hiệu quả của TTTĐT (Efficiency): các yếu tố thị giác giúp người dùng có thể hoàn thành các nhiệm vụ một cách nhanh chóng và chính xác khi đã quen thuộc với website.

- Độ hài lòng của người dùng với TTTĐT (Satisfaction): khả năng đem lại cảm giác thoải mái, an toàn và hứng thú của người dùng khi sử dụng TTTĐT.

1.2.3.3. Tính sáng tạo / Creativity

Tiêu chí đánh giá tính thẩm mỹ của website qua yếu tố sáng tạo (creative) là một tiêu chí quan trọng đối với người thiết kế TTTĐT, bởi sự sáng tạo sẽ làm ra sự khác biệt và thu hút người dùng.

- Sự mới lạ: khả năng mang lại những trải nghiệm mới mẻ và bất ngờ cho người dùng nhờ cách sử dụng các yếu tố thị giác.

- Sự gợi mở: Khả năng hỗ trợ người dùng liên tưởng, mở rộng hiểu biết của mình nhằm thu lại những nhận thức mới về tính thẩm mỹ của nghệ thuật thiết kế TTTĐT.

- Sự độc đáo: hiệu quả của quá trình thiết kế đến khả năng phản ánh bản sắc, nổi bật, sự khác biệt và cá tính của chủ thể sử dụng TTTĐT.

1.2.3.4. Hiệu quả thông tin/Nội dung

Hiệu quả thông tin là một trong những yếu tố quan trọng để đánh giá tính thẩm mỹ của TTTĐT. Nội dung thông tin không chỉ bao gồm văn bản, mà còn bao gồm hình ảnh, video, âm thanh, đồ họa, biểu đồ... Một TTTĐT có nội dung thông tin chất lượng, dễ hiểu và có ích sẽ thu hút được sự quan tâm của người dùng, tăng uy tín cho thương hiệu. một số tiêu chí sau đây giúp đánh giá tính nghệ thuật của thiết kế TTTĐT.

- Sự hài hòa: Thiết kế và trình bày nội dung tạo ra sự cân bằng giữa các yếu tố thị giác, tạo ấn tượng và thu hút người dùng.

- Sự phù hợp: TTTĐT có những lựa chọn phù hợp giữa tín hiệu thị giác và nội dung cần chuyển tải. Ví dụ lựa chọn hình ảnh điển hình, gọi phông chữ phù hợp nội dung, kích thước và vị trí trên giao diện hợp lý.

- Sự logic: sử dụng yếu tố thị giác để sắp xếp và phân cấp nội dung một cách khoa học và trình tự, giúp người dùng dễ dàng nắm bắt và theo dõi nội dung thông tin.

- Sự cập nhật: Một thiết kế mở, có khả năng tùy biến hoặc cá nhân hóa người dùng trong TTTĐT để làm mới và bổ sung thêm các thông tin hữu ích cho người dùng thông qua nội dung truyền tải nhằm tăng giá trị và hấp dẫn cho TTTĐT.

1.3. Khái quát về thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam

1.3.1. Lịch sử ra đời và hình thành trang thông tin điện tử

World Wide Web (WWW) được phát minh bởi Tim Berners-Lee vào năm 1989 đã mở ra cánh cửa cho việc phát triển các trang web và internet như chúng ta biết ngày nay. Tim Berners-Lee đã từng nói “Việc tạo ra World Wide Web không chỉ là về việc kết nối máy tính với máy tính. Đó là về kết nối con người với con người, và kiến tạo một thế giới mở rộng, nơi mọi người có thể chia sẻ kiến thức và trải nghiệm”.

Trong thập kỷ 1990, CERN (Tổ chức Nghiên cứu Hạt nhân Châu Âu) đã tạo ra TTTĐT đầu tiên trên thế giới. Đây là một bước đột phá trong lịch sử internet. Tiếp theo đó là sự ra đời của một loạt các TTTĐT có tính toàn cầu như Google, Facebook, Wikipedia,... Google ra mắt vào năm 1998 đã thay đổi cách mọi người tìm kiếm thông tin trực tuyến, mở ra kỷ nguyên của công cụ tìm kiếm hiện đại. Facebook là một nền tảng mạng xã hội nơi mọi người tương tác trực tuyến và giao tiếp với nhau, được ra mắt vào năm 2004. Mark Zuckerberg, Đồng sáng lập Facebook đã nói: “Facebook ra đời với mong muốn tạo ra một cách tiếp cận mới cho việc kết nối và giao tiếp. Chúng tôi tin rằng mạng xã hội có thể làm thay đổi cách thức mọi người tương tác với nhau”. Năm 2001 Wikipedia đã trở thành một nguồn thông tin toàn cầu lớn và miễn phí cho mọi người. Theo Jimmy Wales, Đồng sáng lập Wikipedia: “Wikipedia không chỉ là một trang web. Nó là một nền tảng cho tri thức đồng thuận, một cộng đồng toàn cầu của những người muốn chia sẻ thông tin và học hỏi từ nhau”.

Kể từ khi xuất hiện đến nay các nền tảng trực tuyến nói chung hoạt động ở 2 trạng thái cơ bản như sau:

- *TTTĐT tĩnh*: Là những TTTĐT cơ bản đáp ứng nhu cầu đọc thông tin, văn bản, hình ảnh một cách tự động, không có nhiều tương tác chuột, không có tương tác giữa TTTĐT với người dùng.

- *TTTĐT động*: Là những TTTĐT có phân tích hành vi và đưa ra những gợi ý dữ liệu cho người dùng trong quá trình sử dụng, ví dụ như việc ghi nhớ lịch sử tìm kiếm và gợi ý nội dung tìm kiếm cho người sử dụng khi họ mới chỉ nhập một vài ký tự.

TTTĐT hiện nay không chỉ là một phương tiện thông tin mà còn là một công cụ mạnh mẽ đối với nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm văn hóa, kinh tế và nghệ thuật.

- Về phương diện Văn hóa: TTTĐT đã đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa. Các TTTĐT của các tổ chức văn hóa, bảo tàng,

và viện nghiên cứu văn hóa cung cấp cơ hội cho người dùng tiếp cận các tài liệu, hình ảnh và thông tin về di sản văn hóa. Việc này giúp tăng cường nhận thức và hiểu biết về văn hóa của các cộng đồng, đồng thời khuyến khích việc du lịch văn hóa. Các TTTĐT chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm cá nhân về văn hóa, thông qua blog, diễn đàn và các cộng đồng trực tuyến, cũng đang trở nên phổ biến hơn. Ngoài ra, các sự kiện văn hóa như triển lãm, buổi biểu diễn nghệ thuật, và hội chợ cũng thường có sự quảng bá thông qua TTTĐT, giúp tạo ra một môi trường truyền thông đa dạng và phong phú.

- Về mặt Kinh tế: Trong lĩnh vực kinh tế, TTTĐT đóng vai trò quan trọng như một công cụ tiếp thị và bán hàng. Các doanh nghiệp sử dụng TTTĐT để quảng bá sản phẩm và dịch vụ của họ, cung cấp thông tin chi tiết và thuận tiện cho khách hàng. Thương mại điện tử đang trở nên ngày càng phổ biến, với nhiều doanh nghiệp mở cửa hàng trực tuyến để tiếp cận thị trường toàn cầu. Các TTTĐT tin tức kinh tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin mới nhất về thị trường, tài chính, và doanh nghiệp, giúp người dùng cập nhật và đưa ra quyết định kinh doanh thông minh. Ngoài ra, TTTĐT cũng là nơi để khởi nghiệp và doanh nghiệp nhỏ có thể quảng bá sản phẩm và dịch vụ của mình với chi phí thấp hơn so với các phương tiện truyền thông truyền thống.

- Về phương diện Nghệ thuật: TTTĐT cung cấp một nền tảng cho sự sáng tạo và biểu diễn nghệ thuật. Các nghệ sĩ có thể tạo ra các TTTĐT cá nhân để giới thiệu và bán các tác phẩm của họ, từ tranh vẽ đến âm nhạc và văn chương. Nền tảng chia sẻ video như YouTube và Vimeo cung cấp một kênh để nghệ sĩ chia sẻ các tác phẩm nghệ thuật của họ với cả thế giới. Ngoài ra, các trang web và diễn đàn nghệ thuật cung cấp cơ hội cho người dùng thảo luận, chia sẻ ý kiến và kết nối với nhau trong cộng đồng nghệ thuật trực tuyến. Các sự kiện nghệ thuật như triển lãm, buổi biểu diễn, và hội thảo cũng thường có sự quảng bá thông qua TTTĐT, giúp mở rộng sự tiếp cận và tạo ra cơ hội cho nghệ sĩ và

người yêu nghệ thuật.

Trong tương lai, dự kiến TTTĐT sẽ tiếp tục phát triển và đóng vai trò quan trọng hơn trong việc thúc đẩy văn hóa, kinh tế và nghệ thuật ở các lĩnh vực này, với sự đa dạng và sáng tạo ngày càng tăng lên.

1.3.2. Thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam hiện nay

1.3.2.1. Trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam hiện nay

- Trang thông tin điện tử học tập trực tuyến

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và Internet trong những thập kỷ gần đây đã tạo nên một cuộc cách mạng trong giáo dục toàn cầu. Dạy học không còn giới hạn trong phạm vi lớp học vật lý, mà đã lan tỏa mạnh mẽ ra không gian mạng thông qua các nền tảng số. Trong bối cảnh đó, các TTTĐT dạy học đóng vai trò là công cụ đắc lực giúp học sinh, giáo viên và các tổ chức giáo dục tiếp cận tri thức một cách thuận tiện, linh hoạt và hiệu quả. Tại Việt Nam, xu thế chuyển đổi số trong giáo dục được đẩy mạnh từ năm 2020, đặc biệt sau tác động của đại dịch COVID-19, buộc ngành giáo dục phải thích nghi với phương thức dạy học trực tuyến. Hàng loạt TTTĐT dạy học ra đời hoặc được cải tiến mạnh mẽ, với nhiều hình thức và chức năng phong phú.

TTTĐT học tập trực tuyến là loại hình TTTĐT phổ biến nhất trong giáo dục hiện nay. Các nền tảng này cung cấp các khóa học trực tuyến theo chương trình bài bản, có video giảng dạy, bài tập, kiểm tra, thậm chí cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học. Đặc điểm của các TTTĐT này là có hệ thống quản lý học tập, học viên có thể đăng ký học, theo dõi tiến độ, làm bài kiểm tra và nhận phản hồi tự động. Nội dung học tập của các TTTĐT đa dạng, nhiều cấp độ từ mầm non, tiểu học đến học tập suốt đời. Trong TTTĐT có kết hợp các công cụ học tương tác như diễn đàn, livestream, bài tập nhóm...

Một số TTTĐT học tập trực tuyến phổ biến, có nhiều lượng truy cập ở Việt Nam có thể kể đến như: Topica Edtech (Việt Nam) là một trong những nền tảng E-learning hàng đầu Đông Nam Á, cung cấp các khóa học đại học và kỹ năng mềm; Hocmai.vn là TTTĐT học trực tuyến dành cho học sinh phổ thông Việt Nam, được thiết kế theo chương trình sách giáo khoa, tích hợp video, đề thi thử và luyện thi đại học. Ngoài ra có thể kể đến các nền tảng học trực tuyến qua Mobile app khác như Duolingo, Unica,...

- Trang thông tin điện tử của các cơ sở giáo dục

TTTĐT của các cơ sở giáo dục đào tạo là một nền tảng trực tuyến chính thức do các trường học, trung tâm đào tạo, học viện hoặc cơ sở giáo dục xây dựng và vận hành nhằm cung cấp thông tin, hỗ trợ công tác quản lý, giảng dạy, học tập và tương tác với cộng đồng. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, các TTTĐT này đóng vai trò quan trọng trong việc hiện đại hóa hệ thống giáo dục, nâng cao hiệu quả quản trị và tăng cường sự minh bạch, kết nối giữa nhà trường với học sinh, phụ huynh và xã hội.

Có thể kể đến bốn mục đích và vai trò chính của các TTTĐT sau:

+ Cung cấp thông tin: TTTĐT là kênh thông tin chính thức giúp công bố các nội dung như giới thiệu trường, đội ngũ giáo viên, chương trình đào tạo, thông báo tuyển sinh, thời khóa biểu, tin tức - sự kiện, các chính sách học bổng, quy chế học vụ, v.v.

+ Hỗ trợ quản lý: Tích hợp các hệ thống quản lý như hồ sơ học sinh - sinh viên, quản lý điểm, kế hoạch giảng dạy, tra cứu kết quả học tập, đăng ký môn học, v.v.

+ Tăng cường tương tác: Tạo kênh giao tiếp giữa nhà trường với học sinh, phụ huynh và các bên liên quan qua các công cụ như phản hồi, diễn đàn, chatbot hỗ trợ tư vấn, đặt câu hỏi trực tuyến.

+ Góp phần chuyển đổi số giáo dục: TTTĐT là hạ tầng nền tảng để triển

khai các dịch vụ giáo dục thông minh, lớp học trực tuyến, kho học liệu số, học tập suốt đời và liên kết với các hệ thống quản lý giáo dục cấp ngành.

TTTĐT cơ sở giáo dục không chỉ là công cụ truyền thông mà còn là “cửa ngõ số” thể hiện năng lực quản trị, uy tín học thuật và chất lượng dịch vụ giáo dục của mỗi đơn vị. Vì vậy, việc xây dựng, duy trì và phát triển một TTTĐT hiệu quả là yêu cầu thiết yếu trong công cuộc hiện đại hóa giáo dục. Hiện nay, gần như tất cả các cơ sở giáo dục đào tạo đều có TTTĐT riêng để phục vụ các chức năng giáo dục. Tuy nhiên, việc xây dựng và phát triển TTTĐT hướng đến các yếu tố nghệ thuật nhằm quảng bá thương hiệu, nâng cao chất lượng truy cập hay hỗ trợ khả năng tương tác, tìm kiếm thông tin, thì không phải cơ sở giáo dục đào tạo nào cũng chú trọng.

1.3.2.2. Thực trạng về thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong ngành giáo dục, thiết kế TTTĐT đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ quản lý, truyền thông và nâng cao trải nghiệm học tập cho người học. Tuy nhiên, chất lượng thiết kế TTTĐT giáo dục ở Việt Nam còn nhiều bất cập và chưa thực sự đồng đều giữa các cấp học và đơn vị giáo dục.

Việt Nam hiện có hàng chục nghìn TTTĐT giáo dục, có thể chia theo các nhóm như: TTTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở và Phòng GD&ĐT; TTTĐT của các trường học từ mầm non đến phổ thông, đại học và cao đẳng; TTTĐT của các nền tảng học trực tuyến tư nhân (Hocmai.vn, Vuihoc.vn, K12Online, Moon.vn...).

Mặc dù số lượng nhiều, nhưng các TTTĐT giáo dục có chất lượng rất không đồng đều, đặc biệt là về giao diện người dùng (UI), trải nghiệm người dùng (UX), tính năng kỹ thuật và bản sắc văn hóa. Có thể đánh giá chất lượng thiết kế các TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục dựa trên thiết kế giao diện và trải

nghiệm người dùng. Thực tế, các TTTĐT của các cơ sở giáo dục bậc phổ thông hầu hết sử dụng CMS nguồn mở (như Joomla, WordPress), ít tùy biến, thiếu nhận diện thương hiệu trường học. TTTĐT chủ yếu phục vụ cán bộ quản lý, ít hướng đến sự tương tác, trải nghiệm của người dùng là phụ huynh - học sinh.

Theo nghiên cứu của WebAIM Million Report (2025), 94,8 % trong 1 triệu trang chủ hàng đầu toàn cầu được phát hiện có ít nhất một lỗi tuân thủ WCAG 2.x, các lỗi phổ biến: văn bản tương phản thấp (79,1 %), thiếu alt-text trên hình ảnh (55,5 %), thiếu nhãn cho biểu mẫu (48,2 %), links trống (45,4 %)... Như vậy, chỉ khoảng 5,2 % website xóa hết lỗi tự động phát hiện, thực tế tỷ lệ site đạt WCAG ở mức rất thấp (dưới 5 %) [131]. Theo AccessiblyApp, 98 % website Hoa Kỳ không tuân thủ WCAG 2.1 AA - đặc biệt lỗi cao với menu (98 %), hình ảnh (52 %), popup (89 %), form (71 %) [130], Inclind (2024) báo cáo 96,3 % TTTĐT hàng đầu thất bại WCAG 2, với trung bình ~50 lỗi/trang [133]. Masudul Hasan Masud Bhuiyan et al. (2025) đã Phân tích 100.000 TTTĐT từ 10 quốc gia thuộc khu vực “Global South” và nhận thấy rằng Chỉ 40 % TTTĐT đáp ứng tiêu chí thiết yếu của WCAG để hỗ trợ người mù và người khiếm thị - nghĩa là 60 % trang còn lại không đạt chuẩn [95].

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn TTTĐT tại các nước đang phát triển - bao gồm cả Việt Nam đang thiếu sót đáng kể về khả năng tiếp cận cơ bản (alt-text, cấu trúc HTML, ARIA, màu sắc/độ tương phản). Dữ liệu “60 % không đạt WCAG” có thể áp dụng như một tham chiếu mạnh mẽ nếu bạn phân tích các TTTĐT phổ thông (sở, cơ quan, dịch vụ công, doanh nghiệp...) tại Việt Nam.

Giáo dục đại học có chú trọng hơn đến thiết kế TTTĐT như một phần của bộ nhận diện thương hiệu, đưa trường học đến gần hơn với người học và cộng đồng xã hội. Đặc biệt, các trường quốc tế, dân lập như RMIT, FPT,

UEH... rất chú trọng đến thiết kế hiện đại cho TTTĐT của nhà trường. Bên cạnh đó, các trường công lập còn nhiều trường vẫn sử dụng giao diện lỗi thời, thiết kế đơn điệu. Với vai trò cầu nối của nhà trường với người học, mục tuyển sinh thường được tối ưu tốt, nhưng các mục học liệu, nghiên cứu khoa học hoặc quản lý sinh viên vẫn sử dụng giao diện lỗi thời, khó truy cập, sử dụng, tương tác. Hệ thống học tập (LMS), email, đăng ký môn học thường tách biệt với TTTĐT chính. Vấn đề này, tác giả Lương Ngọc, Vân An (2025) nhấn mạnh sự cần thiết phải đồng bộ UX giữa các nền tảng trong đại học để nâng cao hiệu quả sử dụng và trải nghiệm [134].

Nền tảng học trực tuyến tự nhiên là nhóm có chất lượng thiết kế cao nhất: với giao diện hiện đại, tương thích mobile, có app riêng; Tích hợp gamification, bài tập, theo dõi tiến độ; UX thân thiện, chú trọng cá nhân hóa trải nghiệm học sinh. Phạm Long và cộng sự (2019) đã khảo sát 1.232 sinh viên đại học tại Việt Nam cho thấy Mối liên hệ giữa “e-learning system quality” và student satisfaction có hệ số $\beta = 0.86$ ($p < 0.01$), nghĩa là trải nghiệm giao diện và điều hướng tốt làm tăng đáng kể mức độ hài lòng học viên [62].

Nhìn chung, thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam đang được thực hiện khá phổ biến nhưng thiếu các nghiên cứu UX/UI chuyên sâu. Các thiết kế mới mang tính đại trà, thiếu tính cá nhân hóa, khả năng tiếp cận còn kém, ngôn ngữ còn thiếu đa dạng. Nhiều TTTĐT mới mang tính chất truyền đạt thông tin một chiều, thiếu tích hợp học liệu số hoặc các dịch vụ liên kết về giáo dục. Nhìn từ khái quát thực trạng thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam hiện nay, có thể thấy, những vấn đề đặt ra liên quan đến lĩnh vực mỹ thuật cần giải quyết là: kết hợp mỹ thuật truyền thống vào thiết kế để tăng nhận diện bản sắc văn hóa; xây dựng bộ tiêu chuẩn UI/UX phù hợp từng cấp học. Ngoài ra còn có các yếu tố như: tích hợp công nghệ mới (AI, chatbot, học cá nhân hóa); chuẩn hóa khả năng tiếp cận số theo WCAG 2.1.

Thực trạng thiết kế TTTĐT giáo dục ở Việt Nam phản ánh rõ sự thiếu đồng đều về chất lượng giữa các cấp học và mô hình tổ chức. Để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện, các cơ sở giáo dục cần coi thiết kế TTTĐT như một phần trong chiến lược số hóa, thay vì chỉ là kênh thông tin hành chính. Việc thiết kế TTTĐT giáo dục cũng mới quan tâm đến nhu cầu sử dụng, ít quan tâm đến nhu cầu thẩm mỹ của người sử dụng. Vì vậy, tính nghệ thuật trong thiết kế còn ít được chú trọng. Cần có sự kết hợp giữa mỹ thuật ứng dụng, công nghệ tương tác và phân tích hành vi người dùng để phát triển hệ thống TTTĐT giáo dục hiện đại, nhân văn và hiệu quả.

1.3.2.3. Phong cách thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục

Thiết kế trang thông tin điện tử không chỉ là sự sắp đặt nội dung và hình ảnh, mà còn là một quá trình sáng tạo nhằm tối ưu trải nghiệm người dùng và truyền tải bản sắc thương hiệu của cơ sở giáo dục. Mỗi phong cách thiết kế phản ánh một triết lý thẩm mỹ và chiến lược giao tiếp riêng, góp phần định hình cách người học, giảng viên và công chúng tiếp cận thông tin trong môi trường số. Việc nhận diện và vận dụng đúng phong cách giúp hệ thống thông tin giáo dục trở nên hấp dẫn, hiệu quả và phù hợp với mục tiêu truyền thông của tổ chức.

Sơ đồ 1.1: Phong cách thiết kế trang thông tin điện tử lĩnh vực giáo dục

- Phong cách truyền thống

Phong cách thiết kế truyền thống trong trang thông tin điện tử là sự kế thừa và vận dụng các nguyên tắc thiết kế kinh điển, nhấn mạnh tính tin cậy, trang trọng và khả năng đọc dễ dàng. Phong cách này hướng đến việc tạo dựng cảm giác quen thuộc, ổn định và bền vững cho người dùng, đồng thời thể hiện hình ảnh chuyên nghiệp của tổ chức. Đặc trưng của phong cách truyền thống thể hiện qua bố cục có trật tự, thường dựa trên hệ thống lưới chuẩn mực, giúp

sắp xếp các khối nội dung cân đối và logic. Giao diện ưu tiên bảng màu trung tính như trắng, xám, xanh đậm hoặc be nhạt, tạo cảm giác hài hòa và nhã nhặn. Kiểu chữ có chân (serif) như Times New Roman hay Georgia được sử dụng phổ biến nhằm gợi lên tính học thuật, sự nghiêm túc và độ tin cậy trong truyền đạt thông tin. Các yếu tố đồ họa, hiệu ứng động hoặc chuyển cảnh được tiết chế ở mức tối thiểu, giúp trang thông tin điện tử tải nhanh và tập trung vào nội dung. Chính sự giản dị và ổn định này khiến phong cách truyền thống trở thành lựa chọn phù hợp cho các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan nhà nước hoặc các trang tin học thuật, nơi cần thể hiện uy tín, chuẩn mực và sự nghiêm cẩn. So với các xu hướng thiết kế đương đại, phong cách truyền thống vẫn giữ được giá trị lâu bền nhờ sự nhất quán, rõ ràng và khả năng định hướng người dùng hiệu quả. Nhờ sự quen thuộc và tính ổn định trong tổ chức thông tin, phong cách này giúp người truy cập dễ dàng điều hướng, đọc hiểu và tin tưởng vào nội dung được trình bày, từ đó tạo nên một trải nghiệm ổn định và đáng tin cậy trong môi trường số.

- Phong cách hiện đại

Phong cách hiện đại là sự kết hợp hài hòa giữa tinh thần tối giản, tính công năng và ứng dụng công nghệ tiên tiến. Triết lý của phong cách hiện đại đặt người dùng làm trung tâm, nhấn mạnh tính dễ sử dụng, khả năng truy cập đa nền tảng và bố cục logic dựa trên lưới. Màu sắc trong thiết kế hiện đại có độ tương phản cao, đi cùng các phông sans-serif mạnh mẽ để đảm bảo tính rõ ràng và phân cấp thông tin hiệu quả. Các yếu tố hình ảnh, video, chuyển động và thiết kế đáp ứng được sử dụng có chừng mực, nhằm tạo nên giao diện sinh động, linh hoạt nhưng không rườm rà. Phong cách hiện đại thường được áp dụng cho các trường đại học định hướng nghiên cứu, đổi mới và hội nhập quốc tế, thể hiện tinh thần khoa học, sáng tạo và chuyên nghiệp.

- Phong cách tối giản

Phong cách tối giản hay phong cách thiết kế tối giản đề cao sự tinh gọn, loại bỏ yếu tố thừa để tập trung vào nội dung và chức năng cốt lõi. Dựa trên triết lý “Less is more” của Ludwig Mies van der Rohe, phong cách này hướng đến giao diện gọn gàng, dễ đọc và trực quan. Sự tinh giản được thể hiện qua việc sử dụng khoảng trắng có chủ đích, bảng màu trung tính kết hợp một màu nhấn, kiểu chữ sans-serif rõ ràng và bố cục cân đối. Trong lĩnh vực giáo dục, phong cách tối giản giúp người học dễ tập trung vào nội dung, giảm tải nhận thức và tạo cảm giác chuyên nghiệp, đáng tin cậy. Tuy nhiên, để tránh đơn điệu, nhà thiết kế cần đảm bảo mỗi chi tiết đều có mục đích rõ ràng và đóng góp vào trải nghiệm tổng thể.

- Phong cách lấy người dùng làm trung tâm

Phong cách lấy người dùng làm trung tâm (User-Centered Design - UCD) không chỉ là một phong cách mà còn là một triết lý thiết kế xuyên suốt. Trọng tâm của UCD là nhu cầu, hành vi và trải nghiệm của người dùng thực tế, được xác định thông qua nghiên cứu, khảo sát và thử nghiệm liên tục. Quy trình thiết kế xoay quanh việc tạo ra giao diện trực quan, dễ hiểu và có khả năng phản hồi cao, đảm bảo mọi tính năng đều phục vụ mục tiêu học tập, tra cứu và tương tác của người dùng. Phong cách này thể hiện rõ tinh thần nhân văn trong thiết kế số, giúp trang thông tin điện tử trở thành không gian học tập thân thiện, đồng thời nâng cao uy tín học thuật và sự hài lòng của người sử dụng.

- Phong cách dạng lưới

Phong cách dạng lưới (Grid-based Design) là phương pháp sắp xếp nội dung dựa trên hệ thống hàng và cột, tạo khung cấu trúc ổn định cho bố cục trang. Hệ thống lưới giúp các thành phần như văn bản, hình ảnh, video, biểu tượng được căn chỉnh chính xác, tạo cảm giác cân bằng và dễ định hướng. Nhờ cấu trúc rõ ràng, phong cách này hỗ trợ người dùng quét thông tin nhanh chóng, đồng thời đảm bảo khả năng hiển thị tốt trên mọi thiết bị. Thiết kế dạng lưới

cũng giúp tiêu chuẩn hóa các thành phần giao diện, nâng cao tính đồng bộ và hiệu quả trong phát triển TTTĐT. Tuy nhiên, việc sử dụng lưới cần linh hoạt; kết hợp các bố cục bất đối xứng hoặc phân cấp để tạo điểm nhấn thị giác và tránh sự cứng nhắc.

- Phong cách tương tác

Phong cách tương tác (Interaction Design - IxD) tập trung vào việc tạo nên các trải nghiệm số có ý nghĩa thông qua hành vi và phản hồi giữa người dùng và hệ thống. Thay vì chỉ chú trọng hình thức, phong cách này quan tâm đến cách người dùng thao tác nhấp, cuộn, rê chuột, nhập liệu và phản ứng của giao diện đối với mỗi hành động đó. Mỗi yếu tố tương tác như nút bấm, menu, biểu mẫu hay hiệu ứng chuyển động đều được thiết kế nhằm đảm bảo thông tin phản hồi rõ ràng, mượt mà và nhất quán. Việc áp dụng hiệu ứng động, phản hồi màu sắc hay các chuyển tiếp tinh tế không chỉ nâng cao tính thẩm mỹ mà còn giúp người dùng cảm nhận trang thông tin như một môi trường sống động, thân thiện và trực quan. Trong bối cảnh giáo dục trực tuyến, thiết kế tương tác góp phần tăng cường tính trải nghiệm, giúp người học chủ động hơn trong hành trình tiếp nhận tri thức.

- Phong cách thiết kế khai phóng

Phong cách thiết kế khai phóng không phải một thể loại chuẩn mực trong phân loại giao diện, mà là cách gọi ẩn dụ gắn với tinh thần tự do, thử nghiệm của giáo dục khai phóng. Trọng tâm không nằm ở một bộ quy tắc hình thức cố định, mà ở tư duy phá cách có kiểm soát, ưu tiên khám phá ý tưởng, chấp nhận rủi ro thẩm mỹ và cho phép nhiều khả thể trình bày để khơi gợi tư duy phản biện. Giao diện theo hướng này có thể sử dụng bố cục phi đối xứng, nhịp điệu khoảng trắng bất quy tắc, kết hợp kiểu chữ đa giọng và tương phản màu nhằm tạo điểm nhấn khái niệm; có thể đan xen hình ảnh, minh họa, hoặc chuyển động vi mô như một lớp nghĩa bổ sung cho nội dung. Tuy khuyến khích sự tự do

sáng tạo, thử nghiệm nhưng thiết kế khai phóng vẫn phải tuân thủ các quy định về việc xây dựng một trang thông tin điện tử như dễ hiểu, điều hướng rõ ràng, khả năng truy cập... Vì vậy, nguyên tắc vận hành là thử nghiệm trong giới hạn, sáng tạo được biện minh bằng mục tiêu học thuật, có hệ thống phân cấp thông tin minh bạch, kiểm tra thông tin với người dùng thật và sẵn sàng hiệu chỉnh khi phá cách làm suy giảm tính rõ ràng. Kết quả của phong cách này là một trải nghiệm khác biệt, kích thích khám phá và đối thoại tri thức.

Nhìn chung, các phong cách thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đều hướng đến mục tiêu chung là tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, truyền tải thông tin học thuật và tạo dựng hình ảnh thương hiệu của cơ sở đào tạo. Việc lựa chọn phong cách phù hợp phụ thuộc vào đặc trưng tổ chức, nhóm người dùng mục tiêu và chiến lược truyền thông của từng đơn vị. Trong bối cảnh chuyển đổi số, một giao diện được thiết kế hài hòa giữa thẩm mỹ, công năng và tính nhân văn sẽ không chỉ là công cụ cung cấp thông tin, mà còn là không gian tri thức, sáng tạo và kết nối trong môi trường giáo dục đại học hiện đại.

Tiểu kết

Chương 1 của luận án đã tập trung xây dựng nền tảng lý luận và tổng quan nghiên cứu cho đề tài, nhằm định vị rõ vị trí khoa học của vấn đề nghệ thuật thiết kế website giáo dục trong bối cảnh đương đại. Từ việc hệ thống hóa các lý thuyết nền tảng, khảo cứu tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế, chương này không chỉ giúp xác lập cơ sở khoa học cho đề tài mà còn góp phần làm rõ những khoảng trống nghiên cứu cần tiếp tục khai thác.

Trước hết, về mặt lý thuyết, chương đã chỉ ra rằng thiết kế website không đơn thuần là một hoạt động kỹ thuật mà là một loại hình nghệ thuật ứng dụng, có cấu trúc, ngôn ngữ biểu đạt, nguyên tắc thẩm mỹ và đặc trưng sáng tạo riêng. Những tiếp cận từ lý thuyết thị giác, lý thuyết biểu tượng (iconology), thuyết thiết kế trải nghiệm người dùng (UX), thiết kế lấy người học làm trung tâm,

thiết kế tương tác... đã cho thấy rằng thiết kế TTTĐT, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, là một lĩnh vực có tính đa ngành mạnh mẽ kết nối giữa mỹ thuật, công nghệ, tâm lý học, giáo dục học và truyền thông số. Những lý thuyết này không chỉ giúp luận án định hình được ngôn ngữ phân tích về hình thức và nội dung của TTTĐT, mà còn hỗ trợ luận giải sâu sắc về các phong cách thiết kế và giá trị văn hóa - xã hội ẩn sau các lựa chọn thẩm mỹ.

Về mặt tổng quan nghiên cứu, chương đã khảo sát hệ thống các công trình khoa học có liên quan đến thiết kế đồ họa, thiết kế website, và thiết kế TTTĐT trong giáo dục. Trong đó, các công trình quốc tế đã cung cấp nền tảng quan trọng về kiến trúc thông tin, thiết kế trải nghiệm người dùng, ứng dụng công nghệ trong dạy học, cũng như những nguyên tắc tiêu chuẩn hóa trong thiết kế TTTĐT. Ở Việt Nam, tuy còn tương đối ít các nghiên cứu chuyên sâu về thiết kế TTTĐT dưới góc nhìn nghệ thuật, nhưng đã xuất hiện một số công trình đáng chú ý về thiết kế đồ họa, ứng dụng truyền thông đa phương tiện trong giáo dục, và khai thác giá trị văn hóa trong thiết kế số. Việc tổng hợp các nguồn tư liệu này giúp xác định rõ xu hướng phát triển cũng như khoảng trống trong nghiên cứu hiện tại - đặc biệt là sự thiếu vắng các phân tích nghệ thuật học đối với TTTĐT như một sản phẩm sáng tạo giàu biểu đạt và truyền thông thẩm mỹ.

Một trong những đóng góp quan trọng của chương là nhận diện được nhu cầu cấp thiết phải tiếp cận thiết kế TTTĐT không chỉ như công cụ truyền tải nội dung giáo dục, mà còn là không gian thể hiện triết lý giáo dục, bản sắc văn hóa và trải nghiệm học tập sáng tạo. Từ thực tiễn phong phú của các website giáo dục tại Việt Nam, luận án xác lập một câu hỏi nghiên cứu quan trọng: làm thế nào để các yếu tố nghệ thuật trong thiết kế TTTĐT giáo dục có thể nâng cao hiệu quả sư phạm, thúc đẩy sự tương tác và nuôi dưỡng cảm hứng học tập? Đây cũng chính là lỗ hổng mà các công trình đi trước chưa đi sâu lý giải, đồng

thời là hướng khai phá mới mà luận án hướng tới.

Chương 1 không chỉ dừng lại ở việc điểm danh lý thuyết và tài liệu, mà còn chủ động phê bình, phân loại và đối chiếu các xu hướng tiếp cận khác nhau - từ kỹ trị đến thẩm mỹ, từ phương Tây đến châu Á, từ định lượng đến định tính. Cách tiếp cận này giúp tạo nên nền tảng tri thức vững chắc để phát triển hệ khung phân tích cho các chương tiếp theo. Đồng thời, thông qua việc đối chiếu các công trình đi trước, chương đã định hình rõ phạm vi, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu của luận án một cách khoa học và thuyết phục.

Chương 1 đóng vai trò để luận án có thể triển khai các phân tích nghệ thuật học ở các chương sau. Những khái niệm then chốt như: thiết kế như một nghệ thuật biểu đạt, phong cách thiết kế trực quan, biểu tượng học trong thiết kế TTTĐT, hay bản sắc học đường trong môi trường số... được đặt nền từ chương này, sẽ tiếp tục là khung phân tích dẫn dắt toàn bộ hành trình nghiên cứu của luận án. Chính từ việc khẳng định vị thế nghệ thuật của thiết kế TTTĐT trong giáo dục, chương 1 đã mở ra một hướng đi mới - kết nối giữa thẩm mỹ học hiện đại, công nghệ số và lý luận sư phạm, nhằm khám phá sâu sắc hơn giá trị của thiết kế trong việc kiến tạo những không gian học tập sáng tạo, nhân văn và hiệu quả trong thời đại chuyển đổi số toàn diện.

Chương 2

NGÔN NGỮ TẠO HÌNH VÀ PHONG CÁCH THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

Thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học là sự kết hợp giữa mỹ thuật ứng dụng, công nghệ và tổ chức tri thức nhằm kiến tạo một không gian số có tính thẩm mỹ, chuyên nghiệp và có khả năng thúc đẩy học tập. Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, thiết kế trang thông tin điện tử không chỉ là việc trình bày thông tin mà là sự kết hợp của ngôn ngữ tạo hình. Các yếu tố mỹ thuật như hình ảnh và biểu tượng, bố cục, màu sắc, kiểu chữ, và chuyển động tương tác được kết hợp thành một ngôn ngữ thị giác đặc thù, đảm nhiệm chức năng truyền đạt nội dung và tạo nên giá trị thẩm mỹ. Khác với cách tiếp cận kỹ thuật, xem trang thông tin điện tử như một công cụ chức năng, cách tiếp cận mỹ thuật coi giao diện là một chỉnh thể tạo hình có khả năng định hình nhận thức, cảm xúc và hành vi tương tác của người dùng. Trong bối cảnh này, thiết kế trang thông tin điện tử được xem như một hình thức nghệ thuật thị giác tương tác, người dùng không chỉ tiếp nhận thông tin, mà còn trải nghiệm cảm xúc, tư duy và thị giác trong một không gian số.

2.1. Vai trò của ngôn ngữ tạo hình trong truyền đạt nội dung giáo dục

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ giáo dục, việc truyền đạt kiến thức không còn giới hạn trong ngôn từ mà mở rộng sang các yếu tố thị giác như màu sắc, hình khối, biểu tượng, hình ảnh minh họa, bố cục và kiểu chữ. Ngôn ngữ tạo hình không chỉ giữ vai trò thẩm mỹ mà còn là phương tiện chủ động trong việc tổ chức thông tin, khơi gợi cảm xúc và hỗ trợ người học tiếp cận tri thức một cách tự nhiên, hiệu quả và bền vững.

Trong vai trò truyền đạt nội dung giáo dục, ngôn ngữ tạo hình giúp thu

hút và duy trì sự chú ý của người học, yếu tố quan trọng trong môi trường giáo dục trực tuyến vốn dễ gây phân tâm. Màu sắc nổi bật, hình ảnh sinh động và bố cục hợp lý không chỉ khiến giao diện trở nên hấp dẫn mà còn dẫn dắt người xem đến các nội dung trọng tâm. Đồng thời, yếu tố thị giác còn hỗ trợ quá trình xử lý và ghi nhớ thông tin. Theo thuyết mã hóa kép của Allan Paivio (1991), trí óc con người xử lý thông tin thông qua hai kênh riêng biệt: một kênh xử lý thông tin bằng ngôn ngữ (lời nói, văn bản) và một kênh xử lý thông tin phi ngôn ngữ (hình ảnh, biểu tượng) [51]. Nghiên cứu của Mayer & Moreno (2002) cũng chứng minh rằng người học tiếp thu hiệu quả hơn khi nội dung được trực quan hóa bằng sơ đồ, biểu đồ hay hình minh họa. Việc kết hợp chữ và hình giúp giảm tải nhận thức, làm rõ mối quan hệ giữa các phần kiến thức và đặc biệt hữu ích với các khái niệm trừu tượng. Ngôn ngữ tạo hình có khả năng khơi gợi trí nhớ dài hạn, bởi hình ảnh thường được ghi nhớ tốt hơn văn bản. Theo nghiên cứu của Nelson, Reed & Walling (1976), tỷ lệ ghi nhớ hình ảnh sau 72 giờ đạt tới 65%, trong khi với văn bản chỉ khoảng 10%. Điều này đặc biệt quan trọng trong giáo dục, nơi mục tiêu không chỉ là tiếp nhận tạm thời mà còn là lưu giữ và vận dụng tri thức lâu dài. Việc sử dụng biểu tượng quen thuộc, màu sắc phân cấp rõ ràng hoặc minh họa trực quan giúp củng cố trí nhớ và kích thích khả năng liên tưởng. Với những lĩnh vực học thuật trừu tượng như khoa học, triết học hay lịch sử, hình ảnh, mô hình 3D hoặc sơ đồ tư duy giúp người học hình dung rõ cấu trúc và mối liên hệ nhân quả giữa các khái niệm, từ đó tăng cường năng lực tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức.

Một vai trò khác không kém phần quan trọng là khả năng giảm tải nhận thức. Dựa trên lý thuyết nhận thức của John Sweller (1998) [54], khi người học phải xử lý lượng lớn thông tin văn bản, khả năng tiếp thu giảm đáng kể. Việc chuyển đổi thông tin sang dạng hình ảnh, biểu tượng hay màu sắc giúp phân bổ thông tin qua nhiều kênh cảm giác khác nhau, giảm áp lực cho trí nhớ ngắn hạn

và tăng cường khả năng hiểu sâu. Điều này đặc biệt hữu ích với trẻ em, người học đa văn hóa hoặc học trong môi trường song ngữ. Ngoài ra, ngôn ngữ tạo hình còn có tác động mạnh đến cảm xúc học tập. Giao diện có tính thẩm mỹ cao, được thiết kế hài hòa giữa hình thức và chức năng, sẽ tạo cảm giác thoải mái, hứng thú và khuyến khích sự tương tác tích cực. Nghiên cứu của Tractinsky, Katz & Ikar (2000) về hiệu ứng thẩm mỹ và tính ứng dụng cho thấy người dùng thường đánh giá hệ thống có thiết kế đẹp là dễ sử dụng hơn, ngay cả khi chức năng tương đương. Trong môi trường giáo dục, ấn tượng thẩm mỹ tích cực không chỉ tăng khả năng tiếp nhận thông tin mà còn kéo dài thời gian tương tác và cải thiện hiệu quả học tập. Bên cạnh đó, ngôn ngữ tạo hình góp phần đa dạng hóa phong cách học tập, đặc biệt đối với nhóm người học thiên về thị giác trong mô hình VARK của Fleming (2001). Các yếu tố như màu sắc, biểu đồ, minh họa, thiết kế đồ họa giúp cá nhân hóa trải nghiệm học tập, hỗ trợ người học tiếp thu sâu hơn và phát triển kỹ năng tư duy trực quan.

Bên cạnh đó, ngôn ngữ tạo hình mang tính phổ quát giúp các nền tảng giáo dục vượt qua rào cản ngôn ngữ và văn hóa. Các biểu tượng trực quan như kính lúp cho chức năng tìm kiếm, hình người cho tài khoản cá nhân, hoặc đồng hồ cho tiến độ học tập đều mang nghĩa toàn cầu, giúp mọi đối tượng người dùng dù khác biệt về ngôn ngữ hay khả năng đọc hiểu đều có thể thao tác dễ dàng. Điều này làm tăng khả năng tiếp cận của hệ thống giáo dục trực tuyến trong phạm vi quốc tế. Ngôn ngữ tạo hình cũng góp phần định vị thương hiệu và uy tín học thuật của tổ chức giáo dục. Một trang thông tin điện tử được thiết kế nhất quán với hệ màu thương hiệu, kiểu chữ đồng bộ, bố cục đẹp và hình ảnh chuyên nghiệp sẽ tạo dựng niềm tin và ấn tượng mạnh về năng lực tổ chức. Báo cáo của Ruffalo Noel Levitz (2014) cho thấy 76% sinh viên tiềm năng đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục dựa trên website của trường, khẳng định vai trò chiến lược của thiết kế thị giác trong quảng bá và xây dựng thương hiệu học thuật. Như vậy, ngôn ngữ

tạo hình trong thiết kế trang thông tin điện tử giáo dục là yếu tố trung tâm trong việc truyền đạt tri thức một cách hiệu quả và bền vững. Nó không chỉ thu hút sự chú ý, hỗ trợ ghi nhớ và giảm tải nhận thức, mà còn kích thích cảm xúc học tập, mở rộng khả năng tiếp cận và củng cố hình ảnh thương hiệu của cơ sở đào tạo. Trong bối cảnh giáo dục số hiện nay, việc kết hợp chặt chẽ giữa nội dung sư phạm, công nghệ và ngôn ngữ tạo hình là điều kiện cần để xây dựng một trải nghiệm học tập toàn diện, hấp dẫn và có chiều sâu.

2.2. Ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế trang thông tin điện tử

2.2.1. Hình ảnh và biểu tượng

Hình ảnh và biểu tượng (icon) là những yếu tố đồ họa thiết yếu trong thiết kế giao diện số, đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải thông điệp, nhận diện thương hiệu, hỗ trợ điều hướng và nâng cao trải nghiệm người dùng. Trong môi trường giáo dục, chúng không chỉ là công cụ thẩm mỹ mà còn mang chức năng sư phạm giúp tổ chức, đơn giản hóa và cá nhân hóa thông tin học tập. Biểu tượng thường là những hình ảnh trực quan, mang tính quy ước cao, đại diện cho một hành động, khái niệm hoặc chức năng cụ thể trong hệ thống. Các biểu tượng như kính lúp (tìm kiếm), bánh răng (cài đặt), cuốn sách (thư viện), bút chì (bài tập), loa (nghe), hoặc máy quay (video) giúp người dùng nhanh chóng nhận diện chức năng mà không cần phải đọc văn bản chi tiết. Đây là một ngôn ngữ thị giác phổ quát, rút gọn thông tin thành hình ảnh súc tích, góp phần giảm tải nhận thức và tăng hiệu quả điều hướng. Trong bối cảnh học tập số, biểu tượng không chỉ giúp định vị nội dung mà còn hỗ trợ phân loại và cấu trúc thông tin. Chẳng hạn, việc sử dụng biểu tượng khác nhau cho từng loại học liệu (bài giảng, bài tập, đánh giá...) giúp sinh viên hình dung nhanh cấu trúc khóa học và tăng khả năng truy cập nội dung đúng mục tiêu. Với đối tượng học sinh, sinh viên, đặc biệt là người dùng trẻ tuổi, biểu tượng được thiết kế sinh động, dễ nhận biết sẽ giúp tăng cường hứng thú và sự tham gia. Trong môi

trường giáo dục đa quốc gia, biểu tượng còn giúp vượt qua rào cản ngôn ngữ, tạo ra sự hiểu biết đồng bộ bất kể nền văn hóa hoặc trình độ ngôn ngữ.

Hình ảnh trong thiết kế giao diện giáo dục giữ vai trò hỗ trợ trực quan và cảm xúc, giúp nội dung trở nên dễ hiểu và dễ ghi nhớ. Hình ảnh có thể là ảnh chụp thực tế, minh họa, ảnh động hoặc infographics. Đây không chỉ minh họa kiến thức, mà còn làm rõ các khái niệm trừu tượng, kết nối người học với nội dung học thuật bằng các ví dụ cụ thể và gần gũi. Ngoài chức năng minh họa, hình ảnh còn đóng vai trò xây dựng niềm tin và truyền cảm hứng. Ảnh về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, sinh viên đang học tập giúp người học hình dung về môi trường học, tăng mức độ tin cậy khi lựa chọn cơ sở giáo dục. Những hình ảnh này cũng góp phần xây dựng nhận diện thương hiệu, định hình hình ảnh học thuật trong tâm trí người dùng. Trong e-learning, hình ảnh được sử dụng để tạo hoạt động tương tác, dẫn dắt câu hỏi, hoặc truyền cảm hứng học tập, biến trải nghiệm học tập số thành một quá trình sinh động, cá nhân hóa và hiệu quả. Tuy nhiên, hiệu quả của biểu tượng và hình ảnh phụ thuộc lớn vào tính nhất quán và tính phù hợp. Sự kết hợp thiếu định hướng giữa hình ảnh không liên quan và biểu tượng trùng lặp có thể gây rối thị giác và làm giảm mức độ chuyên nghiệp của trang thông tin điện tử. Do đó, thiết kế biểu tượng và hình ảnh cần tuân thủ hệ thống nhận diện thương hiệu, hướng tới mục tiêu giao tiếp rõ ràng và phù hợp với ngữ cảnh giáo dục.

Quan sát giao diện các trang thông tin điện tử của ba trường ĐHQGHN (VNU), Đại học Quốc gia TP.HCM (VNU-HCM) và ĐHMTVN cho thấy sự khác biệt rõ rệt về cách sử dụng biểu tượng và hình ảnh như một chiến lược truyền thông đồ họa. Trang thông tin điện tử của ĐHQGHN ưu tiên sử dụng hình ảnh phản ánh chiều sâu học thuật và giá trị truyền thống. Biểu tượng được thiết kế đơn giản, trang nhã, tập trung vào khả năng điều hướng và nhận diện hệ thống. Các hình ảnh chủ đạo là ảnh thật về hoạt động nghiên cứu, cơ sở vật

chất, sự kiện học thuật, góp phần tạo dựng hình ảnh uy tín và chuyên nghiệp [PL2, H2.19, tr.186]. ĐHQG TP.HCM hướng đến hình ảnh năng động và đổi mới. Các biểu tượng được thiết kế hiện đại, trực quan, với sắc độ sáng và mức tương phản cao. Hình ảnh sử dụng thường liên quan đến hoạt động ngoại khóa, đổi mới sáng tạo, các cuộc thi và dự án công nghệ, phản ánh tinh thần hội nhập và gắn kết với cộng đồng sinh viên [PL2, H2.20, tr.186]. Ngược lại, ĐHMTVN có cách tiếp cận thiên về biểu cảm thị giác và yếu tố nghệ thuật. Website của trường sử dụng hình ảnh tác phẩm, ảnh giảng viên, sinh viên trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Các biểu tượng được thiết kế cá tính, phá cách hơn nhưng vẫn đảm bảo điều hướng rõ ràng. Bố cục hình ảnh có sự linh hoạt, sử dụng khoảng trắng rộng và tính thẩm mỹ cao, nhấn mạnh bản sắc của một trường nghệ thuật chuyên sâu [PL2, H2.21, tr.187].

Biểu tượng và hình ảnh trong thiết kế giao diện trang thông tin điện tử không chỉ là phương tiện trình bày mà còn là ngôn ngữ tạo hình có chủ đích. Khi được sử dụng chiến lược, nhất quán và phù hợp với đối tượng mục tiêu, chúng không chỉ nâng cao giá trị thẩm mỹ mà còn củng cố bản sắc thương hiệu, hỗ trợ nhận thức và cải thiện rõ rệt trải nghiệm người dùng. Trong lĩnh vực giáo dục, việc tích hợp biểu tượng và hình ảnh như một phần trong tư duy thiết kế tổng thể sẽ góp phần xây dựng môi trường học tập số hiệu quả, hấp dẫn và đáng tin cậy.

2.2.2. Bố cục

Bố cục là yếu tố cốt lõi trong tổ chức thị giác, đóng vai trò xác lập cấu trúc, điều hướng hành vi người dùng và truyền tải thông điệp một cách rõ ràng, trực quan. Theo *Từ điển thuật ngữ mỹ thuật phổ thông*, bố cục là “sự sắp xếp tất cả các yếu tố ngôn ngữ tạo hình để xây dựng nên một tác phẩm, làm nổi rõ ý đồ sáng tác của nghệ sĩ” [19, tr.26]. Trong thiết kế giao diện số, đặc biệt là trang thông tin điện tử trong giáo dục đại học, bố cục không chỉ đảm nhiệm vai

trò trình bày nội dung, mà còn thể hiện tư duy tổ chức thông tin, triết lý thị giác và chiến lược tương tác với người học.

Thiết kế bố cục TTTĐT giáo dục là hành động tổ chức thông tin thị giác theo cách dẫn dắt tư duy học tập một cách tự nhiên. Tính thân thiện thị giác ở đây thể hiện ở khả năng tạo ra “dòng chảy nhận thức” từ tiêu đề đến nội dung chính, từ tổng quan đến chi tiết, từ hình ảnh đến văn bản, từ trang chủ đến học liệu. Nếu không có dòng chảy này, người học sẽ rơi vào trạng thái lạc hướng, mất mọi thị giác và mất kết nối với nội dung.

Jakob Nielsen (2006) đã chỉ ra mô hình đọc F-pattern - tức là mắt người dùng khi truy cập website sẽ quét theo hình chữ F: ngang phía trên (tiêu đề), dọc theo mép trái (menu, mục tiêu), rồi mới đến phần thân trang. Do đó, việc đặt tiêu đề, nội dung cốt lõi, menu điều hướng, các nút kêu gọi hành động (CTA) cần tuân theo logic này để giảm thiểu năng lượng nhận thức mà người học phải tiêu tốn khi tìm kiếm thông tin [136].

Thực tế cho thấy những TTTĐT giáo dục có bố cục chặt chẽ, phân vùng hợp lý và hệ thống điều hướng rõ ràng thường giữ chân người dùng lâu hơn, tăng khả năng tương tác và thúc đẩy quá trình tự học hiệu quả hơn. Tại Việt Nam, một số trường như Đại học Fulbright Việt Nam, Trường Quốc tế UNIS Hà Nội đã triển khai thiết kế theo hướng tối giản bố cục, tạo điểm nhấn thị giác vừa đủ, giúp người học không bị phân tán bởi yếu tố thừa.

Một bố cục hiệu quả phải đáp ứng đồng thời ba yêu cầu: cấu trúc rõ ràng, biểu đạt trực quan và tương tác thuận tiện. Các yếu tố cơ bản như đầu trang (header), thanh điều hướng (navigation), vùng nội dung chính (content area), thanh bên (sidebar) và chân trang (footer) cần được bố trí theo nguyên tắc trực quan, dễ truy cập và mang tính nhất quán xuyên suốt. Những nguyên tắc thiết kế như cân bằng thị giác, hệ thống lưới (grid system), phân cấp thông tin, khoảng trắng hợp lý và tính ổn định là cơ sở tổ chức toàn bộ trải nghiệm thị

giác. Bố cục giao diện thường được phân loại theo hình thức dạng một cột, hai cột, F-pattern, Z-pattern, tạp chí, dạng thẻ... Bố cục dạng một cột có cách trình bày tối giản, dễ đọc, hiệu quả trên thiết bị di động nhưng hạn chế không gian phân tách nội dung. Bố cục hai cột thường phân chia rõ nội dung chính và nội dung phụ (sidebar), thường dùng cho trang có nhiều loại thông tin, nhưng đòi hỏi tối ưu trên màn hình nhỏ. Bố cục dạng F-pattern, mô phỏng thói quen đọc thực tế, tập trung vào vùng trên cùng và bên trái, phù hợp cho các trang tin tức, bài viết dài. Bố cục dạng Z-pattern hiệu quả với các trang đích, trình bày nội dung tuyến tính, kêu gọi hành động rõ ràng. Bố cục tạp chí thường sử dụng hệ thống lưới linh hoạt, kết hợp nhiều khối hình ảnh và văn bản, phù hợp với nội dung đa dạng, yêu cầu trình bày hấp dẫn. Bố cục dạng thẻ có cách trình bày thông tin thành từng khối độc lập, linh hoạt, dễ đọc, đặc biệt hiệu quả trong thiết kế. Theo Lê Phục Quốc (2010), “bố cục là thành tố tổ chức quan trọng nhất của tác phẩm nghệ thuật, tạo tính toàn vẹn, làm cho các bộ phận phụ thuộc lẫn nhau trong một chỉnh thể” (*Bách khoa thư nghệ thuật*, tr.163-164). Bố cục không chỉ là hình thức trình bày mà còn là chiến lược thị giác có chủ đích. Những khoảng trống đóng vai trò ngắt nhịp, dẫn dắt thị giác và hỗ trợ định vị nội dung. Đặc biệt trong môi trường học tập số, nơi thông tin dày đặc và yêu cầu truy cập cao, bố cục phải hỗ trợ khả năng quét nhanh và giảm tải nhận thức.

Trong thiết kế đa ngôn ngữ, bố cục cần dự phòng sự thay đổi chiều dài chuỗi văn bản và đảm bảo các thành phần có thể điều chỉnh linh hoạt mà không phá vỡ cấu trúc. Ngoài ra, để đảm bảo khả năng truy cập, các khu vực chức năng không được mã hóa bằng màu đơn lẻ, mọi tín hiệu cần đi kèm biểu tượng, nhãn văn bản hoặc viền nhấn thị giác. Nguyên lý thiết kế Gestalt được áp dụng rộng rãi trong tổ chức bố cục, bao gồm các nguyên tắc: tương đồng, liên tục, gần gũi, đối xứng, tối giản, hình - nền. Những nguyên lý này giúp người dùng nhận biết nhóm thông tin, định vị nội dung quan trọng và hình thành trải nghiệm mạch lạc.

Phân tích giao diện của ba cơ sở giáo dục tiêu biểu tại Việt Nam cho thấy sự ứng dụng bố cục kết hợp nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng [PL2, H2.4, tr.175]. Trường ĐHQG Hà Nội (VNU) và ĐHQG TP.HCM (VNU-HCM) sử dụng bố cục dạng tạp chí kết hợp thẻ và hai cột, với các khối thông tin rõ ràng cho từng chức năng như tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học. Sự linh hoạt trong bố cục cho phép mở rộng nội dung mà vẫn giữ được trật tự trực quan. ĐHMTVNưu tiên sự cân bằng thị giác giữa tính thẩm mỹ và công năng, sử dụng nền trung tính, bố cục tạp chí có nhiều khoảng trắng và nhấn thị giác khéo léo, tạo cảm giác nghệ thuật đồng thời giữ rõ cấu trúc học vụ. Bố cục dạng thẻ đặc biệt hiệu quả khi hiển thị trên thiết bị di động. Các thẻ tự động co giãn và sắp xếp lại theo chiều dọc khi màn hình thay đổi, đảm bảo khả năng đọc và truy cập [PL2, H2.12-2.13, tr.182].

Sự kết hợp đa dạng giữa các hình thức bố cục cho phép các trường tối ưu hóa trải nghiệm người dùng theo định hướng chiến lược và đặc điểm nội dung riêng. Trong môi trường giáo dục số, bố cục không đơn thuần là kỹ thuật trình bày mà là cấu trúc tổ chức tri thức số hóa. Một bố cục được thiết kế tốt không chỉ nâng cao tính thẩm mỹ mà còn định hình hành vi truy cập, tăng hiệu quả truyền đạt và củng cố hình ảnh học thuật. Việc áp dụng linh hoạt các nguyên lý thiết kế, kết hợp thực nghiệm người dùng sẽ giúp xây dựng các giao diện điện tử thân thiện, hiệu quả và mang bản sắc riêng cho từng cơ sở giáo dục.

2.2.3. Màu sắc

Trong thiết kế TTTĐT giáo dục, màu sắc không đơn thuần là lựa chọn mang tính thẩm mỹ cá nhân, mà là ngôn ngữ của tâm lý học. Màu sắc có khả năng truyền đạt cảm xúc, tạo bầu không khí học tập và ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ tập trung của người học. Theo nghiên cứu của Ou et al. (2004), màu xanh dương nhạt mang lại cảm giác tin cậy, trí tuệ và an toàn, trong khi màu xanh lá cây nhẹ nhàng gợi cảm giác cân bằng, hy vọng và tăng khả năng tập

trung. Ngược lại, những gam màu như đỏ tươi, cam chói hay vàng neon nếu lạm dụng sẽ gây kích thích thị giác quá mức, dễ dẫn đến trạng thái căng thẳng, mệt mỏi - đặc biệt trong các buổi học kéo dài trên nền tảng trực tuyến [75].

Ở góc độ văn hóa - giáo dục, màu sắc còn mang vai trò truyền tải bản sắc dân tộc và triết lý giáo dục của từng đơn vị đào tạo. Ví dụ, nhiều trường học ở Việt Nam sử dụng màu đỏ và vàng như biểu tượng của tinh thần dân tộc, nhưng nếu không tiết chế và bố trí hợp lý, hai màu này có thể gây ức chế thị giác trong giao diện TTTĐT. Do đó, việc phối hợp màu sắc trong TTTĐT giáo dục không chỉ cần sự am hiểu về mỹ học thị giác mà còn phải kết hợp với tâm lý học giáo dục, lý thuyết màu sắc và cả bối cảnh văn hóa học đường.

Trong thiết kế giao diện trang thông tin điện tử, màu sắc giữ vai trò không chỉ là yếu tố thẩm mỹ mà còn là công cụ định hướng nhận thức, truyền đạt thông tin và hình thành trải nghiệm người dùng. Đặc biệt trong bối cảnh giáo dục đại học, màu sắc góp phần xác lập bản sắc thương hiệu, hỗ trợ chức năng truy cập số, đồng thời khuyến khích hành vi học tập tích cực. Một hệ màu hiệu quả cần đảm bảo ba tiêu chí: (1) tính nhận diện thương hiệu; (2) hỗ trợ chức năng tương tác và truy cập; (3) tạo cảm xúc tích cực trong không gian số. Hệ màu cần được tổ chức theo một logic nhất quán, hỗ trợ người dùng định vị nhanh các khu vực chức năng như học liệu, lịch biểu, biểu mẫu, thông báo...

Từ góc độ lý thuyết, Johannes Itten (1961) nhấn mạnh vai trò của các cặp đối lập màu trong định hình tri giác như sáng - tối, ấm - lạnh, bão hòa - giảm bão hòa... giúp thiết lập trọng tâm thị giác. Wucius Wong (1997) tiếp tục mở rộng khái niệm này khi xem màu sắc là công cụ điều hướng chú ý và tổ chức bố cục. Trong thực hành thiết kế, nguyên tắc phối màu 60-30-10 thường được áp dụng để tạo cân bằng thị giác: 60% cho màu nền chủ đạo, 30% màu phụ hỗ trợ, 10% dùng cho điểm nhấn (nút, biểu tượng...). Bên cạnh đó, tính tương phản màu là yếu tố quyết định khả năng đọc. Đặc biệt với nhóm người

dùng có thị lực yếu, độ tương phản giữa nền và chữ phải được kiểm soát chặt chẽ. Màu nóng (đỏ, cam, vàng) thường dùng để thu hút chú ý, tạo cảm giác khẩn cấp hoặc năng lượng. Màu lạnh (xanh dương, xanh lá cây, tím) mang lại cảm giác tin cậy, thư giãn, được ưa chuộng trong giao diện học thuật. Màu trung tính (xám, trắng, đen) giúp làm nền ổn định, tôn bật các nội dung quan trọng. Tính nhất quán là nguyên tắc bắt buộc trong hệ màu giao diện. Việc sử dụng màu sắc thiếu định hướng có thể gây rối nhận thức và làm giảm sự chuyên nghiệp của hệ thống. Mỗi màu cần có chức năng rõ ràng như màu vàng tạo cảm giác thân thiện, phù hợp với lời nhắc, màu đỏ được sử dụng hạn chế cho cảnh báo hoặc các nút hành động quan trọng (CTA), màu xanh lá mang tính sinh trưởng, đổi mới, màu xanh dương biểu trưng cho kỷ luật và tin cậy, phù hợp với khu vực tra cứu, báo cáo học tập.

Các trường đại học ở Việt Nam hiện đã phát triển bộ nhận diện màu sắc riêng phản ánh triết lý giáo dục và nhu cầu sử dụng. Trường Đại học Quốc gia HN chọn xanh lá phối trắng, nhấn sắc độ vàng hoặc xanh dương liên tưởng đến đổi mới và phát triển bền vững [PL2, H2.1, tr.173]. Trường Đại học Quốc gia TPHCM (ĐHQG-HCM) sử dụng xanh dương đậm kết hợp trắng làm nền, điểm nhấn đỏ cho các thông tin khẩn cấp, gọi sự nghiêm túc, tin cậy và chú ý [PL2, H2.2, tr.174]. ĐHMTVN ưu tiên nền trung tính (trắng, xám, đen) để tôn hình ảnh tác phẩm, kết hợp màu nhấn ấm (đỏ sẫm, vàng đất) liên kết không gian học vụ với không gian di sản, triển lãm [PL2, H2.3, tr.174]. Những lựa chọn này cho thấy vai trò của ngữ cảnh và triết lý học thuật trong cấu trúc hệ màu. Tại các đơn vị đa ngành (như ĐHQGHN, ĐHQG-HCM), chiến lược tách màu giúp giữ được nhận diện chung mà vẫn đảm bảo tính linh hoạt. Với các trường chuyên biệt như mỹ thuật, việc quy định nền trung tính kết hợp màu nhấn nghệ thuật cần được quy chuẩn rõ để giữ độ tương phản và tính dễ đọc. Về mặt tương tác, hệ màu cần phản ánh rõ trạng thái người dùng: rê chuột,

nhấp chuột, trạng thái lỗi hoặc xác nhận phải có tín hiệu rõ ràng qua màu sắc, đường viền, biểu tượng và bóng đổ. Ví dụ, liên kết khi được chọn bằng bàn phím phải đồng thời đổi màu và gạch chân; lỗi nhập liệu nên kết hợp màu đỏ, biểu tượng cảnh báo và hướng dẫn xử lý [PL2, H2.4, tr.175].

Từ phương diện quản trị thiết kế, mỗi bảng màu cần đi kèm bộ quy chuẩn gồm: bảng màu chính, bảng màu chức năng, hướng dẫn sử dụng trên nền sáng tối, biểu đồ tương phản kiểm thử, sơ đồ màu theo kịch bản (tuyên sinh, khảo sát, thanh toán, nghiên cứu khoa học...). Những tài liệu này giúp duy trì tính nhất quán xuyên suốt toàn bộ hệ thống, đặc biệt với các trường có nhiều phân hiệu hoặc yêu cầu trình bày đa dạng. Hiệu quả của hệ màu không chỉ đánh giá qua thẩm mỹ mà còn cần kiểm chứng qua dữ liệu sử dụng. Các chỉ số cần theo dõi bao gồm: tỷ lệ nhấp vào CTA theo màu, thời gian hoàn thành tác vụ, mức độ lỗi biểu mẫu, khả năng đọc ngoài trời hoặc trong lớp học. Việc thực hiện A/B testing định kỳ và khảo sát người dùng giúp hiệu chỉnh hệ màu phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn. Nhìn chung, màu sắc trong thiết kế giao diện không chỉ mang yếu tố thẩm mỹ mà còn là công cụ chiến lược trong truyền thông thị giác, định hướng hành vi và tạo lập nhận diện học thuật số. Một hệ màu được thiết kế khoa học, quản trị chặt chẽ và kiểm chứng bằng dữ liệu thực tế sẽ góp phần xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiệu quả, thân thiện và bền vững.

2.2.4. Kiểu chữ

Kiểu chữ (typography hay nghệ thuật chữ) là quá trình thiết kế và tổ chức các yếu tố văn bản bao gồm kiểu chữ, kích thước, khoảng cách, trọng số và màu sắc nhằm tạo nên trải nghiệm thị giác hiệu quả và trực quan. Trong thiết kế giao diện số, đặc biệt là trang thông tin điện tử giáo dục, typography không chỉ mang chức năng thẩm mỹ mà còn đóng vai trò nền tảng trong khả năng tiếp cận, truyền đạt và định hình bản sắc thương hiệu.

Theo Robert Bringhurst [83, tr.17], kiểu chữ là tấm gương phản chiếu

tinh thần của một thời đại, trong khi Ellen Lupton cho rằng typography giúp ngôn ngữ trở nên hữu hình, tạo cầu nối cảm xúc giữa người gửi và người nhận thông tin [40, tr.8]. Từ những quan điểm này, có thể xác lập bốn tiêu chí cốt lõi cho thiết kế kiểu chữ trong môi trường học tập số gồm tính dễ đọc, tính nhất quán, khả năng nhận diện thương hiệu và khả năng truy cập. Kiểu chữ cần được lựa chọn dựa trên mục đích sử dụng, đặc trưng thương hiệu và khả năng hiển thị trên nhiều thiết bị. Các phông sans-serif như Arial, Helvetica, Roboto hoặc Open Sans thường mang lại cảm giác hiện đại, rõ ràng, trong khi nhóm serif như Times New Roman hay Georgia gợi sự truyền thống và trang trọng. Sự kết hợp linh hoạt giữa hai nhóm phông này giúp tạo nên sự cân bằng giữa thẩm mỹ và công năng. Một hệ thống typography hiệu quả phải thể hiện được phân cấp thông tin trực quan thông qua việc thay đổi kích thước, độ đậm và kiểu dáng phông cho tiêu đề, tiêu đề phụ và nội dung, giúp người dùng định vị nhanh thông tin quan trọng, giảm tải nhận thức và định hướng hành vi đọc. Sự nhất quán trong sử dụng kiểu chữ củng cố bản sắc trực quan của thương hiệu và tạo trải nghiệm liền mạch giữa các trang, đồng thời đảm bảo khả năng đọc tốt trên nhiều độ phân giải và thiết bị khác nhau.

Typography không chỉ là phương tiện truyền đạt văn bản mà còn là yếu tố biểu cảm của thương hiệu; phông chữ thanh mảnh, mềm mại gợi cảm giác tinh tế, trong khi phông chữ đậm, chắc thể hiện sự tin cậy và chuyên nghiệp. Kiểu chữ còn giúp điều hướng hành trình người dùng khi kích thước, màu sắc hoặc độ đậm được dùng để nhấn mạnh liên kết, nút bấm hoặc trích dẫn quan trọng. Trong môi trường giáo dục, typography thực hiện đồng thời bốn chức năng: phân cấp trực quan, tăng khả năng đọc và truy cập, xây dựng nhận diện thương hiệu học thuật và định hướng trải nghiệm người dùng thông qua giọng điệu, cảm xúc của cơ sở đào tạo. Trong thực tiễn thiết kế giao diện tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, cách lựa chọn kiểu chữ phản ánh rõ bản sắc và

định vị học thuật của từng trường [PL2, H2.16-2.17, tr.184-185].

Một TTTĐT giáo dục có thể có nội dung tuyệt vời, màu sắc phù hợp, nhưng nếu font chữ khó đọc thì toàn bộ trải nghiệm học tập sẽ bị phá vỡ. Tính thân thiện thị giác không thể tách rời khỏi yếu tố chữ viết - nơi truyền tải phần lớn tri thức dưới dạng văn bản. Theo nghiên cứu của Bernard et al. (2003), font sans-serif như Arial, Verdana, Roboto hoặc Open Sans thường mang lại trải nghiệm đọc tốt hơn trong môi trường số, đặc biệt với đối tượng học sinh - sinh viên. Các font này đơn giản, không chân, khoảng cách ký tự hợp lý và ít bị vỡ nét trên các màn hình độ phân giải thấp [35]. Bên cạnh đó, kích thước và khoảng cách dòng chữ (line height) cũng là yếu tố quyết định đến sự dễ đọc. Một số website hiện nay vẫn mắc lỗi phổ biến là sử dụng cỡ chữ quá nhỏ (dưới 11px), không tương thích với các thiết bị di động - khiến người học phải phóng to, kéo chuột nhiều lần, gây mệt mỏi và phân tán chú ý. Trong giáo dục, sự thân thiện của font chữ không chỉ ở tính dễ nhìn, mà còn là khả năng gây thiện cảm, khơi gợi cảm xúc học thuật, tăng cường khả năng tập trung.

ĐHQGHN (VNU) sử dụng các phông sans-serif như Arial hoặc Archivo hiện đại, rõ ràng và dễ đọc thể hiện tính khoa học, khách quan và nghiêm túc. Hệ thống phân cấp chữ chặt chẽ giúp giao diện gọn gàng, dễ tra cứu, phù hợp với hình ảnh một đại học đa ngành.

ĐHQGTPHCM (VNU-HCM) sử dụng phông Geologica Bold trong bộ nhận diện thương hiệu và sử dụng linh hoạt các phông sans-serif, biểu đạt tinh thần năng động, đổi mới và hội nhập. Cách sử dụng sans-serif thống nhất trên toàn hệ thống tăng tính chuyên nghiệp và đảm bảo trải nghiệm người dùng đồng bộ [PL2, H2.16, tr.184].

Trong khi đó, ĐHMTVN thể hiện đặc trưng sáng tạo bằng việc kết hợp linh hoạt giữa serif và sans-serif, tạo đối thoại thị giác giữa truyền thống và hiện đại, vừa đảm bảo tính nghệ thuật vừa duy trì khả năng đọc và tổ chức thông

tin rõ ràng.

Có thể thấy, typography trong thiết kế giao diện trang thông tin điện tử là sự giao thoa giữa ngôn ngữ tạo hình, thẩm mỹ và công năng. Một hệ thống kiểu chữ được xây dựng khoa học, nhất quán và được kiểm chứng qua trải nghiệm người dùng sẽ nâng cao hiệu quả truyền thông, củng cố nhận diện thương hiệu học thuật, đồng thời kiến tạo trải nghiệm học tập số nhân văn và truyền cảm hứng [PL2, H2.17, tr.185].

2.2.5. Giao diện

Giao diện (Interface) thực chất là không gian chứa đựng các yếu tố tạo hình được thiết kế theo phong cách, nguyên lý tạo hình cụ thể. Trong đó, đối tượng quan trọng có thể được xuất hiện trong quy tắc điểm vàng, có màu sắc nổi bật, kích thước khác biệt hoặc mức độ tương phản, nhịp điệu dẫn dắt rõ nét. Giao diện là điểm tiếp xúc trực quan giữa con người và hệ thống số, là môi trường cho phép người dùng tương tác, điều khiển và tiếp cận thông tin một cách hiệu quả, thuận tiện. Trong thiết kế giao diện số, giao diện không chỉ bao gồm các yếu tố hình ảnh mà còn tích hợp các công cụ tương tác, những yếu tố nhằm hỗ trợ người dùng thực hiện tác vụ một cách dễ dàng, nhanh chóng và trực quan. Trong bối cảnh trang thông tin điện tử, giao diện là toàn bộ những gì người dùng nhìn thấy và tương tác khi truy cập website: từ các yếu tố điều hướng như menu, nút bấm, liên kết; cho đến bố cục, màu sắc, font chữ; cũng như nội dung hiển thị (văn bản, hình ảnh, video...) và các thành phần tương tác như biểu mẫu, công cụ tìm kiếm, hay nút kêu gọi hành động (CTA). Có thể hiểu, giao diện chính là diện mạo số của tổ chức, nơi kết nối giữa thông tin, công nghệ và người dùng.

Giao diện số bao gồm hai thành phần cốt lõi: giao diện người dùng (UI - User Interface) và trải nghiệm người dùng (UX - User Experience). UI tập trung vào yếu tố hình thức, cách trình bày và thẩm mỹ thị giác. UX hướng tới

cảm xúc, mức độ hài lòng và hiệu quả thực tế mà người dùng trải nghiệm trong quá trình tương tác. Theo Don Norman (2013), thiết kế tốt phù hợp đến mức người dùng không còn để ý đến sự tồn tại của giao diện, nó trở nên vô hình vì phục vụ một cách liền mạch. Ngược lại, thiết kế kém dễ bị nhận diện bởi gây cản trở hoặc khiến người dùng mất phương hướng. Trong thiết kế giao diện website giáo dục, yếu tố then chốt không chỉ nằm ở mặt thẩm mỹ, mà còn ở tính cấu trúc rõ ràng, điều hướng trực quan và nhận diện nhất quán. Điều này đặc biệt quan trọng khi người dùng thuộc nhiều nhóm đối tượng khác nhau như học sinh, sinh viên, phụ huynh, giảng viên, với mức độ hiểu biết công nghệ và nhu cầu sử dụng khác biệt. Một giao diện hiệu quả cần đáp ứng các yêu cầu về khả năng đọc (sử dụng kiểu chữ sans-serif hiện đại, cỡ chữ hợp lý, khoảng cách dòng thoáng đãng), bố cục tối giản, phân cấp thông tin rõ ràng (giúp người dùng nhanh chóng tìm thấy thông tin cần thiết mà không bị nhiễu thị giác), tương thích đa thiết bị (hiển thị tốt trên mọi kích thước màn hình, từ máy tính đến điện thoại di động), khả năng tiếp cận (hỗ trợ người dùng có nhu cầu đặc biệt như thị lực yếu, sử dụng bàn phím thay chuột, tăng cường độ tương phản hoặc có văn bản thay thế cho hình ảnh), thể hiện bản sắc (màu sắc, hình ảnh, phong cách thiết kế cần phản ánh đúng triết lý giáo dục và giá trị học thuật của tổ chức). Đặc biệt trong môi trường giáo dục, giao diện còn cần tích hợp các yếu tố cá nhân hóa và tương tác, như hệ thống quản lý học tập (LMS), tài khoản người học, chatbot tư vấn, hay diễn đàn học thuật. Khi được thiết kế mạch lạc, các thành phần này không chỉ tăng tính gắn bó mà còn nâng cao hiệu quả học tập và sự chuyên nghiệp trong mắt người dùng.

Thực tiễn thiết kế trang thông tin điện tử tại các trường đại học Việt Nam như ĐHQGHN (VNU) và Đại học Quốc gia TP.HCM (VNU-HCM) cho thấy xu hướng thiết kế giao diện theo hướng hiện đại, tối giản và hiệu quả. Các trang thông tin điện tử này sử dụng bảng màu nhã nhặn, kiểu chữ sans-serif rõ ràng,

bố cục tuyến tính dễ theo dõi, và hệ thống điều hướng phân tầng hợp lý. Trọng tâm của giao diện là cung cấp thông tin học thuật như đào tạo, tuyển sinh, thông báo, tài liệu với tốc độ truy cập ổn định và khả năng truy cập đa thiết bị. Nhờ đó, hình ảnh thương hiệu của các trường được củng cố thông qua sự nhất quán và chuyên nghiệp trong thiết kế [PL2, H2.27, H2.28, tr.190-191].

Trong khi đó, ĐHMTVN có cách tiếp cận thị giác riêng biệt hơn, phản ánh đặc thù của một cơ sở đào tạo nghệ thuật. Giao diện trang thông tin điện tử của trường này thường sử dụng nhiều khoảng trắng, hình ảnh lớn, màu sắc nghệ thuật và đôi khi kết hợp kiểu chữ phá cách. Tuy vậy, các nguyên tắc cơ bản như tính dễ đọc, khả năng truy cập và điều hướng rõ ràng vẫn được duy trì. Điều này cho thấy tính sáng tạo và tính công năng hoàn toàn có thể được dung hòa, nếu được kiểm soát bởi một chiến lược thiết kế rõ ràng [PL2, H2.29, tr.192].

Với những phân tích trên cho thấy, giao diện không chỉ là diện mạo kỹ thuật số của tổ chức giáo dục, mà còn là nơi tổ chức tri thức, định hình trải nghiệm và thể hiện bản sắc. Một giao diện được thiết kế tốt sẽ cho phép người sử dụng tập trung hoàn toàn vào nội dung, không bị phân tâm bởi cách thức trình bày. Trong bối cảnh giáo dục số, nơi mà thông tin không ngừng biến đổi và người dùng luôn kỳ vọng vào sự tiện lợi, trực quan, thì giao diện chính là chìa khóa để kết nối con người với tri thức và là biểu tượng của năng lực chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

2.3. Phong cách thẩm mỹ đặc trưng trong thiết kế trang thông tin điện tử tại một số đại học tiêu biểu ở Việt Nam

Thiết kế trang thông tin điện tử của ba trường ĐHQGHN , ĐHQGTPHCM và ĐHMTVN thể hiện ba phong cách riêng biệt, phản ánh sứ mệnh, bản sắc và đối tượng người dùng mục tiêu của từng cơ sở đào tạo. Sự khác biệt này không chỉ mang tính thẩm mỹ, mà còn thể hiện chiến lược truyền

thông có chủ đích, giúp mỗi trường định vị hình ảnh, truyền tải thông điệp và xây dựng bản sắc thương hiệu học thuật trong không gian số.

2.3.1. Đại học Quốc gia Hà Nội

ĐHQGHN là một trong hai hệ thống đại học công lập trọng điểm quốc gia, biểu trưng cho tinh thần tiên phong và đổi mới trong lĩnh vực giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học của Việt Nam. Tiền thân của trường là Viện Đại học Đông Dương, được thành lập năm 1906, sau đó phát triển thành Trường Đại học Quốc gia Việt Nam dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau Cách mạng tháng Tám, và được tái lập vào năm 1993 trên cơ sở hợp nhất nhiều trường đại học hàng đầu tại Hà Nội. Quá trình hình thành này thể hiện tính kế thừa và phát triển liên tục của một mô hình đại học đa ngành, đa lĩnh vực, gắn với lịch sử và tiến trình phát triển của giáo dục Việt Nam hiện đại.

Hiện nay, ĐHQGHN bao gồm nhiều trường đại học thành viên và viện nghiên cứu chuyên ngành như Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Kinh tế, Đại học Công nghệ, Đại học Giáo dục và Đại học Y Dược. Hệ thống này tạo nên một mạng lưới đào tạo và nghiên cứu liên ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho nhiều lĩnh vực, từ khoa học tự nhiên, công nghệ, y học đến kinh tế, xã hội và nhân văn, vì thế TTTĐT cũng có nhiều trang thành viên liên kết với nhau.

Trang thông tin điện tử của ĐHQGHN phản ánh trực tiếp bản sắc học thuật, tính chuẩn mực và uy tín thương hiệu của một đại học tổng hợp hàng đầu. Bố cục được tổ chức theo nguyên tắc thiết kế dạng lưới, giúp sắp xếp các khối nội dung, tin tức, sự kiện, thông báo và liên kết một cách cân đối, khoa học và dễ theo dõi. Trang chủ được chia thành các vùng chức năng rõ ràng, với hệ thống menu điều hướng trực quan, cho phép người dùng nhanh chóng truy cập các chuyên mục như *Giới thiệu*, *Tuyển sinh*, *Đào tạo*, *Nghiên cứu khoa học*, *Hợp tác quốc tế* và *Tuyển dụng*. Bố cục dạng công thông tin điện tử giúp

đảm bảo tính hệ thống, trong khi khoảng trắng được sử dụng hợp lý để tạo cảm giác thoáng đãng và giảm tải thị giác. Màu sắc chủ đạo của trang là xanh dương, trắng và xám, gợi cảm giác tin cậy, nghiêm túc và chuyên nghiệp những đặc trưng thường thấy trong thiết kế giao diện của các tổ chức học thuật lớn. Kiểu chữ sans-serif trung tính (Roboto, Arial) mang lại khả năng đọc rõ ràng, đồng thời giữ tính nhất quán với nhận diện thương hiệu của trường. Hệ thống biểu tượng và hình ảnh được chọn lựa tối giản, mang tính chức năng cao, trong đó hình ảnh minh họa chủ yếu là các sự kiện học thuật, cơ sở vật chất và hoạt động nghiên cứu phản ánh tính xác thực và khách quan trong truyền thông học thuật. Thiết kế giao diện hướng đến sự tối giản, hiện đại và chức năng, phù hợp với tôn chỉ “chính xác - khoa học - minh bạch”. Các liên kết đến trang thông tin điện tử của các trường thành viên và đơn vị trực thuộc được bố trí logic, giúp tạo ra một hệ sinh thái thông tin đồng bộ và xuyên suốt. Về trải nghiệm người dùng, trang web được tối ưu hóa cho thiết bị di động, đảm bảo khả năng hiển thị và tương tác mượt mà trên nhiều nền tảng. Các tương tác động tĩnh tế như hiệu ứng di chuột, thay đổi màu nút hoặc phản hồi trực quan được ứng dụng ở mức vừa phải, tạo cảm giác sinh động nhưng không làm mất đi sự nghiêm túc. Cách tiếp cận này phù hợp với định hướng thiết kế lấy người dùng làm trung tâm (User-Centered Design - UCD), giúp trang web trở nên thân thiện, dễ điều hướng và phù hợp với đa dạng đối tượng từ sinh viên, phụ huynh đến nhà nghiên cứu và đối tác quốc tế. Trang thông tin điện tử của ĐHQGHN thể hiện hiệu quả cao trong việc truyền tải hình ảnh học thuật, tính chuyên nghiệp và độ tin cậy của một đại học trọng điểm quốc gia. Cấu trúc khoa học, nội dung được cập nhật thường xuyên và ngôn ngữ trình bày rõ ràng giúp người dùng dễ dàng tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, một số điểm vẫn có thể được cải thiện, như tăng cường tính thống nhất giao diện giữa các trang thành viên, hoặc ứng dụng thêm nội dung đa phương tiện (video, infographic, dữ liệu tương tác) để tăng tính

trực quan và hấp dẫn đối với người dùng trẻ.

Nhìn chung, trang thông tin điện tử ĐHQGHN là ví dụ điển hình cho phong cách thiết kế học thuật tối giản và hiện đại, tuân thủ các nguyên tắc thiết kế lấy người dùng làm trung tâm, đồng thời thể hiện rõ triết lý “hàn lâm - chuẩn mực - hội nhập”. TTTĐT không chỉ là công cụ truyền tải thông tin, mà còn là biểu tượng số của ĐHQGHN trong kỷ nguyên chuyển đổi số giáo dục, góp phần khẳng định vị thế của trường như một trung tâm tri thức và nghiên cứu hàng đầu Việt Nam và khu vực.

2.3.2. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

ĐHQGTPHCM là hệ thống đại học trọng điểm ở phía Nam, giữ vai trò đầu mối đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy nghiên cứu đổi mới sáng tạo. Thành lập theo Nghị định 16/CP ngày 27/01/1995, ĐHQG-HCM kế thừa các cơ sở đại học lâu đời của thành phố và phát triển theo mô hình đa ngành, đa lĩnh vực gắn với nhu cầu phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Cấu trúc tổ chức hiện gồm các trường thành viên: Bách khoa (HCMUT), Khoa học Tự nhiên (HCMUS), Khoa học Xã hội và Nhân văn (HCMUSSH), Kinh tế - Luật (UEL), Công nghệ Thông tin (UIT), Quốc tế (IU), An Giang (AGU), cùng các viện/khoa trực thuộc và đơn vị dịch vụ, hình thành hệ sinh thái học thuật công nghệ quy mô lớn.

Trang thông tin điện tử của ĐHQG-HCM thể hiện thẩm mỹ hiện đại, năng động, định hướng công nghệ, phù hợp định vị một trung tâm đổi mới sáng tạo. Bố cục dựa trên hệ lưới rõ ràng nhưng cho phép linh hoạt mô-đun: các khối tin/bài, sự kiện và liên kết nhanh trình bày theo dạng thẻ (card layout), thuận tiện cho quét thông tin và tái sắp xếp trên thiết bị di động. Không gian trắng được dùng có chủ đích để giảm tải thị giác. Bảng màu chủ đạo xanh dương và trắng kết hợp điểm nhấn tươi (vàng/cam) tạo cảm giác trẻ trung, khuyến khích tương tác. Hình ảnh ưu tiên các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo,

sinh viên, doanh nghiệp, phản ánh thế mạnh công nghệ và tính mở của hệ thống. Kiểu chữ sans-serif hiện đại (như Averta trong hệ nhận diện) bảo đảm độ rõ ràng và nhất quán. Điều hướng được thiết kế trực quan với các mục cốt lõi như *Giới thiệu, Tin tức, Tuyển sinh, Đào tạo, Nghiên cứu, Đối ngoại*. Các liên kết tới trang thông tin điện tử trường thành viên được gom nhóm logic, tạo cảm giác một hệ sinh thái thông tin thống nhất. Thiết kế responsive bảo đảm trải nghiệm ổn định trên nhiều thiết bị, micro-interactions (hiệu ứng hover, phản hồi nút) sử dụng ở mức tối thiểu cần thiết để tăng tính thân thiện mà không gây sao nhãng. Nội dung được biên mục rõ: tuyển sinh (quy chế, phương thức, ngành đào tạo), tin tức, sự kiện và chuyên mục nghiên cứu (dự án, công bố, hợp tác), đáp ứng đa dạng đối tượng người dùng.

Trang thông tin điện tử ĐHQG-HCM là ví dụ điển hình của phong cách hiện đại định hướng người dùng, giàu tính hệ thống và hiệu quả truyền thông. Hai điểm có thể nâng cấp (1) tăng mức đồng bộ nhận diện và trải nghiệm giữa trang chủ và các site thành viên; (2) mở rộng nội dung đa phương tiện (video, infographic, dữ liệu tương tác) để làm nổi bật thành tựu nghiên cứu và nâng cao khả năng kể chuyện thương hiệu. Nhìn chung, giao diện hiện tại truyền tải tốt hình ảnh mở, sáng tạo, hướng tương lai của ĐHQG-HCM, đồng thời đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin học thuật trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.3.3. Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam

ĐHMTVN không chỉ là một cơ sở đào tạo mà còn là một di sản văn hóa của nền giáo dục nghệ thuật Việt Nam, nơi đã ươm mầm và phát triển nhiều thế hệ họa sĩ, nhà điêu khắc và nhà nghiên cứu mỹ thuật tài năng. Tiền thân của trường là Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, thành lập năm 1925, được xem là cái nôi hình thành nền mỹ thuật hiện đại Việt Nam. Trường có hệ thống đào tạo gồm các khoa chuyên sâu như Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Thiết kế đồ họa, Sư phạm mỹ thuật, Lý luận và Lịch sử mỹ thuật.

Trang thông tin điện tử của ĐHMTVN thể hiện rõ tinh thần học thuật và bản sắc nghệ thuật, một sự kết hợp giữa phong cách thiết kế truyền thống trang trọng và tư duy sáng tạo đương đại. Bố cục tổng thể được xây dựng cân đối, logic, giúp người dùng dễ dàng truy cập vào các chuyên mục như Giới thiệu, Đào tạo, Tuyển sinh, Nghiên cứu khoa học và Hoạt động triển lãm. Menu điều hướng rõ ràng, ổn định giúp trải nghiệm người dùng liền mạch, trong khi khoảng trắng được sử dụng có chủ đích nhằm tôn vinh các hình ảnh nghệ thuật yếu tố trung tâm của một trường đào tạo mỹ thuật. Màu sắc chủ đạo của website là các gam trung tính như trắng, xám và đen, kết hợp nhẹ nhàng với các tông đỏ đô hoặc lam nhạt để tạo điểm nhấn thẩm mỹ. Sự tiết chế này mang lại cảm giác sang trọng, tinh tế và làm nổi bật các tác phẩm nghệ thuật được trưng bày. Hình ảnh tác phẩm của sinh viên và giảng viên xuất hiện nổi bật trên trang chủ, vừa tạo điểm nhấn thị giác vừa thể hiện giá trị thương hiệu và triết lý giáo dục của trường coi sáng tạo và nhân văn là cốt lõi của đào tạo nghệ thuật. Kiểu chữ serif hoặc display font được chọn lọc nhằm gợi cảm giác cổ điển, nghiêm túc nhưng vẫn đảm bảo tính dễ đọc. So với các trang thông tin điện tử giáo dục khác có xu hướng hiện đại hóa mạnh mẽ và sử dụng nhiều tương tác động, giao diện của ĐHMTVN có phần tĩnh và cổ điển hơn, song điều này không làm giảm giá trị mà ngược lại, tạo nên một phong cách đặc thù phản ánh đúng tinh thần nghệ thuật truyền thống kết hợp hiện đại. Việc giản lược hiệu ứng đồ họa giúp người xem tập trung hơn vào nội dung học thuật và hình ảnh nghệ thuật, đồng thời duy trì tốc độ tải nhanh và khả năng truy cập ổn định trên cả máy tính lẫn thiết bị di động. Các chuyên mục được tổ chức hợp lý, đảm bảo khả năng tra cứu nhanh các thông tin cần thiết, từ tin tức, hoạt động học thuật đến các sự kiện triển lãm. Trang web ưu tiên sự rõ ràng, nhất quán và khả năng đọc dễ dàng, phù hợp với đặc trưng của một cơ sở học thuật lâu đời. Tuy nhiên, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu tương tác của người dùng trong thời đại số, giao diện có

thể được cải tiến bằng cách bổ sung các yếu tố chuyển động tĩnh tế hoặc không gian hiển thị trực quan hơn cho các bộ sưu tập tác phẩm.

Nhìn chung, trang thông tin điện tử của ĐHMTVN là sự kết tinh giữa truyền thống và hiện đại, giữa giá trị học thuật và ngôn ngữ nghệ thuật. Thiết kế vừa mang tính trang trọng, đáng tin cậy, vừa thể hiện bản sắc sáng tạo và tinh thần tự do của môi trường nghệ thuật. Website không chỉ là kênh truyền tải thông tin mà còn là một không gian triển lãm trực tuyến, nơi người xem có thể cảm nhận được chiều sâu văn hóa và tinh thần sáng tạo đặc trưng của trường. Với định hướng tiếp tục đổi mới trong truyền thông học thuật, việc kết hợp hài hòa giữa yếu tố thẩm mỹ và trải nghiệm người dùng sẽ giúp trang web của ĐHMTVN trở thành biểu trưng số cho nền mỹ thuật Việt Nam đương đại, lan tỏa di sản và khẳng định vị thế của trường trong không gian giáo dục nghệ thuật quốc gia và quốc tế.

2.3.4. So sánh về phong cách thẩm mỹ đặc trưng

Giao diện TTTĐT của ĐHQGHN, ĐHQGTPHCM và ĐHMTVN phản ánh rõ nét sự khác biệt trong triết lý thiết kế, bản sắc học thuật và chiến lược truyền thông số của từng cơ sở giáo dục. Dù cùng hướng đến mục tiêu cung cấp thông tin chính thống, hỗ trợ người học và quảng bá hình ảnh học thuật, mỗi trường lại lựa chọn một phong cách thẩm mỹ và ngôn ngữ tạo hình riêng, thể hiện rõ sứ mệnh và đối tượng người dùng mục tiêu.

Điểm chung nổi bật của ba trang thông tin điện tử là sự chú trọng vào trải nghiệm người dùng và tính dễ truy cập. Cả ba đều được xây dựng trên nền tảng thiết kế lấy người dùng làm trung tâm, đảm bảo khả năng điều hướng rõ ràng, tốc độ truy cập ổn định và tương thích đa thiết bị. Bố cục đều dựa trên cấu trúc lưới, giúp sắp xếp thông tin khoa học, cân đối và trực quan. Các trang chủ đều có cấu trúc tương đồng gồm banner chính, khu vực tin tức, sự kiện, thông báo và liên kết nhanh, thể hiện tính hệ thống và tính chuyên nghiệp.

Ngoài ra, cả ba trường đều duy trì sự nhất quán trong nhận diện thương hiệu qua việc sử dụng màu sắc, kiểu chữ và biểu tượng phù hợp với bản sắc riêng. Ngôn ngữ thiết kế tối giản, tận dụng không gian trắng và tông màu trung tính cũng là xu hướng chung nhằm tạo cảm giác hiện đại, khoa học và dễ đọc phù hợp với môi trường giáo dục.

Bảng 2.1. Điểm chung giữa các phong cách thiết kế trang thông tin điện tử Trường ĐHQGHN, ĐHQGTPHCM, ĐHMTVN

Tiêu chí	Điểm chung nổi bật
Mục tiêu	Tăng trải nghiệm người dùng, hỗ trợ truyền đạt nội dung hiệu quả, thể hiện bản sắc thương hiệu học thuật.
Nguyên tắc thiết kế	Dựa trên cấu trúc lưới, cân bằng giữa thẩm mỹ và chức năng, chú trọng khả năng truy cập và tính nhất quán.
Công nghệ hỗ trợ	Áp dụng thiết kế đáp ứng và hiệu ứng chuyển động, UX/UI hiện đại.
Ngôn ngữ tạo hình	Kết hợp giữa màu sắc, kiểu chữ, bố cục, biểu tượng, hình ảnh nhằm tạo cảm xúc và định hướng hành vi người dùng.
Xu hướng chung	Thiết kế lấy người dùng làm trung tâm (User-Centered Design), ưu tiên trải nghiệm học tập trực quan, thân thiện, giàu tính tương tác.

Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa ba giao diện thể hiện rõ ở định hướng thẩm mỹ và chiến lược truyền thông. Giao diện của ĐHQGHN mang phong cách học thuật, tối giản và chuẩn mực. Bố cục trang được tổ chức chặt chẽ theo hệ lưới đối xứng, màu sắc trung tính (xanh dương, trắng, xám) kết hợp kiểu chữ sans-serif hiện đại nhằm truyền tải sự nghiêm túc, tin cậy và ổn định. Cách thiết kế này phản ánh đúng vị thế của một đại học tổng hợp đa ngành, hướng đến cộng

đồng học thuật, các nhà nghiên cứu và đối tác quốc tế.

Trong khi đó, giao diện của ĐHQGTPHCM lại thể hiện tinh thần năng động và định hướng công nghệ. Website sử dụng cấu trúc linh hoạt dạng thẻ, tông màu xanh dương kết hợp các sắc vàng hoặc cam nhấn mạnh sự trẻ trung và sáng tạo. Các tương tác động nhẹ giúp người dùng dễ dàng tiếp cận thông tin và trải nghiệm sinh động hơn. Thiết kế hướng đến nhóm người dùng là sinh viên, học sinh và doanh nghiệp thể hiện đúng tinh thần hội nhập, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của một trung tâm giáo dục tiên phong ở khu vực phía Nam.

Ngược lại, trang thông tin điện tử của ĐHMTVN mang một phong cách hoàn toàn khác biệt, đậm tính nghệ thuật và biểu cảm. Bố cục phi đối xứng, không gian trắng rộng và hình ảnh tác phẩm nghệ thuật được sử dụng như trung tâm thị giác giúp trang web trở thành một “triển lãm trực tuyến”, nơi thông tin và cảm xúc được dung hòa. Bảng màu tinh tế, kết hợp giữa tông trung tính và sắc nhân nghệ thuật (đỏ đô, lam nhạt), cùng việc sử dụng các kiểu chữ serif và display font tạo cảm giác vừa cổ điển, vừa hiện đại, phản ánh đúng tinh thần sáng tạo và bản sắc thẩm mỹ của một cơ sở đào tạo nghệ thuật hàng đầu.

Như vậy, dù cùng chia sẻ nền tảng thiết kế hiện đại và định hướng trải nghiệm người dùng, ba trường đã chọn cho mình những cách thể hiện khác nhau, tương ứng với triết lý giáo dục riêng. ĐHQGHN thể hiện sự hàn lâm và chuẩn mực của một trung tâm tri thức quốc gia, ĐHQGTPHCM thể hiện tinh thần năng động, đổi mới và hội nhập toàn cầu, còn ĐHMTVN thể hiện bản sắc sáng tạo, kết hợp giữa truyền thống nghệ thuật và tư duy thiết kế đương đại. Sự khác biệt này không chỉ mang ý nghĩa thẩm mỹ mà còn là chiến lược nhận diện thương hiệu có chủ đích, giúp mỗi trường củng cố vị thế và thu hút đúng nhóm đối tượng mục tiêu. Điều này có thể khẳng định rằng thiết kế giao diện trang thông tin điện tử trong giáo dục đại học không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn là phương tiện thể hiện văn hóa tổ chức và triết lý giáo dục. Khi được thiết kế trên cơ sở nghiên cứu

người dùng, nhận diện thương hiệu và chiến lược truyền thông tổng thể, giao diện trang web trở thành kênh biểu đạt hình ảnh học thuật trong không gian số, góp phần nâng cao trải nghiệm học tập, tăng cường kết nối cộng đồng và khẳng định vị thế của các trường đại học Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số và toàn cầu hóa giáo dục.

Bảng 2.2. So sánh về phong cách thiết kế giao diện trang thông tin điện tử Trường ĐHQGHN, ĐHQGTPHCM, ĐHMTVN

TIÊU CHÍ	ĐHQGHN	ĐHQG-HCM	ĐHMTVN
Phong cách thiết kế	Tối giản, chuẩn mực, học thuật	Hiện đại, năng động, định hướng công nghệ	Nghệ thuật, sáng tạo, truyền thống
Bố cục và cấu trúc thông tin	Cổng thông tin đa tầng, tổ chức theo hệ thống lưới đối xứng	Cấu trúc dạng thẻ, thân thiện với thiết bị di động	Bố cục phi đối xứng, linh hoạt
Màu chủ đạo	Xanh dương, trắng, xám (trang trọng, tin cậy)	Xanh dương, trắng, điểm nhấn vàng hoặc cam (trẻ trung, năng động)	Trắng, xám, đỏ đô, lam nhạt (tinh tế, nghệ thuật)
Kiểu chữ	Sans-serif trung tính (Roboto, Arial)	Sans-serif hiện đại (Averta, Helvetica)	Serif hoặc Display font
Hình ảnh sử dụng	Ảnh tư liệu học thuật, sự kiện, cơ sở vật chất	Ảnh sinh viên, hoạt động nghiên cứu, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Ảnh và tác phẩm nghệ thuật, triển lãm, sáng tác sinh viên

Trải nghiệm người dùng (UX)	Dễ tra cứu, nghiêm túc, ổn định	Thân thiện, năng động, nhiều tương tác nhẹ	Mang tính khám phá thị giác, thiên về cảm xúc
Đối tượng người dùng hướng tới	Giảng viên, nhà nghiên cứu, đối tác học thuật	Sinh viên, doanh nghiệp, công chúng trẻ	Giới nghệ sĩ, sinh viên mỹ thuật, công chúng yêu nghệ thuật
Tính tương tác và công nghệ	Mức độ cơ bản, tập trung vào tính chính xác và ổn định	Ứng dụng mạnh các thiết kế đáp ứng và hiệu ứng chuyển động	Ít hiệu ứng, thiên về trình bày thẩm mỹ tĩnh, giống “triển lãm online”

Phân tích phong cách thiết kế giao diện trang thông tin điện tử của ba trường đại học tiêu biểu là ĐHQGHN, ĐHQGTPHCM và ĐHMTVN cho thấy rằng mỗi cơ sở đã xây dựng cho mình một ngôn ngữ thị giác và chiến lược truyền thông riêng, phản ánh chính xác bản sắc học thuật, sứ mệnh và đối tượng người dùng mục tiêu. Sự khác biệt này minh chứng cho tính đa dạng trong tư duy thiết kế giao diện giáo dục đại học Việt Nam hiện nay, đồng thời khẳng định rằng không có một mô hình thiết kế duy nhất phù hợp cho mọi tổ chức, mà hiệu quả phụ thuộc vào mức độ phù hợp giữa phong cách thể hiện và triết lý giáo dục của từng trường.

ĐHQGHN lựa chọn phong cách học thuật, tối giản, chuẩn mực, thể hiện qua bố cục dạng lưới rõ ràng, màu sắc trung tính và kiểu chữ sans-serif hiện đại. Cách tiếp cận này nhấn mạnh tính ổn định, nghiêm túc và uy tín, phù hợp với hình ảnh một đại học đa ngành định hướng nghiên cứu. Ngược lại, ĐHQG-HCM theo đuổi phong cách hiện đại, năng động, công nghệ, sử dụng

thiết kế linh hoạt, màu sắc tươi sáng và hiệu ứng tương tác nhẹ để thể hiện tinh thần đổi mới và hội nhập quốc tế. Trong khi đó, ĐHMTVN nổi bật với phong cách nghệ thuật, sáng tạo, truyền thống, kết hợp tinh tế giữa thẩm mỹ cổ điển và ngôn ngữ thiết kế đương đại, tạo trang thông tin điện tử thành một “không gian triển lãm trực tuyến” phản ánh bản sắc của một cơ sở đào tạo nghệ thuật chuyên sâu. Sự khác biệt giữa ba phong cách không chỉ là lựa chọn thẩm mỹ, mà còn là chiến lược nhận diện thương hiệu số. Nếu ĐHQGHN hướng tới chuẩn mực và tính hàn lâm để phục vụ cộng đồng học thuật và đối tác quốc tế, thì ĐHQGTPHCM chú trọng sự thân thiện, tốc độ và khả năng thích ứng với người dùng trẻ. Ngược lại, ĐHMTVN đặt trọng tâm vào cảm xúc và giá trị thẩm mỹ, truyền tải tinh thần sáng tạo của nghệ thuật vào môi trường kỹ thuật số.

Từ ba trường hợp điển hình này có thể thấy rằng thiết kế giao diện trang thông tin điện tử trong giáo dục đại học không chỉ là công cụ truyền tải thông tin, mà là một hình thức biểu đạt triết lý giáo dục và văn hóa tổ chức. Một giao diện hiệu quả là giao diện vừa đáp ứng nhu cầu sử dụng, vừa phản ánh tinh thần học thuật, thẩm mỹ và sứ mệnh của cơ sở đào tạo. Khi được xây dựng dựa trên nghiên cứu người dùng, nhận diện thương hiệu và chiến lược truyền thông tổng thể, thiết kế giao diện trở thành cầu nối giữa tri thức, công nghệ và nghệ thuật, góp phần nâng cao trải nghiệm học tập, củng cố hình ảnh học thuật và khẳng định vị thế của các trường đại học Việt Nam trong kỷ nguyên chuyển đổi số và toàn cầu hóa giáo dục.

2.4. Đánh giá tính nghệ thuật của thiết kế trang thông tin điện tử các trường đại học

Trong thời đại công nghệ số, hình ảnh của các trường đại học ngày càng gắn liền với giao diện và trải nghiệm của trang thông tin điện tử. Một TTTĐT

được thiết kế tốt không chỉ mang lại hiệu quả truyền thông, mà còn phản ánh tư duy thẩm mỹ, trình độ công nghệ, và bản sắc văn hóa học thuật.

Theo Norman (2002), tính nghệ thuật trong thiết kế giao diện được hiểu là sự hòa quyện giữa hình thức đẹp và tính hữu dụng, nơi yếu tố thẩm mỹ góp phần tăng trải nghiệm người dùng. Dewey (1934) cho rằng trải nghiệm nghệ thuật là quá trình tương tác giữa người xem và sản phẩm, tạo nên cảm xúc và ý nghĩa. TTTĐT trở thành một “tác phẩm thị giác - tương tác”, phản ánh triết lý thẩm mỹ của tổ chức.

Dựa trên các tiêu chí đánh giá tính nghệ thuật trong thiết kế trang thông tin điện tử được đề xuất ở chương 1, luận án tiến hành đánh giá thiết kế trang thông tin điện tử của 3 trường ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia HCM và Trường ĐH Mỹ thuật VN.

Đánh giá được khảo sát bởi các chuyên gia thiết kế (theo mẫu khảo sát tại Phụ lục 1) và qua phỏng vấn sâu từ trải nghiệm của người dùng.

2.4.1. Đại học Quốc gia Hà Nội

Kết quả so sánh tổng hợp các tiêu chí đánh giá cho thấy như sau:

Về tính thẩm mỹ, TTTĐT có thiết kế sử dụng bố cục cổ điển với các thành phần cơ bản được phân vùng rõ ràng. Bố cục này thể hiện được sự sang trọng và tính học thuật, phù hợp với định hướng, tầm nhìn của nhà trường. Màu sắc với tông xanh dương là chủ đạo, kết hợp các màu vàng ánh kim, sử dụng nhiều nền và mảng trắng nên cho thấy sự rõ nét, nghiêm túc và sang trọng.

- Với tính khả dụng, các chỉ báo cho thấy cơ bản tốt nhưng còn mang tính truyền thống nên có những hạn chế về tính năng. Các thao tác truy cập trang con và các thực đơn xếp nhiều tầng cũng khiến trang chủ chưa thể hiện những thuộc tính chủ yếu, vùng tài nguyên sẵn có của TTTĐT này.

- Tính sáng tạo ở đây có thể nói là không nhiều vì chủ yếu tập trung vào tính nghiêm túc. Xu hướng phục vụ công việc quản lý và cấu trúc hành chính là chủ yếu nên không mang tính sáng tạo.

- Nội dung, hiệu quả thông tin tốt theo đặc thù của dạng thông tin điều hành, hành chính là chủ yếu. Thực tế cho thấy lớp thông tin cũng phong phú, tuy nhiên trình bày cứng nhắc, khô khan, thiếu hình thức tương tác dạng kể chuyện, dẫn dắt nội dung (storytelling).

2.4.2. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

TTTĐT của ĐHQGTPHCM là trang điện tử có nhiều yếu tố hiện đại. Ngôn ngữ thiết kế và phong cách không có khoảng cách lớn so với các nền tảng hiện đại. Tuy nhiên, so với ĐHQGHN, trang điện tử này có sự can thiệp của phần thiết kế mỹ thuật nhiều hơn nên đáp ứng về thẩm mỹ tốt hơn.

- Về tính thẩm mỹ, thiết kế khá hiện đại với các yếu tố thị giác hài hòa, cân đối. Về màu sắc, gam chủ đạo là xanh sáng kết hợp cam, thể hiện tính thân thiện và linh hoạt. Cặp màu này cũng là dạng màu tươi vui và có yếu tố hiện đại, tiệm cận được với xu hướng đương đại.

- Về tính khả dụng, trang này đạt mức độ khảo sát rất tốt. Những yếu tố thiết kế đã đóng góp cho tiện nghi của trang tin này khá nhiều. Bên cạnh là mức độ tương thích với mọi thiết bị do phần giao diện đáp ứng các nền tảng khác nhau, dễ truy cập và không bị mất bao quát.

- Tính sáng tạo trong trang này khá cao với các slide, hiệu ứng chuyển động và hình ảnh sinh động. Một số thời điểm cho thấy thông tin gây tò mò và gợi mở.

- Về nội dung thông tin khá đa dạng, gần gũi, thể hiện rõ định hướng nghiên cứu - đổi mới sáng tạo.

2.4.3. Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam

Là trường đào tạo mỹ thuật nên trang thông tin điện tử cũng mang tính thẩm mỹ cao, có yếu tố sáng tạo và các hiệu ứng thị giác mạnh mẽ.

- Tính thẩm mỹ thể hiện qua phong cách thiết kế mang tính nghệ thuật rõ nét. Nhà trường sử dụng tông màu nóng ấm với các sắc đỏ, nâu, vàng đất, xám gọi cho cảm giác lịch sử lâu đời và mang tính bí ẩn như ngôn ngữ mỹ thuật tạo hình. Các yếu tố về bố cục, mức độ biểu hiện của hình, biểu tượng và phân vùng bố cục đem đến trải nghiệm thú vị cho người dùng.

- Về tính khả dụng đạt mức trung bình, một phần do chưa tối ưu trên giao diện di động, đồng thời dữ liệu hình ảnh đòi hỏi chất lượng cao khiến cho dung lượng hình ảnh cao nên độ trễ truy cập lớn hơn so với các trang thông tin khác.

- Tính sáng tạo đạt ngưỡng khảo sát rất cao, mang đậm dấu ấn thị giác, có bản sắc của nhà trường nghệ thuật, thể hiện tinh thần nghệ thuật ở mọi yếu tố trên toàn giao diện.

- Nội dung tập trung vào các triển lãm, tác phẩm, chưa đến mức triển lãm ảo nhưng đa dạng. Các thông tin đào tạo mỹ thuật đặc thù cũng rõ nét nhưng chưa hệ thống.

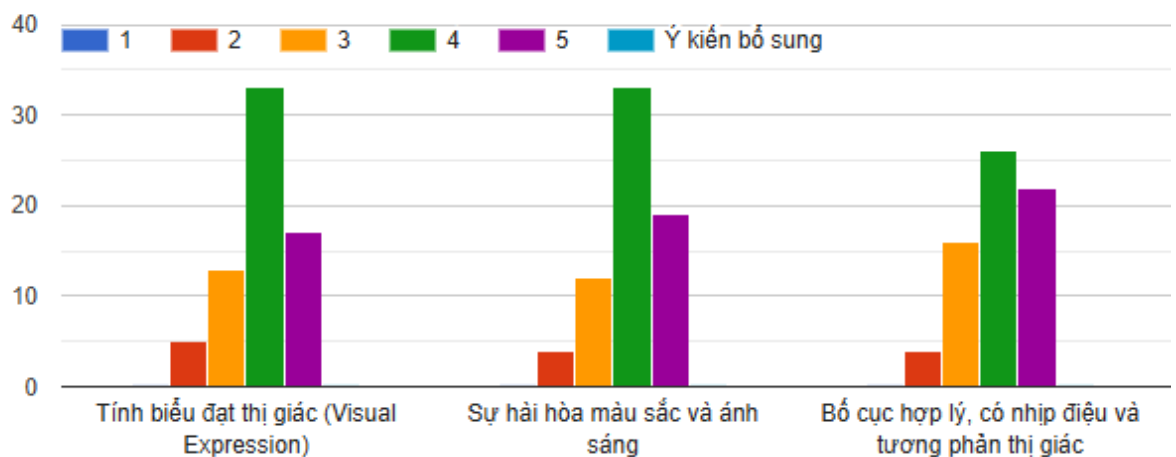
Bảng 2.3. So sánh tổng hợp các tiêu chí ở ĐHQGHN, ĐHQGTPHCM và Trường ĐHMTVN

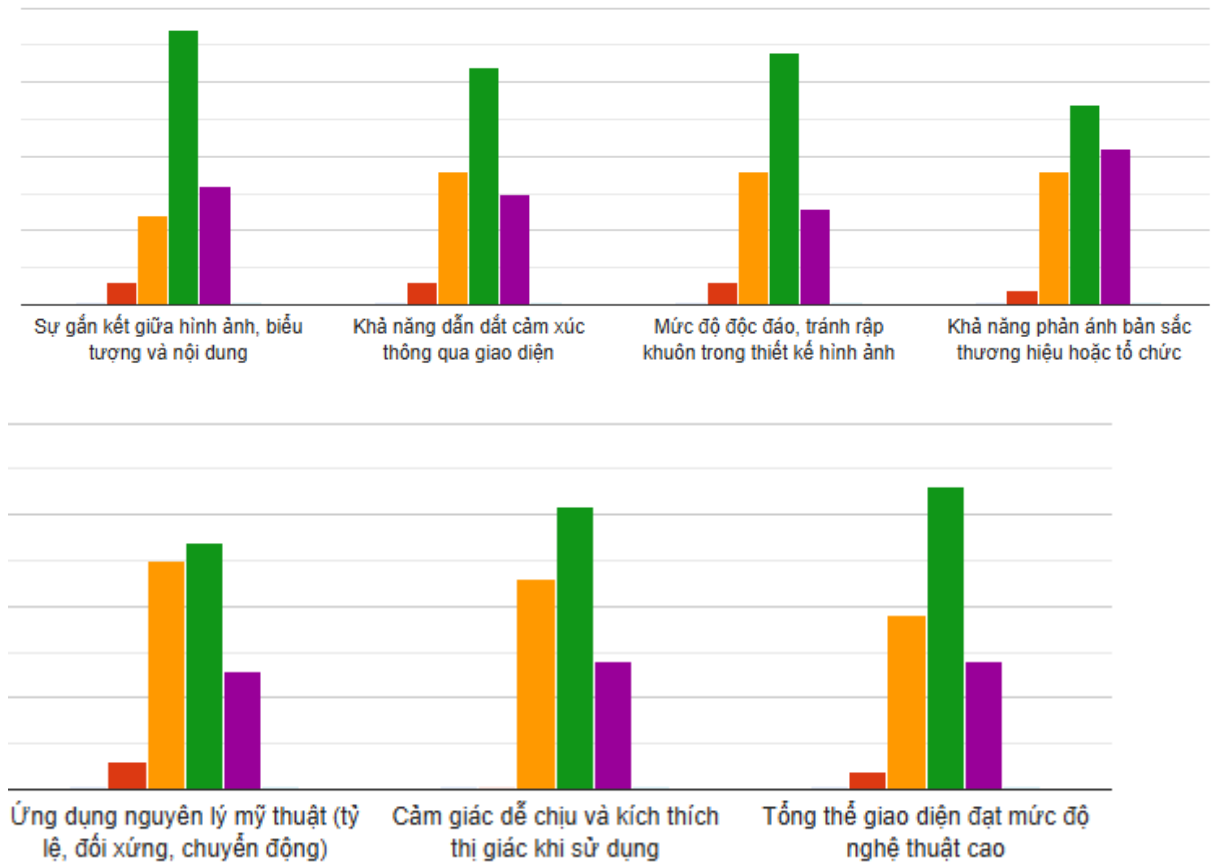
Tiêu chí	VNU-Hanoi	VNUHCM	VNUFA
Tính thẩm mỹ	Trang trọng, học thuật	Hiện đại, năng động	Nghệ thuật, sáng tạo
Tính khả dụng	Tốt	Rất tốt	Trung bình
Tính sáng tạo	Thấp	Cao	Rất cao
Hiệu quả thông tin/Nội dung	Khô, nhiều dữ liệu	Đa dạng, hấp dẫn	Đậm nghệ thuật, thiếu hệ thống

Ba TTTĐT đại diện cho ba phong cách nghệ thuật khác nhau: ĐHQG Hà Nội trang trọng - hàn lâm, ĐHQG TP.HCM hiện đại - thân thiện, và ĐH Mỹ thuật Việt Nam sáng tạo - bản sắc. Tính nghệ thuật không chỉ nằm ở hình thức mà còn là biểu hiện của triết lý thẩm mỹ, gắn với giá trị văn hóa và bản sắc học thuật của tổ chức. Có thể thấy, để đáp ứng các tiêu chí đánh giá tính nghệ thuật trong thiết kế trang thông tin điện tử, đòi hỏi các cơ sở giáo dục đồng thời phải quan tâm đến các yếu tố về thiết kế, tính khả dụng, tính sáng tạo và nội dung. Mỗi đơn vị có những thế mạnh khác nhau, song vẫn phải đảm bảo thiết kế phải dung hòa được các yếu tố. Có như vậy, trang thông tin điện tử mới phát huy được hết vai trò trong việc thể hiện bản sắc văn hóa, triết lý giáo dục của nhà trường cũng như hướng đến hội nhập quốc tế.

Số liệu điều tra do đề tài thực hiện khi khảo sát các nhà thiết kế cũng cho đánh giá tốt về tính nghệ thuật trong thiết kế của các trang thông tin điện tử của các trường.

*** Đánh giá tiêu chí nghệ thuật trong giao diện website** (Thang điểm 1 - Rất yếu | 5 - Xuất sắc)





2.5. Trang thông tin điện tử tại đại học Việt Nam trong tương quan với đại học quốc tế (trường hợp Đại học RMIT và Đại học Fulbright)

Trong bối cảnh đại học toàn cầu hóa hiện nay, chuyển đổi số trở thành một nhiệm vụ chiến lược của giáo dục đại học. TTTĐT của các trường Đại học không chỉ là phương tiện hành chính, thông báo thông tin mà còn là một “không gian trải nghiệm học thuật số”, nơi thể hiện triết lý giáo dục, bản sắc, chiến lược truyền thông và tiềm lực công nghệ. Việc so sánh giao diện và cấu trúc trang thông tin điện tử của các trường đại học Việt Nam với một số đại học quốc tế tại Việt Nam như Đại học RMIT và Đại học Fulbright cho thấy sự khác biệt về ngôn ngữ tạo hình đến trải nghiệm người dùng, từ cách bố cục nội dung đến chiến lược thương hiệu. Do vậy, nội dung này tập trung phân tích năm thành tố cốt lõi gồm hệ thống nhận diện thương hiệu, bố cục, trải nghiệm người dùng và điều hướng, phong cách thiết kế và tính khả dụng, qua đó chỉ ra những

giới hạn, khác biệt và mô hình tham khảo cho thiết kế giao diện giáo dục đại học Việt Nam trong tương lai.

2.5.1. Hệ thống nhận diện thương hiệu

Hệ thống nhận diện thương hiệu gồm các yếu tố màu sắc, kiểu chữ, hình ảnh, biểu tượng, nhịp điệu và yếu tố trực quan của trang thông tin điện tử. Đây là yếu tố đầu tiên định hình cảm nhận của người xem về bản sắc của một cơ sở giáo dục. Từ nghiên cứu triển khai trong chương hai cho thấy, hệ thống nhận diện của đại học Việt Nam thể hiện sự ổn định, tính chính quy, nhưng thiếu cá tính thương hiệu. Phần lớn các đại học công lập Việt Nam lựa chọn hệ màu truyền thống, gắn liền với tính trang trọng và biểu tượng của giáo dục nhà nước. ĐHQGHN sử dụng xanh dương đậm phối trắng và xám, đây là bảng màu gợi sự bền vững và chính quy. ĐHQG-HCM sử dụng xanh dương kết hợp xanh lá và các điểm nhấn vàng hoặc cam, thể hiện tinh thần năng động. Kiểu chữ chủ đạo đều là sans-serif trung tính như Roboto, Arial, Helvetica, vốn phổ biến trong hệ thống hành chính, hình ảnh thường là ảnh tư liệu sự kiện và hội thảo, phản ánh tính học thuật. Điểm mạnh của nhận diện này thể hiện tính nghiêm túc, ổn định và thể hiện vị thế của các trường. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất là sự thiếu cá tính thương hiệu: sự đồng dạng về màu sắc, kiểu chữ, hình ảnh khiến người xem khó phân biệt bản sắc riêng giữa các trường khi nhìn từ không gian số. Việc thiếu đồng bộ icon, thiếu quy chuẩn hình ảnh và không sử dụng các lớp nghĩa thị giác cũng làm giảm chiều sâu của câu chuyện thương hiệu. Trang thông tin điện tử của Đại học Mỹ thuật Việt Nam có bản sắc nổi bật hơn, với bảng màu trung tính phối đỏ đô hoặc lam nhạt và sử dụng kiểu chữ serif mang tính nghệ thuật. Hình ảnh tác phẩm sinh viên được dùng làm điểm nhấn, giúp trang thông tin điện tử gợi cảm giác triển lãm trực tuyến. Tuy nhiên, sự sáng tạo này vẫn ở mức giới hạn, chưa được hệ thống hóa thành bộ nhận diện đồng bộ trên các nền tảng.

Nghiên cứu hai trường Đại học RMIT và Đại học Fulbright cho thấy nhận diện thương hiệu thể hiện tính chiến lược, cảm xúc và giàu tính kể chuyện. Đại học RMIT có hệ thống nhận diện mạnh mẽ, đồng bộ và mang tính toàn cầu. Bảng màu đỏ, đen, trắng nhất quán trong toàn bộ truyền thông, từ website đến tài liệu in ấn và không gian vật lý. Kiểu chữ Grotesk hiện đại, sắc nét, tạo cảm giác chuyên nghiệp cấp quốc tế. Hình ảnh được xử lý theo hướng tạp chí: ánh sáng lớn, tương phản cao, góc máy rộng và giàu động năng, thể hiện một môi trường học tập năng động, sáng tạo và trẻ trung. Đây là ví dụ điển hình của chiến lược thương hiệu nơi mọi điểm chạm đều được kiểm soát để tạo nhận diện mạnh. Đại học Fulbright sử dụng gam màu nhẹ nhàng, gợi tinh thần khai phóng như xanh coban, trắng, cam nhạt. Kiểu chữ kết hợp serif và sans-serif theo tinh thần của các trường khai phóng Mỹ, tạo cảm giác mềm mại và nhân văn. Hình ảnh theo phong cách kể chuyện như sinh viên trong các lớp thảo luận, giảng viên giao tiếp gần gũi, không gian học tập mở. Đây là ngôn ngữ thị giác của giáo dục tự do, đề cao tư duy phản biện và học tập trải nghiệm. Theo lý thuyết thiết kế của Ellen Lupton và Robert Bringhurst, hệ nhận diện hiệu quả phải đảm bảo tính nhất quán, tính biểu đạt và sự phù hợp ngữ cảnh. Các trường quốc tế đều đạt ba yếu tố trên, trong khi các trường Việt Nam đạt yếu tố nhất quán và phù hợp ngữ cảnh nhưng thiếu tính biểu đạt. Điều này cho thấy khác biệt căn bản trong việc xây dựng nhận diện dựa trên đặc tính tổ chức của Đại học Việt Nam, còn Đại học RMIT và Fulbright xây dựng nhận diện dựa trên trải nghiệm người học.

2.5.2. Bố cục

Bố cục trên TTTĐT phản ánh cách tổ chức tri thức và hành trình tiếp nhận thông tin của người học. Đây cũng là thước đo trực quan cho thấy mỗi trường đại học đều coi TTTĐT là *cổng thông tin* hay *không gian trải nghiệm*. Tuy nhiên, các trường Đại học ĐHQGHN và ĐHQG-HCM, còn thiên về phân

cấp hành chính, sử dụng bố cục truyền thống, nhiều khối nội dung, phân mục và tầng điều hướng. Các thành phần như Tin tức, Thông báo, Đào tạo, Tuyển sinh được sắp xếp theo hệ lưới cố định, theo mô thức đọc chữ truyền thống. Ưu điểm là sự rõ ràng về cấu trúc nhưng có nhược điểm là gây cảm giác nặng nề, đòi hỏi người dùng phải hiểu logic phân cấp hành chính thì mới tìm được thông tin. ĐHMTVN có cách tổ chức mềm mại và nghệ thuật hơn, sử dụng bố cục dạng tạp chí với nhiều khoảng trắng và hình ảnh lớn. Tuy nhiên, điều hướng vẫn theo mô hình phân cấp. Như vậy, đặc trưng chung trong bố cục thiết kế TTTĐT của các trường Đại học Việt Nam là tính liệt kê thông tin mạnh hơn tính dẫn dắt trải nghiệm.

Đại học RMIT và Fulbright với lối bố cục trải nghiệm và tối ưu người dùng. Đại học RMIT sử dụng bố cục theo ba lớp chính: nhận diện, câu chuyện, chuyển đổi hành động. Mỗi lớp được sắp xếp dạng thẻ lớn, dễ quét, tối ưu hóa việc tìm hiểu, tạo sự hứng thú, đăng ký. Đây cũng là mô hình chuẩn trong UX giáo dục quốc tế, được áp dụng tại các trường như NUS, NTU, Melbourne, Harvard hoặc UBC. Đại học Fulbright chọn bố cục theo hướng trải nghiệm chiều dọc với nhiều khoảng trắng và nhịp điệu thị giác hài hòa. Nội dung không trình bày theo logic hành chính mà theo logic quan tâm của người dùng, tương đồng với phong cách của các trường đại học khai phóng như Amherst, Swarthmore, Duke hoặc Minerva. Bố cục của các trường Đại học Việt Nam có ưu điểm là phù hợp với nhu cầu của các cơ quan nội bộ, cán bộ hoặc sinh viên đã quen với hệ thống, nhưng không phù hợp với nhóm đối tượng chiến lược như học sinh, phụ huynh hoặc sinh viên quốc tế. Bố cục của các trường quốc tế lại thiên về trải nghiệm và hành trình người dùng, giúp thu hút người học và hỗ trợ truyền thông thương hiệu mạnh mẽ hơn.

2.5.3. Trải nghiệm người dùng và điều hướng

UX và điều hướng là tiêu chí quyết định chất lượng giao diện. Theo Don Norman (The Design of Everyday Things, 2013), trải nghiệm tốt phải để người dùng không cảm nhận sự tồn tại của giao diện mà chỉ cảm nhận sự trơn tru của hành động. Trong giáo dục đại học, UX gắn với việc người dùng tìm được thông tin cần thiết với ít bước nhất, hiểu được hành trình đăng ký, học tập, đồng thời cảm thấy tin cậy và gắn kết với tổ chức qua trải nghiệm số. Một số trường Đại học Việt Nam theo mô hình tra cứu và điều hướng phân tầng. Ví dụ trường hợp ĐHQGHN và ĐHQG-HCM, hệ điều hướng được thiết kế chủ yếu dựa trên cấu trúc tổ chức: các trường, khoa, trung tâm được đưa vào menu, các phân mục được chia theo hành chính. Người dùng buộc phải tự tìm hiểu cách sử dụng hệ thống. Theo nguyên lý của Lidwell - Holden - Butler (Universal Principles of Design), điều này đi ngược lại quy tắc “giảm tải nhận thức” và “kỳ vọng người dùng”. Trải nghiệm của nhóm đối tượng chính (người học) chưa được quan tâm vì họ không phải là người dùng nội bộ vốn am hiểu cấu trúc trường. Trường hợp Đại học RMIT và Fulbright, UX điều hướng theo đối tượng sử dụng. Đại học RMIT hướng tới từng đối tượng như sinh viên đang học tập tại trường, sinh viên quốc tế, người học chuẩn bị đăng ký, người quản lý, giảng viên, nhân viên, cựu sinh viên, phụ huynh.... Hình thức điều hướng tối giản, hướng theo hành động (Đăng ký, Nộp hồ sơ, Chương trình, Học bổng...). Hệ thống phản hồi dựa trên hành động khi người dùng thao tác với giao diện như đổi màu khi rê chuột, thanh trượt chuyển động nhẹ, đổi trạng thái nút... giúp người dùng cảm nhận sự hiện diện của giao diện theo cách tự nhiên nhất. Điều này phù hợp với nguyên lý phản hồi tức thời của Nielsen. Đại học Fulbright áp dụng triết lý UX theo hình thức điều hướng nhẹ, dựa trên sự khám phá thay vì phân cấp. Họ chú trọng cảm nhận của người dùng khi cuộn trang, cách mắt được dẫn dắt từ hình ảnh sang chữ. Các khu vực CTA được đặt hợp lý, vừa tinh tế vừa không làm gián đoạn nhịp đọc.

Dựa trên nguyên lý Gestalt về tiếp nhận thị giác, bộ nguyên tắc thiết kế phổ quát của William Lidwell, Kritina Holden, Jill Butler và trên cơ sở quan sát, phân tích thực tế. So sánh mức độ UX từ 5 trường hợp ĐHQGHN, ĐHQG-HCM, ĐHMTVN, RMIT, Fullbright cho thấy các trường quốc tế vượt trội nhờ thiết kế theo hành trình người dùng, điều hướng theo nhóm đối tượng và mức độ tương tác giúp tạo trải nghiệm mượt mà.

Bảng 2.4. So sánh mức độ UX từ 5 trường hợp ĐHQGHN, ĐHQGTPHCM, ĐHMTVN, Đại học RMIT, Đại học Fullbright

Tiêu chí	ĐHQGHN	ĐHQG-HCM	ĐHMTVN	RMIT	FULLB RIGT
Cá nhân hóa	Thấp	Thấp	Thấp	Cao	Cao
Điều hướng theo đối tượng sử dụng	Không	Không	Không	Rất tốt	Tốt
Mức độ tương tác	Ít	Trung bình	Thấp	Cao	Cao
Mức độ dẫn dắt hành trình	Thấp	Trung bình	Trung bình	Cao	Cao
Mức độ kể chuyện	Thấp	Thấp	Trung bình	Cao	Rất cao
Giảm tải nhận thức	Trung bình	Trung bình	Tốt	Rất tốt	Tốt
Mức độ trực quan	Trung bình	Tốt	Cao	Rất cao	Rất cao
Công nghệ thiết kế giao diện	Tốt	Tốt	Tốt	Rất tốt	Rất tốt
UX	Thấp	Thấp	Thấp	Tốt	Rất tốt
Sự thân thiện	Thấp	Trung bình	Thấp	Rất cao	Cao
Tốc độ thao tác	Tốt	Tốt	Tốt	Tối ưu	Tối ưu
Dễ tìm thông tin	Khó	Khá	Trung bình	Dễ	Dễ

Số bước đến CTA	Nhiều	Nhiều	Nhiều	Ít	Ít
Tính nhất quán	Trung bình	Tốt	Trung bình	Rất tốt	Rất tốt
Mức độ hiện đại UX	Thấp	Trung bình	Trung bình	Rất cao	Cao

2.5.4. Phong cách thiết kế

Phong cách thiết kế thể hiện bản sắc thẩm mỹ và tư duy của một cơ sở giáo dục. TTTĐT của trường ĐHQGHN, ĐHQG-HCM thể hiện phong cách học thuật, chính quy với gam màu trung tính, chuyển động ít, hình ảnh vừa đủ, ưu tiên ký hiệu rõ ràng. Đây là phong cách phù hợp với truyền thống giáo dục công lập nhưng khó tạo sự đột phá hoặc cảm xúc. Phong cách của ĐHMTVN khác biệt hơn do đặc thù nghệ thuật, sử dụng hình ảnh lớn, nhiều khoảng trắng, tông màu cổ điển, tạo cảm giác một không gian triển lãm. Tuy nhiên, phong cách vẫn mang tính tĩnh, chưa áp dụng các kỹ thuật chuyển động tinh tế để tăng sức hấp dẫn. TTTĐT của Đại học RMIT mang đặc trưng thẩm mỹ quốc tế, với phong cách tương phản, với các mảng màu lớn, nhịp điệu mạnh mẽ, tạo trải nghiệm gần với website của các đại học thế giới như MIT hoặc Đại học Toronto (Canada). Trang thông tin điện tử của Đại học Fulbright lại hướng đến sự tinh tế khai phóng, bố cục nhẹ nhàng, nhiều khoảng thở, hình ảnh mang tính nhân văn, kết hợp các yếu tố đồ họa tối giản. Sự khác biệt ở đây là ĐHQGHN, ĐHQG-HCM, ĐHMTVN coi giao diện là cửa sổ thông tin, Đại học RMIT và Đại học Fulbright coi giao diện là câu chuyện thị giác.

2.5.5. Tính khả dụng

Theo chuẩn quốc tế WCAG 2.1, một TTTĐT giáo dục hiện đại phải bảo đảm khả năng tiếp cận đa dạng, tối ưu thao tác, hỗ trợ người khuyết tật, đồng thời tối ưu tốc độ tải và khả năng đọc. TTTĐT của Đại học công lập tại Việt

Nam mang tính ổn định, đạt các tiêu chí cơ bản về tốc độ tải và khả năng đọc. Tuy nhiên, thiếu mô tả hình ảnh, thiếu thiết kế cho người dùng khiếm thị, mức độ tương phản không được kiểm tra tự động, URL dài, ít tối ưu SEO và chưa có trải nghiệm mobile-first. Trang thông tin điện tử của ĐHMTVN tuy đẹp về hình ảnh nhưng tính khả dụng vẫn phụ thuộc nhiều vào bố cục truyền thống. Sự khác biệt giữa các trường Đại học công lập Việt Nam và các đại học quốc tế tại Việt Nam ở triết lý thiết kế giao diện giáo dục. Các trường công lập Việt Nam coi TTTĐT là “cổng thông tin hành chính”, nơi ưu tiên sự đầy đủ, minh bạch và chính xác. Còn Đại học RMIT và Đại học Fulbright coi TTTĐT là “hành trình trải nghiệm học thuật”, nơi bản sắc thương hiệu, câu chuyện người học và cảm xúc thị giác đóng vai trò then chốt. Khoảng cách này phản ánh sự khác biệt lớn trong mô hình quản trị, văn hóa tổ chức và thị trường mục tiêu của hai nhóm trường. Tuy nhiên, cũng mở ra cơ hội để các trường đại học Việt Nam chuyển đổi tư duy thiết kế giao diện, nhằm tiếp cận tốt hơn người học thế hệ mới và hội nhập sâu hơn vào hệ sinh thái giáo dục toàn cầu.

Tiểu kết

Chương 2 đã làm rõ trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa giáo dục, giao diện trang thông tin điện tử không chỉ gồm yếu tố kỹ thuật mà trở thành một không gian tạo hình nơi tri thức, thẩm mỹ và công nghệ giao thoa để định hình trải nghiệm người dùng và bản sắc học thuật của cơ sở đào tạo; cốt lõi của không gian ấy là ngôn ngữ tạo hình gồm màu sắc, bố cục, kiểu chữ, hình ảnh, biểu tượng và chuyển động được tổ chức như một hệ thống ký hiệu có chức năng như ngôn ngữ viết, vừa dẫn dắt chú ý, giảm tải nhận thức, tăng cường ghi nhớ, vừa khơi gợi cảm xúc, củng cố niềm tin và định vị thương hiệu. Các luận điểm của lý thuyết nhận thức và nghiên cứu về hiệu ứng thẩm mỹ cho thấy việc kết hợp chữ và hình, sử dụng khoảng trắng có chủ đích, phân cấp thông tin bằng kích thước, tương phản và nhịp điệu tạo hình giúp người học tiếp cận, cấu trúc và hồi tưởng tri thức hiệu quả hơn, đồng thời làm cho giao

diện thân thiện và bao trùm hơn với những khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa. Từ nền tảng lý thuyết đó, chương 2 đã hệ thống hóa các phong cách thiết kế chủ đạo trong giao diện giáo dục đại học tối giản, hiện đại, dạng lưới, tương tác, truyền thống, khai phóng và lấy người dùng làm trung tâm như những chiến lược thẩm mỹ khác biệt nhưng bổ sung cho nhau. Phong cách tối giản nhấn mạnh tinh gọn và tập trung, hiện đại kết nối thẩm mỹ và công nghệ, lưới bảo đảm trật tự cấu trúc, tương tác gia tăng đối thoại người và thiết bị điện tử, truyền thống gìn giữ uy tín và sự trang trọng, khai phóng khuyến khích thử nghiệm có kiểm soát, còn lấy người dùng làm trung tâm là nguyên tắc xuyên suốt chi phối cách khảo sát nhu cầu, thiết kế, thử nghiệm và cải tiến. Điểm chung là tất cả đều hướng đến tính dễ đọc, dễ dùng, nhất quán nhận diện và khả năng truy cập trên đa thiết bị, trong khi khác nhau ở trọng tâm giá trị mà tổ chức muốn biểu đạt. Phân tích ba trường hợp điển hình cho thấy sự lựa chọn phong cách gắn liền với sứ mệnh, đối tượng và văn hóa tổ chức: ĐHQGHN đại diện cho hình mẫu học thuật, tối giản, chuẩn mực, sử dụng lưới cân xứng, bảng màu xanh, trắng, xám, kiểu chữ sans-serif trung tính, hình ảnh tư liệu khoa học, qua đó truyền tải cảm giác ổn định, tin cậy và tính hàn lâm của một đại học tổng hợp định hướng nghiên cứu. ĐHQGTPHCM thể hiện tinh thần hiện đại, năng động, công nghệ bằng bố cục dạng thẻ linh hoạt, điểm nhấn màu tươi và thiết kế đáp ứng phù hợp nhóm người dùng trẻ, môi trường khởi nghiệp, đổi mới và chiến lược hội nhập. ĐHMTVN nổi bật với ngôn ngữ nghệ thuật, truyền thống, khai phóng, sử dụng bố cục phi đối xứng kết hợp với khoảng trắng, bảng màu tinh tế và kiểu chữ serif để tạo thành không gian trưng bày trực tuyến. Dù khác biệt, cả ba giao diện cùng chia sẻ bốn định hướng (1) đặt người dùng ở trung tâm để bảo đảm điều hướng và nội dung có cấu trúc, (2) duy trì nhận diện thương hiệu nhất quán qua hệ màu, kiểu chữ và biểu tượng, (3) kết hợp thẩm mỹ, công năng, công nghệ nhằm tối ưu hóa hiệu quả truyền thông học thuật và (4) áp dụng các

chuẩn mực thiết kế hiện đại như thiết kế đáp ứng, tối ưu tốc độ, nội dung đa phương tiện và quản trị liên kết. Từ những phân tích này có thể thấy: thứ nhất, ngôn ngữ tạo hình là thành phần chiến lược trong truyền đạt nội dung giáo dục, không chỉ hỗ trợ mà còn định hình cách người học tiếp nhận, tổ chức và ghi nhớ tri thức; thứ hai, phong cách thiết kế giao diện không có mô hình tối ưu tuyệt đối mà phải được lựa chọn và phối hợp theo mục tiêu sư phạm, đối tượng sử dụng, nội dung và bản sắc tổ chức trang trọng và ổn định để tạo độ tin cậy, hiện đại và tương tác để thu hút, nghệ thuật và khai phóng để khơi gợi cảm hứng nhưng tất cả đều phải tuân thủ nguyên tắc dễ hiểu, dễ tiếp cận và hiệu năng cao; thứ ba, giao diện học thuật hiệu quả là kết quả của một quy trình liên tục dựa trên nghiên cứu người dùng, thử nghiệm nguyên mẫu, đo lường hành vi và lặp cải tiến, trong đó dữ liệu sử dụng và phản hồi thực nghiệm trở thành cơ sở điều chỉnh thẩm mỹ và chức năng. Chương 2 cũng cho thấy thiết kế giao diện trong giáo dục đại học Việt Nam đang chuyển từ trình bày thông tin sang kiến tạo trải nghiệm tri thức, nơi nghệ thuật ứng dụng, công nghệ và sư phạm tạo cùng tương hỗ, giữ vai trò định hướng học thuật, đảm bảo tương thích về mặt công nghệ, mang lại cấu trúc thị giác và cảm xúc. Sự dịch chuyển này không chỉ nâng chất trải nghiệm học tập mà còn góp phần nâng uy tín và năng lực cạnh tranh học thuật của các cơ sở giáo dục trên không gian số. Vì vậy, trong các chiến lược phát triển nền tảng giáo dục, thiết kế giao diện cần được xem như hạ tầng tri thức, nơi tiêu chuẩn kỹ thuật (khả năng truy cập, an toàn, hiệu năng) đi cùng chuẩn thẩm mỹ (hệ màu, typography, bố cục, biểu tượng) và chuẩn sư phạm (mục tiêu học tập, phân cấp nội dung, hỗ trợ đa phong cách học).

Chương 3

ĐẶC TRƯNG, GIÁ TRỊ VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

3.1. Đặc trưng của nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học

Trong bối cảnh chuyển đổi số, TTTĐT đã trở thành phương thức giao tiếp, truyền thông và thực hiện chức năng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục. Nghệ thuật thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục đại học không chỉ giới thiệu giao diện mà là sự kết hợp chặt chẽ giữa tính thẩm mỹ, tính sơ đồ, tính khoa học và tính nhân văn. Đây là những đặc trưng cốt lõi trong nghệ thuật thiết kế TTTĐT dành cho lĩnh vực giáo dục đại học.

3.1.1. Tính định hướng học tập

Khác với nhiều loại hình TTTĐT khác, TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng đặt ra nhiều yêu cầu về tính định hướng học tập. Thiết kế cần hướng đến việc hỗ trợ truyền đạt kiến thức một cách hệ thống, logic, dễ hiểu và thu hút. Mỗi thành phần giao diện từ thanh điều hướng, màu sắc, kiểu chữ, cho đến cách dẫn trang... đều phục vụ cho việc tối ưu hóa tiếp thu và tư duy của người học. Ngoài ra, các yếu tố về tương tác như các biểu tượng, các bước thực hiện thao tác, hướng dẫn sử dụng... cũng cần rõ ràng, tránh gây bối rối, khó khăn cho người sử dụng. TTTĐT giáo dục đại học phải gắn liền với triết lý giáo dục, định hướng phương pháp giảng dạy, khả năng tiếp nhận tri thức của người học, đồng thời phản ánh bản sắc văn hóa và tinh thần học thuật của từng cơ sở đào tạo. Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện của giáo dục Việt Nam hiện nay, TTTĐT không còn chỉ là một “kênh thông tin” đơn thuần mà đã trở thành một không gian sư phạm số - nơi việc dạy và học được diễn ra trong môi trường trực tuyến, nơi người học tương tác với tri

thức thông qua giao diện thị giác.

Trong thiết kế TTTĐT thể hiện trước hết ở khả năng tổ chức nội dung và hình thức thị giác theo mục tiêu giáo dục cụ thể. Mỗi màu sắc, biểu tượng, kiểu chữ, bố cục hay hình ảnh đều không thể được lựa chọn một cách ngẫu nhiên hay chỉ theo cảm hứng nghệ thuật. Chúng cần được thiết kế sao cho phù hợp với đặc điểm nhận thức, tâm lý và nhu cầu học tập của từng nhóm đối tượng người học, đồng thời hỗ trợ hiệu quả cho quá trình giảng dạy và tự học. Như Zaharias & Poylymenakou (2009) đã chỉ ra trong nghiên cứu về thiết kế hệ thống e-learning, tính định hướng học tập thể hiện ở khả năng cấu trúc thông tin một cách mạch lạc, trực quan, phù hợp với mục tiêu giảng dạy và tạo ra các cơ chế phản hồi giúp người học theo dõi tiến trình học tập của mình [140, tr.78].

Truy cập TTTĐT giáo dục đại học gồm nhiều đối tượng như: sinh viên, giảng viên, phụ huynh, nhà tuyển sinh, nhà nghiên cứu... Việc này đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ hành vi người dùng, từ đó xây dựng giao diện người dùng (UI) và trải nghiệm người dùng (UX) hợp lý. Một TTTĐT giáo dục đại học hiệu quả thường có cấu trúc điều hướng mạch lạc với các danh mục dễ nhận biết. Ngoài ra, các yếu tố như công cụ tìm kiếm mạnh, liên kết nhanh và bố cục trực quan cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người dùng nhanh chóng tiếp cận thông tin cần thiết. Một số TTTĐT tiên tiến còn cho phép người dùng tùy biến giao diện theo sở thích hoặc vai trò nhằm tạo trải nghiệm cá nhân hóa.

Ở cấp độ mỹ thuật, việc thể hiện tính định hướng học tập đòi hỏi nhà thiết kế phải đặt mình vào vị trí của người học để hình dung hành trình tiếp cận tri thức qua màn hình. Từ đó, mỗi lựa chọn về màu sắc cần cân nhắc tâm lý học đường (màu sáng, dịu nhẹ giúp tạo cảm giác thân thiện cho trẻ nhỏ; màu trung tính, thanh lịch phù hợp với sinh viên đại học). Mỗi kiểu chữ (font) không chỉ phải dễ đọc mà còn phải mang tính hình tượng giáo dục (ví dụ, kiểu chữ có chân gợi cảm giác học thuật; kiểu sans-serif tạo cảm giác hiện đại, gọn gàng).

Hình ảnh minh họa không chỉ mang tính trang trí mà cần truyền tải tri thức, khơi gợi tư duy logic hoặc trí tưởng tượng. Như Norman (2013) đã nhấn mạnh, trong một hệ thống thiết kế hướng dẫn hiệu quả, “giao diện không nói bằng lời, nhưng nó dạy bằng cách khiến người dùng cảm thấy họ đang đi đúng hướng” [73, tr.56]. Đó chính là nghệ thuật giảng dạy trong im lặng của thiết kế sư phạm. Trang thông tin điện tử của ĐHQGHN có cấu trúc menu phân tầng, rõ ràng, định hướng học thuật cao, còn của ĐHQGHCM hướng người học đến nghiên cứu, khởi nghiệp và sáng tạo. Trong khi đó, với đặc thù đào tạo ngành mỹ thuật, tính định hướng học tập của trang thông tin điện tử của Trường ĐH Mỹ thuật VN tập trung chủ yếu vào chuyên môn nghệ thuật.

Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, có thể nói rằng tính định hướng học tập là nền tảng cơ bản để kiến tạo nên các “ngôn ngữ hình ảnh” có chức năng giáo dục trong môi trường số. Đây không chỉ là vấn đề bố cục hay phối màu, mà là câu chuyện về triết lý thiết kế - nơi nhà thiết kế phải đồng thời là một người nghệ sĩ và một người thầy. Họ không chỉ tạo ra cái đẹp, mà còn làm cho cái đẹp trở thành đòn bẩy của sự phát triển tri thức, nhân cách và cảm xúc của người học. Khi đó, thiết kế TTTĐT giáo dục sẽ không đơn thuần là một sản phẩm truyền thông trực tuyến, mà thực sự trở thành một không gian nghệ thuật giáo dục - nơi giáo dục được truyền tải bằng thị giác, và thị giác được định hướng bằng sư phạm.

3.1.2. Tính thân thiện thị giác

Thị giác là kênh thông tin nhanh nhất, mạnh nhất và cũng phức tạp nhất trong toàn bộ hệ thống tiếp nhận thông tin của con người. Theo Lidwell, Holden & Butler (2010), khoảng 80% thông tin mà con người tiếp thu được là qua thị giác [60]. Trong môi trường học tập truyền thống, vai trò của thị giác đã quan trọng - với bảng đen, sách giáo khoa, tranh minh họa - thì trong môi trường học tập số, nơi giao tiếp giữa người học và nội dung học chủ yếu thông qua màn

hình, vai trò ấy càng trở nên sống còn. Nếu giao diện website giáo dục không có tính thân thiện thị giác, người học sẽ nhanh chóng rơi vào trạng thái “từ chối tiếp thu” - không phải vì họ không có năng lực, mà vì cảm giác bị bội thực, choáng ngợp hoặc mất phương hướng ngay từ cái nhìn đầu tiên.

Trong mỹ thuật ứng dụng, đặc biệt là trong thiết kế giao diện số cho lĩnh vực giáo dục, thị giác giữ vai trò định hướng hành vi, cảm xúc và trải nghiệm nhận thức của người học. Thiết kế một TTTĐT giáo dục đại học không đơn thuần là sắp xếp hình ảnh và chữ trên màn hình, mà là một quá trình kiến tạo nên một không gian học tập thị giác, nơi mọi yếu tố - từ màu sắc, kiểu chữ, hình khối, bố cục cho đến chuyển động và tương tác - đều phải được tính toán kỹ lưỡng để phục vụ cho việc giúp người học tiếp cận thông tin dễ dàng, tự nhiên, không mệt mỏi, không bị từ chối về mặt cảm xúc. Tính thân thiện thị giác chính là khả năng làm cho việc học trở nên dễ chịu, trực quan, và hiệu quả - không qua lời nói, mà bằng cảm nhận trực tiếp của thị giác. Trang thông tin điện tử của ĐHQGHN vẫn còn mang tính hành chính, giao diện đơn giản, màu sắc Trang trọng nhưng chưa gọi cảm xúc học tập. Trong khi đó, giao diện của trang web ĐHQGHCM hiện đại, thân thiện, Màu sắc tươi sáng, hình ảnh sinh viên tích cực... Trường ĐH Mỹ thuật VN với đặc thù của ngành nghệ thuật nên tính thân thiện thị giác thể hiện ở khả năng khơi gợi, giải phóng sự sáng tạo, Hình ảnh nghệ thuật, màu sắc trầm ấm, mang bản sắc dân tộc.

Ở bình diện rộng hơn, tính thân thiện của thiết kế còn phải xét đến sự thích ứng với các lý thuyết phát triển tâm lý học đường. Các học giả như Piaget, Erikson hay Vygotsky đều khẳng định rằng: mỗi giai đoạn phát triển của con người đều có cách tiếp cận tri thức và nhu cầu học tập khác nhau. Do đó, thiết kế TTTĐT giáo dục đại học cần có khả năng “thị giác hóa” những khác biệt đó một cách linh hoạt và tinh tế. Đối với sinh viên đại học, tính sư phạm trong thiết kế càng cần thể hiện qua sự chuyên nghiệp, tối giản, hiệu năng cao và khả

năng tích hợp các công cụ hỗ trợ học tập như kho học liệu số, hệ thống LMS, chatbot tư vấn học tập, v.v.

Một thách thức lớn hiện nay trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học là nguy cơ quá tải thị giác - khi nhà thiết kế hoặc bộ phận kỹ không kiểm soát tốt, tích hợp quá nhiều thông tin, hiệu ứng, hình ảnh chuyển động, khiến giao diện trở nên nặng nề, phức tạp. Tính thân thiện thị giác, trong trường hợp này, còn là nghệ thuật “biết tiết chế” - biết dừng lại đúng lúc để người học có không gian cảm nhận, tiếp thu, và tương tác.

Tính thân thiện thị giác không chỉ là một nguyên tắc kỹ thuật, mà là linh hồn của thiết kế TTTĐT giáo dục hiện đại. Nó giúp tạo ra một môi trường học tập dễ tiếp cận, giàu cảm xúc, nâng cao hiệu quả sư phạm mà vẫn giữ được chất lượng thẩm mỹ thị giác. Trong mỹ thuật ứng dụng, đây là vùng giao thoa giữa nghệ thuật và khoa học - nơi nhà thiết kế phải đồng thời là một người nghệ sĩ, một nhà sư phạm, và một người hiểu sâu về trải nghiệm người dùng. Chỉ khi TTTĐT giáo dục được thiết kế với thị giác thân thiện, người học mới có thể “mở lòng” đón nhận tri thức - không qua ép buộc, mà qua cảm hứng thị giác tự nhiên, sâu sắc và bền vững.

3.1.3. Tính tương tác

TTTĐT giáo dục nói chung và TTTĐT giáo dục đại học nói riêng cần đảm bảo yếu tố cộng đồng, phục vụ mọi đối tượng. Thiết kế nên tuân thủ các tiêu chuẩn về truy cập như khả năng phóng to chữ, mô tả hình ảnh, hỗ trợ phần mềm đọc màn hình. Ngoài ra, TTTĐT cũng cần được tối ưu hóa cho nhiều nền tảng và thiết bị khác nhau. Người học có thể truy cập thông tin qua các thiết bị điện tử khác như điện thoại, máy tính bảng, hoặc laptop... Tốc độ tải trang cũng cần được đảm bảo để tránh gây gián đoạn trải nghiệm học tập. Những yếu tố kỹ thuật như tối ưu SEO, bảo mật dữ liệu người dùng, và tích hợp đăng nhập một lần cũng là nội dung không thể thiếu để nâng cao tính toàn diện của

TTTĐT.

Một đặc trưng không thể thiếu trong thiết kế TTTĐT giáo dục hiện đại là tính tương tác bao gồm khả năng kết nối đa chiều giữa sinh viên, giảng viên và nhà trường. Các công cụ như diễn đàn học tập, hệ thống câu hỏi và trả lời, chat trực tuyến với giảng viên, đánh giá bài học và nộp bài tập... là những tính năng cần thiết. Ngoài ra, việc tích hợp hệ thống quản lý học tập (LMS) vào TTTĐT giúp tổ chức giáo dục kiểm soát toàn bộ quá trình học, từ đăng ký môn học, theo dõi điểm số, thống kê tiến độ đến cấp phát văn bằng. Nhờ đó, TTTĐT trở thành một nền tảng học tập toàn diện thay vì chỉ là nơi giới thiệu thông tin. Những hệ thống hiện đại còn cung cấp dashboard cá nhân hóa, phân tích dữ liệu học tập để học sinh và giáo viên có thể điều chỉnh phương pháp học và dạy kịp thời.

Một trong những yêu cầu căn bản nhưng có ý nghĩa sâu xa trong thiết kế TTTĐT giáo dục chính là khả năng thích ứng với đặc điểm tâm lý, nhận thức và thẩm mỹ của từng nhóm lứa tuổi người học. Việc đảm bảo tính phù hợp theo lứa tuổi không chỉ đơn thuần là một lựa chọn thiết kế, mà là một yêu cầu sư phạm, và hơn thế nữa, là điều kiện để TTTĐT thực sự phát huy vai trò của mình như một không gian học tập số hiệu quả và nhân văn.

Tính đặc thù lứa tuổi trong thiết kế, về bản chất, là khả năng kiến tạo nên một hệ ngôn ngữ hình ảnh - màu sắc - bố cục - biểu tượng - nội dung - tương tác, tương thích với trình độ nhận thức, năng lực tiếp nhận thị giác và cảm xúc thẩm mỹ của người học ở từng giai đoạn phát triển. Điều này được lý giải sâu sắc trong các công trình nghiên cứu của Jean Piaget, người đã chia sự phát triển nhận thức của con người thành các giai đoạn. Theo Piaget, ở mỗi giai đoạn, khả năng xử lý hình ảnh, suy luận logic và tiếp nhận biểu tượng của trẻ em là hoàn toàn khác biệt, dẫn đến cách tiếp cận tri thức cũng khác nhau [79, tr. 65-73]. Đồng thời, theo Lowenfeld và Brittain trong tác phẩm *Creative and Mental*

Growth - một trong những nền tảng lý thuyết của giáo dục mỹ thuật - thì năng lực cảm thụ nghệ thuật và sở thích thẩm mỹ cũng thay đổi mạnh mẽ theo độ tuổi. Trong đó, sinh viên, người trưởng thành thường bị thu hút bởi phong cách tối giản, thẩm mỹ tinh tế và khả năng tổ chức nội dung khoa học [63, tr. 112-143].

Dựa trên cơ sở đó, việc thiết kế một TTTĐT giáo dục đại học cần đặt yếu tố độ tuổi lên hàng đầu khi quyết định bố cục, màu sắc, font chữ, biểu tượng, hình ảnh minh họa và cả cách tổ chức hành trình thị giác. Với sinh viên đại học hoặc người học trưởng thành, giao diện cần theo hướng tối giản (minimalist), chuyên nghiệp, dễ tra cứu, có hệ thống định vị mạnh mẽ, tương thích với các nền tảng di động và tích hợp học liệu học thuật.

Ở Việt Nam, tuy nhiều cơ sở giáo dục đại học đã bắt đầu quan tâm hơn đến yếu tố thiết kế giao diện, nhưng thực tế vẫn tồn tại nhiều bất cập trong việc ứng dụng tính đặc thù lứa tuổi. Một số website của trường tiểu học lại sử dụng giao diện giống như trường đại học - khô cứng, nhiều chữ, ít minh họa; trong khi một số trường đại học lại sử dụng hiệu ứng hoạt hình, màu sắc lòe loẹt - gây cảm giác thiếu nghiêm túc trong môi trường học thuật. Những sai lệch như vậy không chỉ làm giảm hiệu quả truyền thông, mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến trải nghiệm học tập, khiến người học không cảm thấy “thuộc về” không gian số được thiết kế cho chính họ. TTTĐT của ĐHQGHN, ĐHQGHCM và Trường ĐH MTVN có thể được đánh giá là các website được thiết kế khá tốt về khả năng tương tác. Mặc dù vậy, TTTĐT của ĐHQGHN vẫn còn nặng tính hành chính, ít chú trọng đến các yếu tố tương tác trực quan. Hay TTTĐT của Trường ĐHMTVN chú ý nhiều đến yếu tố nghệ thuật, gợi cảm hứng sáng tạo nhưng còn yếu trong sắp xếp, gây khó khăn trong tương tác, tra cứu trực tuyến.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là tính đặc thù lứa tuổi không chỉ giúp thiết kế đẹp hơn, mà chính là yếu tố cốt lõi để thiết kế đúng hơn - đúng với

nhận thức, đúng với cảm xúc, đúng với khả năng tiếp thu của người học. Ở đây, vai trò của nhà thiết kế không còn dừng lại ở việc xử lý thẩm mỹ, mà phải trở thành một người “biên dịch hình ảnh sư phạm” - chuyển hóa tinh thần giáo dục thành thị giác phù hợp với từng độ tuổi. Mỗi lựa chọn về màu sắc, font chữ, icon, bố cục không chỉ là quyết định mỹ thuật, mà là một quyết định mang tính giáo dục, mang theo trách nhiệm hình thành nên thói quen thẩm mỹ, cảm xúc học đường và khả năng tương tác của người học với môi trường số.

Tóm lại, trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học, việc chú trọng đến tính đặc thù lứa tuổi không chỉ giúp tối ưu hóa trải nghiệm học tập mà còn tạo nên sự kết nối cảm xúc giữa người học và nền tảng tri thức. Một thiết kế phù hợp với từng giai đoạn phát triển tâm lý - thẩm mỹ sẽ không chỉ làm tăng hiệu quả học tập, mà còn góp phần xây dựng gu thẩm mỹ thị giác, khả năng định hướng nhận thức và năng lực tiếp nhận tri thức bền vững. Trong thời đại học tập trực tuyến trở thành xu thế chủ đạo, đây chính là một trong những thách thức lớn - đồng thời cũng là cơ hội để người làm mỹ thuật ứng dụng đóng vai trò tiên phong trong đổi mới giáo dục số.

3.1.4. Tính thẩm mỹ

Một thiết kế TTTĐT giáo dục tốt còn phải kết hợp nhịp nhàng giữa thẩm mỹ và công năng, giữa nghệ thuật thị giác và logic học thuật. Tính thẩm mỹ trong thiết kế chính là khả năng tạo ra không gian học tập số rõ ràng, dễ tiếp cận, nhưng vẫn gợi cảm xúc và nuôi dưỡng tinh thần học tập tích cực. Như Lee & Koubek (2012) đã khẳng định trong nghiên cứu về mối quan hệ giữa thẩm mỹ và mức độ gắn bó người dùng, “người học sẽ gắn bó nhiều hơn với những hệ thống có thiết kế đẹp mắt, dễ dùng và mang tính định hướng cao, bởi chúng tạo ra cảm giác an toàn về nhận thức và sự tin tưởng vào quy trình học tập” [59, tr.536].

Yếu tố thẩm mỹ trong thiết kế TTTĐT giáo dục nói chung và giáo dục

đại học nói riêng không nhằm mục đích phô diễn mà để tạo ra môi trường trực tuyến thân thiện, truyền cảm hứng và khơi gợi động lực học tập. Màu sắc được sử dụng nên là những gam màu trung tính, dịu mắt như xanh dương, trắng, xám vừa tạo sự tin cậy, vừa giúp người học tập trung. Phong chữ cần rõ ràng, dễ đọc, hạn chế các kiểu chữ trang trí cầu kỳ. Hình ảnh và đồ họa minh họa cần mang tính giáo dục, tránh lạm dụng hiệu ứng hoặc thiết kế gây nhiễu. Ngoài ra, thiết kế phải đảm bảo đồng nhất về phong cách trong toàn bộ hệ thống trang, từ trang chủ đến các trang con để tạo cảm giác chuyên nghiệp, gắn kết và dễ nhận diện thương hiệu. Việc sử dụng icon, biểu tượng cũng cần nhất quán và hỗ trợ người dùng hiểu nhanh nội dung mà không cần đọc kỹ văn bản.

3.1.5. Giá trị và thương hiệu giáo dục

Đặc trưng quan trọng trong thiết kế TTTĐT giáo dục là khả năng truyền tải được sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của đơn vị giáo dục. Giao diện phải giúp người dùng cảm nhận được triết lý giáo dục, sự chuyên nghiệp và uy tín của tổ chức thông qua ngôn ngữ thiết kế, cách trình bày thông tin và nội dung. Hiện nay, trên TTTĐT của các trường đều có phần giới thiệu chung về sứ mệnh - tầm nhìn - giá trị cốt lõi của nhà trường. Bên cạnh nội dung, việc truyền tải nội dung này được thiết kế thành mô hình với màu sắc, bố cục, giao diện thể hiện đúng tính chất của văn hóa nhà trường. ĐHQGHN thể hiện đúng tinh thần “đổi mới sáng tạo - trách nhiệm quốc gia - phát triển bền vững” với sơ đồ tông màu xanh lá (tông màu chính của TTTĐT). Bố cục, giao diện theo phong cách truyền thống, chuẩn mực, mang giá trị bền vững [PL2, Hình 2.35, tr.198]. Trong khi đó, ĐHQGHCM với tinh thần sáng tạo, cởi mở, hiện đại, lựa chọn cách xây dựng mô hình dạng hình cây cách điệu, dựa trên tông màu xanh dương (tông màu chính của TTTĐT) [PL2, Hình 2.36, tr.199].

Việc xây dựng hình ảnh đội ngũ giảng viên, trình bày cơ sở vật chất, chia sẻ thành tựu học tập hay phản hồi từ sinh viên, phụ huynh sẽ tăng tính xác

thực và tạo dựng lòng tin. Thiết kế không chỉ là yếu tố kỹ thuật mà còn là công cụ chiến lược trong việc xây dựng thương hiệu giáo dục. Một TTTĐT được đầu tư kỹ lưỡng về mặt thương hiệu sẽ tạo ra dấu ấn bền vững trong tâm trí người truy cập, đồng thời tăng mức độ gắn bó với tổ chức giáo dục.

Nghệ thuật thiết kế TTTĐT trong giáo dục đại học là một quá trình đa chiều, đòi hỏi sự kết hợp giữa chuyên môn sư phạm, hiểu biết công nghệ và tư duy thiết kế thẩm mỹ. Một TTTĐT giáo dục đại học tốt không chỉ là nơi chứa thông tin mà là nền tảng học tập, kênh giao tiếp và bộ mặt thương hiệu của một tổ chức. Những đặc trưng nêu trên chính là nền tảng để xây dựng một hệ thống trực tuyến vừa hiệu quả về mặt học thuật, vừa ấn tượng về mặt trải nghiệm người dùng. Đồng thời, TTTĐT còn là công cụ thể hiện bản sắc, sự chuyên nghiệp và năng lực thích nghi của tổ chức giáo dục trong kỷ nguyên số.

Tiêu chí	ĐHQG Hà Nội	ĐHQG TP.HCM	ĐH Mỹ thuật Việt Nam
Định hướng học tập	Rõ ràng, học thuật	Tích hợp công nghệ	Thiên về giới thiệu
Tương tác	Trung bình	Rất tốt	Khá
Thẩm mỹ giáo dục	Nghiêm túc	Sinh động	Cảm xúc, nghệ thuật
Giá trị và thương hiệu giáo dục	Chính thống	Nhân văn	Truyền thống, nghệ thuật

Bảng 3.1. So sánh đặc trưng nghệ thuật thiết kế TTTĐT giáo dục đại học của 3 trường ĐHQGHN, ĐHQGHCM và Trường ĐHMTVN

3.2. Giá trị của nghệ thuật thiết kế website lĩnh vực giáo dục đại học

3.2.1. Giá trị thẩm mỹ

Trong nghệ thuật thiết kế nói chung và thiết kế giao diện số nói riêng, thẩm mỹ không đơn thuần là sự “trang điểm” cho một sản phẩm chức năng. Đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, giá trị thẩm mỹ còn mang một vai trò cao

hơn: nó chính là kênh giao tiếp đầu tiên giữa người học với tri thức, là phương tiện trực quan để truyền tải triết lý giáo dục, và là yếu tố kiến tạo không gian học tập mang tính nhân văn, khơi dậy cảm hứng học hỏi lâu dài. Khác với những lĩnh vực thiết kế phục vụ thị trường tiêu dùng, nơi giá trị thẩm mỹ đôi khi gắn với xu hướng hoặc thị hiếu nhất thời, thì trong giáo dục, thẩm mỹ gắn với định hướng phát triển con người, và do đó, mang bản chất sâu xa hơn, bền vững hơn và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng học tập.

Một TTTĐT giáo dục đại học được thiết kế tốt không chỉ cần “đúng kỹ thuật”, “đúng mục tiêu”, mà còn cần “đúng cảm xúc”. Trong nhiều trường hợp, người học không rời bỏ nền tảng học tập số vì thiếu nội dung, mà vì cảm giác ngột ngạt, khô khan hoặc thiếu thiện cảm ngay từ cái nhìn đầu tiên. Điều này cho thấy rằng, thẩm mỹ thị giác là điều kiện ban đầu và liên tục để người học thiết lập mối quan hệ tích cực với không gian học tập số. Như Norman Donald (2013) từng khẳng định trong lý thuyết về thiết kế trải nghiệm: “Người dùng thường đánh giá sản phẩm không chỉ qua chức năng, mà qua cảm xúc mà sản phẩm đó khơi gợi - và thẩm mỹ chính là yếu tố đánh thức cảm xúc ngay tức thì” [73, tr.10]. Trong giáo dục, sự đánh thức cảm xúc đó có thể là cảm giác gần gũi, tò mò, thích thú, tin cậy - tất cả đều là nền tảng để người học bước vào tiến trình tiếp thu tri thức một cách chủ động và tích cực.

Giá trị thẩm mỹ của TTTĐT giáo dục đại học trước hết nằm ở khả năng kiến tạo một không gian học tập số hài hòa, cân bằng, phù hợp với đặc điểm nhận thức của người học. Một giao diện có bố cục chặt chẽ, màu sắc hài hòa, biểu tượng dễ hiểu, hình ảnh có chiều sâu và typography rõ ràng sẽ giúp người học dễ dàng điều hướng, tránh căng thẳng thị giác và duy trì sự chú ý. Tính thẩm mỹ ở đây không nằm ở sự cầu kỳ hay phức tạp, mà ở sự tiết chế hợp lý, sự tinh tế trong phối hợp giữa các yếu tố thị giác, và đặc biệt là tính nhất quán - nhất quán trong hệ thống màu, biểu tượng, phông chữ và cách dẫn dắt thông

tin. Chính sự nhất quán này tạo ra cảm giác an toàn và dễ định hình trong tư duy của người học - một yếu tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả ghi nhớ và tiếp thu nội dung học.

Tuy nhiên, giá trị thẩm mỹ không chỉ dừng lại ở tính hài hòa thị giác mà còn phải phản ánh tinh thần và bản sắc của nhà trường, của hệ thống giáo dục. TTTĐT, về bản chất, là một sản phẩm truyền thông số. Trong giáo dục, nó phải thể hiện được văn hóa học thuật, tinh thần sư phạm và giá trị nhân văn mà cơ sở đào tạo theo đuổi. Một thiết kế tốt không chỉ thể hiện điều đó bằng khẩu hiệu, mà bằng từng chi tiết: màu xanh lam trầm tạo cảm giác học thuật, font chữ hiện đại thể hiện sự đổi mới, hình ảnh học sinh trong hoạt động ngoại khóa phản ánh tính toàn diện, hoặc biểu tượng văn hóa địa phương thể hiện sự gắn kết bản sắc dân tộc. Như vậy, giá trị thẩm mỹ còn là giá trị biểu trưng - nơi mà người học có thể cảm nhận được triết lý giáo dục không chỉ bằng ngôn từ, mà bằng cảm xúc thẩm mỹ và trải nghiệm trực giác.

Ở cấp độ rộng hơn, thiết kế TTTĐT giáo dục đại học có tính thẩm mỹ còn góp phần định hình gu thẩm mỹ, thói quen thị giác và tư duy thẩm định hình ảnh của người học. Đặc biệt với học sinh - sinh viên đang trong độ tuổi phát triển cảm xúc thẩm mỹ, giao diện học tập chính là môi trường trực tiếp để họ tiếp xúc hàng ngày với bố cục, hình ảnh, màu sắc, biểu tượng - và từ đó, hình thành nên cách cảm nhận, đánh giá và lựa chọn trong không gian sống số của chính họ. Như Vygotsky đã chỉ ra, môi trường học tập không chỉ hỗ trợ mà còn “định hình tư duy và cảm xúc” của người học thông qua tiếp xúc lâu dài với ngôn ngữ, hình ảnh và biểu tượng [88]. Theo nghĩa này, thiết kế TTTĐT giáo dục không đơn thuần là phục vụ học tập, mà chính là một hình thức giáo dục thẩm mỹ gián tiếp - giúp người học nâng cao năng lực thẩm định hình ảnh, từ đó phát triển tư duy thị giác và sự tinh tế trong cảm xúc.

Ở góc nhìn văn hóa - xã hội, TTTĐT giáo dục đại học cũng là một phần

của “giao diện văn hóa học đường”. Tính thẩm mỹ trong thiết kế phản ánh trình độ tiếp cận của nền giáo dục với các xu hướng thị giác đương đại, đồng thời thể hiện mức độ quan tâm của nhà trường đối với người học không chỉ ở nội dung giảng dạy, mà ở trải nghiệm học tập toàn diện. Một TTTĐT được thiết kế đẹp, rõ ràng, sáng tạo và có chiều sâu sẽ nâng cao hình ảnh của nhà trường trong mắt phụ huynh, xã hội và đối tác quốc tế. Ngược lại, một TTTĐT sơ sài, lỗi thời hoặc kém thẩm mỹ sẽ làm tổn hại đến thương hiệu giáo dục, bất chấp nội dung bên trong có giá trị đến đâu.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, giá trị thẩm mỹ trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học là một giá trị đa tầng: vừa trực tiếp hỗ trợ việc học tập hiệu quả hơn, vừa gián tiếp nâng cao cảm xúc, văn hóa thị giác và trải nghiệm của người học, vừa đóng vai trò chiến lược trong xây dựng hình ảnh giáo dục hiện đại, sáng tạo và nhân văn. Đó không phải là điều phụ trợ, mà là một yếu tố trung tâm trong việc xây dựng môi trường học tập số có chiều sâu văn hóa và chiều cao học thuật. Vai trò của người làm mỹ thuật ứng dụng trong bối cảnh này, vì vậy, càng trở nên quan trọng - không chỉ là người tạo hình, mà là người “chỉnh nhạc thị giác” cho toàn bộ bản giao hưởng giáo dục số hiện đại.

3.2.2. Giá trị giáo dục

Giá trị giáo dục là nền tảng không thể thiếu khi xét đến bất kỳ hoạt động, sản phẩm hay phương tiện nào trong lĩnh vực sư phạm - và thiết kế TTTĐT giáo dục, với tư cách là một hình thức giao tiếp thị giác và công cụ học tập trong môi trường số, cũng không nằm ngoài nguyên tắc đó. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang tác động sâu rộng đến toàn bộ hệ sinh thái giáo dục, website không còn đơn thuần là kênh thông tin hay bảng tin điện tử của các cơ sở đào tạo, mà đã trở thành một không gian học tập tích cực, nơi người học tương tác với tri thức, với cộng đồng học thuật và với chính bản thân mình. Do vậy, giá trị giáo dục trong thiết kế TTTĐT không chỉ nằm ở nội dung, mà còn hiện diện

một cách sâu sắc trong cách thức thị giác hóa tri thức, tổ chức hành vi học tập, và khơi gợi hứng thú học hỏi bền vững.

Trước hết, một TTTĐT giáo dục có giá trị thực sự phải khơi mở hành vi học tập tích cực, tạo điều kiện để người học không chỉ tiêu thụ tri thức một chiều mà có thể chủ động khám phá, tương tác và phản hồi. Giá trị giáo dục, theo nghĩa này, nằm ở việc thiết kế sao cho người học cảm thấy được dẫn dắt, được khuyến khích và được phản ánh trong không gian học. Chẳng hạn, một hệ thống giao diện được tổ chức tốt sẽ giúp người học dễ dàng tìm thấy tài liệu, tra cứu khóa học, theo dõi tiến độ, lưu lại kết quả học tập và đặt câu hỏi. Khi đó, thiết kế không còn là phong nền, mà trở thành người bạn đồng hành thầm lặng, giúp người học xây dựng lộ trình học phù hợp với năng lực và nhu cầu cá nhân. Theo mô hình học tập tích cực (active learning) của Bonwell & Eison (1991), học tập hiệu quả đòi hỏi người học phải được tham gia, thực hành, phản ánh và đặt câu hỏi - và một TTTĐT được thiết kế tốt có thể đóng vai trò như môi trường hỗ trợ đầy đủ cho tất cả các hành vi đó [37, tr.5].

Bên cạnh đó, giá trị giáo dục của TTTĐT còn thể hiện ở khả năng kết nối giữa nội dung học tập và trải nghiệm thị giác. Trong thiết kế giáo dục, một nguyên lý then chốt là “học tập diễn ra hiệu quả nhất khi nội dung được tổ chức một cách trực quan và phù hợp với nhịp tư duy của người học” [68]. Điều này có nghĩa là nếu các yếu tố đồ họa, hình ảnh, màu sắc, bố cục, biểu tượng... được sử dụng một cách hợp lý, chúng không chỉ làm cho nội dung trở nên dễ hiểu hơn, mà còn hỗ trợ trí nhớ ngắn hạn và dài hạn, giảm tải nhận thức và giúp học sinh - sinh viên xử lý thông tin hiệu quả hơn. Mayer gọi đây là nguyên lý đa phương tiện trong học tập (multimedia principle), nơi lời nói và hình ảnh nếu được kết hợp đúng cách sẽ giúp tăng cường hiểu biết rõ rệt. Vì vậy, một TTTĐT được thiết kế dựa trên tư duy sư phạm hiện đại sẽ không dừng lại ở việc “trình bày nội dung đẹp”, mà phải đạt được mục tiêu là “dạy được thông

qua thiết kế”.

Không những vậy, giá trị giáo dục còn nằm ở khả năng gợi cảm hứng học tập và hình thành văn hóa học tập tự giác trong người học. Một thiết kế đẹp, thân thiện, giàu tính nhân văn có thể làm tăng sự gắn bó của học sinh với ngôi trường, lớp học, hoặc hệ thống đào tạo - ngay cả khi đó là một môi trường ảo. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh học tập từ xa, khi người học không có môi trường vật lý để tương tác xã hội. Nghiên cứu của Martin, Sunley và Turner (2017) tại Anh về ảnh hưởng của thiết kế giao diện đến động lực học tập của sinh viên đại học cho thấy rằng: những TTTĐT có yếu tố thẩm mỹ cao, sử dụng hình ảnh học tập tích cực và tổ chức logic giúp sinh viên duy trì thói quen truy cập thường xuyên hơn 41% so với các website có cấu trúc cũ và thiếu đầu tư thị giác [67, tr. 338-342]. Ở đây, thiết kế không còn là công cụ phụ trợ, mà trở thành chất xúc tác cho sự hình thành văn hóa học tập liên tục và chủ động.

Một khía cạnh quan trọng khác của giá trị giáo dục là tính bao trùm và công bằng (inclusivity and equity). Thiết kế TTTĐT giáo dục đại học cần đảm bảo khả năng tiếp cận cho tất cả mọi người, kể cả những người có khó khăn về nhận thức, thị giác, hay học tập - tức là phải tuân thủ các nguyên tắc thiết kế dễ tiếp cận (accessible design). Theo Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.1 - tiêu chuẩn quốc tế do W3C ban hành - mọi website giáo dục nên đảm bảo bốn tiêu chí: dễ nhận biết (perceivable), dễ thao tác (operable), dễ hiểu (understandable), và dễ tương thích với các thiết bị hỗ trợ (robust) [139]. Khi đáp ứng được các tiêu chí này, TTTĐT không chỉ phục vụ nhóm người học phổ thông, mà còn tạo cơ hội công bằng cho học sinh khuyết tật, học sinh vùng sâu vùng xa, người già, hoặc những đối tượng có năng lực đặc biệt. Đây cũng chính là biểu hiện rõ ràng nhất cho giá trị nhân văn trong thiết kế - một giá trị cốt lõi của giáo dục toàn diện hiện nay.

Từ góc độ mỹ thuật ứng dụng, giá trị giáo dục của thiết kế không phải là

một khái niệm trừu tượng, mà là năng lực tổ chức các yếu tố hình ảnh một cách có chủ đích, có định hướng sư phạm, nhằm nâng cao chất lượng tương tác giữa người học và môi trường học. Một thiết kế có giá trị giáo dục là thiết kế mang đến trải nghiệm học tập sâu sắc, bền vững, truyền cảm hứng và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của người học - cả về nhận thức, cảm xúc và thẩm mỹ. Thiết kế đó vừa tôn trọng người học như một chủ thể tự do, vừa dẫn dắt họ theo những hướng đi tích cực của một nền giáo dục hiện đại, dân chủ và khai phóng.

3.2.3. Giá trị văn hóa

Thiết kế TTTĐT giáo dục đại học không chỉ là hoạt động mang tính kỹ thuật, thẩm mỹ hay sư phạm thuần túy, mà còn là một hành vi mang tính văn hóa sâu sắc, bởi nó phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan và bản sắc của một cộng đồng học thuật, một nền giáo dục, thậm chí là của cả một quốc gia. TTTĐT giáo dục đại học - đặc biệt trong thời đại chuyển đổi số - không đơn thuần là “giao diện điện tử” của một cơ sở đào tạo, mà đã trở thành không gian văn hóa học đường trực tuyến, nơi chứa đựng và truyền tải những giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, truyền thống sư phạm và bản sắc văn hóa địa phương, dân tộc. Bởi vậy, một thiết kế TTTĐT có giá trị văn hóa không những hỗ trợ học tập hiệu quả, mà còn có khả năng bồi đắp bản sắc, nâng cao niềm tự hào và tạo dựng mối liên hệ cảm xúc bền chặt giữa người học với cộng đồng giáo dục.

Trước hết, TTTĐT giáo dục đại học là nơi thể hiện rõ nhất cách một cơ sở đào tạo xác lập và truyền thông bản sắc văn hóa học đường của mình. Điều này không chỉ nằm ở nội dung, mà nằm ngay trong ngôn ngữ thiết kế: cách chọn màu sắc, cách trình bày hình ảnh, lựa chọn biểu tượng, cách đặt tên các mục, cách sử dụng hình ảnh giáo viên, học sinh, các sự kiện truyền thống hay thành tựu học thuật. Tất cả những yếu tố ấy đều góp phần kiến tạo nên “câu chuyện thị giác” về một ngôi trường, một hệ thống giáo dục. Theo quan điểm của Hall (1997), văn hóa không chỉ là “cái được nói ra” mà là “cách mà mọi

thứ được biểu hiện” [47, tr. 38]; trong thiết kế, đây chính là nơi mà hình ảnh, màu sắc, không gian thị giác trở thành công cụ mang ý nghĩa văn hóa, không lời mà thấm đẫm.

Giá trị văn hóa trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học cũng được thể hiện thông qua việc kết nối truyền thống với hiện đại, bản địa với toàn cầu, và lý tưởng giáo dục với đời sống xã hội đương đại. Trong một TTTĐT giáo dục ở Việt Nam, chẳng hạn, hình ảnh trống đồng, văn bia Văn Miếu, gam màu vàng đất gợi không gian học đường cổ kính, hoặc phong chữ thư pháp nhẹ nhàng được sử dụng hợp lý, không chỉ tạo dấu ấn thị giác mà còn gợi nhắc đến truyền thống tôn sư trọng đạo, tinh thần hiếu học - những giá trị cốt lõi trong văn hóa Việt. Đồng thời, khi kết hợp với bố cục hiện đại, công nghệ tương tác thời gian thực, và hình ảnh học sinh năng động, hiện đại, thiết kế ấy cũng thể hiện sự tiếp biến hài hòa giữa di sản và tương lai, giữa giá trị dân tộc và tính hội nhập toàn cầu.

Một ví dụ điển hình là TTTĐT chính thức của ĐHQGHN, nơi sử dụng màu xanh lam đặc trưng cho học thuật và khoa học, kết hợp với logo cách điệu hình ảnh Khuê Văn Các - biểu tượng tri thức truyền thống của Hà Nội ngàn năm văn hiến. Bên cạnh đó, các hình ảnh học sinh, hoạt động trao đổi quốc tế, hội thảo khoa học được cập nhật thường xuyên, cho thấy sự cởi mở, hiện đại và năng động của một trường đại học hàng đầu. Như vậy, chính thiết kế TTTĐT đã trở thành một “thực thể văn hóa”, nơi quá khứ, hiện tại và tương lai hội tụ qua thị giác. TTTĐT của Trường ĐHMTVN lấy hình ảnh ở trang chủ là hình ảnh không gian nhà trường với các bức tượng điêu khắc, thể hiện giá trị đặc trưng về nghệ thuật của nhà trường với truyền thống 100 năm - cái nôi của ngành mỹ thuật Việt Nam.

Tầm quan trọng của giá trị văn hóa trong thiết kế TTTĐT giáo dục còn được nhấn mạnh khi đặt trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện

nay. Trong thời đại mà các nền giáo dục cạnh tranh không chỉ bằng chất lượng đào tạo mà còn bằng hình ảnh, thương hiệu và sự gắn kết cộng đồng, TTTĐT trở thành cửa ngõ đầu tiên để sinh viên quốc tế, đối tác nghiên cứu và phụ huynh tiếp cận với “hồn cốt” của một tổ chức giáo dục. Theo nghiên cứu của Margolin (2002), thiết kế là một “công cụ sản xuất văn hóa” (cultural production tool), không chỉ tạo hình cho vật thể mà còn tạo hình cho cách cộng đồng nhận diện, gắn bó và đánh giá các giá trị xã hội [66, tr.31]. Vì vậy, một TTTĐT không mang yếu tố văn hóa riêng biệt sẽ rất dễ hòa tan trong biển thông tin toàn cầu, đánh mất cơ hội khẳng định bản sắc giáo dục quốc gia.

Không dừng lại ở mức độ hình tượng, giá trị văn hóa còn được thể hiện qua cách tổ chức thông tin, ngôn ngữ sử dụng, và tinh thần học thuật mà giao diện thể hiện. Một TTTĐT giáo dục được thiết kế theo tinh thần “mở”, khuyến khích người học tìm tòi, khám phá, tự học và thể hiện chính kiến, phản ánh tư duy giáo dục khai phóng. Ngược lại, một TTTĐT khô cứng, phân cấp cứng nhắc, ít hình ảnh tương tác, cũng có thể phần nào phản ánh tư duy giáo dục truyền thống, nặng tính áp đặt, thiếu kết nối cá nhân. Như vậy, thiết kế không chỉ thể hiện văn hóa theo nghĩa hình ảnh, mà còn thể hiện “văn hóa thiết kế giáo dục” - tức là triết lý dạy và học được “mã hóa” trong từng đường nét, màu sắc, và cách tổ chức giao diện.

Từ góc độ mỹ thuật ứng dụng, có thể khẳng định rằng: mỗi sản phẩm thiết kế, nếu được tạo ra trong môi trường giáo dục, đều mang tính văn hóa - không chỉ vì nó được sử dụng trong môi trường giáo dục, mà vì bản thân nó tham gia vào quá trình kiến tạo và tái sản xuất các giá trị giáo dục và văn hóa. Thiết kế TTTĐT giáo dục mang giá trị văn hóa là thiết kế làm cho người học không chỉ thấy đẹp, mà thấy thân thuộc, thấy tự hào, thấy có trách nhiệm gìn giữ và tiếp nối truyền thống học tập mà mình là một phần trong đó. Thiết kế ấy là điểm chạm của thẩm mỹ, giáo dục và bản sắc - nơi mà mọi quyết định về

hình ảnh, màu sắc, kiểu chữ... đều trở thành dấu hiệu văn hóa được mã hóa một cách tinh tế.

3.3. Xu hướng phát triển nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học

3.3.1. Xu hướng tối giản

Trong những năm gần đây, thiết kế tối giản (minimalism) đã trở thành một trong những xu hướng chủ đạo trong thiết kế giao diện số nói chung và thiết kế TTTĐT giáo dục đại học nói riêng. Xu hướng này không chỉ đơn thuần là một lựa chọn thẩm mỹ, mà đã trở thành một chiến lược thiết kế có cơ sở lý luận vững chắc, phản ánh sự phát triển của tư duy thẩm mỹ hiện đại, sự tiến bộ của công nghệ, và sự thay đổi trong hành vi tiếp nhận thông tin của người học trong thời đại số. Tối giản - trong ngữ cảnh của thiết kế giáo dục - không chỉ là “càng ít càng tốt”, mà là “càng rõ càng hiệu quả”, giúp tạo ra một không gian học tập trực quan, thân thiện, tập trung vào nội dung, giảm nhiễu thị giác và khuyến khích tư duy sâu.

Xu hướng tối giản trong thiết kế giao diện được khởi nguồn từ các nguyên lý thị giác hiện đại và tư tưởng Bauhaus về sự cân bằng giữa hình và công năng. Trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học, tinh thần này được ứng dụng một cách hiệu quả qua các đặc điểm: sử dụng màu sắc giới hạn (thường là 2-3 tông chủ đạo), giảm thiểu hình ảnh minh họa không cần thiết, dùng font chữ không chân (sans-serif) dễ đọc, bố cục dạng lưới, nhiều khoảng trắng và tổ chức thông tin theo thứ tự ưu tiên nhận thức. Mục tiêu cốt lõi là giúp người học tiếp cận tri thức nhanh chóng, ít bị phân tán và giữ được sự tập trung dài hạn - một yêu cầu ngày càng quan trọng trong bối cảnh học tập trực tuyến kéo dài và hiện tượng quá tải thông tin đang trở thành thách thức toàn cầu.

Theo nghiên cứu của Tuch et al. (2012), giao diện được thiết kế theo phong cách tối giản thường tạo ra ấn tượng tích cực hơn về sự chuyên nghiệp,

độ tin cậy và khả năng học tập hiệu quả, đặc biệt trong các bối cảnh giáo dục chính quy hoặc đào tạo trực tuyến có kiểm định. Tuch và cộng sự đã tiến hành thực nghiệm với hơn 150 sinh viên và nhận thấy rằng những người tiếp xúc với giao diện đơn giản, rõ ràng có khả năng ghi nhớ thông tin tốt hơn, đánh giá cao chất lượng khóa học hơn, và duy trì sự chú ý lâu hơn 28% so với nhóm sử dụng giao diện rối rắm, nhiều hình ảnh và màu sắc [85, tr. 160-163].

Trong môi trường giáo dục Việt Nam, xu hướng tối giản cũng đang dần định hình trong các sản phẩm thiết kế TTTĐT giáo dục hiện đại. Một số đơn vị tiên phong như Đại học Fulbright Việt Nam, Trường Quốc tế Liên Hợp Quốc (UNIS Hanoi), hay Trường Đại học RMIT Việt Nam đều ứng dụng thiết kế tối giản với giao diện sử dụng nhiều khoảng trắng, font chữ hiện đại, hình ảnh chân thực, và tổ chức thông tin theo hành trình người dùng một cách khoa học. Sự lựa chọn tối giản ở đây không chỉ là để “theo kịp xu hướng quốc tế”, mà còn là để phản ánh tinh thần giáo dục khai phóng, lấy người học làm trung tâm, loại bỏ yếu tố hình thức gây nhiễu, nhấn mạnh vào trải nghiệm học thuật đích thực.

Tối giản cũng là một chiến lược để tăng tính tương thích và đáp ứng linh hoạt trong thiết kế đa nền tảng. Với sự gia tăng nhanh chóng của người dùng điện thoại thông minh, máy tính bảng và các thiết bị hiển thị khác, thiết kế tối giản giúp giao diện TTTĐT dễ dàng co giãn, điều chỉnh, và giữ được sự nhất quán trong trải nghiệm người dùng. Điều này đặc biệt quan trọng với môi trường giáo dục mở, khi học sinh có thể học tập mọi lúc, mọi nơi, trên nhiều thiết bị với điều kiện kết nối khác nhau. Một thiết kế tối giản, nhẹ về dữ liệu và logic về cấu trúc chính là điều kiện tối ưu cho việc đảm bảo sự bình đẳng trong tiếp cận tri thức - một yêu cầu mang tính giáo dục và xã hội sâu sắc.

Từ góc độ mỹ thuật ứng dụng, tối giản không có nghĩa là đơn điệu. Trái lại, thiết kế tối giản đòi hỏi trình độ tư duy thẩm mỹ cao, khả năng chọn lọc tinh tế và năng lực tổ chức không gian thị giác hợp lý. Nhà thiết kế không còn là

người “trang trí”, mà là người loại bỏ cái không cần thiết để làm nổi bật cái cốt lõi - đúng như tư tưởng của nhà thiết kế người Đức Dieter Rams: “*Good design is as little design as possible*”. Trong giáo dục, tư tưởng này càng có ý nghĩa khi mỗi yếu tố thị giác đều phải phục vụ cho việc tiếp nhận và xử lý tri thức.

Không những thế, xu hướng tối giản còn phù hợp với tinh thần giáo dục hiện đại: tự do, khai phóng, cá nhân hóa. Một thiết kế tối giản không ép buộc người học theo một kiểu duy nhất, mà tạo ra không gian linh hoạt để người học chủ động chọn lựa nội dung, nhịp độ và cách thức học phù hợp với bản thân. TTTĐT giáo dục, khi đó, không còn là nơi “dân dốt cứng nhắc”, mà trở thành “môi trường học tập mở” - vừa tinh gọn, vừa đa chiều, vừa thẩm mỹ, vừa hiệu quả.

Tóm lại, xu hướng tối giản trong thiết kế website giáo dục không chỉ là phản ứng trước sự bội thực thị giác của thời đại số, mà còn là biểu hiện của một triết lý giáo dục mới - nơi người học được đặt ở trung tâm, tri thức được trình bày mạch lạc, không gian học tập được tổ chức như một trải nghiệm thẩm mỹ và tư duy. Đây là xu hướng sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai, trở thành tiêu chuẩn thẩm mỹ và chức năng của các nền tảng học tập số hiện đại.

3.3.2. Xu hướng tiện dụng (usability)

Bên cạnh xu hướng tối giản hóa, một trong những định hướng nổi bật và có tính thực tiễn sâu sắc trong thiết kế TTTĐT giáo dục hiện nay là xu hướng chú trọng tính tiện dụng (usability). Nếu như tối giản tập trung vào việc giảm thiểu yếu tố thị giác không cần thiết để tăng tính tập trung và thẩm mỹ, thì tiện dụng lại hướng đến việc đảm bảo rằng mọi hành động, thao tác và tương tác của người học với hệ thống đều diễn ra dễ dàng, mạch lạc, và phù hợp với logic nhận thức của họ. Trong môi trường học tập số, nơi mà website trở thành công cụ giao tiếp chính giữa người học và cơ sở giáo dục, thì một thiết kế không tiện dụng không chỉ làm giảm hiệu quả học tập, mà còn gây cản trở tâm lý, tạo cảm giác xa lạ, thậm chí khiến người học rời bỏ hệ thống.

Theo định nghĩa của Nielsen Jakob - một trong những chuyên gia hàng đầu thế giới về khả dụng giao diện - usability là mức độ mà người dùng có thể sử dụng một hệ thống để đạt được mục tiêu của họ một cách hiệu quả, hiệu suất và với mức độ hài lòng cao [71, tr.26]. Trong giáo dục, các mục tiêu đó bao gồm tìm kiếm thông tin khóa học, tra cứu học liệu, đăng ký môn học, gửi bài tập, nhận phản hồi từ giáo viên, truy cập kết quả học tập... Nếu giao diện không đáp ứng được các nhu cầu này một cách thuận tiện, thì dù có thiết kế đẹp đến đâu, website cũng không thể thực sự phát huy vai trò là một không gian học tập hiệu quả.

Tính tiện dụng trong thiết kế TTTĐT giáo dục ngày nay được thể hiện qua nhiều cấp độ, trong đó quan trọng nhất là ba yếu tố: dễ hiểu - dễ thao tác - dễ nhớ. Trước hết, giao diện phải dễ hiểu: cấu trúc nội dung rõ ràng, các mục chức năng được đặt ở vị trí hợp lý, biểu tượng mang tính gợi nghĩa cao, ngôn ngữ sử dụng phù hợp với đối tượng người học. Tiếp theo, giao diện cần dễ thao tác: số bước thực hiện một hành động nên được tối giản hóa, hệ thống phản hồi nhanh, và có thông báo rõ ràng khi xảy ra lỗi. Cuối cùng, hệ thống cần dễ nhớ, tức là sau lần truy cập đầu tiên, người dùng có thể nhanh chóng làm quen và tái lập thao tác trong những lần sau, không cần học lại từ đầu.

Nghiên cứu của Bastien và Scapin (1995) về thiết kế hệ thống giáo dục trực tuyến đã xác lập tám nguyên tắc thiết kế giao diện lấy người dùng làm trung tâm, trong đó nổi bật là các tiêu chí: rõ ràng, phản hồi tức thì, dễ học, tính nhất quán và khả năng kiểm soát của người dùng [34, tr.111-117]. Những nguyên tắc này, khi được áp dụng vào thiết kế website giáo dục, có thể giúp người học giảm tải nhận thức, tiết kiệm thời gian và gia tăng cảm giác kiểm soát trong hành trình học tập - từ đó nâng cao hiệu quả sư phạm một cách tự nhiên và bền vững.

Thực tiễn triển khai tại Việt Nam cũng cho thấy, các trường học có đầu

tư đúng mức vào yếu tố tiện dụng trong thiết kế giao diện đã đạt được nhiều hiệu quả tích cực. Ví dụ, TTTĐT của Trường Đại học RMIT Việt Nam (www.rmit.edu.vn) được thiết kế với menu điều hướng rõ ràng, nút đăng ký nhanh, hệ thống phân mục trực quan theo đối tượng (sinh viên, giảng viên, phụ huynh), và có công cụ tìm kiếm mạnh mẽ, giúp người dùng dễ dàng tìm được nội dung mong muốn chỉ sau vài thao tác đơn giản. Tương tự, hệ thống LMS của FPT Education được thiết kế với tiêu chí “3 dễ”: dễ nhìn - dễ hiểu - dễ thao tác, đã góp phần làm tăng tỷ lệ sinh viên truy cập học liệu đều đặn lên đến 85% mỗi tuần (Báo cáo nội bộ FPT Edu, 2022).

Xu hướng tiện dụng trong thiết kế website giáo dục còn thể hiện rõ nét ở việc tích hợp các công nghệ hỗ trợ cá nhân hóa hành vi học tập như: bảng điều khiển cá nhân (dashboard), thống kê tiến trình học, hệ thống nhắc việc thông minh, chatbot hỗ trợ 24/7, và phản hồi tức thì khi nộp bài hoặc đăng ký môn học. Những yếu tố này không chỉ làm tăng sự thuận tiện, mà còn giúp người học hình thành thói quen học tập chủ động và tự quản, phù hợp với triết lý giáo dục khai phóng, lấy người học làm trung tâm.

Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, một thiết kế có tính tiện dụng cao đòi hỏi nhà thiết kế phải nắm vững tâm lý học nhận thức, hiểu rõ hành vi người dùng và đồng thời có năng lực tổ chức bố cục, màu sắc, biểu tượng và ngôn ngữ thị giác theo hướng tối ưu hóa trải nghiệm. Điều này đặt ra yêu cầu rất cao về khả năng phân tích, phối hợp liên ngành (giữa thiết kế - sư phạm - công nghệ), và khả năng chuyển hóa tri thức phức tạp thành giao diện đơn giản, dễ hiểu, dễ dùng. Có thể nói, tiện dụng không làm giảm vai trò của nghệ thuật trong thiết kế, mà thể hiện trình độ nghệ thuật ở cấp độ tinh tế và giàu tính nhân văn nhất: làm cho cái đẹp trở nên gần gũi, dễ tiếp cận và hữu ích cho tất cả người học - bất kể độ tuổi, nền tảng học vấn hay điều kiện tiếp cận công nghệ.

Như vậy, trong bối cảnh giáo dục số hóa, xu hướng tiện dụng trong thiết

kế TTTĐT giáo dục không chỉ là yêu cầu kỹ thuật, mà là một biểu hiện của tư duy giáo dục hiện đại - lấy trải nghiệm của người học làm trung tâm, lấy khả năng tiếp cận tri thức làm tiêu chuẩn, và lấy sự hài lòng trong học tập làm mục tiêu cuối cùng. Đây cũng là nền tảng để xây dựng một nền thiết kế giáo dục vừa thẩm mỹ, vừa hiệu quả, vừa bao trùm - phù hợp với xu hướng phát triển của mỹ thuật ứng dụng trong kỷ nguyên số.

3.3.3. Xu hướng thiết kế tương tác cao

Cùng với hai trụ cột tối giản và tiện dụng, một xu hướng thiết kế nổi bật khác đang định hình lại toàn bộ hệ sinh thái website giáo dục hiện nay là thiết kế tương tác cao (high interactivity design). Trong thời đại mà người học không còn là đối tượng thụ động tiếp nhận tri thức mà trở thành chủ thể trung tâm của quá trình học tập, tương tác không chỉ là một chức năng kỹ thuật, mà là một yêu cầu sư phạm, một chiến lược thị giác, và một biểu hiện sâu sắc của triết lý giáo dục hiện đại. Thiết kế tương tác cao giúp TTTĐT giáo dục không còn là nơi “đọc thông tin”, mà trở thành một không gian học tập động, nơi người học được trải nghiệm, phản hồi, khám phá và đồng kiến tạo tri thức.

Tương tác trong thiết kế TTTĐT giáo dục ngày nay không còn giới hạn ở những thao tác cơ bản như bấm vào menu, mở một tài liệu PDF hay điền form đăng ký, mà đã phát triển thành một hệ thống đa tầng, bao gồm: tương tác người - nội dung (human-content interaction), tương tác người - người (human-human interaction), và tương tác người - hệ thống (human-system interaction). Theo nghĩa đó, mỗi thiết kế tương tác không chỉ giúp thực hiện chức năng, mà còn tạo ra trải nghiệm học tập mới - một trải nghiệm có tính cá nhân hóa, trực tiếp và phản hồi tức thời.

Theo báo cáo của Educause Review (2021), các nền tảng giáo dục có mức độ tương tác cao (ví dụ: các TTTĐT có tích hợp thảo luận trực tiếp, chat nội bộ, biểu đồ tiến trình, câu hỏi kiểm tra ngắn, gợi ý học tập, hoặc tương tác

hình ảnh kéo - thả) giúp tăng tỷ lệ hoàn thành khóa học lên 40% so với các nền tảng chỉ cung cấp thông tin thụ động [97]. Điều này cho thấy rằng, tương tác không chỉ làm cho học tập thú vị hơn, mà còn giúp tăng động lực, duy trì sự gắn bó và thúc đẩy quá trình kiến tạo tri thức chủ động - những giá trị cốt lõi mà giáo dục hiện đại theo đuổi.

Tại Việt Nam, một số đơn vị đã bắt đầu tiên phong ứng dụng thiết kế tương tác trong giao diện TTTĐT giáo dục, đặc biệt là trong các hệ thống học trực tuyến (LMS - Learning Management System) và mô hình trường học điện tử. Ví dụ, nền tảng học tập trực tuyến HOCMAI.vn đã tích hợp các chức năng như: bảng xếp hạng học sinh theo từng tuần, khu vực thảo luận nhóm theo môn học, hệ thống câu hỏi nhanh dưới mỗi video bài giảng, cùng với hệ thống phản hồi tức thì về tiến trình học. Cấu trúc giao diện của TTTĐT được thiết kế dưới dạng thẻ (card interface), giúp người học dễ dàng kéo - thả, điều chỉnh trình tự bài học, tạo cảm giác chủ động và hứng thú cao hơn so với giao diện tuyến tính truyền thống.

Không chỉ ở cấp độ kỹ thuật, thiết kế tương tác cao còn là một lựa chọn mỹ thuật đầy ý nghĩa. Nhà thiết kế phải tổ chức bố cục sao cho người học không chỉ “xem”, mà “làm”, “phản hồi”, “tương tác”, “giao tiếp”. Điều này đòi hỏi năng lực tổ chức mô-đun giao diện linh hoạt, sử dụng hình ảnh động hợp lý, tạo chuyển động mượt mà (microinteractions), kết hợp icon động và hiệu ứng thị giác vừa phải để kích thích hành vi mà không gây rối. Đồng thời, nhà thiết kế cần hiểu sâu về hành vi người học - họ thường nhấn vào đâu, thao tác như thế nào, thời gian dừng lại trung bình trên mỗi phần là bao nhiêu - để tối ưu hóa từng điểm chạm (touchpoint) trong hành trình học tập.

Tương tác trong thiết kế TTTĐT giáo dục cũng chính là công cụ hỗ trợ cá nhân hóa học tập - xu hướng đang phát triển mạnh trong giáo dục toàn cầu. Các tính năng như dashboard cá nhân, đề xuất nội dung học phù hợp với năng

lực, nhắc nhở tiến độ, thống kê học tập và phản hồi tức thì đều được triển khai thông qua các mô hình thiết kế tương tác. Trong đó, vai trò của thiết kế không chỉ là hiển thị dữ liệu, mà còn là làm cho dữ liệu trở nên có ý nghĩa, dễ hiểu, thúc đẩy hành động học tập. Theo lý thuyết của Norman (2013), sự tương tác tốt là sự kết hợp nhịp nhàng giữa thiết kế và hành vi - trong đó mỗi phản hồi thị giác đều phải có lý do, và mỗi hành động đều dẫn tới một kết quả cảm nhận được [73, tr.104-106].

Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, thiết kế tương tác cao là sự hòa quyện giữa nghệ thuật tổ chức không gian - màu sắc - động học thị giác và khoa học hành vi học tập. Đó không phải là việc “thêm nút bấm” hay “làm động giao diện”, mà là kiến tạo nên một trải nghiệm học tập sống động, tự nhiên, và kết nối - nơi thị giác không chỉ dẫn dắt, mà đồng hành, khơi gợi và phản hồi. Khi đó, website giáo dục trở thành một “người thầy số hóa” - biết lắng nghe, biết gợi ý, biết khuyến khích, và biết cùng người học đi đến cùng hành trình chiếm lĩnh tri thức.

Nhìn chung, xu hướng thiết kế tương tác cao trong TTTĐT giáo dục là một tất yếu phát triển của giáo dục số hiện đại, đáp ứng nhu cầu trải nghiệm phong phú, tính cá nhân hóa và năng lực học tập tự chủ của người học. Đây là không gian nơi mà thị giác không chỉ trình bày tri thức, mà còn tạo nên hành vi học tập chủ động, liên tục, và đầy cảm hứng. Và để làm được điều đó, vai trò của thiết kế mỹ thuật không thể thiếu - không chỉ ở chỗ làm đẹp, mà ở chỗ làm cho cái đẹp sống động, gợi mở và có ý nghĩa trong hành trình giáo dục nhân bản.

3.3.4. Xu hướng tích hợp đa phương tiện

Bước sang thập niên thứ ba của thế kỷ XXI, thiết kế TTTĐT giáo dục không còn chỉ gắn với yếu tố thị giác thuần túy, mà đang nhanh chóng chuyển dịch theo hướng đa phương tiện hóa (multimedia integration) và tích hợp các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường

(AR), dữ liệu lớn (big data) hay học máy (machine learning). Những thay đổi công nghệ này không chỉ ảnh hưởng đến hình thức thể hiện mà còn tái cấu trúc cách người học tiếp cận, trải nghiệm và tương tác với tri thức, từ đó mở ra một giai đoạn phát triển mới cho kỹ thuật ứng dụng trong giáo dục số.

Khái niệm đa phương tiện trong thiết kế website giáo dục bao gồm sự phối hợp giữa văn bản, hình ảnh, video, âm thanh, đồ họa động và tương tác trực tiếp theo thời gian thực. Theo lý thuyết *Cognitive Theory of Multimedia Learning* của Mayer (2001), việc kết hợp hiệu quả giữa hình ảnh và âm thanh sẽ giúp tăng khả năng ghi nhớ và hiểu bài của người học nhờ vào cơ chế xử lý thông tin song song qua hai kênh nhận thức: hình ảnh (visual channel) và lời nói (verbal channel) [68, tr.47-62]. Khi được tích hợp một cách hợp lý trong giao diện, các yếu tố đa phương tiện này không những tăng tính trực quan, sinh động của bài học, mà còn giúp giảm tải nhận thức, duy trì sự chú ý và tạo môi trường học tập gắn với trải nghiệm thực tế.

Trong thiết kế, điều này được thể hiện qua nhiều hình thức: các video bài giảng được nhúng ngay trên trang nội dung học; hệ thống âm thanh nền nhẹ nhàng hỗ trợ tập trung; ảnh động (GIF hoặc motion graphics) minh họa khái niệm khó; sơ đồ tư duy tương tác có thể mở rộng - thu gọn; mô hình 3D cho phép người học xoay, phóng to, khám phá chi tiết; và cả những môi trường giả lập học tập nhập vai, được tạo ra bởi công nghệ VR/AR. Ví dụ, trong lĩnh vực giáo dục y khoa, website của Đại học Harvard Medical School đã triển khai các mô-đun mô phỏng giải phẫu người bằng công nghệ thực tế ảo, cho phép sinh viên “học bằng trải nghiệm” thay vì chỉ đọc và ghi nhớ kiến thức một cách thụ động.

Tại Việt Nam, mặc dù mức độ ứng dụng công nghệ còn chưa đồng đều giữa các cơ sở giáo dục, nhưng xu hướng tích hợp đa phương tiện và công nghệ mới đã bắt đầu xuất hiện tại một số đơn vị tiên phong. Hệ thống học tập trực tuyến của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội sử dụng video giảng dạy kết hợp

hoạt họa mô phỏng thí nghiệm, đồng thời cho phép sinh viên tương tác trực tiếp với đồ thị, biến đổi dữ liệu, và phản hồi câu hỏi qua hệ thống chatbot thông minh. Một số trường như FPT, Phenikaa, hay Đại học Mở TP.HCM đang nghiên cứu tích hợp hệ thống học tập dựa trên hành vi (learning analytics), giúp điều chỉnh giao diện và nội dung học theo tiến độ, thói quen và năng lực cá nhân của mỗi sinh viên.

Không thể không nhắc đến sự tham gia ngày càng sâu của trí tuệ nhân tạo (AI) trong thiết kế TTTĐT giáo dục - nơi giao diện không còn là "tĩnh", mà trở thành một thực thể biết học hỏi và phản ứng theo người dùng. Những AI-based design systems có khả năng đề xuất nội dung học phù hợp, hỗ trợ viết bài luận, nhắc lịch học, phát hiện điểm yếu trong tiến trình học tập và điều chỉnh giao diện phù hợp theo thời gian thực. Trong thiết kế mỹ thuật ứng dụng, điều này đặt ra thách thức và đồng thời là cơ hội cho người làm thiết kế - bởi lẽ họ không còn chỉ thiết kế cho một người dùng trung bình, mà phải thiết kế một không gian có khả năng tự điều chỉnh theo từng cá nhân. Đây là bước chuyển từ “thiết kế cho số đông” sang “thiết kế thích ứng” - một tư duy hoàn toàn mới.

Mặt khác, sự phát triển của công nghệ web mới như HTML5, WebGL, WebXR cũng giúp mở rộng đáng kể ngôn ngữ hình ảnh của thiết kế TTTĐT giáo dục. Thay vì bị giới hạn trong bố cục 2D tĩnh, nhà thiết kế nay có thể sử dụng đồ họa thời gian thực, không gian ba chiều, chuyển động linh hoạt, và trải nghiệm nhập vai xuyên nền tảng (cross-platform immersive experience). Điều này không chỉ nâng cao thẩm mỹ thị giác, mà còn tạo ra sự “hòa tan” giữa tri thức và cảm xúc - nơi mà người học không chỉ “đọc” bài học, mà “sống trong bài học”.

Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, xu hướng tích hợp đa phương tiện và công nghệ mới trong thiết kế TTTĐT giáo dục mở ra một biên độ sáng tạo mới cho nhà thiết kế, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi năng lực kết hợp liên ngành sâu

sắc: giữa mỹ thuật - công nghệ - sư phạm - tâm lý học nhận thức. Thiết kế không còn là vẽ ra cái đẹp, mà là kiến tạo nên một không gian học tập đa giác quan, đa chiều, đa năng lực, nơi mà hình ảnh, âm thanh, chuyển động và tương tác tạo nên một cấu trúc thẩm mỹ học thuật toàn vẹn.

Như vậy, trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số giáo dục, xu hướng tích hợp đa phương tiện và công nghệ mới không chỉ nâng cao chất lượng học tập, mà còn làm thay đổi bản chất của thiết kế website giáo dục. Đây không còn là sản phẩm thị giác đơn thuần, mà đã trở thành một hệ sinh thái học tập tương tác, nhập vai, và thích ứng - nơi nghệ thuật, công nghệ và tri thức cùng nhau tạo dựng những hành trình học tập sống động, hiệu quả và giàu cảm hứng.

3.3.5. Xu hướng cá nhân hóa (personalization)

Trong hành trình phát triển của giáo dục hiện đại, một trong những xu hướng có ảnh hưởng sâu rộng nhất chính là giáo dục cá nhân hóa - lấy người học làm trung tâm, tôn trọng sự khác biệt về năng lực, tốc độ, phong cách và nhu cầu học tập. Xu hướng này không chỉ định hình lại phương pháp giảng dạy, mà còn đang tái cấu trúc toàn bộ tư duy thiết kế hệ thống học tập, trong đó có TTTĐT giáo dục. Cá nhân hóa trong thiết kế không còn là “phần mềm tùy biến”, mà trở thành một triết lý thiết kế - nơi mỗi giao diện, mỗi hành trình thị giác, mỗi nội dung hiển thị đều hướng đến một cá thể cụ thể, với mục tiêu giúp họ học hiệu quả nhất, thoải mái nhất và cảm thấy được “tôn trọng” nhất trong môi trường số.

Cá nhân hóa trong thiết kế TTTĐT giáo dục trước hết thể hiện qua khả năng hiển thị nội dung theo hồ sơ người học, tức là mỗi cá nhân khi đăng nhập vào hệ thống sẽ có một giao diện học tập riêng, với bố cục ưu tiên theo môn học, trình độ, tiến trình, hoặc sở thích. Khác với TTTĐT tĩnh truyền thống, giao diện cá nhân hóa không “giống nhau với tất cả mọi người”, mà biến đổi

linh hoạt theo dữ liệu hành vi (behavioral data), lịch sử học tập, và mục tiêu học tập cá nhân. Ví dụ, sinh viên kỹ thuật sẽ thấy ưu tiên hiện các mô-đun toán, vật lý; học viên ngoại ngữ sẽ được gợi ý các bài luyện nghe, nói phù hợp trình độ; học sinh yếu kỹ năng viết sẽ nhận được gợi ý bài tập chuyên sâu kèm theo nhắc nhở luyện tập định kỳ.

Theo nghiên cứu của Walkington (2013), cá nhân hóa nội dung học tập dựa trên đặc điểm và sở thích cá nhân có thể giúp tăng từ 10-20% hiệu quả tiếp thu kiến thức toán ở học sinh trung học [89, tr.188-190]. Kết quả này không đến từ thay đổi nội dung kiến thức, mà đến từ cách thức tổ chức, trình bày và tương tác với nội dung đó - điều mà thiết kế giao diện đóng vai trò quyết định. Điều này cho thấy, thiết kế không chỉ “bao bọc” nội dung học, mà chính là “người phiên dịch” nội dung sang trải nghiệm cá nhân.

Không dừng lại ở nội dung, cá nhân hóa còn mở rộng đến trải nghiệm người dùng (UX - user experience), thông qua việc thiết kế các dashboard cá nhân hóa, tính năng ghi chú trực tuyến, quản lý tiến độ học tập, thống kê điểm mạnh - điểm yếu theo thời gian thực, và hệ thống nhắc nhở học tập thông minh. Các yếu tố như chọn giao diện sáng/tối, thay đổi màu nền theo sở thích, điều chỉnh kích cỡ chữ, hoặc thiết lập mục tiêu hàng ngày cũng là biểu hiện của thiết kế hướng cá nhân hóa - tạo cho người học cảm giác thân thuộc, làm chủ không gian học tập số của riêng mình.

Từ góc nhìn kỹ thuật - mỹ thuật, cá nhân hóa đặt ra yêu cầu cao về khả năng thiết kế hệ thống giao diện động (dynamic interface), tổ chức bố cục linh hoạt theo hành vi người dùng và sử dụng ngôn ngữ thị giác linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo tính nhất quán. Nhà thiết kế không chỉ tạo ra một bản giao diện cố định, mà cần xây dựng một “hệ sinh thái hình ảnh” có khả năng thích nghi - tổ chức thông tin thành các mô-đun (modules), thiết kế dạng thẻ (cards), các thanh điều hướng thông minh, các khối chức năng có thể bật/tắt tùy mục đích học.

Mỗi người học như một “người đồng thiết kế” giao diện của chính mình - không chỉ tiếp nhận mà còn tham gia vào quá trình điều chỉnh, cá nhân hóa và hoàn thiện môi trường học.

Cá nhân hóa trong thiết kế website giáo dục cũng đồng thời mở đường cho các công nghệ hỗ trợ như AI, học máy, phân tích học tập (learning analytics) - những công cụ giúp hiểu sâu hơn hành vi người học và đề xuất các cải tiến phù hợp. Thiết kế, trong trường hợp này, trở thành giao diện giữa máy và người, giữa hệ thống và cảm xúc, giữa dữ liệu và kinh nghiệm học tập cá thể hóa. Một hệ thống thiết kế tốt sẽ không chỉ biết “hiện cái cần thiết” mà còn biết “ẩn cái gây nhiễu”, biết “gợi mở điều phù hợp” mà không áp đặt, và luôn tạo cảm giác an toàn, được đồng hành cho người học.

Tại Việt Nam, xu hướng này tuy chưa phát triển mạnh trong các website chính thức của các trường phổ thông, nhưng đã bắt đầu hiện diện rõ nét ở các nền tảng học trực tuyến tư nhân như Vuihoc.vn, Học mãi, hay Equest. Các hệ thống này không chỉ cho phép thiết lập lộ trình cá nhân, mà còn cho người học điều chỉnh giao diện, chọn thầy cô, thậm chí đổi ngôn ngữ hiển thị theo vùng miền. Đây là bước đầu tiên trong tiến trình “cá nhân hóa đại trà” - một mục tiêu đầy thách thức nhưng có tiềm năng lớn trong giáo dục số.

Từ góc nhìn mỹ thuật ứng dụng, thiết kế cá nhân hóa không phải là thiết kế nhiều phiên bản, mà là thiết kế có khả năng thích ứng - một thiết kế biết lắng nghe người dùng, hiểu ngữ cảnh, phản hồi thông minh và tạo không gian cho biểu hiện cá nhân. Trong giáo dục, đây là biểu hiện cao nhất của triết lý “học sinh là trung tâm”, và là lời khẳng định rằng, thiết kế không chỉ hỗ trợ giáo dục, mà trở thành một phần bản thể của quá trình học tập hiện đại - nơi mỗi cá nhân được tôn trọng, dẫn dắt và phát triển theo cách riêng của mình.

3.3.6. Xu hướng thiết kế lấy người học làm trung tâm và vì sự phát triển bền vững

Nếu các xu hướng trước đây như tối giản, tiện dụng, tương tác cao, cá nhân hóa hay tích hợp công nghệ mới chủ yếu đề cập đến phương pháp và công cụ thiết kế, thì xu hướng thiết kế lấy người học làm trung tâm và hướng tới phát triển bền vững lại phản ánh một chuyển biến sâu về triết lý thiết kế, nơi người làm thiết kế không còn chỉ là người “phục vụ hệ thống giáo dục”, mà trở thành tác nhân đồng kiến tạo môi trường học tập nhân văn, bao trùm và có trách nhiệm với xã hội.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, bất bình đẳng tiếp cận công nghệ, và những đứt gãy về năng lực học tập giữa các khu vực - nhất là ở các quốc gia đang phát triển như Việt Nam - một website giáo dục được thiết kế tốt không chỉ cần đẹp, hiệu quả, cá nhân hóa hay công nghệ cao, mà còn phải phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo khả năng tiếp cận bình đẳng, khuyến khích học tập vì cộng đồng và nuôi dưỡng nhận thức phát triển bền vững. Tư duy này xuất phát từ triết lý giáo dục toàn cầu được nhấn mạnh trong Báo cáo của UNESCO (2021) - *Reimagining our futures together: A new social contract for education*, trong đó kêu gọi xây dựng các hệ thống giáo dục số dựa trên nguyên tắc “đồng kiến tạo tri thức, đồng chia sẻ trách nhiệm và đồng định hình tương lai chung” [87, tr.98-102].

Cụ thể, một thiết kế website giáo dục đại học theo định hướng phát triển bền vững sẽ cần đảm bảo những tiêu chí sau:

- Khả năng tiếp cận cao (accessibility) cho mọi đối tượng người học, bao gồm người khuyết tật, học sinh vùng sâu vùng xa, học sinh có thiết bị hạn chế;
- Tối ưu tài nguyên hệ thống: thiết kế nhẹ, ít tiêu tốn dữ liệu, có thể chạy tốt trên các nền tảng thiết bị cũ hoặc băng thông thấp;
- Thân thiện với môi trường số: hạn chế sử dụng hiệu ứng nặng nề, không tiêu tốn quá nhiều năng lượng máy chủ, hỗ trợ bộ nhớ cache, và tuân thủ các nguyên tắc của thiết kế xanh (green UX);

- Khuyến khích lối sống và tư duy bền vững: tích hợp các nội dung học tập liên quan đến phát triển xanh, năng lượng tái tạo, bình đẳng giới, tinh thần cộng đồng;

- Gắn kết văn hóa - địa phương - cộng đồng: thiết kế mang tính bản địa hóa (localization), tôn trọng đa dạng văn hoá, giúp người học gắn kết hơn với truyền thống, lịch sử, ngôn ngữ và bản sắc dân tộc.

Ví dụ, một số nền tảng giáo dục tại Bắc Âu (như DigiViikko ở Phần Lan) đã đi đầu trong việc thiết kế giao diện học tập hướng đến phát triển bền vững: sử dụng gam màu trầm thân thiện với mắt, font chữ lớn dễ đọc, chức năng truy cập qua mạng chậm, tích hợp nội dung giáo dục về môi trường, tái chế và đa văn hóa học đường. Những trang web này không tìm cách “phô diễn công nghệ” mà nhấn mạnh vào tính gần gũi, tiết kiệm năng lượng và đồng hành cùng người học trong quá trình phát triển toàn diện.

Ở Việt Nam, xu hướng này đang từng bước được chú ý, đặc biệt trong các dự án hỗ trợ học sinh vùng sâu vùng xa như dự án “Trường học kết nối” (Bộ GD&ĐT), hay hệ thống thư viện số của Đại học Mở TP.HCM với giao diện thân thiện, dễ điều hướng, và tối ưu hoá tốc độ truy cập cho mạng yếu. Đây là những nỗ lực rất đáng ghi nhận nhằm đưa thiết kế trở thành công cụ của công bằng xã hội trong giáo dục, chứ không chỉ là biểu tượng của hiện đại hoá kỹ thuật.

Từ góc độ mỹ thuật ứng dụng, đây là một giai đoạn quan trọng: thiết kế TTTĐT giáo dục không chỉ cần đẹp - mà cần có trách nhiệm. Đó là trách nhiệm với người học, với cộng đồng, với môi trường sống, và với các thế hệ tương lai. Một thiết kế đẹp không chỉ nằm ở đường nét, màu sắc hay bố cục, mà còn ở khả năng tạo cơ hội, nuôi dưỡng hy vọng và lan toả tư duy bền vững qua từng điểm chạm của giao diện.

Nhìn chung, xu hướng thiết kế TTTĐT giáo dục lấy người học làm trung tâm và hướng tới phát triển bền vững chính là tầng sâu của thiết kế - nơi thấm

mỹ kết hợp với đạo đức, nghệ thuật kết hợp với trách nhiệm, sáng tạo kết hợp với sự quan tâm đến tương lai. Đây là hướng đi cần thiết, cấp bách và mang nhiều giá trị nhân văn, trong bối cảnh giáo dục đang không ngừng chuyển mình để thích ứng với thế giới đầy biến động và thách thức hôm nay.

Tiểu kết

Chương 3 của luận án đã tiến hành khảo sát, phân tích và đánh giá thực tiễn thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam thông qua việc chọn lọc và nghiên cứu một số website tiêu biểu. Thông qua việc tiếp cận hệ thống, chương này không chỉ nhằm cung cấp bức tranh tổng quan về hiện trạng thiết kế, mà còn đi sâu vào việc phân tích từng yếu tố biểu hiện thẩm mỹ và chức năng của các TTTĐT hiện hữu, từ đó góp phần kiểm chứng và làm rõ các giả thuyết nghiên cứu được nêu ra từ đầu luận án.

Trước hết, nội dung khảo sát cho thấy sự phát triển nhanh chóng và đa dạng của các TTTĐT giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số, đặc biệt trong thời kỳ hậu đại dịch COVID-19. Các cơ sở giáo dục, từ tiểu học đến đại học, từ công lập đến tư thục, đều coi TTTĐT không chỉ là công cụ truyền thông, mà còn là bộ mặt thương hiệu số, là nền tảng cung cấp dịch vụ học tập trực tuyến, thông tin học thuật và giao tiếp giữa nhà trường - học sinh - phụ huynh - cộng đồng. Từ đó, có thể thấy rằng TTTĐT giáo dục tại Việt Nam đã có bước tiến đáng kể về lượng và chất, song vẫn tồn tại nhiều vấn đề trong cách thức thể hiện phong cách thiết kế và định danh bản sắc.

Thông qua việc lựa chọn các TTTĐT như Đại học QGHN, ĐH QGTPHCM, ĐH MTVN, chương này đã bóc tách từng phương diện của thiết kế TTTĐT: từ bố cục, màu sắc, hình ảnh, font chữ, đến các yếu tố chuyển động, tương tác, biểu tượng... Qua đó, luận án phát hiện rằng hầu hết các TTTĐT đã đạt được sự chuyên nghiệp nhất định trong việc tổ chức thông tin và ứng dụng công nghệ, tuy nhiên vẫn còn hạn chế trong việc thể hiện rõ bản sắc văn hóa học đường, chưa khai thác hết tiềm năng nghệ thuật thị giác trong

thiết kế TTTĐT - điều vốn có thể tạo nên sự khác biệt và truyền cảm hứng cho người học.

Một điểm nổi bật trong chương này là việc luận án đã áp dụng lý thuyết về các phong cách thiết kế chủ đạo - như phong cách trực quan sư phạm, cá nhân hóa trải nghiệm học tập, tương tác học tập, và bản sắc học đường - để phân tích tính chất nghệ thuật và giá trị biểu đạt của từng TTTĐT. Kết quả phân tích cho thấy: các TTTĐT tư thục như Vinschool hay RMIT Việt Nam có xu hướng đầu tư mạnh về thiết kế hình ảnh, giao diện và trải nghiệm người dùng với tính thẩm mỹ cao và nhất quán về mặt thương hiệu. Ngược lại, nhiều TTTĐT của các trường công lập lại thiên về cấu trúc thông tin truyền thống, thiếu sự đột phá về thị giác và tương tác, dù có tiềm năng lớn về nội dung học thuật và cộng đồng người học.

Đặc biệt, chương này cũng chỉ ra rằng yếu tố nghệ thuật trong thiết kế TTTĐT giáo dục đại học hiện nay vẫn chưa được nhận thức một cách toàn diện. Thiết kế web thường được giao cho các đơn vị kỹ thuật hoặc marketing mà thiếu vắng sự tham gia của các chuyên gia thiết kế mỹ thuật, dẫn đến hiện tượng “đẹp nhưng chưa sâu”, hoặc “đầy đủ chức năng nhưng chưa có hồn”. Điều này càng trở nên quan trọng trong bối cảnh giáo dục hiện đại không chỉ là truyền tải tri thức, mà còn là kiến tạo cảm hứng, gắn kết cộng đồng học tập và truyền thông hình ảnh nhà trường một cách nhân văn, sáng tạo và có bản sắc.

Ngoài ra, chương 3 cũng đặt ra một số vấn đề nổi cộm trong thực tiễn thiết kế TTTĐT giáo dục đại học tại Việt Nam, bao gồm: thiếu định hướng phong cách nghệ thuật rõ ràng; sử dụng hình ảnh và màu sắc không đồng bộ với triết lý giáo dục; bố cục thông tin rườm rà, thiếu sự phân tầng rõ ràng; giao diện chưa thân thiện với người dùng ở các lứa tuổi khác nhau; biểu tượng (icon) và hiệu ứng chưa được khai thác đúng cách để truyền tải thông điệp giáo dục... Những hạn chế này nếu không được khắc phục sẽ khiến website giáo dục trở thành một công cụ thông tin đơn thuần, không thể phát huy vai trò như một

“không gian học tập mở” đúng nghĩa trong kỷ nguyên số.

Từ các phát hiện trên, chương 3 góp phần xác tín cho giả thuyết nghiên cứu số 2 của luận án, đó là: “Các yếu tố mỹ thuật trong thiết kế TTTĐT có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thể hiện bản sắc học đường, gia tăng hiệu quả truyền thông giáo dục và cải thiện trải nghiệm người học.” Điều này đồng thời khẳng định tầm quan trọng của việc tiếp cận thiết kế website không chỉ ở góc độ kỹ thuật hay truyền thông, mà cần có sự tích hợp chặt chẽ với lý luận và thực hành mỹ thuật, đặc biệt là từ góc nhìn của ngành lý luận và lịch sử mỹ thuật mà luận án đang theo đuổi.

Kết quả khảo sát cũng gợi mở những hướng nghiên cứu và ứng dụng trong tương lai: làm thế nào để định hình một phong cách thiết kế TTTĐT mang bản sắc giáo dục Việt Nam, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại? Làm sao để ứng dụng lý thuyết nghệ thuật vào thiết kế giao diện số, hướng đến xây dựng một không gian học tập trực quan, nhân văn và gợi cảm hứng?

KẾT LUẬN

Luận án tiến sĩ *Nghệ thuật thiết kế trang thông tin điện tử trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam*, chuyên ngành Lý luận và lịch sử mỹ thuật, là một nỗ lực mang tính tổng hợp, liên ngành và tiên phong trong việc khảo sát, phân tích, lý giải và đề xuất hướng tiếp cận nghệ thuật cho một loại hình mỹ thuật ứng dụng còn mới mẻ nhưng ngày càng quan trọng trong xã hội hiện đại: thiết kế TTTĐT trong lĩnh vực giáo dục đại học. Bằng việc huy động các hệ thống lý thuyết đến từ mỹ học, biểu tượng học, thiết kế tương tác và tâm lý học giáo dục, luận án không chỉ tái hiện bức tranh toàn cảnh về sự hình thành, phát triển và các phong cách chủ đạo của TTTĐT giáo dục trong môi trường truyền thông đương đại, mà còn từng bước khẳng định vị thế của nghệ thuật thiết kế số như một bộ phận cấu thành của nghệ thuật thị giác đương đại Việt Nam và thế giới.

TTTĐT lĩnh vực giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng không đơn thuần là một kênh cung cấp thông tin học tập. Đó là không gian tương tác tri thức, môi trường giao tiếp sư phạm, và đặc biệt là một thiết chế văn hóa mới - nơi những chuẩn mực thẩm mỹ, triết lý giáo dục và bản sắc học đường được truyền tải thông qua các yếu tố hình ảnh, ngôn ngữ đồ họa, cấu trúc bố cục và hành vi người dùng. Chính vì vậy, việc tiếp cận TTTĐT lĩnh vực giáo dục đại học từ góc độ nghệ thuật - mỹ thuật là một lựa chọn khẳng định vai trò của cái đẹp, của cảm xúc và của tư duy thiết kế trong công cuộc chuyển đổi số giáo dục toàn diện mà Việt Nam đang thực hiện.

Thông qua khảo sát hệ thống lý luận trong và ngoài nước, luận án đã khẳng định rằng: nghệ thuật thiết kế TTTĐT là một nhánh phát triển quan trọng trong hệ sinh thái mỹ thuật ứng dụng, có quan hệ mật thiết với lịch sử phát triển của đồ họa truyền thông, thiết kế tương tác và thiết kế trải nghiệm người dùng (UX Design). Trong lĩnh vực giáo dục, nghệ thuật thiết kế TTTĐT không chỉ bị chi phối bởi các yếu tố kỹ thuật, công nghệ hay chiến lược truyền thông,

mà còn phụ thuộc vào triết lý giáo dục, tâm lý người học, mục tiêu đào tạo và bản sắc học đường của mỗi cơ sở giáo dục.

Luận án đã xác định rõ năm phong cách thiết kế chủ đạo đang chi phối không gian TTTĐT giáo dục đại học, bao gồm: phong cách tối giản, phong cách trực quan sư phạm, phong cách cá nhân hóa trải nghiệm người học, phong cách tương tác học tập, và phong cách bản sắc học đường. Mỗi phong cách này không chỉ là một xu hướng thiết kế mà còn là một diễn ngôn văn hóa - nơi người thiết kế truyền tải những thông điệp sâu sắc về giá trị học thuật, nhân sinh quan giáo dục, và thẩm mỹ số. Những phong cách này cũng phản ánh sự chuyển động liên tục của các chuẩn mực thị giác trong thời đại mà công nghệ chi phối hành vi thẩm mỹ và quá trình tiếp nhận tri thức của con người.

Khảo sát thực tiễn trên 3 TTTĐT tiêu biểu của các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam và so sánh với các TTTĐT khác, cho thấy: dù đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức về thiết kế web, phần lớn các TTTĐT vẫn chịu ảnh hưởng của tư duy kỹ thuật thuần túy, thiếu vắng yếu tố mỹ thuật và chưa chú trọng đến chiều sâu biểu tượng học, bản sắc học đường và trải nghiệm cảm xúc của người dùng. Hình ảnh còn thiếu đa dạng, đơn điệu trong bố cục, và thiếu liên kết thị giác với văn hóa học đường đã khiến nhiều TTTĐT trở nên lạnh lùng, khô khan và xa lạ với người học - nhất là thế hệ trẻ vốn lớn lên trong môi trường kỹ thuật số với cảm quan thẩm mỹ tinh vi và đa tầng.

Tuy nhiên, TTTĐT của ĐHQGHN, ĐHQGHCM và Trường ĐHMTVN ... đã cho thấy tiềm năng rất lớn của việc đầu tư vào thiết kế TTTĐT nghệ thuật. Những TTTĐT này không chỉ truyền đạt nội dung học thuật mà còn tạo cảm hứng, gây ấn tượng mạnh mẽ và góp phần định hình “cá tính học đường” riêng biệt. Từ đó, khẳng định vai trò của nghệ thuật thiết kế như một công cụ truyền thông thẩm mỹ, một cầu nối cảm xúc giữa nhà trường và người học, giữa truyền thống giáo dục và đổi mới công nghệ.

Toàn bộ quá trình nghiên cứu cho phép luận án kiểm chứng và khẳng định các giả thuyết nghiên cứu đề ra. Một là, thiết kế TTTĐT giáo dục đại học mang đặc điểm thẩm mỹ riêng biệt, khác biệt căn bản với các loại TTTĐT khác. Hai là, nghệ thuật thiết kế TTTĐT đóng vai trò thiết yếu trong việc nâng cao hiệu quả học tập, định hình hình ảnh cơ sở giáo dục và khơi gợi cảm xúc tiếp nhận tri thức trong môi trường số. Ba là, các phong cách thiết kế chủ đạo phản ánh bản chất đa chiều của mỹ học giáo dục hiện đại - nơi người học không chỉ tiếp cận nội dung mà còn trải nghiệm cái đẹp, sự đồng cảm và tính nhân văn qua từng thao tác tương tác trực tuyến.

Từ những kết quả đạt được, có thể rút ra một số kiến nghị. Trước hết, ngành mỹ thuật ứng dụng cần mở rộng phạm vi đào tạo và nghiên cứu sang các lĩnh vực thiết kế số trong giáo dục, coi đây là hướng phát triển mới, giàu tiềm năng và có tác động xã hội lớn. Tiếp đến, các cơ sở giáo dục cần coi website không chỉ là “công thông tin” mà là một phần mở rộng của môi trường sư phạm, nơi giá trị tri thức và nhân văn được thể hiện sinh động qua ngôn ngữ thị giác. Bên cạnh đó, cần xây dựng chuẩn thẩm mỹ cho thiết kế TTTĐT giáo dục ở Việt Nam, có thể dựa trên bộ tiêu chí kết hợp giữa nghệ thuật - công nghệ - sư phạm - bản sắc, để làm căn cứ triển khai các sản phẩm thiết kế một cách nhất quán và hiệu quả.

Về mặt lý luận, luận án mở ra một không gian mới cho ngành Lý luận và lịch sử mỹ thuật trong việc nghiên cứu nghệ thuật thị giác số và thiết kế tương tác. Trong tương lai, cần có thêm nhiều công trình khảo sát sâu hơn vào từng phong cách thiết kế, từng nhóm đối tượng người dùng, cũng như sự giao thoa giữa thiết kế TTTĐT và các loại hình mỹ thuật đương đại như hoạt hình số, đồ họa chuyển động, phim tương tác... nhằm mở rộng biên độ nghiên cứu, khẳng định vai trò trung tâm của nghệ thuật trong không gian số.

Tóm lại, luận án là một cố gắng khoa học và sáng tạo nhằm đặt nghệ

thuật thiết kế TTTĐT giáo dục vào đúng vị trí của nó trong hệ hình mỹ học đương đại - vừa là công cụ, vừa là tác phẩm, vừa là phương tiện truyền đạt tri thức, vừa là biểu tượng văn hóa. Trên nền tảng đó, NCS hy vọng rằng kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn mang lại giá trị thực tiễn, gợi mở cho những ứng dụng cụ thể trong hoạt động thiết kế TTTĐT giáo dục ở Việt Nam hôm nay và mai sau.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Đoàn Thị Kim Dung (2022), “Xu hướng của thiết kế đồ họa trong website truyền thông giáo dục”, *Kỷ yếu Hội nghị nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh năm 2021*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.135-144.
2. Đoàn Thị Kim Dung (2023), “Tầm quan trọng của thiết kế UX/UI trong dòng chảy 4.0”, số 02, tập 1, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, tr.91 - 98.
3. Mai Thị Thùy Hương, Đoàn Thị Kim Dung (2024), “Nghệ thuật sử dụng hình ảnh động trong thiết kế website cho trẻ em”, *Tạp chí Lý luận phê bình văn học, nghệ thuật*, số tháng 8/2024, tr.151-157.
4. Đoàn Thị Kim Dung (2025), “Đặc điểm nghệ thuật trong thiết kế Website giáo dục”, *Tạp chí Văn hóa học*, số 3(79), tr.29-38.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Anh (2020), *Thiết kế và tổ chức dạy học theo chủ đề trong dạy học Lịch sử Việt Nam lớp 12 ở trường THPT huyện Lương Tài, Bắc Ninh* (Luận văn Thạc sĩ Lịch sử), Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Thái Nguyên.
2. Lê Thị Minh Anh (2021), *Ứng dụng mỹ thuật truyền thống trong thiết kế website giáo dục phổ thông*, luận văn thạc sĩ, Trường ĐH Mỹ thuật Công nghiệp.
3. Bộ Công thương (2020), *Báo cáo kinh tế số Việt Nam 2020*.
4. Ngô Anh Cơ (2018), *Truyền thông thị giác từ góc nhìn thiết kế đồ họa Việt Nam hiện đại*, luận án tiến sĩ Nghệ thuật, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.
5. Nguyễn Văn Dung (2009), *Chiến lược thiết kế và chiến thuật thiết kế, định giá sản phẩm và dịch vụ cạnh tranh*, Nxb Tài chính, HN.
6. Encyclopædia Britannica, Inc (2014), *Từ điển Bách khoa Britannica*, bản dịch, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Lại Giang & Trần Thanh Hà (2013), Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp Hồ Chí Minh, *Giáo trình thiết kế và sản xuất bao bì*, Nxb Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh, Tp Hồ Chí Minh.
8. Trần Văn Hải (2021), “Thiết kế website học tập cho học sinh trung học phổ thông: tiếp cận từ góc độ tâm lý học đường”, Tạp chí *Giáo dục và Xã hội*, (109), tr. 55–61.
9. Nguyễn Thị Hợp (2008), *Bao bì - Hồn của sản phẩm*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Hợp (2016), *Nghệ thuật đồ họa bao bì*, Nxb Hồng Đức, HN
11. Kiên Thị Huệ (2016), “Giá trị thẩm mỹ của chất liệu trong thiết kế bao bì”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 386, trang 117 - 120.

12. Nguyễn Quang Huy (2020), *Thiết kế giao diện website học trực tuyến cho sinh viên Việt Nam*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.
13. Nguyễn Hồng Hưng (2016), *Nguyên lý Design thị giác*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Jay Greene (2010), *Thiết kế làm nên thương hiệu*, Phan Hoàng Lê Thủy dịch, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Lê Quốc Khánh (2022), *Thiết kế giao diện người dùng: Cơ sở lý thuyết và thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia TPHCM.
16. Phạm Phương Linh (2021), *Nghệ thuật thiết kế nhận diện thương hiệu ở Việt Nam giai đoạn 2000 - 2020*, luận án tiến sĩ Nghệ thuật, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.
17. Lisa Graham (2002), *Basics of Design: Layout & Typography for Beginners* (Nhập môn tư duy thiết kế: Bố cục và Typography), Lê Hoàng Giang, Trần Tấn Minh Đạo dịch, Nxb Bách khoa Hà Nội, HN.
18. Marianne Rosner Klimchuk và Sandra A. Krasovec (2019), *Packaging Design: Success Product Branding from Concept to Shelf* (Thiết kế bao bì từ ý tưởng đến sản phẩm), Trường Đại học FPT dịch, Nxb Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.
19. Đặng Thị Bích Ngân, *Từ điển thuật ngữ mỹ thuật phổ thông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
20. Nguyễn Hồng Ngọc (2016), *Thiết kế đồ họa Việt Nam trong mối liên hệ với mỹ thuật truyền thống*, Luận án Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội.
21. Nghị định 147/2024/NĐ-CP quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.

22. Lê Hữu Phước (2021), *Xây dựng giao diện người dùng tối ưu cho hệ thống học tập trực tuyến theo chuẩn WCAG 2.1*, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019–2021), Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long, Vĩnh Long.
23. Richard Moore (1995), *Marketing & Thiết kế*, bản dịch, Nxb. Trẻ. Tp. Hồ Chí Minh.
24. RMIT University (2022), *Hướng dẫn nhận diện thương hiệu RMIT (Brand Guidelines)*, RMIT University, Melbourne.
25. Nguyễn Văn Thịnh (2013), *Thiết kế và chỉnh sửa giao diện cho website sử dụng hệ quản trị nội dung NukeViet*, Đồ án Tốt nghiệp Cử nhân, Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Hải Phòng.
26. Nguyễn Văn Thịnh (2014), *Thiết kế và xây dựng website*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
27. Tova Rabinowitz (2015), *Exploring Typography (Khám phá nghệ thuật chữ)*, Trường Đại học FPT dịch, Nxb Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.
28. Phan Trọng (2008), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
29. Tạ Thanh Trung, Lê Thị Thúy Quỳnh và Quản Minh Hòa (2022), “Tác động của hình thức học trực tuyến đến hứng thú học tập của học sinh trung học phổ thông tại Việt Nam trong bối cảnh Covid-19”, *Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh – Khoa học xã hội*, 17(2), tr. 49–67.
30. Lê Huy Văn (2003), *Cơ sở phương pháp luận Design*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
31. Phạm Thị Vinh (2023), “*Thiết kế giao diện và thương hiệu giáo dục đại học thời kỳ chuyển đổi số*”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 67(2), tr.41.

Tài liệu tiếng nước ngoài

32. Aarron Walter (2011), *Design for emotion (Thiết kế cảm xúc)*, A book Apart

Publisher, New York.

33. Aby Warburg (1920s), *Mnemosyne Atlas* (Atlas Mnemosyne).
34. Bastien, J. M. C., & Scapin, D. L. (1995). Evaluating usability of educational software: Some methodological aspects. In: *Proceedings of the Human Factors and Ergonomics Society Annual Meeting*, 39(5), 111-117
35. Bernard, M., Liao, C. H., & Mills, M. (2003), “The effects of font type and size on the legibility and reading time of online text by older adults” (Ảnh hưởng của kiểu chữ và cỡ chữ đến khả năng đọc và thời gian đọc văn bản trực tuyến của người cao tuổi), *CHI 2003 Extended Abstracts on Human Factors in Computing Systems*, 225-226.
36. Bolter, Jay David & Grusin, Richard (1999), *Remediation: Understanding New Media* (Tái trung gian: Hiểu về truyền thông mới), MIT Press, Cambridge, Massachusetts.
37. Bonwell, C. C., & Eison, J. A. (1991), *Active Learning: Creating Excitement in the Classroom* (Học tập chủ động: Tạo hứng thú trong lớp học), ASHE-ERIC Higher Education Report No. 1. Washington, D.C.: George Washington University
38. Bringhurst, R. (2012), *The Elements of Typographic Style* (Các yếu tố của kiểu chữ), Hartley & Marks Publishers, Vancouver.
39. Educause (2005), *7 Things You Should Know About LMS* (7 điều bạn cần biết về hệ thống quản lý học tập LMS), EDUCAUSE Learning Initiative.
40. Ellen Lupton (2010), *Thinking with Type: A Critical Guide for Designers, Writers, Editor & Students* (Tư duy với kiểu chữ: Hướng dẫn phê bình dành cho nhà thiết kế, nhà văn, biên tập viên và sinh viên), Princeton Architectural Press.

41. Erwin Panofsky (1939), *Studies in Iconology: Humanistic Themes in the Art of the Renaissance* (Nghiên cứu về hình tượng học: Chủ đề nhân văn trong nghệ thuật Phục hưng), Oxford University Press.
42. Ethan Marcotte (2011), *Responsive Web Design (Thiết kế web đáp ứng)*, A Book Apart.
43. Evan I. Schwartz (1997), *Webonomics: Nine Essential Principles for Growing Your Business on the World Wide Web (Webonomics: Chín nguyên tắc thiết yếu để phát triển doanh nghiệp của bạn trên World Wide Web)*, Broadway Books.
44. Fritz Saxl (1970), *The Study of the Iconography of the Renaissance* (Nghiên cứu hình tượng học thời Phục hưng), Penguin Books Ltd.
45. Gordon, Stacey King (2005), *Pakaging Makeovers: Graphic Redesign for Maket Change (Thay đổi bao bì: Thiết kế lại đồ họa để thay đổi thị trường)*, Page one Publishing Private Limited, Singapore.
46. Güneş và Elitaş (2019), “Designing E-learning Interfaces for Primary School Students: A Study on Aesthetic Preferences” (Thiết kế giao diện học tập trực tuyến cho học sinh tiểu học: Nghiên cứu về sở thích thẩm mỹ), *International Journal of Contemporary Educational Research*, 6(2), 297-307.
47. Hall, S. (1997), *Representation: Cultural Representations and Signifying Practices (Biểu tượng: Các biểu đạt văn hóa và thực hành tạo nghĩa)*, London: Sage Publications
48. Hanover Research (2018), *Best Practices in University Website Redesign (Những phương pháp tối ưu trong tái thiết kế trang web trường đại học)*, Hanover Research Briefings
49. Helen Armstrong (biên soạn) (2009), *Graphic Design Theory: Readings from the Field (Lý thuyết Thiết kế Đồ họa: Tuyển tập các bài viết từ*

- thực tiễn), Princeton Architectural Press.
50. Hollis, Richard (2005), *Graphic Design - A Concise History (Thiết kế đồ họa - tóm lược lịch sử)*, Thames & Hudson Ltd, London
 51. James M. Clark, Allan Paivio (1991), “Dual Coding Theory and Education”, *Educational Psychology Review Journal*, tr.149-210.
 52. Jeffrey Zeldman và Ethan Marcotte (2003), *Designing with Web Standards (Thiết kế theo tiêu chuẩn web)*, New Riders publishing.
 53. Johannes Itten (1961), *The Art of Color: The Subjective Experience and Objective Rationale of Color* (Nghệ thuật của màu sắc: Trải nghiệm chủ quan và lý luận khách quan về màu sắc), Van Nostrand Reinhold, New York.
 54. John Sweller (1988), “Cognitive load during problem solving: Effects on learning”, *Cognitive Science Journal*, pg.257-285.
 55. John Sweller, Ayres, P., & Kalyuga, S. (2011), *Cognitive Load Theory* (Lý thuyết tải nhận thức), Springer, New York.
 56. Klimchuk, M. R. & Krasovec, S. A. (2019), *Packaging Design: Successful Product Branding from Concept to Shelf* (Thiết kế bao bì: Từ ý tưởng đến sản phẩm), bản dịch, Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.
 57. Krug, S. (2014), *Don't Make Me Think, Revisited: A Common Sense Approach to Web Usability* (Đừng bắt tôi nghĩ: Tiếp cận hợp lý với tính khả dụng của web) (3rd ed.), New Riders, Berkeley.
 58. Lauer, D. & Pentak, S. (2012), *Design Basics* (Những nguyên lý cơ bản về thiết kế), Cengage Learning, Boston.
 59. Lee, S., & Koubek, R. J. (2012), “Understanding user preferences based on usability and aesthetics before and after actual use” (Tìm hiểu sở thích của người dùng dựa trên tính khả dụng và yếu tố thẩm mỹ trước và sau khi sử dụng thực tế), *Interacting with Computers*, 24(6), 528-

543.

60. Lidwell, W., Holden, K., & Butler, J. (2010), *Universal principles of design* (Nguyên tắc thiết kế phổ quát), Rockport Publishers.
61. Luke Wroblewski (2011), *Mobile First (Ưu tiên di động)*, A Book Apart.
62. Phạm Long và cộng sự (2019), “Does e-learning service quality influence e-learning student satisfaction and loyalty? Evidence from Vietnam” (Chất lượng dịch vụ học trực tuyến có ảnh hưởng đến sự hài lòng và lòng trung thành của sinh viên không? Bằng chứng từ Việt Nam), *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, Tập 16, Số 1, trang 1–26.
63. Lowenfeld, V., & Brittain, W. L. (1987). *Creative and mental growth* (Phát triển trí tuệ và sáng tạo). New York: Macmillan Publishing.
64. Lupton, E. (2010), *Thinking with Type: A Critical Guide for Designers, Writers, Editors & Students* (Tư duy qua kiểu chữ: Hướng dẫn dành cho nhà thiết kế, biên tập, người viết và sinh viên), Princeton Architectural Press, New York.
65. Marc Steinberg (2019), *The Platform Economy: How Japan Transformed the Consumer Internet* (Nền kinh tế nền tảng: Nhật Bản đã biến đổi Internet tiêu dùng như thế nào), University of Minnesota Press.
66. Margolin, V. (2002), *The Politics of the Artificial: Essays on Design and Design Studies*. University of Chicago Press
67. Martin, F., Sunley, R., & Turner, P. (2017), “Motivation and engagement in online learning: A case study of a university foundation programme” (Động lực và sự tham gia trong học trực tuyến: Một nghiên cứu trường hợp về chương trình dự bị đại học), *Journal of Perspectives in Applied Academic Practice*, 5(1), 334-345
68. Mayer, R. E. (2001), *Multimedia Learning* (Học tập đa phương tiện),

Cambridge University Press.

69. Nelson, Reed & Walling (1976), “Pictorial superiority effect” (Hiệu ứng ưu thế hình ảnh), *Journal of Experimental Psychology: Human Learning and Memory*, Tập 2, Số 5, trang 523–528.
70. Neil D. Fleming (2001), *Teaching and Learning Styles: VARK Strategies* (Chiến lược VARK cho dạy và học), Neil D. Fleming (self-published), Christchurch, New Zealand.
71. Nielsen, J. (1993), *Usability Engineering* (Kỹ thuật về khả năng sử dụng), Academic Press.
72. Norman, D.A. (2002), *The Design of Everyday Things* (Thiết kế của những vật dụng thường ngày), Basic Books, New York.
73. Norman, D.A. (2013), *The Design of Everyday Things (Revised and Expanded Edition)* (Thiết kế của những vật dụng thường ngày – Bản mở rộng), Basic Books, New York.
74. Nussbaum, Martha C. (1997), *Cultivating Humanity: A Classical Defense of Reform in Liberal Education* (Nuôi dưỡng tính nhân văn: Một sự bảo vệ cổ điển cho cải cách trong giáo dục khai phóng), Harvard University Press.
75. Ou, L. C., Luo, M. R., Woodcock, A., & Wright, A. (2004), “A study of colour emotion and colour preference” (Nghiên cứu về cảm xúc màu sắc và sở thích màu sắc), *Color Research & Application*, 29(3), 232-240.
76. Paivio, A. (1986), *Mental Representations: A Dual Coding Approach* (Biểu tượng tâm trí: Cách tiếp cận mã hóa kép), Oxford University Press, New York.
77. Pentawards and Julius Wiedemann (2017), *The package design book* (Sách thiết kế bao bì), TASCHEN publisher.

78. Peter Morville và Louis Rosenfeld (2006), *Information architecture for the World Wide Web (Kiến trúc thông tin cho World Wide Web)* (3rd ed.), O'Reilly Media.
79. Piaget, J. (1952), *The Origins of Intelligence in Children* (Nguồn gốc trí thông minh ở trẻ em), New York: International Universities Press.
80. Richard E. Mayer & Roxana Moreno (2002), “Animation as an Aid to Multimedia Learning” (Hoạt hình hỗ trợ học tập đa phương tiện), *Educational Psychology Review*, tập 14, số 1, trang 87–99.
81. Robert Bringhurst (2012), *The Elements of Typographic style (Các yếu tố trong thiết kế kiểu chữ)*, Hartley & Mars Publishers.
82. Rockport Publishers (2011), *1000 package designs (Một nghìn thiết kế bao bì)*, Rockport Publishers.
83. Ruffalo Noel Levitz (2014), *2014 E-Expectations Report: The Online Preferences of College-Bound Seniors and Their Parents* (Báo cáo kỳ vọng điện tử 2014: Sở thích trực tuyến của học sinh chuẩn bị vào đại học và phụ huynh), Noel-Levitz, LLC, Coralville, Iowa, Hoa Kỳ.
84. Tractinsky, Katz & Ikar (2000), "What Is Beautiful Is Usable" (Điều đẹp là điều dễ sử dụng), *Interacting with Computers*, Tập 13, Số 2, trang 127–145.
85. Tuch, A. N., Presslauer, E. E., Stöcklin, M., Opwis, K., & Bargas-Avila, J. A. (2012), “The role of visual complexity and prototypicality regarding first impression of websites: Working towards understanding aesthetic judgments” (Vai trò của độ phức tạp thị giác và tính điển hình đối với ấn tượng đầu tiên về trang web: Hướng tới việc hiểu các đánh giá thẩm mỹ), *International Journal of Human-Computer Studies*, 70(11), 794-811
86. UNESCO. (2002), *Information and Communication Technology in*

Education: A Curriculum for Schools and Programme of Teacher Development (Công nghệ Thông tin và Truyền thông trong Giáo dục: Chương trình giảng dạy cho trường học và chương trình bồi dưỡng giáo viên), Paris: UNESCO.

87. UNESCO. (2021), *Reimagining our futures together: A new social contract for education* (Cùng nhau tái tưởng tượng tương lai: Một hợp đồng xã hội mới cho giáo dục), Paris: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization
88. Vygotsky, L. S. (1978), *Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes* (Tâm trí trong xã hội: Sự phát triển của các quá trình tâm lý cao cấp), Harvard University Press.
89. Walkington, C. (2013), “Using adaptive learning technologies to personalize instruction to student interests: The impact of relevant contexts on performance and learning outcomes” (Sử dụng công nghệ học tập thích ứng để cá nhân hóa giảng dạy theo sở thích của học sinh: Ảnh hưởng của các bối cảnh liên quan đến hiệu suất và kết quả học tập), *Journal of Educational Psychology*, 105(4), 932-945
90. Wheeler, A. (2017), *Designing Brand Identity: An Essential Guide for the Whole Branding Team* (“Thiết kế Bản sắc Thương hiệu: Hướng dẫn Thiết yếu cho Toàn bộ Nhóm Xây dựng Thương hiệu”) (5th ed.), Wiley.
91. Wroblewski, L. (2011), *Mobile First* (Thiết kế ưu tiên di động), A Book Apart, New York.
92. Wucius Wong (1997), *Principles of Color Design* (Nguyên lý thiết kế màu sắc), Wiley, New York.
93. Zaharias, P., & Poylymenakou, A. (2009), “Developing a usability evaluation method for e-learning applications: Beyond functional

usability” (Phát triển phương pháp đánh giá khả năng sử dụng cho ứng dụng học trực tuyến: Vượt ra ngoài khả năng sử dụng chức năng), *International Journal of Human-Computer Interaction*, 25(1), 75-98.

Tài liệu internet

94. Beau Agency (2019), *UX and Color Psychology in Design*, <https://beau.agency>, ngày truy cập 10/4/2025.
95. Bhuiyan, M. H. M., Varvello, M., Staicu, C.-A., & Zaki, Y. (2025, January 28). *Non-Western Perspectives on Web Inclusivity: A Study of Accessibility Practices in the Global South*. *arXiv*. <https://arxiv.org/abs/2501.16601>, ngày truy cập 10/4/2025.
96. British Council (2019), *Internationalization Strategies in Higher Education* (Chiến lược quốc tế hóa trong giáo dục đại học), Retrieved from <https://www.britishcouncil.org>, ngày truy cập 10/4/2025.
97. Educause (2021), *EDUCAUSE Horizon Report: Teaching and Learning Edition* (Báo cáo Đường chân trời EDUCAUSE: Phiên bản Dạy và Học), Retrieved from <https://library.educase.edu/resourcesE>, ngày truy cập 10/4/2025.
98. EducationDynamics (2020), *Online College Students Report* (Báo cáo về sinh viên đại học học trực tuyến), Retrieved from <https://www.educationdynamics.com>, ngày truy cập 10/4/2025.
99. Global Market Insights. (2020), *E-Learning Market Size Report* (Báo cáo quy mô thị trường học trực tuyến), Retrieved from <https://www.gminsights.com>, ngày truy cập 10/4/2025.
100. <https://web.mit.edu/allanmc/www/mcluhan.mediummessage.pdf>, ngày truy cập 10/4/2025.
101. <https://www.jsu.edu/online/faculty/MULTIMEDIA%20LEARNING%2>

- oby%20Richard%20E.%20Mayer.pdf#:~:text=Multimedia%20learning%20occurs%20when%20a,definition%20is%20broad%20enough%20to, ngày truy cập 10/4/2025.
102. <https://www.peterlang.com/document/1113308#:~:text=role%20in%20symbol%20interpretation>, ngày truy cập 10/4/2025.
103. https://en.wikipedia.org/wiki/Make_Something_Wonderful, ngày truy cập 10/4/2025.
104. <https://www.interaction-design.org/literature/topics/gestalt-principles?srsId=AfmBOopRLKhycGLfg4YaHSUfNc1VWrBL1cVrlugAUiodWfO5Bm04qRh#:~:text=,Gestalt%20Principles%20in%20the%201920s>, ngày truy cập 10/4/2025.
105. <https://www.scirp.org/journal/paperinformation?paperid=108268>, ngày truy cập 10/4/2025.
106. <https://www.britannica.com/science/semiotics>, ngày truy cập 10/4/2025.
107. https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_writing#:~:text=the%20independent%20development%20of%20writing,44, ngày truy cập 10/4/2025.
108. <https://news.mit.edu/2018/humans-speak-through-cave-art-0221#:~:text=Cave%20artists%20were%20thus%20not,in%20a%20process%20of%20communication>, ngày truy cập 10/4/2025.
109. <https://www.frontiersin.org/journals/psychology/articles/10.3389/fpsyg.2018.00115/full>, ngày truy cập 10/4/2025.
110. <https://designtlc.com/archive/are-you-ensuring-brand-consistency-in-your-school-communications/#:~:text=Imagery>, ngày truy cập 10/4/2025.
111. <https://moderncampus.com/blog/website-design-trends-in-higher-education.html#:~:text=Finally%2C%20a%20picture%20really%20>

- is,to%20see%20from%20a%20college, ngày truy cập 10/4/2025.
112. <https://www.storeplum.com/blogs/how-to-make-a-website-mobile-friendly>, ngày truy cập 10/4/2025.
113. <https://webflow.com/blog/serif-vs-sans-serif#:~:text=Compared%20to%20serif%20fonts%2C%20sans,products%20appear%20new%20and%20innovative>, ngày truy cập 10/4/2025.
114. <https://careereducation.rochester.edu/blog/2021/08/10/typography-in-design-why-every-designer-should-master-fonts-and-styles/#:~:text=Typography%20is%20the%20art%20of,of%20shape%2C%20size%2C%20and%20spacing>, ngày truy cập 10/4/2025.
115. <https://www.nngroup.com/articles/homepage-design-principles/#toc-principle-1-ensure-easy-access-to-the-homepage-1#:~:text=Summary%3A%20A%20Effective%20homepages%20are%20simple,prompt%20users%20to%20take%20action>, ngày truy cập 20/5/2025.
116. https://www.jolt.merlot.org/vol10no4/Richardson_1214.pdf#:~:text=Abstract%20Judicious%20choice%20of%20color,A%20review%20of%20empirical, ngày truy cập 20/5/2025.
117. <https://www.webfx.com/industries/education/higher-education/website-examples/#:~:text=Having%20succinct%20copywriting%20helps%20you,the%20information%20they%20need%20faster>, ngày truy cập 20/5/2025.
118. <https://www.suu.edu/hss/comm/masters/capstone/project/f-bordbar.pdf#:~:text=Students%20appear%20to%20trust%20a,judgments%20on%20website%20credibility%20are>, ngày truy cập 20/5/2025.

119. <https://www.ejmste.com>, ngày truy cập 20/6/2025.
120. <https://www.finalsite.com/blog/p/~board/b/post/improve-school-website-user-experience-with-data#:~:text=A%20positive%20user%20experience%20includes,date%20news%20and%20events>, ngày truy cập 20/5/2025.
121. www.researchgate.net/publication/317572376_Using_school_websites_for_home-school_communication_and_parental_involvement#:~:text=limited,Swedish%20speakers, ngày truy cập 20/5/2025.
122. <https://www.interaction-design.org/literature/topics/gestalt-principles?srsId=AfmBOopRLKhycGLfg4YaHSUfNc1VWrBL1cVrlugAUiodWfO5Bm04qRh#:~:text=,Gestalt%20Principles%20in%20the%201920s>, ngày truy cập 20/5/2025.
123. <https://reciteme.com/us/news/accessibility-in-education/#:~:text=Benefits%20to%20the%20Student>, ngày truy cập 20/5/2025.
124. <https://vtc.edu.vn/knowledge/du-an-hoa-sac-viet-su-thang-hoa-cua-ban-sac-viet-trong-thiet-ke>, ngày truy cập 20/5/2025.
125. <https://csc.edu.vn/tin-tuc/kien-thuc-tin-hoc-thvp/thiet-ke-do-hoa-xu-huong-thiet-ke-flat-design-va-nhung-uu-diem-noi-troi-493>, ngày truy cập 20/5/2025.
126. https://www.researchgate.net/publication/350316075_A_study_on_satisfaction_of_users_towards_learning_management_system_at_International_University_-_Vietnam_National_University_HCMC, ngày truy cập 20/5/2025.
127. https://conference.pixel-online.net/FOE/acceptedabstracts_scheda.php?id_abs=7502&utm,

ngày truy cập 20/6/2025.

128. <https://fpt.edu.vn/tin-tuc/fpt-edu-tin-tuc-chung/hoc-lich-su-thoi-40-thay-giao-lap-website-ket-noi-bai-tap-do-hoa-cua-hoc-sinh>, ngày truy cập 20/6/2025.
129. <https://dictionary.cambridge.org/us/dictionary/english/art>, ngày truy cập 20/5/2025.
130. <https://www.lexiconofdesignresearch.com/lexicon/texts/design>, ngày truy cập 20/6/2025.
131. <https://webaim.org/projects/million>, ngày truy cập 20/5/2025.
132. <https://www.isemag.com/professional-development-leadership/article/14267164/98-of-websites-fail-to-comply-with-accessibility-requirements-for-people-with-disabilities>, ngày truy cập 20/5/2025.
133. <https://www.inclind.com/news/website-accessibility-statistics-trends>, ngày truy cập 20/5/2025.
134. <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89553/222/he-sinh-thai-giao-duc-so-digital-education-ecosystem-khai-niem-dac-diem-va-chinh-sach>, ngày truy cập 20/6/2025.
135. Mayer, R. E., & Moreno, R. (2003). Nine ways to reduce cognitive load in multimedia learning. *Educational Psychologist*, 38(1), 43–52. https://doi.org/10.1207/S15326985EP3801_6, ngày truy cập 20/6/2025.
136. Nielsen, J. (2006). *F-Shaped Pattern For Reading Web Content*. Nielsen Norman Group. Retrieved from <https://www.nngroup.com/articles/f-shaped-pattern-reading-web-content/>, ngày truy cập 20/6/2025.
137. Oxford Advanced Learner's Dictionary. (n.d.), *Art*, Trong *Oxford*

- Advanced Learner's Dictionary* (n. d.), từ https://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/art_1.html, ngày truy cập 20/6/2025.
138. The Editors of Encyclopædia Britannica (2025), *Art*, mục “Art”, *Encyclopædia Britannica online*, cập nhật ngày 11 tháng 7 năm 2025.
139. World Wide Web Consortium (W3C). (2018). *Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.1*. Retrieved from <https://www.w3.org/TR/WCAG21/>, ngày truy cập 20/6/2025.
140. Zaharias, P., & Poylymenakou, A. (2009), *Developing a usability evaluation method for e-learning applications: Beyond functional usability*, *International Journal of Human–Computer Interaction*, 25(1), 75-98, <https://doi.org/10.1080/10447310802546716>, ngày truy cập 20/6/2025.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM**

Đoàn Thị Kim Dung

**NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM**

PHỤ LỤC LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MỸ THUẬT

Hà Nội - 2025

MỤC LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT VÀ KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU.....	162
PHỤ LỤC 2: HÌNH ẢNH.....	173
PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH PHỎNG VẤN CHUYÊN GIA.....	200

PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT VÀ KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU

PHỤ LỤC 1.1: PHIẾU KHẢO SÁT

Kính thưa Quý Anh/Chị!

Phiếu khảo sát này được thực hiện để phục vụ cho nghiên cứu **“Nghệ thuật thiết kế website trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam”**. Việc tham gia trả lời những câu hỏi trong phiếu khảo sát này của Anh/Chị sẽ đóng góp một phần quan trọng trong việc đề xuất tiêu chí tính hợp lý, thẩm mỹ và hiệu quả trong quy trình thiết kế giao diện website lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác và giúp đỡ của Quý Anh/Chị!

Phần A. Thông tin chung

1. Họ và tên:

2. Lĩnh vực chuyên môn

☐	Thiết kế đồ họa
☐	Mỹ thuật ứng dụng
☐	UX/UI
☐	Visual Art
☐	Lĩnh vực sáng tạo khác

3. Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết kế

☐	< 2 năm
☐	2-5 năm
☐	> 5 năm

4. Loại dự án từng tham gia

☐	Giáo dục
☐	Thương mại
☐	Văn hóa
☐	Công nghệ

5. Anh/Chị từng tham gia thiết kế website giáo dục

☐	Có
☐	Không

6. Mức độ tham gia vào các dự án website giáo dục

	Chủ trì
	Hợp tác
	Tư vấn
	Quan sát/đánh giá
	Không tham gia dự án website giáo dục

Phần B: Đánh giá về quy trình thiết kế giao diện website

1. Theo Anh/Chị đánh giá bước nào trong quy trình thiết kế giao diện là nền tảng nhất để đảm bảo giao diện dễ dùng và đẹp mắt?

	Tìm hiểu người dùng
	Phác thảo bố cục
	Xây dựng hình ảnh
	Tạo nguyên mẫu
	Thử nghiệm và chỉnh sửa

2. Anh/Chị có thường xuyên xây dựng wireframe trước khi thiết kế giao diện chính thức không?

	Luôn luôn
	Thỉnh thoảng
	Rất ít
	Không bao giờ

3. Với tư cách một người hoạt động trong lĩnh vực mỹ thuật, Anh/Chị ưu tiên yếu tố nào trong thiết kế website?

	Màu sắc
	Bố cục
	Kiểu chữ
	Chuyển động thị giác
	Tính nhất quán

4. Anh/Chị có thấy người thiết kế thường bỏ sót bước nào trong thực tế?

	Không khảo sát người dùng kỹ
	Không tạo nguyên mẫu thử
	Bỏ qua thử nghiệm với người dùng
	Thiếu nhất quán thị giác
	Ý kiến khác:.....

5. Theo Anh/Chị giao diện website nên thiên về:

	Chức năng - dễ dùng
	Mỹ thuật - tạo cảm xúc
	Cân bằng cả hai

6. Theo Anh/Chị, nghệ thuật thị giác có bị đánh giá thấp trong thiết kế giao diện hiện nay không?

	Có
	Không

7. Mức độ Anh/Chị đồng ý với nhận định “Giao diện website nên truyền được cảm xúc nghệ thuật, không chỉ là công cụ chức năng”

	Rất đồng ý
	Đồng ý
	Trung lập

8. Giao diện website mà Anh/Chị đánh giá cao thường thể hiện hình khối tạo hình theo hướng:

	Đơn giản hóa - biểu tượng hóa
	Tự nhiên - cảm tính
	Phức hợp - nhiều tầng nghĩa
	Kỹ thuật số - công nghiệp hóa

9. Trong thiết kế giao diện website, mức độ Anh/Chị quan tâm đến yếu tố tạo hình của các thành phần (nút, biểu tượng, khối nội dung, thanh điều hướng...) là:

	Rất cao
	Cao
	Vừa phải
	Thấp
	Không quan trọng

10. Theo Anh/Chị, ngôn ngữ tạo hình của giao diện website nên:

	Tuân thủ nguyên lý tạo hình cổ điển (tỷ lệ, đối xứng, trọng tâm)
	Pha trộn giữa nguyên lý cổ điển và hiện đại
	Phá cách - mang tính cá nhân hóa hoặc biểu tượng hóa mạnh
	Phục tùng hoàn toàn theo UX/flow chức năng

Phần C: Đánh giá tiêu chí nghệ thuật trong giao diện website

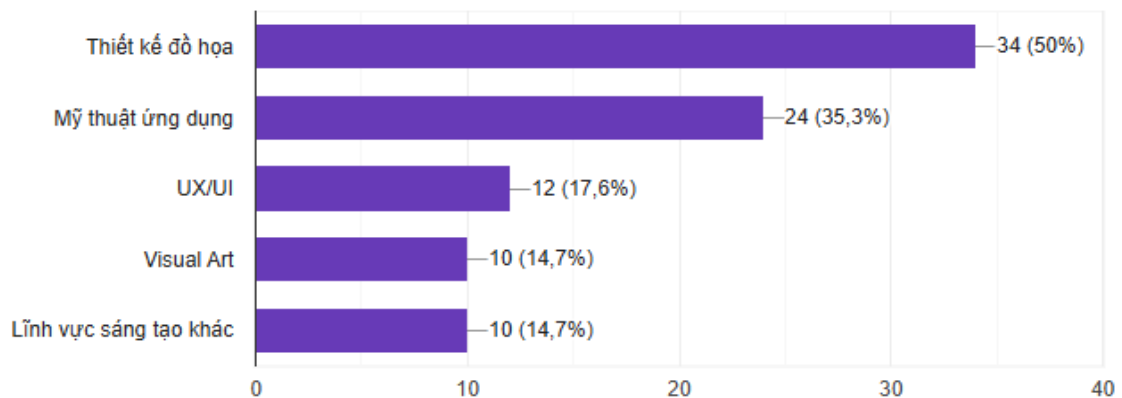
Đánh giá tiêu chí nghệ thuật trong giao diện website (Thang điểm 1 - Rất yếu | 5 - Xuất sắc)

Tiêu chí	1	2	3	4	5
Tính biểu đạt thị giác (Visual Expression)					
Sự hài hòa màu sắc và ánh sáng					
Bố cục hợp lý, có nhịp điệu và tương phản thị giác					
Sự gắn kết giữa hình ảnh, biểu tượng và nội dung					
Khả năng dẫn dắt cảm xúc thông qua giao diện					
Mức độ độc đáo, tránh rập khuôn trong thiết kế hình ảnh					
Khả năng phản ánh bản sắc thương hiệu hoặc tổ chức					
Ứng dụng nguyên lý mỹ thuật (tỷ lệ, đối xứng, chuyển động)					
Cảm giác dễ chịu và kích thích thị giác khi sử dụng					
Tổng thể giao diện đạt mức độ nghệ thuật cao					

PHỤ LỤC 1.2: KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU

Qua khảo sát 68 chuyên gia trong lĩnh vực thiết kế, NCS đã thu được kết quả như sau:

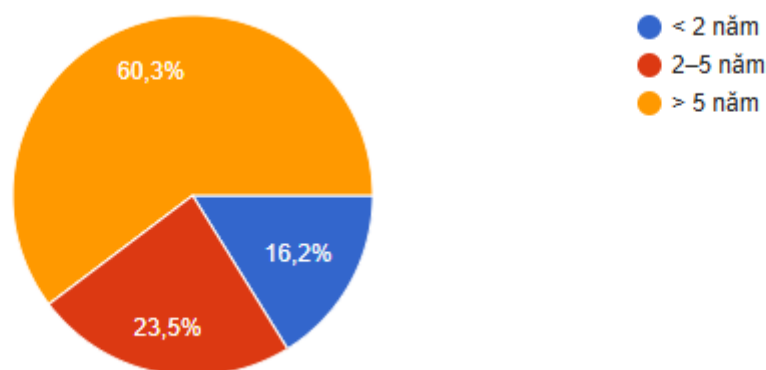
* Về lĩnh vực chuyên môn:



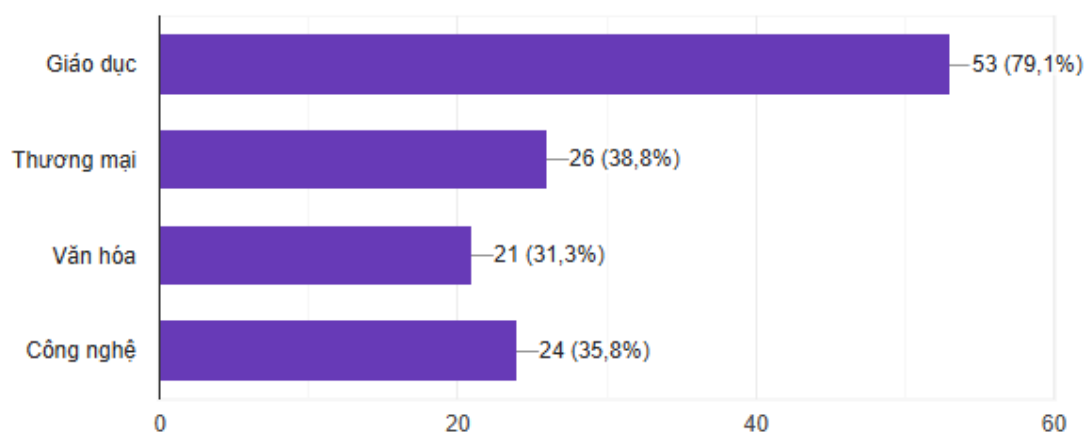
Có:

- 50% chuyên gia thuộc lĩnh vực thiết kế đồ họa.
- 35,3% chuyên gia thuộc lĩnh vực Mỹ thuật ứng dụng
- 17,6% chuyên gia thuộc lĩnh vực UX/UI
- 14,7% chuyên gia thuộc lĩnh vực Visual Art
- 14,7% chuyên gia thuộc các lĩnh vực sáng tạo khác.

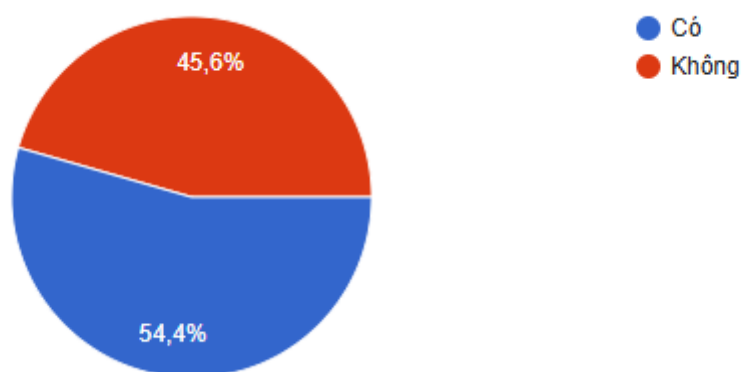
* Trong số các chuyên gia trả lời bảng khảo sát có 60,3% chuyên gia có kinh nghiệm trên 5 năm công tác, 23,5% có kinh nghiệm từ 2-5 năm công tác, 16,2% có kinh nghiệm dưới 2 năm công tác.



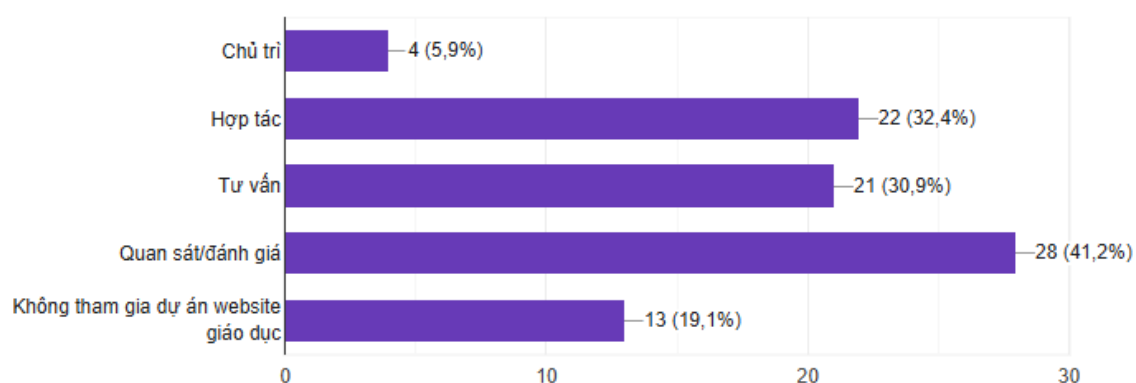
* Các chuyên gia tham gia dự án giáo dục chiếm 79,1%.



* Có 54,4% chuyên gia đã từng tham gia thiết kế website giáo dục

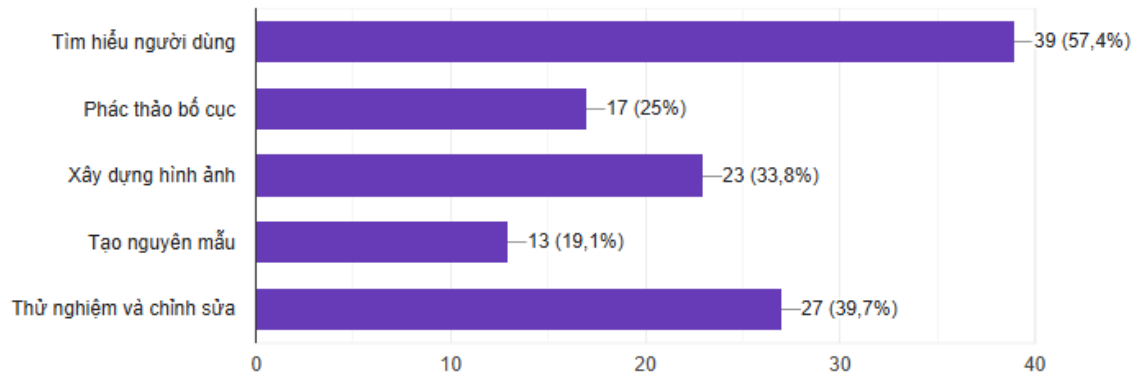


Mức độ tham gia của các chuyên gia chủ yếu là quan sát/đánh giá (41,2%)

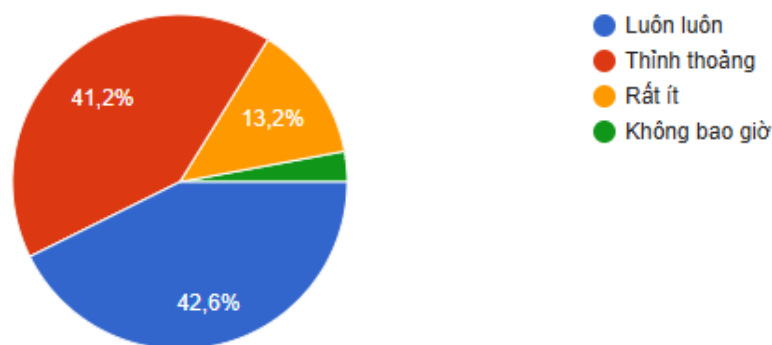


* Qua khảo sát về các bước trong quy trình thiết kế giao diện, các chuyên gia đánh giá cao ở bước Tìm hiểu người dùng (57,4%) và Thử nghiệm và chỉnh

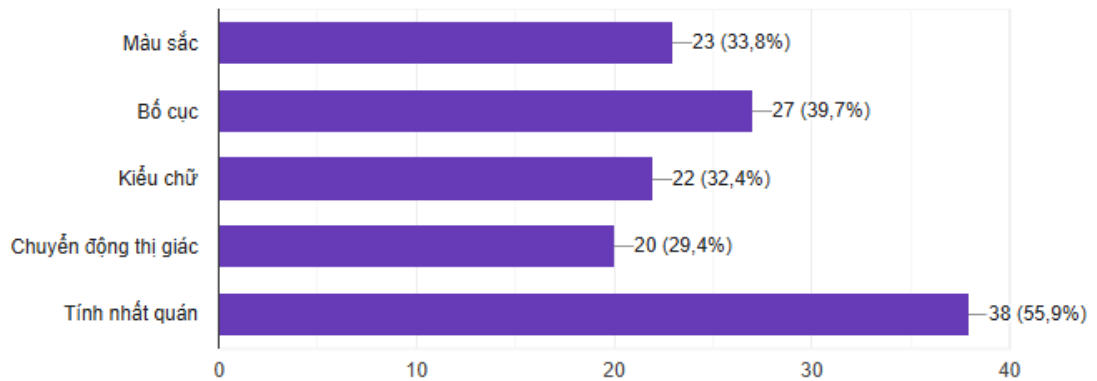
sửa (39,7%). Tiếp đến là Xây dựng hình ảnh (33,8%), Phác thảo bố cục (25%), Tạo nguyên mẫu (19,1%)



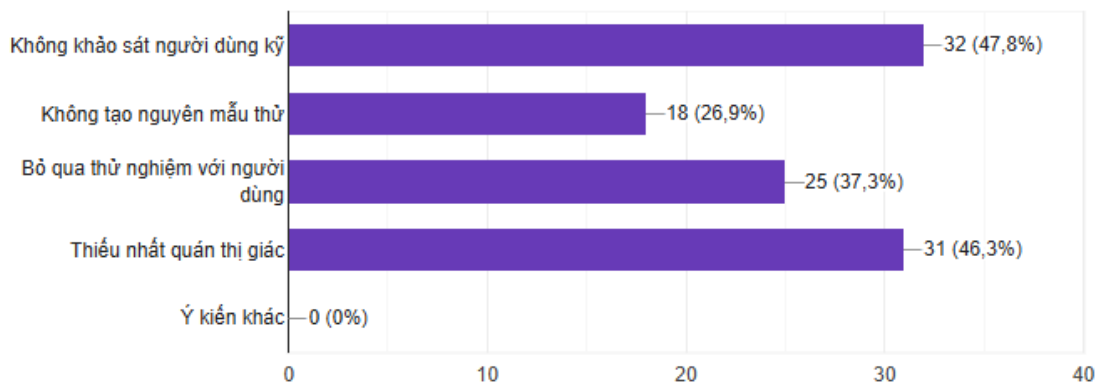
* Việc xây dựng wireframe trước khi thiết kế giao diện chính thức cũng được các chuyên gia trả lời là Luôn luôn (42,6%), số lượng chuyên gia thỉnh thoảng xây dựng wireframe trước khi thiết kế giao diện chính thức chiếm (41,2%)



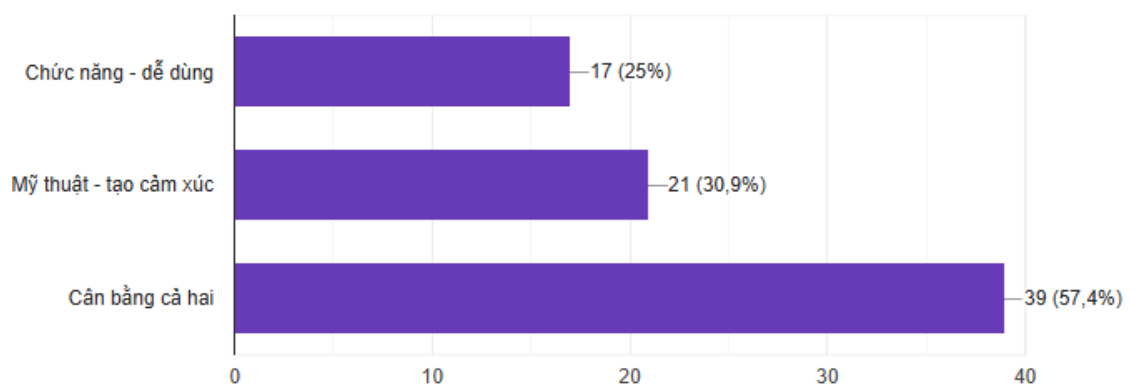
* Tính nhất quán được đánh giá là yếu tố được ưu tiên nhất trong thiết kế website với 55,9% câu trả lời. Sau đó lần lượt là Bố cục chiếm 39,7%, Màu sắc chiếm 33,8%, Kiểu chữ đều chiếm 32,4%, Chuyển động thị giác chiếm 29,4%.



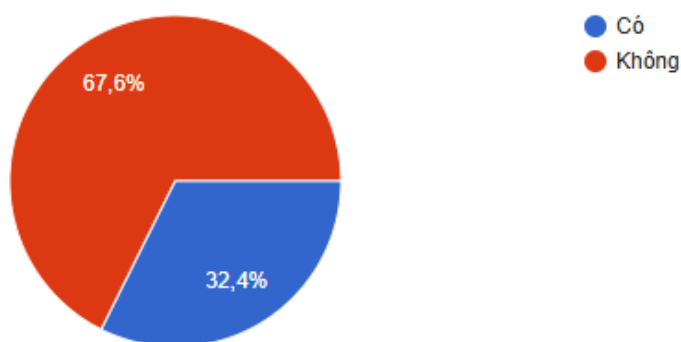
* Trong thực tế, người thiết kế website thường bỏ sót bước Không khảo sát người dùng kỹ (47,8%). Sau đó lần lượt là Thiếu nhất quán thị giác (46,3%), Bỏ qua thử nghiệm với người dùng (37,3%), Không tạo nguyên mẫu thử (26,9%).



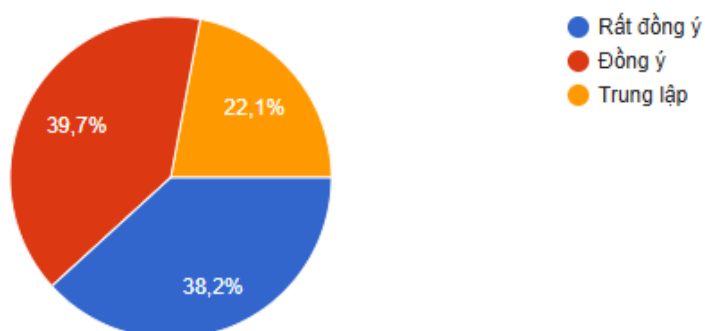
* Đa số các câu trả lời đều cho rằng giao diện website nên thiên về Cân bằng cả yếu tố Chức năng - dễ dùng và Mỹ thuật - tạo cảm xúc (57,4%).



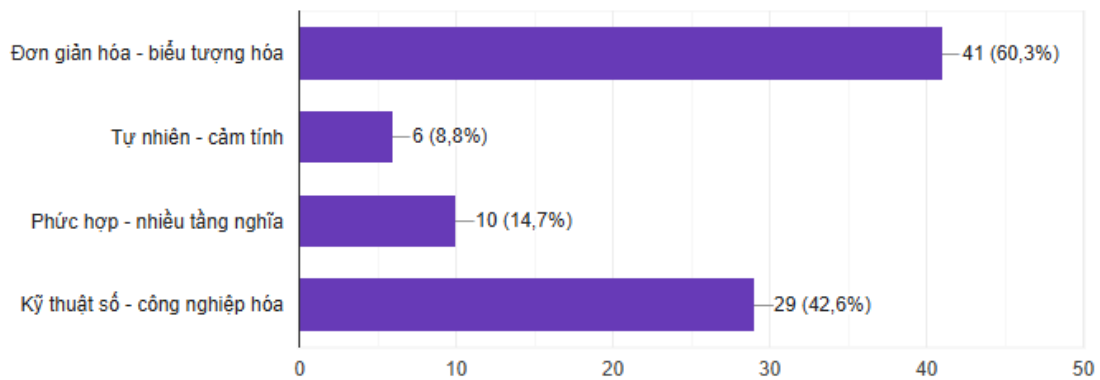
* Yếu tố nghệ thuật thị giác được đa số chuyên gia cho rằng không bị đánh giá thấp trong thiết kế giao diện hiện nay.



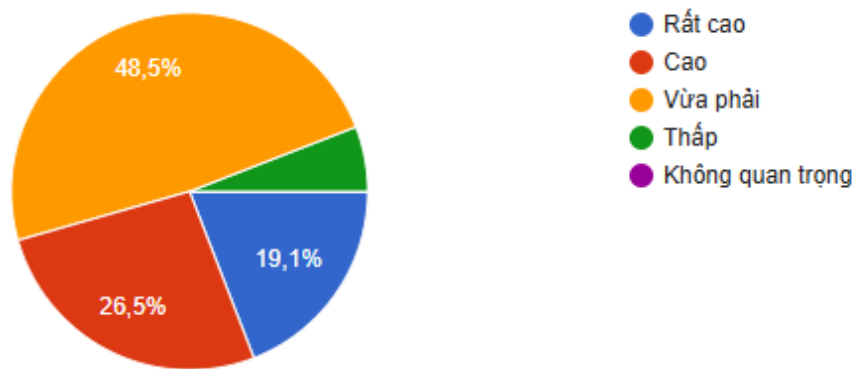
* Viện đánh giá “Giao diện website nên truyền được cảm xúc nghệ thuật, không chỉ là công cụ chức năng” được các chuyên gia đa số là đồng ý. Mức độ trung lập ít.



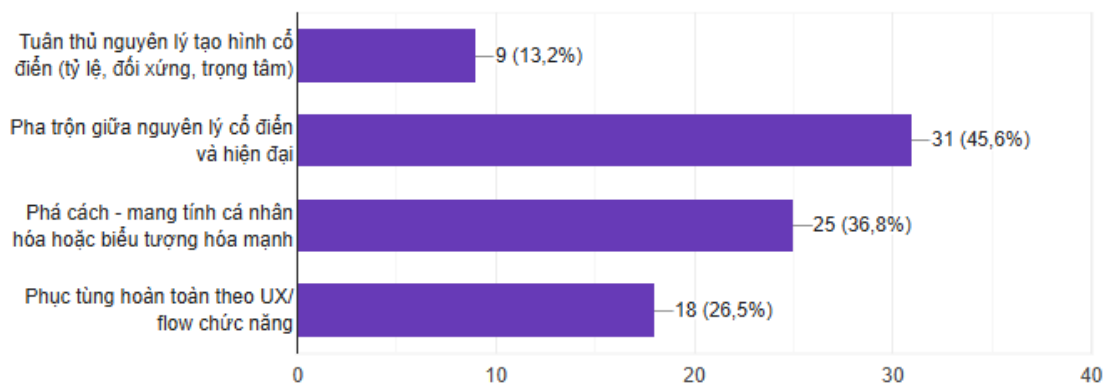
* Giao diện website thường thể hiện hình khối tạo hình theo hướng 2 hướng chính là Đơn giản hóa - biểu tượng hóa (60,3%) và Kỹ thuật số - công nghiệp hóa (đều chiếm 42,6%).



* Mức độ quan tâm đến yếu tố tạo hình của các thành phần (nút, biểu tượng, khối nội dung, thanh điều hướng...) được các chuyên gia quan tâm ở mức độ vừa phải (48,5%)

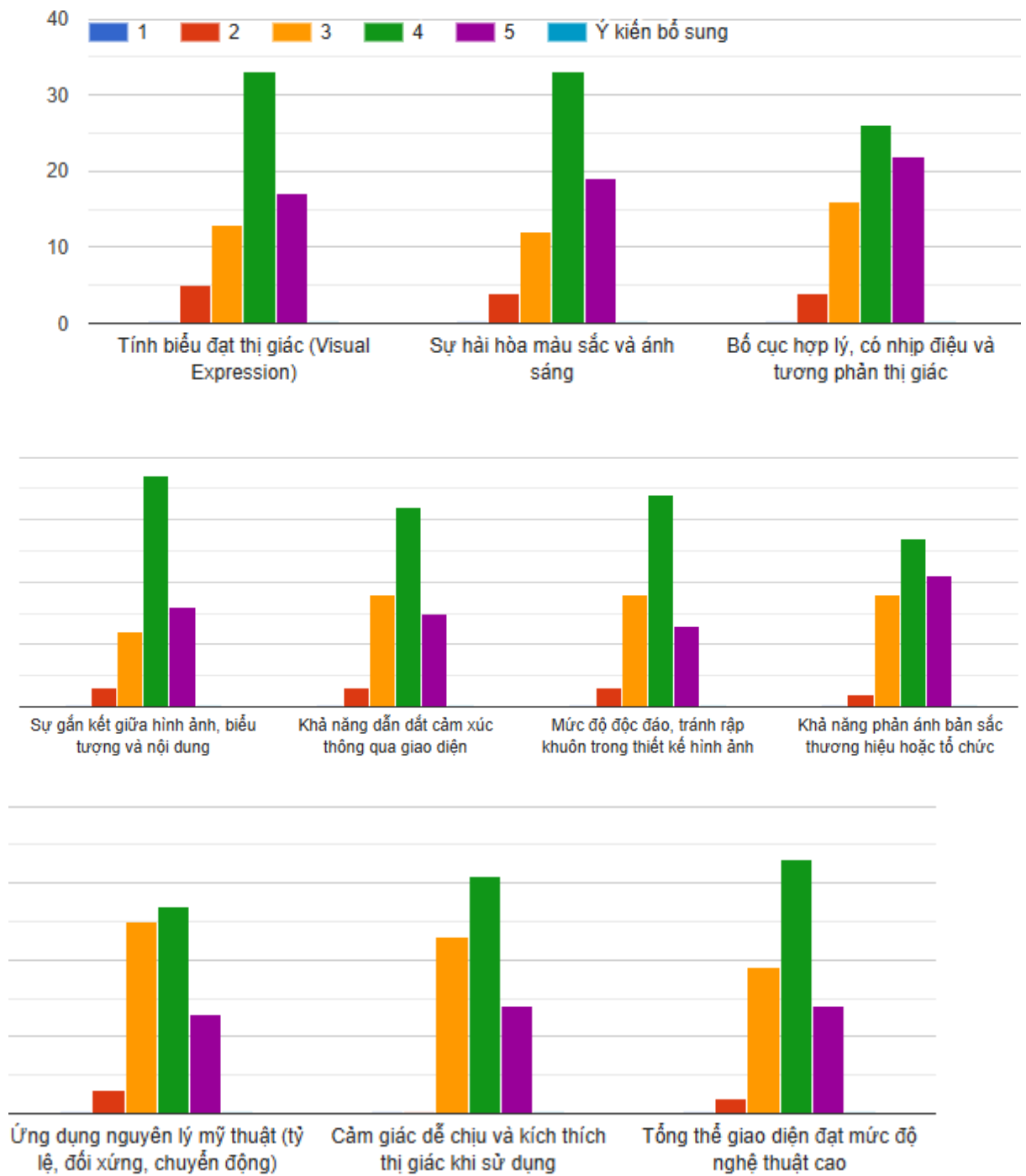


* Đa số các chuyên gia đều đồng tình với nhận định Ngôn ngữ tạo hình của giao diện website nên Pha trộn giữa nguyên lý cổ điển và hiện đại (45,6%)

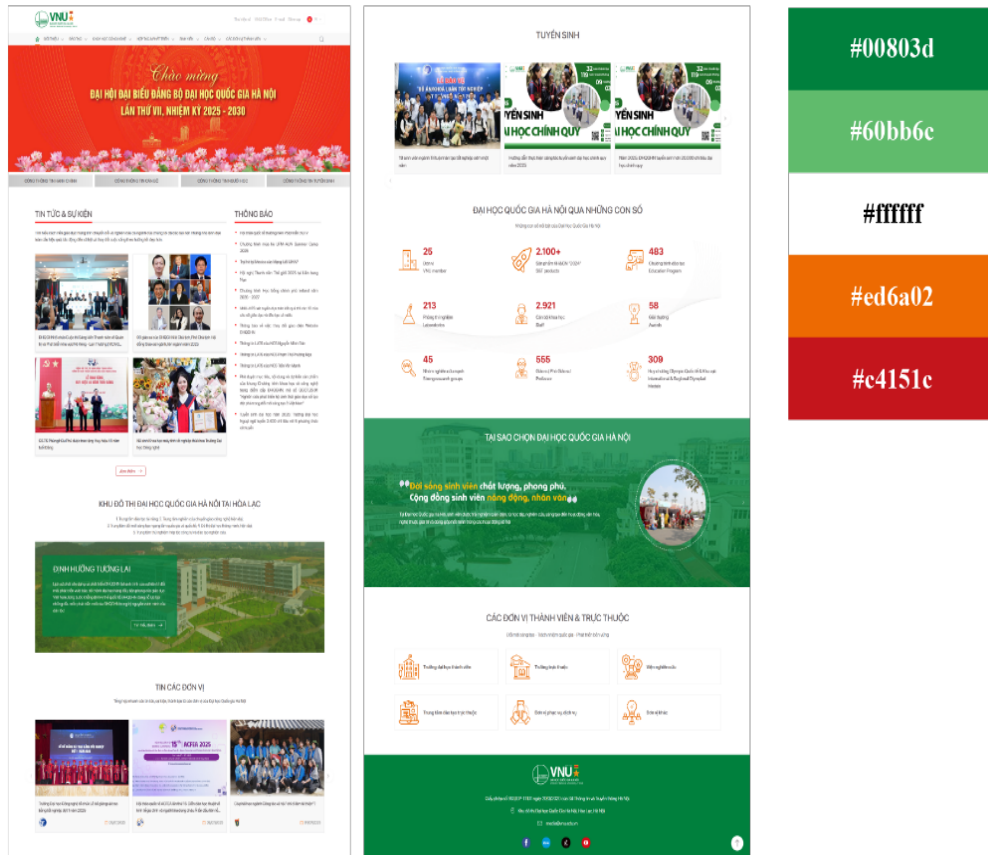


* **Đánh giá tiêu chí nghệ thuật trong giao diện website** (Thang điểm 1 - Rất yếu | 5 - Xuất

sắc)



PHỤ LỤC 2: HÌNH ẢNH



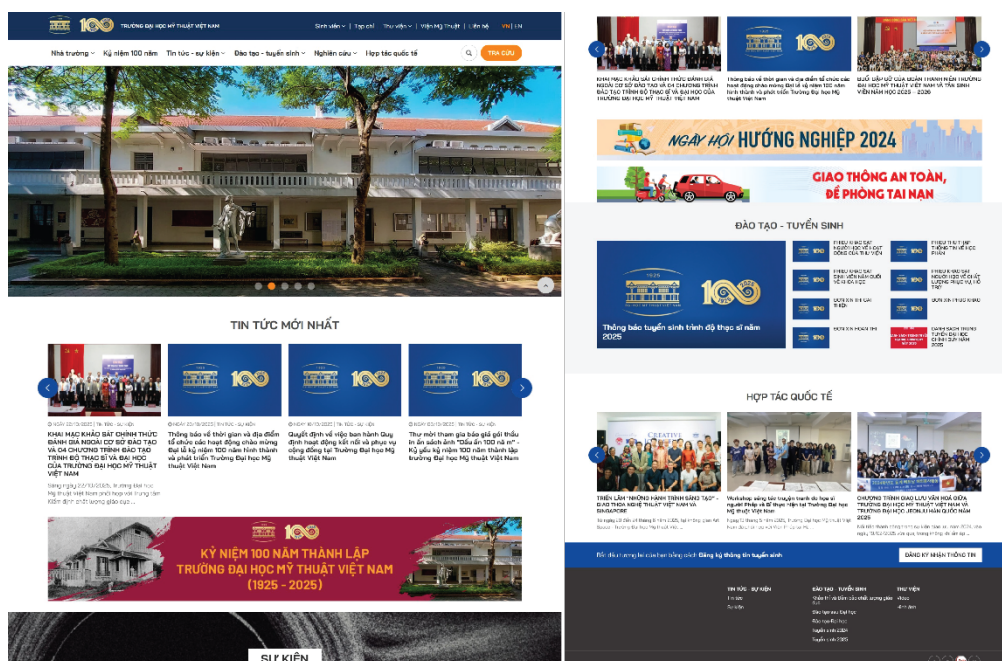
Hình 2.1. Màu sắc giao diện TTTĐT ĐHQGHN (VNU)

Nguồn: www.vnu.edu.vn, NCS thiết kế



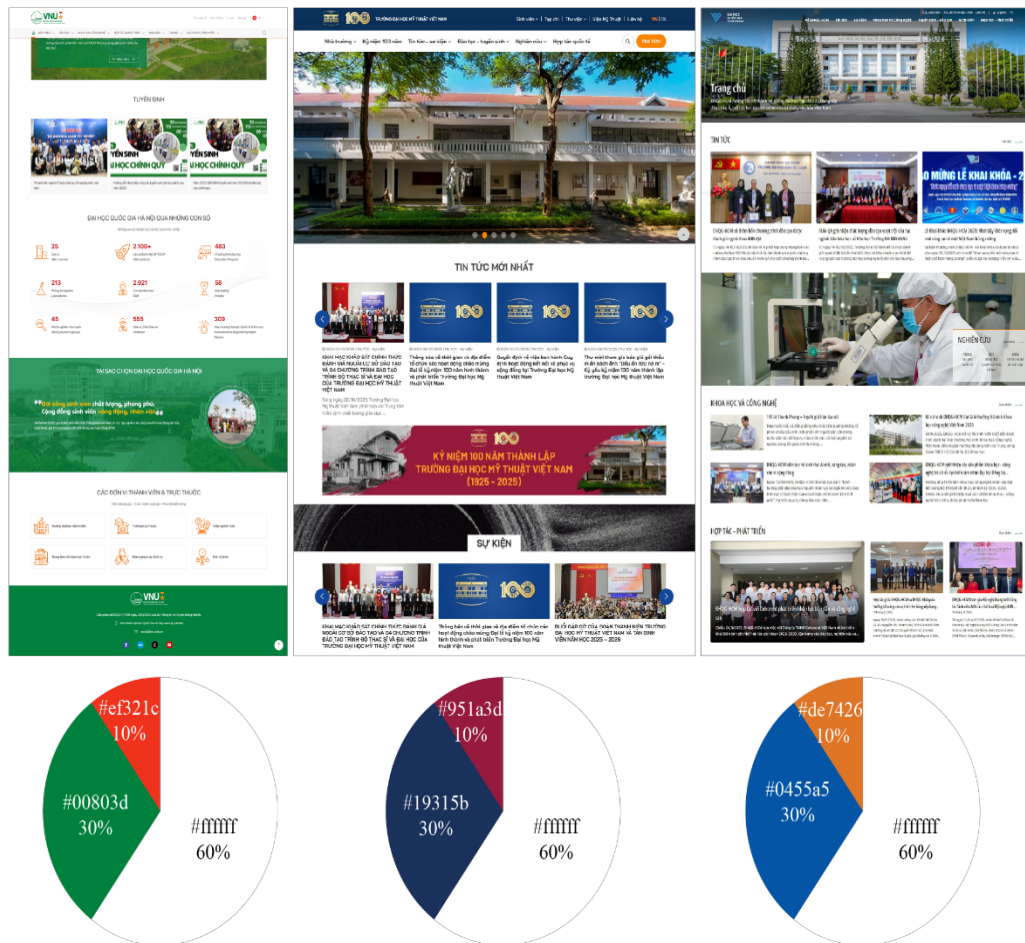
Hình 2.2. Màu sắc giao diện TTTĐT trường Đại học Quốc gia TP HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn, NCS thiết kế



Hình 2.3. Màu sắc giao diện TTTĐT ĐHTMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn, NCS thiết kế



Hình 2.4. So sánh màu sắc giao diện TTTĐT giữa các trường đại học

Nguồn: NCS thiết kế



Hình 2.5. Bố cục lưới trong giao diện TTĐTĐT ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn, NCS thiết kế



Hình 2.6. Bố cục lưới trong giao diện TTTĐT Đại học Quốc gia TP. HCM

Nguồn: vnuhcm.edu.vn, NCS thiết kế



Hình 2.7. Bố cục lưới trong giao diện TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: mythuativietnam.edu.vn, NCS thiết kế



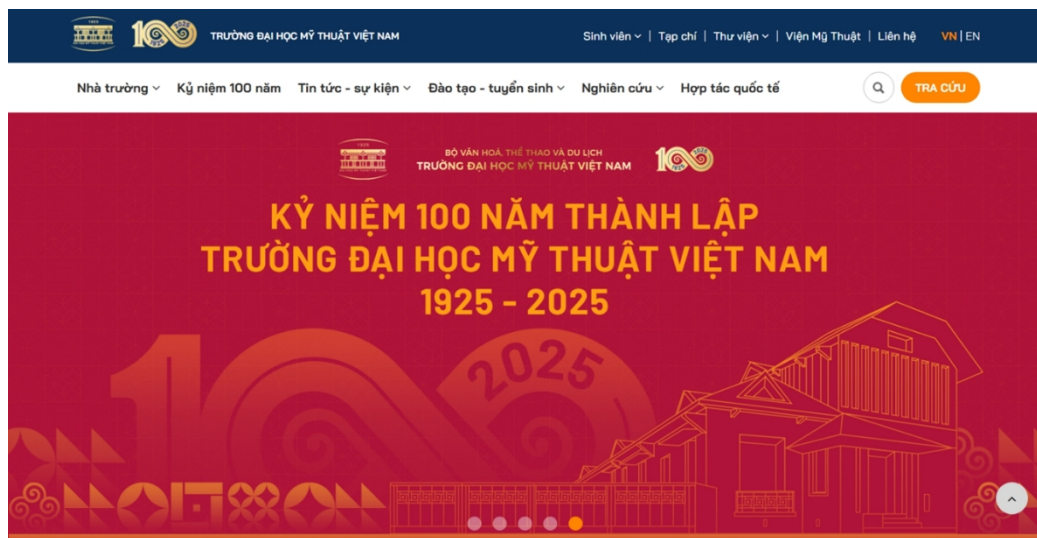
Hình 2.8. Banner TTTĐT trường ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn



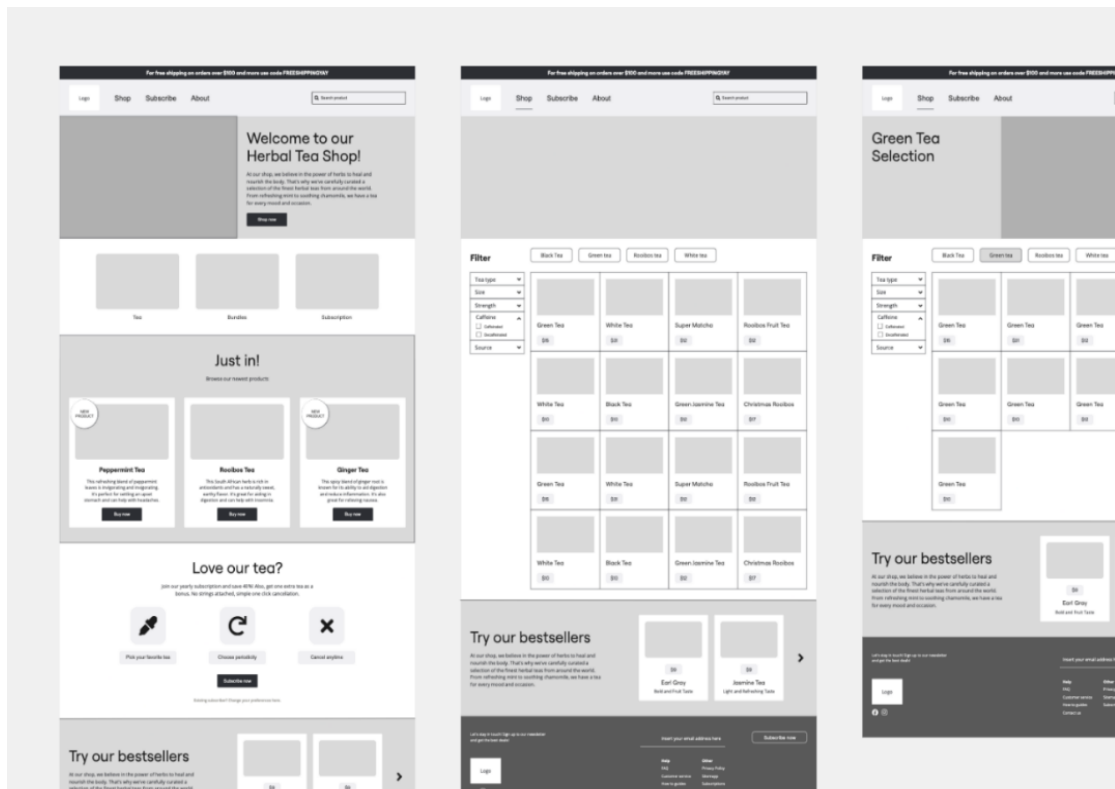
Hình 2.9. Banner TTTĐT trường Đại học Quốc gia TP. HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



Hình 2.10. Banner TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



Hình 2.11. Bố cục các ô chức năng trong thiết kế TTTĐT (wireframe)

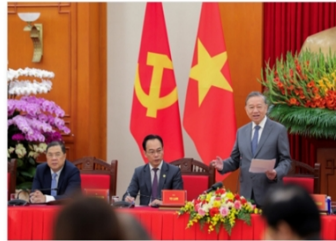
Nguồn: Ecommerce Website Wireframe. Truy cập tại miro.com

TIN TỨC & SỰ KIỆN

Tìm hiểu cách nền giáo dục mang tính chuyển đổi và nghiên cứu đa ngành của chúng tôi đã đào tạo nên những nhà lãnh đạo toàn cầu hiệu quả, tác động đến xã hội và thay đổi cuộc sống theo hướng tốt đẹp hơn.



(VTV1) Tổng Bí thư gặp mặt các nhà Việt Nam học



Tổng Bí thư Tô Lâm đánh giá cao chủ đề Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 7: "Việt Nam: Phát triển bền vững..."



(HTV) Phát huy sức mạnh của trí thức trong kỷ nguyên mới



(VTV1) Việt Nam: Phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới

[Xem thêm →](#)

THÔNG BÁO

- [25/10/2025] Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 7: "Việt Nam: Phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới"
- ĐHQGHN triển khai Nghị định số 249/2025/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học và công nghệ đối mới sáng tạo
- ISCIT 2025: Diễn đàn quốc tế về Công nghệ Thông tin, Truyền thông và Thiết kế Vi mạch
- Thực hiện triển khai Quyết định số 32/2025/QĐ-TTg và Công văn số 4179/BCA-ANCTNB về bảo mật thông tin và số hóa tài liệu
- Kế hoạch tổ chức hoạt động Nghiên cứu khoa học sinh viên cấp ĐHQGHN năm 2025
- [Sắp diễn ra] Hội thảo Quốc tế về Bảo tồn Di sản Sơn mài tại Châu Á - Thái Bình Dương
- Tổ chức kỷ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ kế toán viên (hạng III) lên kế toán viên chính (hạng II) năm 2025 của ĐHQGHN
- Tổ chức kỷ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ giáo viên THPT hạng III lên giáo viên THPT hạng II năm 2025 của ĐHQGHN
- Quan hệ Đối tác Việt Nam - Nhật Bản: Hợp tác và Phát triển trong bối cảnh biến động toàn cầu
- Chương trình học bổng EVN năm học 2024-2025
- [Sắp diễn ra] ĐHQGHN đồng hành cùng MobiFone tổ chức Giải đấu Thể thao điện tử sinh viên toàn quốc
- [Sắp diễn ra] Diễn đàn Kinh tế Việt Nam - Úc 2025: Xây dựng cầu nối thịnh vượng chung

Hình 2.12. Bố cục dạng tạp chí TTTĐT trường ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn

TIN TỨC

TIN TỨC →



Hơn 1.300 vé Metro số 1 được trao tặng cho sinh viên nội trú KTX ĐHQG-HCM tại Ngày hội chào Tân sinh vi...

Ngày 25/10, tại Kỳ túc xá (KTX) Khu B ĐHQG-HCM đã diễn ra Ngày hội chào Tân sinh viên - School Fest mùa thứ 7 với chủ đề "Next Dimension - Vượt qua giới hạn, bước sang chiều..."



Góc nhìn toàn cầu - Giải pháp đột phá: Những tham luận tiêu biểu tại Hội thảo "Hiện đại hóa, nâng tầm..."

Ngày 24/10/2025, Hội thảo khoa học "Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học Việt Nam, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo..."



Công thức của thành công là gì?

Đó là vấn đề gợi mở của diễn giả khách mời TS Nguyễn Thanh Mỹ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Mỹ Lan - nhà khoa học, doanh nhân tiêu biểu, người được biết đến với hành trìn...



NGHIÊN CỨU

Xem thêm →

19028

Bài báo

quốc tế

303

Bảng đọc

quyển sở hữu

trí tuệ

5476

Đề tài và dự

án các cấp

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Xem thêm →



Góc nhìn toàn cầu - Giải pháp đột phá: Những tham luận tiêu biểu tại Hội thảo "Hiện đại hóa, nâng tầm..."

Ngày 24/10/2025, Hội thảo khoa học "Hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học Việt Nam, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo" đã được diễn



Hội thảo Horizon Europe thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và đổi mới sáng tạo EU - Việt Nam

Nhằm tiếp tục làm sâu sắc hơn mối quan hệ đối tác giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam trong thương mại, nghiên cứu - giáo dục và phát triển bền vững, Bộ Khoa học và Công nghệ, Phái đoàn EU ...



Đổi mới tư duy, hiện đại hóa giáo dục đại học - Mũi đột phá đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới

Sáng ngày 24/10/2025, tại Hội trường Trần Chí Đạo (ĐHQG-HCM), Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương phối hợp cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và ĐHQG-HCM tổ chức Hội thảo khoa học "Hiện ...

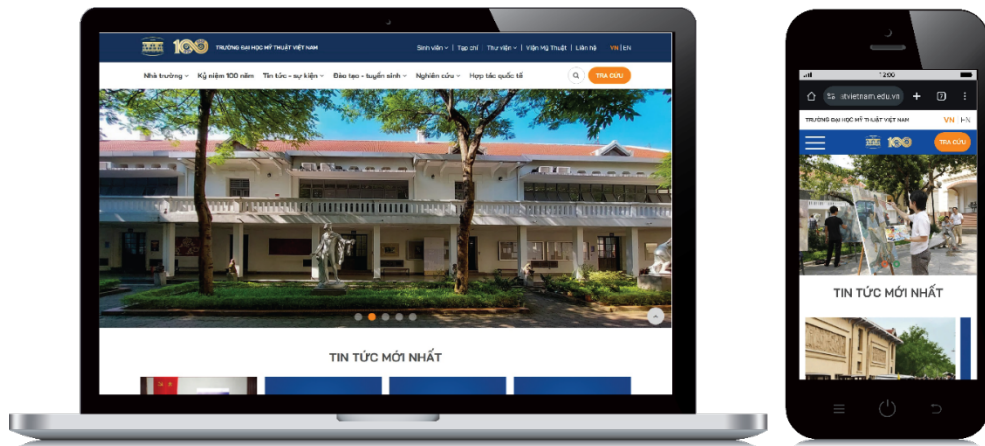


ThS Lê Thanh Phong - Người giữ hồn lửa nổi

Mùa nước nổi, cá đồng bằng như một tấm gương khổng lồ phản chiếu bầu trời. Khi phần lớn người dân chỉ mong nước sớm rút để kịp vụ mùa mới, vẫn có một người lại ngược dòng, lội giữa mênh mông ...

Hình 2.13. Bố cục dạng tạp chí TTTĐT trường Đại học Quốc gia TP. HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



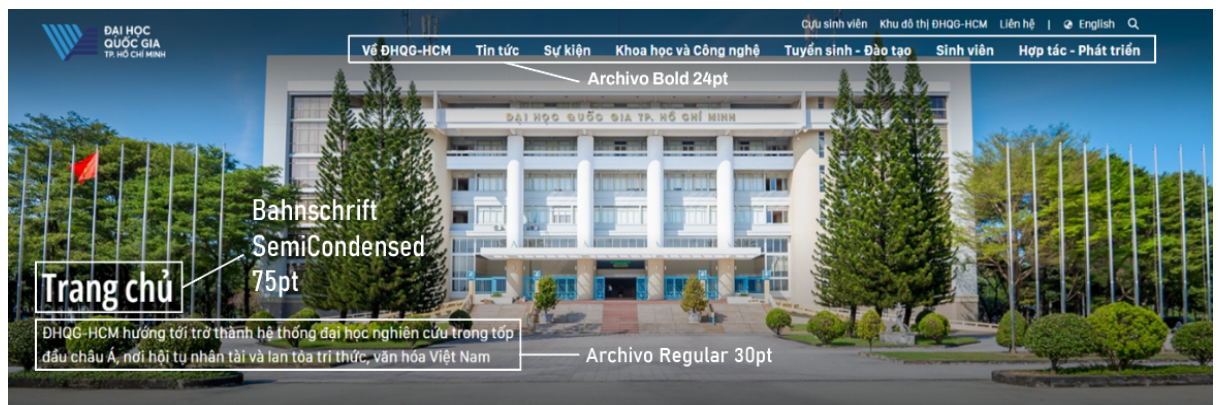
Hình 2.14. Giao diện tối ưu của ĐHMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



Hình 2.15. Kiểu chữ trên TTTĐT ĐHQGHN (VNU)

Nguồn: www.vnu.edu.vn



TIN TỨC — Bahnschrift SemiCondensed 45pt

TIN TỨC →



Hội thảo Horizon Europe thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và đổi mới sáng tạo EU - Việt Nam

Nhằm tiếp tục làm sâu sắc hơn mối quan hệ đối tác giữa Liên minh châu Âu (EU) và Việt Nam trong thương mại, nghiên cứu - giáo dục và phát triển bền vững, Bộ Khoa học và Công nghệ...



Trường ĐH Khoa học tự nhiên ký kết hợp tác với Trường ĐH Khoa học Sức khỏe: Mở rộng không gian...

Ngày 21/10/2025, Trường ĐH Khoa học tự nhiên đã tổ chức Lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác với Trường ĐH Khoa học Sức khỏe. Sự kiện đánh dấu bước phát triển quan trọng trong việc liên...



ĐHQG-HCM có thêm bốn chương trình đào tạo được đánh giá ngoài theo AUN-QA

Từ ngày 14-16/10/2025, ĐHQG-HCM phối hợp cùng Mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN) tổ chức đợt đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA cho bốn chươ...

Bahnschrift SemiBold Condensed 30pt

Archivo Regular 20pt

Hình 2.16. Kiểu chữ trên TTTĐT Đại học Quốc gia TP. HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn

D-DIN Exp Bold 18pt



Bahnschrift SemiBold 70pt

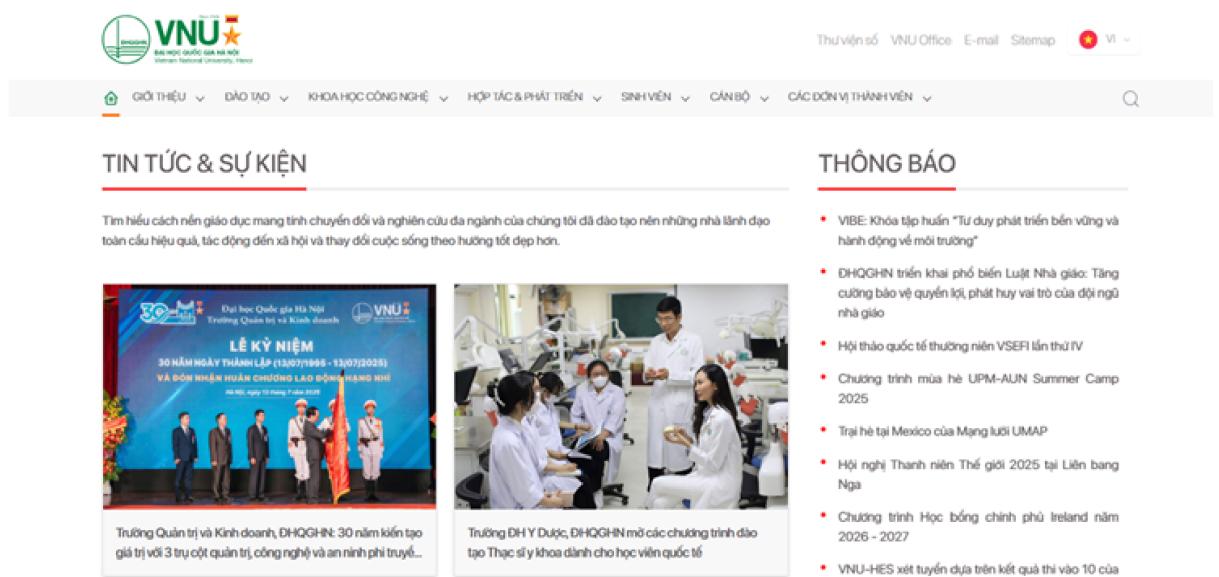
Hình 2.17. Kiểu chữ trên TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



Hình 2.18. Biểu tượng thành tích trên TTTĐT của ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn/home/



Hình 2.19. Hình ảnh các hoạt động, sự kiện trên TTTĐT của ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn/home/



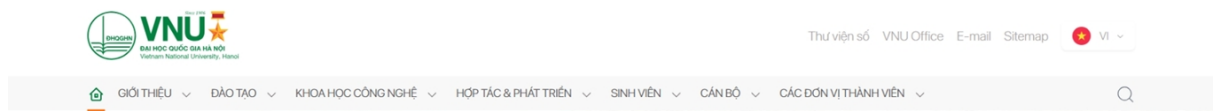
Hình 2.20. Hình ảnh trên TTTĐT của ĐHQG TP.HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



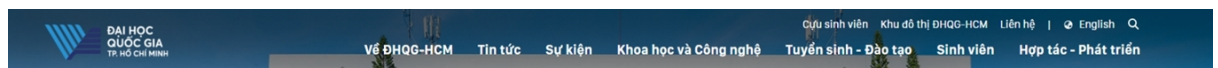
Hình 2.21. Hình ảnh trên TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



Hình 2.22. Thanh điều hướng TTTĐT ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn



Hình 2.23. Thanh điều hướng TTTĐT Đại học Quốc gia TP. HCM

Nguồn: vnuhcm.edu.vn



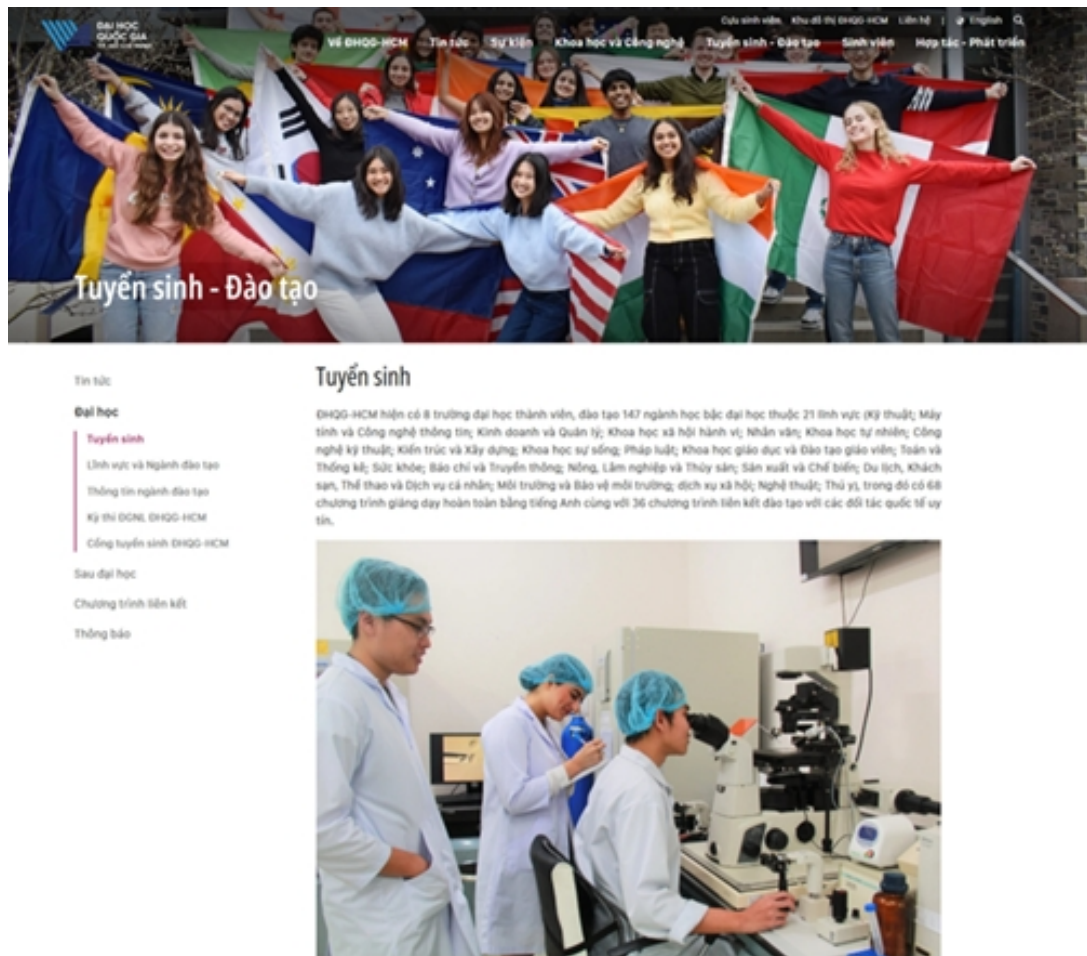
Hình 2.24. Thanh điều hướng TTTĐT trường Đại học MTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



Hình 2.25. Tông xanh nhã nhặn trên TTTĐT ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn/home/



Hình 2.26. Giao diện tối giản trên TTTĐT Đại học Quốc gia Tp. HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



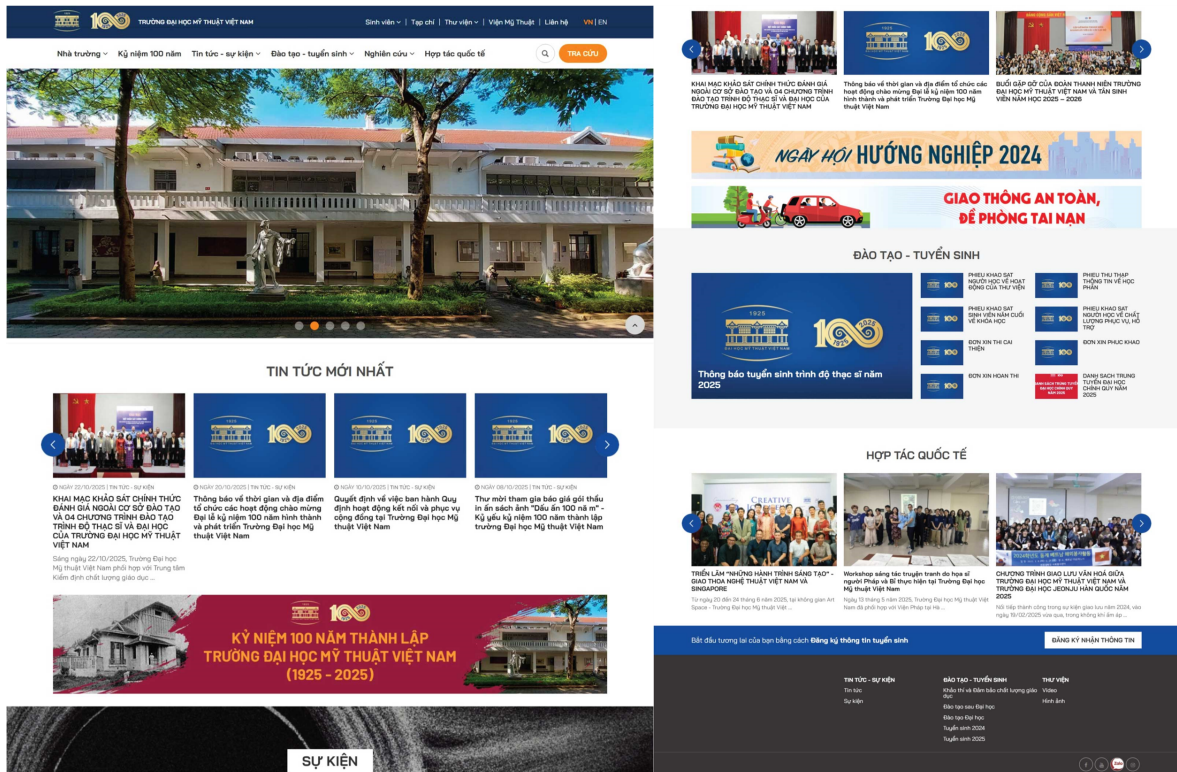
Hình 2.27. Giao diện TTTĐT ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn/home/



Hình 2.28. Giao diện TTTĐT Đại học Quốc gia Tp. HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



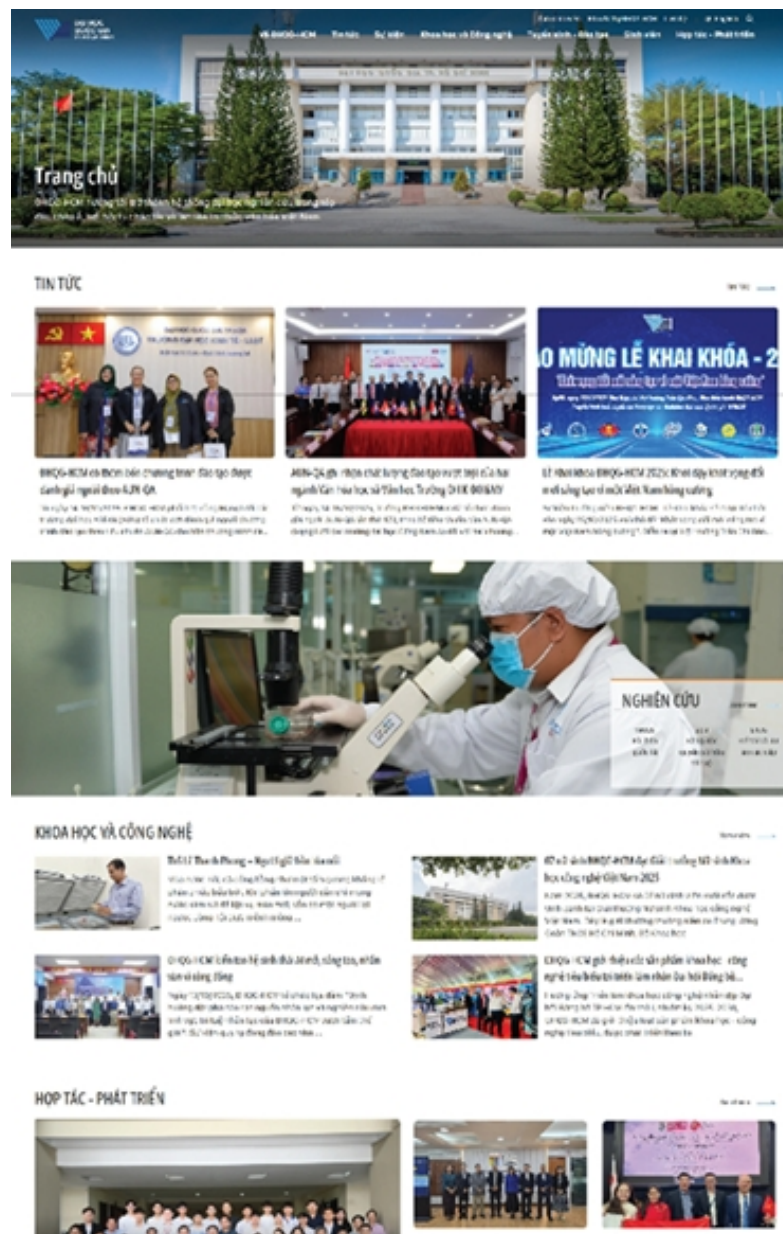
Hình 2.29. Giao diện TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



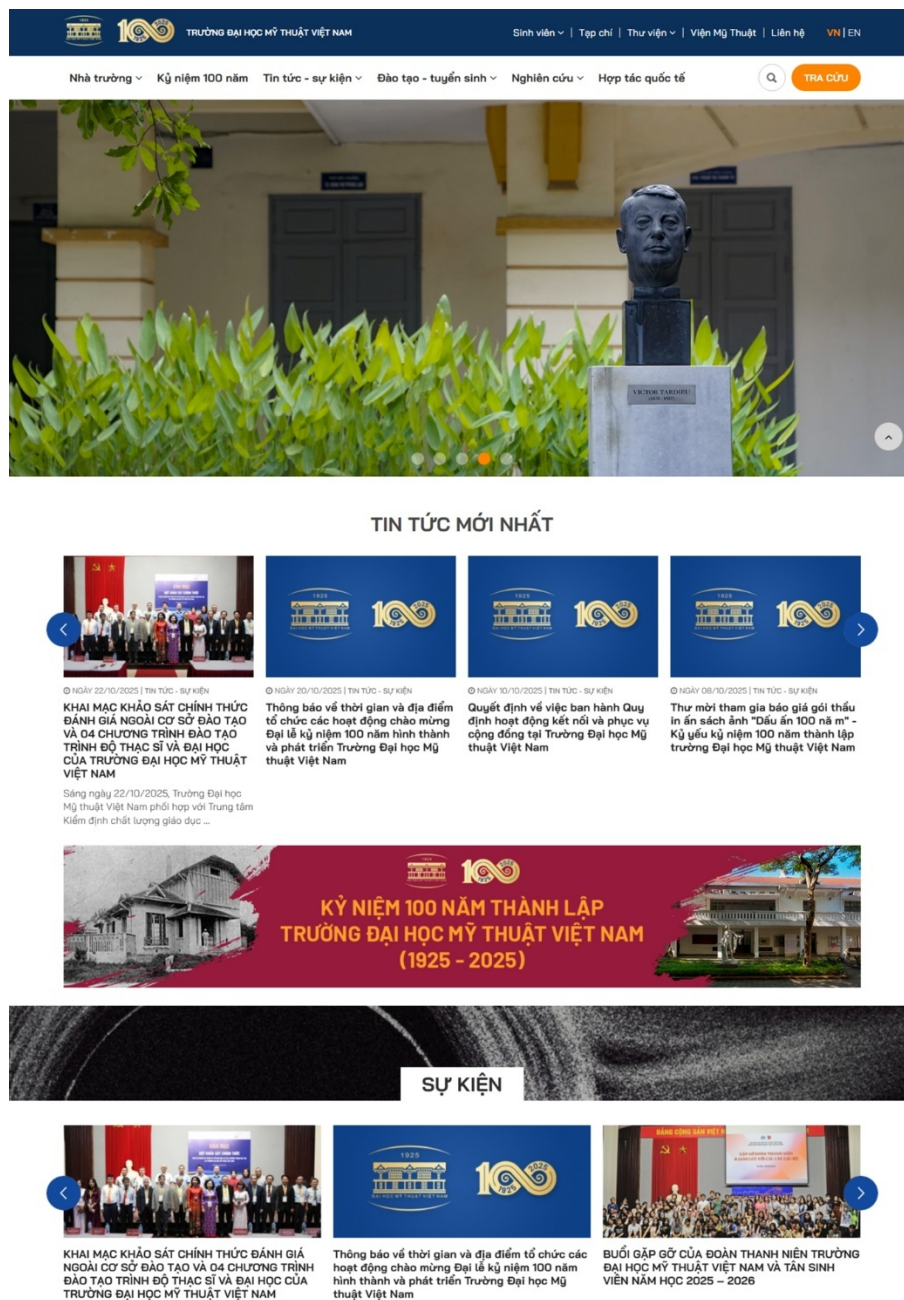
Hình 2.30. Giao diện TTTĐT ĐHQGHN (VNU)

Nguồn: www.vnu.edu.vn



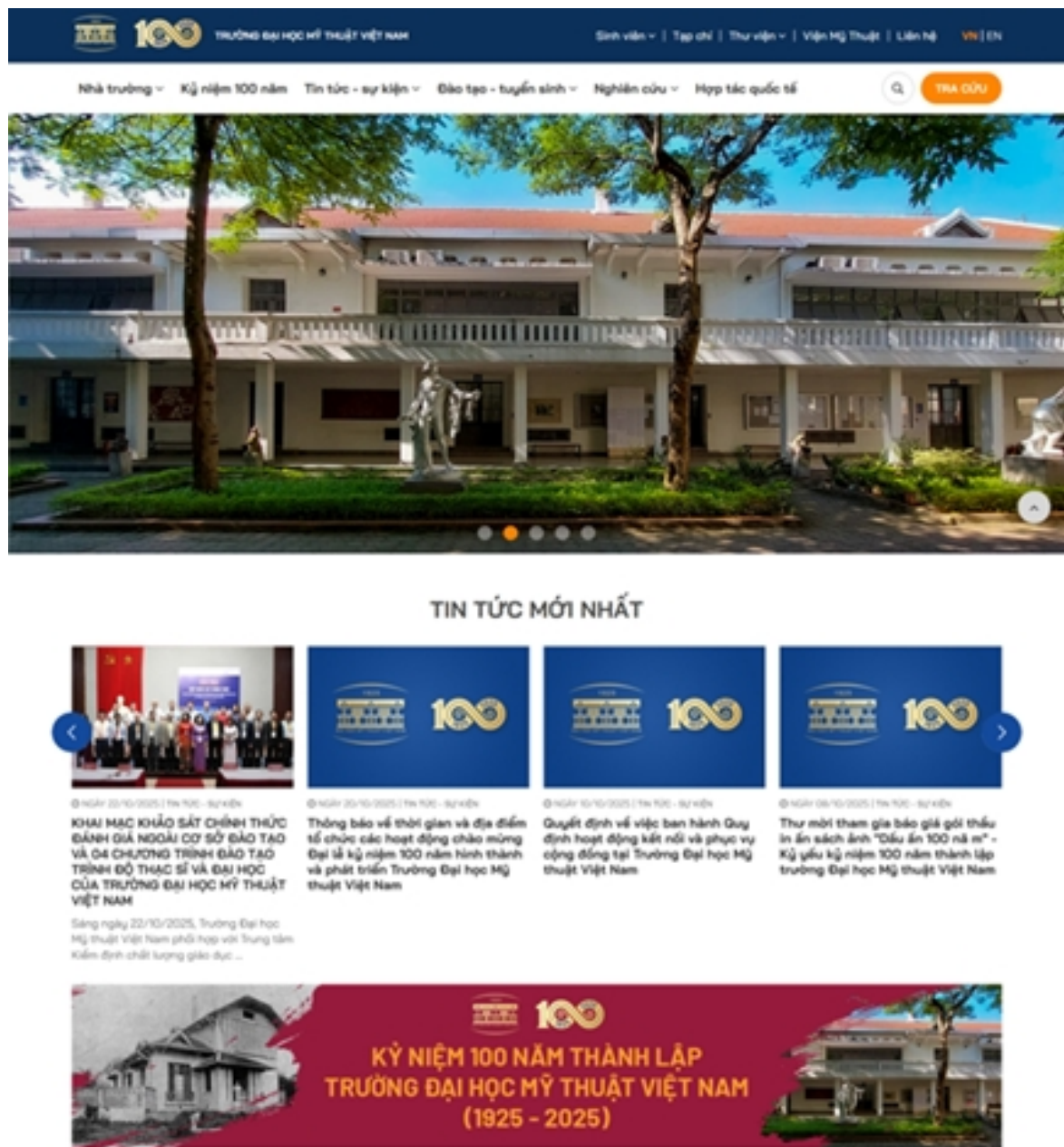
Hình 2.31. Giao diện TTTĐT trường Đại học Quốc gia TP HCM

Nguồn: www.vnuhcm.edu.vn



Hình 2.32. Giao diện tối ưu TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



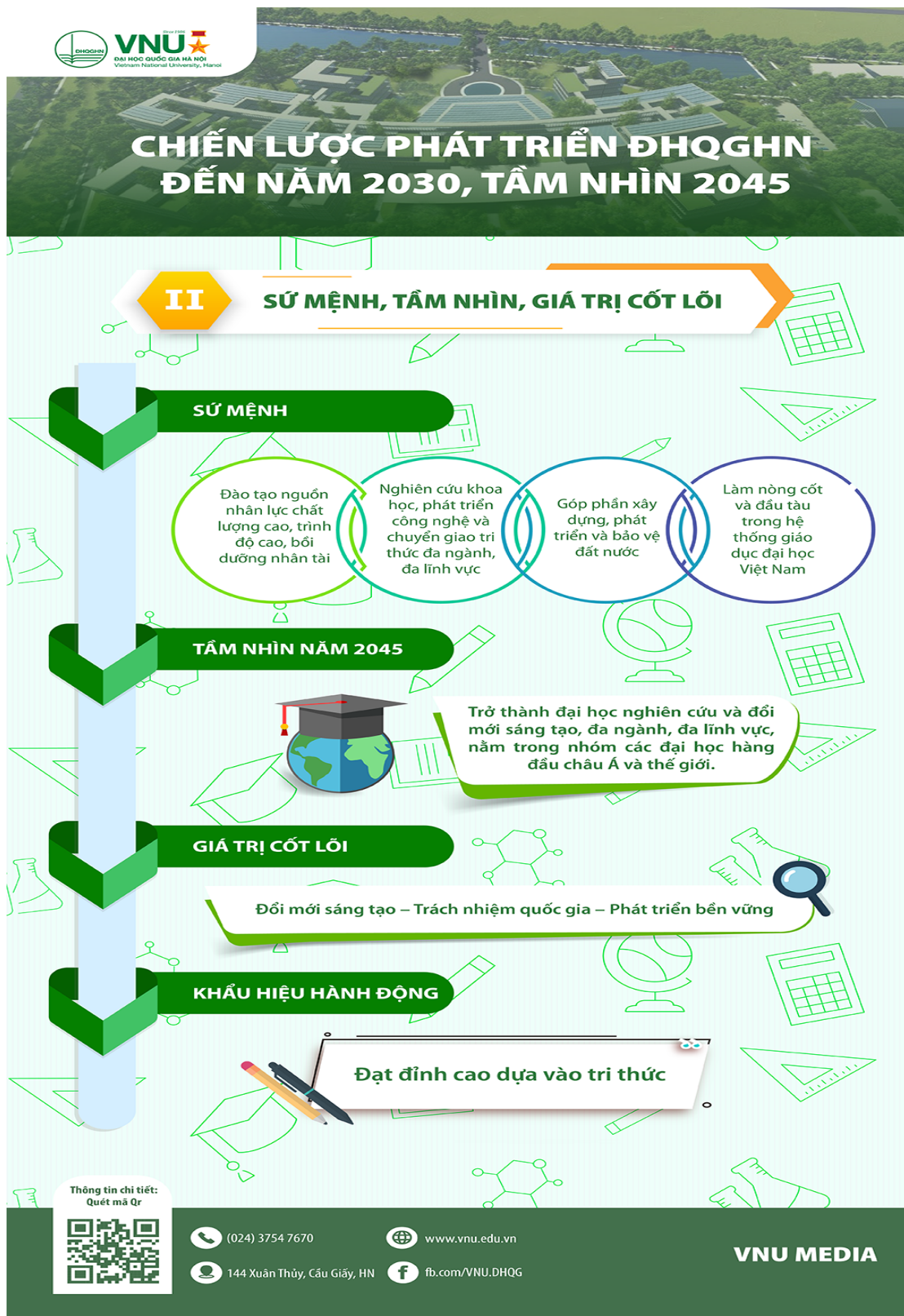
Hình 2.33. Hình ảnh trên TTTĐT ĐHMTVN

Nguồn: www.mythuatvietnam.edu.vn



Hình 2.34. Hoạt động của trường trên TTTĐT của ĐHQGHN

Nguồn: vnu.edu.vn/home/



Hình 2.35. Sứ mệnh – tầm nhìn – giá trị cốt lõi của ĐHQGHN



Hình 2.36. Sứ mệnh – tầm nhìn – giá trị cốt lõi của ĐHQG HCM

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH PHÒNG VẤN

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Thời gian
1.	VTĐ	Trường ĐH Xây dựng HN	
2.	NTL	Trường ĐH Kiến trúc TPHCM	
3.	BQT	Trường ĐH Kiến trúc TPHCM	
4.	NĐS	Trường CĐ Mỹ thuật Trang trí Đồng Nai	
5.	ĐLHT	Hội Nghệ sĩ sân khấu	
6.	LYN	Trường ĐH Kiến trúc TPHCM	
7.	CDH	Trường ĐH Mỹ thuật TP HCM	
8.	NVC	Trường ĐH Mỹ thuật TP HCM	
9.	HTHN	Học viện công nghệ Bưu chính Viễn thông	
10.	NMT	Trường ĐH Kiến trúc HN	